

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

(Luận Giải Những Nghi Vấn Tịnh Độ)



Hoài Cảm Đại Sư soạn
Thích Pháp Chánh dịch

**Hoài Cẩm Đại Sư soạn
Thích Pháp Chánh dịch**

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

(Luận giải những nghi vấn Tịnh độ)



**Tường Quang Tùng Thư 14
Phật lịch 2556, TL 2012**

Tường Quang Tùng Thư

- 1 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Bản**, Thích Pháp Chánh dịch và chú giải, 2003
- 2 - **Nhập Bồ Tát Hạnh**, văn xuôi và văn vần, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2003
- 3 - **Địa Trì Bồ Tát Giới Bản và Địa Trì Bồ Tát Giới Bản Tiên Yếu**, Thích Pháp Chánh dịch, 2004
- 4 - **Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam, Tập 1 & 2**, Tiên sĩ Lê Mạnh Thát chủ biên, 2005
- 5 - **Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 6 - **Tuyên Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006. Tái bản lần thứ nhất 2008
- 7 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh**, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 8 - **Phật Nói Kinh Phạm Võng Lạc Sớ**, Hoàng Tấn Đại Sư soạn, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2007
- 9 - **Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ**, Thiên Đạo Hòa Thượng tập ký, Thích Pháp Chánh dịch, 2009
- 10 - **Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú**, Bồ Tát Tịch Thiên tạo luận, Thích Pháp Chánh dịch, 2010
- 11 - **Niệm Phật Tông Yếu**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Nguyễn Văn Nhân dịch, 2011
- 12 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh Giảng Lục**, Thái Hư Đại Sư giảng, Thích Pháp Chánh dịch, 2011
- 13 - **Truyện Lục Tổ Huệ Năng**, Ngô Trọng Đức soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2012
- 14 - **Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận**, Hoài Cẩm Đại Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2012

Mục lục

Giới thiệu	7
Phần I. Thân và cõi của phàm phu vãng sanh.	
1. Nói tổng quát về thân và cõi (c. 1) ¹	11
2. Nói về thân và cõi Cực Lạc	13
a. Nói về cõi Cực Lạc (c. 2)	13
b. Giải thích cõi thọ dụng và cõi biến hóa (c. 3-5)	14
3. Cõi hữu lậu và cõi vô lậu (c. 6)	18
4. Tam giới nhiếp hay không nhiếp	19
a. Hai nghĩa về sự không nhiếp (c. 7)	19
b. Vấn đáp về sự không nhiếp (c. 8)	20
c. Vấn đáp so sánh (c. 9)	20
d. Hội thông giáo lý (c. 10)	23
e. Giải thích thêm về sự không nhiếp (c. 11)	24
f. Tiếp tục vấn đáp (c. 12)	24
5. Hữu lậu cũng thanh tịnh	26
a. Thể uế tướng tịnh (c. 13)	26
b. Hội thông Kinh Duy Ma Cát (c. 14)	27
6. Cõi Tịnh có cõi uế (c. 15)	28
7. Ba nghĩa của Pháp sư Đạo An	29
a. Giải thích ba nghĩa (c. 16)	29
b. Sắc chất vô ngại (c. 17)	31
c. Thể uế hiện tịnh (c. 18)	32
Phần II. Phàm phu có thể vãng sanh Tịnh độ hữu tướng.	
1. Truy cầu hữu tướng (c. 19)	35
2. Sự lý của sự cầu sanh (c. 20)	39
3. Thể để vãng sanh (c. 21)	42
4. Quán sắc không tà (c. 22)	43
5. Phật đến không đến	45
a. Sự khác biệt giữa đến và không đến (c. 23)	45
b. Hai nghĩa Phật và thường (c. 24)	47
6. Phật danh hữu thuyên (c. 25)	48
Phần III. Hội thông sự mâu thuẫn của Luận Nhiếp Đại Thừa.	
1. Hội thông ba địa (c. 26)	51
2. Hội thông biệt thời	52
a. Giải luận phá chấp (c. 27)	52
b. Hành tướng của biệt thời ý (c. 28)	57
Phần IV: Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ bốn xứ.	

1. Năm nẻo vãng sanh (c. 29)	61
2. Trung âm cõi Cực Lạc	61
a. Trung âm có hay không (c. 30)	62
b. Sự khác biệt của trung âm (c. 31)	62
c. Trung âm mặc y phục (c. 32)	63
d. Hình tướng của trung âm (c. 33)	64
e. Có ăn mùi hương hay không (c. 34)	64
Phần V: Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ sự tăng trưởng lòng tin.	
1. Chư Phật chứng thành (c. 35)	65
2. Phật đầy đủ các nguyện (c. 36)	67
3. Biết chắc vãng sanh (c. 37)	69
4. Không nguyện sanh về cõi Sắc (c. 38)	70
5. Trì giới được trường thọ (c. 39-40)	71
6. Hồi tiếc được vãng sanh (c. 41)	73
7. Không khuyên vãng sanh Tịnh độ của cõi Ta Bà (c. 42-43)	74
Phần VI: Hội thông kinh điển để phá những giải thích sai lầm.	
1. Ngũ nghịch báng pháp được tiếp dẫn hay không	77
a. Giải thích của mười lăm nhà chú giải (c. 44)	77
b. Bài xích sự sai lầm, hiển bày ý nghĩa của định (c. 45)	79
c. Đả phá thiên sư Tín Hành (c. 46)	80
2. Niệm Phật trong thời tượng pháp, mật pháp (c. 47)	90
3. Cát vấn học giả Tam Giai Giáo (c. 48)	92
4. Sự bất đồng giữa khai và ngãn (c. 49)	94
5. Lưu lại trăm năm	95
a. Thời cơ lưu trụ (c. 50)	95
b. Ý nghĩa của sự lưu lại pháp Niệm Phật (c. 51)	99
6. Sự diệt tội trong Kinh Thập Luân (c. 52)	101
7. Năm lợi ích thù thắng của niệm Phật (c. 53)	102
8. Báng pháp và vãng sanh (c. 54)	105
9. Phật pháp đúng căn cơ (c. 55)	105
10. Chuyên tu và tạp tu (c. 56)	107
11. Thăng trầm của sự niệm Phật (c. 57)	108
12. Niệm Phật trừ ma (c. 58)	109
Phần VII: Sự hơn kém giữa cõi Đâu Suất và cõi Cực Lạc.	
1. So sánh hai cõi (c. 59)	113
2. Sự đồng dị giữa hai cõi (c. 60)	116
Phần VIII: Sự khởi nghiệp của hành giả vãng sanh.	
1. Tịnh độ nhuận sanh (c. 61)	121
2. Duyên sanh có không (c. 62)	122
3. Phiền não không khởi (c. 63)	122
4. Phiền não cấu sanh sinh khởi (c. 64)	123
5. Vãng sanh bất thoái (c. 65)	124

¹ c. 1 = câu hỏi số 1

6. Sự vui khác biệt giữa cõi tịnh và cõi uế (c. 66)	127
7. Siêu thánh không khổ (c. 67).....	129
Phần IX: Hành nghiệp của sự vãng sanh	
1. Không hữu tùy căn cơ (c. 68)	131
2. Chỉ khuyến vãng sanh Tây Phương (c. 69).....	133
3. Mạng chung hỷ xả (c. 70).....	135
4. Niệm Phật dài ngắn (c. 71).....	135
5. Thoái vị hân tịnh (c. 72)	137
6. Có hay không có hóa nữ (c. 73).....	139
7. Bất tạp kiết sử (c.74)	140
8. Đối trị lúc lâm chung (c. 75).....	141
9. Tịnh độ mau chứng (c. 76)	142
10. Thường khuyến niệm Phật (c. 77)	142
11. Chư ác không khởi (c. 78).....	144
12. Ngũ nghịch không định (c. 79).....	145
13. Bốn nghiệp có nhiếp hay không (c. 80).....	146
14. Ba nghiệp có nhiếp hay không (c. 81)	147
15. Ba mươi ích lợi thù thắng (c. 82).....	148
16. Hành môn không phải chỉ có một (c. 83)	149
17. Thiện vị cầu tịnh (c. 84)	150
18. Nhị thừa không sanh.....	151
a. Bốn nghĩa không sanh (c. 85-86).....	151
b. Ví dụ cõi Chúng Hương (c. 87)	155
19. Vĩnh tuyệt ác thú (c. 88).....	156
20. Tất cả đều được vãng sanh hay không (c. 89)	157
21. Cõi nước Thanh Thái (c. 90)	159
22. Ngũ thông siêu thắng (c. 91)	161
23. Phần đoạn biến dịch (c. 92).....	162
24. Cực Lạc không có sự khổ (c. 93-94)	163
25. Cực Lạc độ khổ (c. 95).....	165
26. Tám thức ba thọ (c. 96)	166
27. Thân không có trùng (c. 97)	167
28. Cách đây không xa (c. 98).....	167
29. Tâm đó làm Phật (c. 99)	168
30. Có thể thấy Phật đánh hay không (c. 100).....	170
31. Được thấy chư Phật (c. 101).....	171
32. Sanh trước chư Phật (c. 102).....	172
33. Tức thấy Phật tâm (c. 103)	172
Phần X: Biện biệt chín phẩm	
1. Chín phẩm vãng sanh (c. 104).....	175
2. Lục tín không thoái chuyển (c. 105).....	177

3. Phật có đến rước người vãng sanh Trung phẩm hạ sanh hay không (c. 106).....	178
4. Diệt tội nhiều ít (c. 107)	179
5. Nghe kinh xưng niệm danh hiệu Phật (c. 108).....	181
6. Đầy đủ mười niệm (c. 109)	181
7. Bảy sự thù thắng của Niệm Phật (c. 110).....	182
8. Vô thượng công đức (c. 111)	183
9. Một niệm được sanh (c. 112)	185
10. Riêng khuyến vãng sanh cõi Phật A Di Đà (c. 113).....	186
11. Niệm Phật nhiều thiện (c. 114).....	188
12. Sự lý của niệm Phật (c. 115)	189
13. Nghiệp thành được sanh hay không (c. 116).....	190
14. Lâm chung niệm Phật (c. 117)	190
15. Lửa và hoa sen khác biệt (c. 118).....	191
16. Hạ hạ sen vàng (c. 119).....	193
17. Thời kiếp của cõi Cực Lạc (c. 120).....	194
18. Nhân duyên hoa khế (c. 121).....	196
19. Tịnh độ diệt tội (c. 122-123)	196
20. Một niệm mười niệm (c. 124)	198
21. Tồn lực ích năng (c. 125)	199
22. Nghiệp cũ được sanh (c.126).....	200
23. Thiện ác diệt nhau (c. 127).....	201

Phần XI: Biện biệt hành tướng Niệm Phật Tam Muội

1. Chứng cứ của pháp Niệm Phật Tam Muội (c. 128).....	203
2. Thứ lớp tu đạo (c. 129).....	204
3. Phạm thánh đều học (c. 130).....	205
4. Thông niệm ba thân (c. 131)	205
5. Trong định thấy sự khác biệt (c. 132).....	206
6. Hạ căn đặc định (c. 133).....	208
7. Trong định thấy cảnh giới khó lường (c. 134).....	210
8. Định cảnh chân thật (c. 135)	211
9. Biết thật tam muội (c. 136).....	212
10. Tu tam muội được lợi ích(c. 137).....	213
11. Định học sâu cạn (c. 138).....	215
12. Tồn hoại của sự phi báng và ích lợi của lòng tin (c. 139)	216
13. Niệm Phật trong phòng tối (c. 140).....	216

Phần XII: Biện biệt pháp sám hối bằng cách giập đầu đâm ngực

1. Biện biệt pháp sám hối bằng cách giập đầu đâm ngực (c. 141)	219
--	-----

Phương danh ấn tống

Giới thiệu

Thích Tinh Đồ Quần Nghi Luân, một bộ luận giải thích những nghi vấn về pháp môn Tịnh độ, do ngài Hoài Cẩm, một đệ tử của Tổ Thiện Đạo, trước thuật.

Vào đầu nhà Đường (khoảng 650-700 Tây lịch), nhiều tông phái Đại thừa hưng khởi. Những nhân vật Phật giáo kiệt xuất như ngài Thiện Đạo của Tịnh độ tông, ngài Huệ Năng của Thiền tông, ngài Khuy Cơ của Duy thức tông, ngài Pháp Tạng của Hoa nghiêm tông, v.v..., cũng đồng thời xuất hiện. Các tông phái cật lực xiển dương giáo nghĩa đặc sắc của mình trong một sắc thái “trăm hoa đua nở.” Sự thi đua truyền bá Phật pháp này tuy giúp cho giáo nghĩa Đại thừa phát huy rực rỡ, nhưng cũng đưa đến nhiều sự hiểu lầm, va chạm, khiến cho các tông phái công kích lẫn nhau. Hơn nữa, đương thời có nhiều học giả, tông chỉ lệch lạc, giải thích sai lầm, làm phiền nhiễu bậc tôn đức phải lên tiếng đính chánh giáo nghĩa của tông phái mình. Đây là một lý do chính mà quyển Thích Tinh Đồ Quần Nghi Luân ra đời.

Ngài Hoài Cẩm, trong lịch sử truyền bá Tịnh độ tông, là một nhân vật lỗi lạc, nhưng tương đối ít người biết đến. Tổng Cao Tăng Truyền cũng chỉ ghi chép rất sơ lược về tiểu sử của ngài. Theo lời lược thuật, ngài Hoài Cẩm, không rõ nguyên quán, tính người cứng cỏi, lúc trẻ chuyên tu pháp môn Duy thức, nghiêm trì giới luật, tinh cần khổ hạnh, nhưng không tin niệm Phật được vãng sanh Tây Phương. Sau đó, Hoài Cẩm đến chắt vấn Tổ Thiện Đạo về vấn đề này. Tổ hỏi: “Thầy giảng pháp độ sanh, có phải trước tiên tin vào lời Phật dạy, hay chỉ giảng mông lung tùy ý?” Ngài Hoài Cẩm trả lời: “Những lời thành thật của chư Phật, nếu con không tin thì con không giảng.” Tổ trả lời: “Như thầy thấy trong kinh điển lời Phật dạy niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, chả lẽ do ma nói? Nếu tin lời Phật dạy, hãy chí tâm niệm Phật, ắt sẽ chứng nghiệm.” Hoài

Cảm bèn vào đạo trường chí tâm niệm Phật hai mươi một ngày, nhưng không thấy được điềm lành. Ngài tự oán hận, cho rằng mình tội chướng sâu nặng, ý muốn quyên sinh. Tổ Thiện Đạo không cho phép, bảo nên siêng năng niệm Phật ba năm. Hoài Cẩm tuân lời. Một hôm, trong lúc niệm Phật, thốt nhiên cảm ứng điềm lành, thấy tướng bạch hào vàng chói, liền chứng được Niệm Phật Tam Muội. Ngài cảm thấy hối hận trong quá khứ đã tạo nhiều nghiệp chướng sâu dày, bèn thành khẩn phát lộ sám hối, sau đó soạn quyển Thích Tinh Đồ Quần Nghi Luân để bày tỏ tâm đắc của mình. Đến lúc lâm chung có Hóa Phật đến rước, ngài ngòai chấp tay hướng về phía tây mà thị tịch.

Trên phương diện hoàng truyền pháp môn Tịnh độ, Tổ Huệ Viễn tuy là nhân vật đầu tiên thiết lập đoàn thể tu tập Niệm Phật Tam Muội, thế nhưng, trên thật tế, ngài Đàm Loan mới là bậc khai sáng tông phái Tịnh Độ mà chúng ta biết được ngày hôm nay. Từ ngài Đàm Loan đến Tổ Thiện Đạo, pháp tu Tịnh độ chuyên biến từ sự tu tập các tạp hạnh vào sự chuyên tâm trì niệm danh hiệu A Di Đà. Tổ Thiện Đạo là một bậc tu chứng cao thâm, đức hạnh tỏa khắp, khiến cho hàng phật tử, tại gia cũng như xuất gia, qua ngưỡng cửa của lòng tin nhiệt thành, tìm vào pháp môn Niệm Phật. Sau khi Tổ Thiện Đạo thị tịch, ngài Hoài Cẩm, một đệ tử kế thừa, tiếp tục chí hướng của thầy mình.

Đương thời, các tông phái như Thiền Tông, Duy Thức, v.v..., đang trên đà lớn mạnh, ngoài ra, còn có một học phái tên Tam Giai Giáo² cũng đang tung hoành trên vũ đài Phật giáo.

² Tam Giai Giáo: là một tông phái Phật giáo do ngài Tín Hành (540-594) sáng lập vào đời Tùy, đến giữa đời Đường thì bị cấm lưu hành. Ngài Tín Hành tự xưng là Nhất Thừa Bồ Tát, khởi xướng giai đoạn thứ ba của Phật pháp, bỏ giới Cụ túc, chủ trương khổ hạnh, làm việc nặng nhọc, sống bằng việc khất thực, ngày ăn một bữa, phản đối việc sùng bái ngẫu tượng, và chỉ lễ bái Phật tháp. Ngài cho rằng tất cả chúng sanh đều là Chân Phật, cho nên giữa đường thấy kẻ nam người nữ đều lễ lạy. Phái này căn cứ vào thời, xứ và căn cơ mà chủ trương Phật pháp được chia làm ba giai đoạn: (1) Giai đoạn

Tuy tất cả giáo nghĩa đều có mục đích muốn xiển dương chân nghĩa Phật pháp, nhưng không phải không có sự dị biệt, mâu thuẫn. Ngài Hoài Cảm đã dùng hết sở học cũng như kinh nghiệm tu chứng của mình để chấn chỉnh những lập luận lệch lạc, cùng những kiến giải sai lầm về pháp môn Tịnh độ. Vì ngài Hoài Cảm chuyên trường về Duy thức học, nên phần lớn vấn đáp trong bốn luận đều liên quan đến vấn đề này, chẳng hạn như cõi Cực Lạc là báo độ hay hóa độ, sự khác biệt giữa cõi Cực Lạc và cõi Đâu Suất, thân trung ấm có hay không, ý nghĩa của biệt thời ý, v.v... Hơn nữa, ngài cũng cực lực đã kích chủ trương của Tam Giai Giáo. Phái này tuy cũng có những sáng kiến độc đáo, chủ trương Phật giáo được phân làm ba giai đoạn, v.v..., thế nhưng, những kiến giải của họ, phần lớn đi ngược lại với sự hiểu biết Phật pháp thông thường, nếu không nói là lập dị. Phái này được thịnh hành một thời kỳ, sau đó bị triều đình cấm chỉ lưu hành, cho đến đời Tống thì tuyệt tích. Đối với trào lưu Tịnh độ hiện nay, tuy Tam Giai Giáo không còn lưu lại một ảnh hưởng gì, nhưng người dịch cũng cố gắng phiên dịch đầy đủ để hành giả Tịnh độ có thể hiểu rõ thêm về sự chuyển biến của dòng tư tưởng Tịnh độ tại Trung quốc.

Trong thời buổi hiện tại, các hành giả Tịnh độ, đa số chú trọng đến hành môn mà xao lãng phần giải môn. Thế nhưng, dù tu tập bất cứ pháp môn nào, nếu hành trì và kiến giải không đầy

một: thời Chánh pháp, xứ là Phật quốc, căn cơ là Phật, Bồ tát. Giáo pháp trụ trì trong giai đoạn này là Nhất thừa Phật pháp của Đại thừa. (2) Giai đoạn hai: thời là Tượng pháp, xứ là thế giới ngũ trược, căn cơ là phàm thánh lẫn lộn. Giáo pháp lưu hành trong giai đoạn này là Tam thừa (gồm cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa). (3) Giai đoạn ba: thời là mạt pháp, xứ là thế giới ngũ trược, căn cơ đều là những người tà giải tà hạnh. Ngài Tín Hành cho rằng đương thời đã là giai đoạn thứ ba, chỉ toàn là những người không trì giới, mất chánh kiến, nếu y theo các pháp Nhất thừa của giai đoạn thứ nhất, Tam thừa của giai đoạn thứ hai mà tu hành thì rất khó khăn, cho nên cần phải y theo pháp của giai đoạn thứ ba là quy y Tam bảo, đoạn trừ tất cả điều ác, tu trì tất cả điều thiện mới dễ thành tựu. Đây chính là chủ trương căn bản của Tam Giai Giáo (TĐPHHQ, NXBTHTPHCM, 2005).

đủ, hoặc không tương ưng, thì sự tu tập cũng sẽ gặp nhiều chướng ngại. Có một số hành giả Tịnh độ, vì quá chuyên chú đến sự hành trì, đã tập trung nhiều vào những kỹ thuật tu luyện, nhưng lại quên mất phần “lý sự viên dung” của pháp môn. Nếu tông chỉ của pháp môn Niệm Phật chỉ là mong cầu sự “nhất tâm bất loạn”, thì e rằng tông chỉ đó không còn phù hợp với căn cơ chúng sanh trong thời mạt pháp hiện tại. Nếu muốn sự lý viên dung, hành giải tương ưng, hành giả Tịnh độ, một mặt phải tu tập ba phước được đề cập trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, một mặt phải nghiên cứu giáo điển, thâm nhập giáo lý, và mặt còn lại thì phải chú trọng vào việc hành trì. Có người cho rằng “nhất tâm bất loạn” là một cảnh giới cao siêu, đòi hỏi phải bỏ rất nhiều công phu tu tập, hoặc cho rằng nếu không được “nhất tâm bất loạn”, hoặc tâm không thanh tịnh, v.v..., thì sẽ không được vãng sanh. Những kiến giải như vậy cần phải được duyệt xét lại. Người xưa nói “nếu kiến giải không thâm sâu thì sự hành trì sẽ không chuyên nhất.” Các vị hành giả Tịnh độ, nếu muốn chuyên tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu vãng sanh, cần phải nên tìm hiểu ý nghĩa thâm sâu của bốn luận, cùng quyển Quán Kinh Tứ Thiệp Số do Tổ Thiệu Đạo trước tác.

Xin chân thành cảm tạ quý Thượng toạ Pháp Quang, Tịnh Trí, Trí Siêu, v.v..., quý Ni sư Chúc Phước, Như Như (Florida), v.v..., đã ủng hộ và khuyến khích trong nhiều năm qua. Đồng thời cũng xin cảm tạ quý Phật tử Chùa Tường Quang, California, Chùa Tịnh Luật, Texas, và quý Phật tử khắp nơi đã nhiệt tâm ủng hộ tịnh tài in ấn giúp cho Pháp bảo Đại thừa được rộng rãi lưu hành. Sau hết, xin chân thành cảm tạ quý Thiệu tri thức đã rū lòng từ bi chỉ chánh những sai lầm thiếu sót trong bản dịch.

Mùa Vu Lan năm Nhâm Thìn, 2012

Tường Quang Tự
Thích Pháp Chánh

Phần I. Thân và cõi của phàm phu vãng sanh.

1. Nói tổng quát về thân và cõi.

Hỏi: Thân Phật có mấy loại? Cõi có mấy loại? (1)

Đáp: Thân Phật có ba loại. Cõi cũng có ba loại. Ba loại thân Phật là thân pháp tánh, thân thọ dụng, và thân biến hóa. Ba loại cõi là cõi pháp tánh, cõi thọ dụng, và cõi biến hóa. Thân pháp tánh ở cõi pháp tánh, thân thọ dụng ở cõi thọ dụng, và thân biến hóa ở cõi biến hóa.

a. Thân và cõi pháp tánh:

Thân và cõi pháp tánh đều dùng pháp giới thanh tịnh chân như làm thể tánh. Kinh Bát Nhã nói: “Diệu thể của đức Như Lai tức là pháp thân chư Phật.” Pháp thể không hình tướng, không thể nhìn thấy được. Trong Kinh Pháp Giới Thể Tánh, ngài Văn Thù Sư Lợi nói kệ:

Không sắc không hình tướng
Không gốc, không xứ sở
Không sanh cũng không diệt
Kính lễ vô sở quán....

Kinh Duy Ma Cát nói:

Như tự quán thân mình
Quán chư Phật cũng vậy.

Cõi pháp tánh, như Kinh Bát Nhã nói: “Trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật.” Lại như Kinh

Duy Ma Cát nói: “Tuy biết các cõi Phật cùng chúng sanh đều là không.” Lại nói: “Các cõi Phật đều như hư không.” Lại nói: “Tuy biết thân và cõi đều là một chân như.” Như, có nghĩa là không phải một, không phải khác. Hiện nay nói: “Thân pháp tánh ở cõi pháp tánh”, đây là dùng “giác chiếu tánh nghĩa” để chỉ cho thân, dùng “pháp chân lý thể” để chỉ cho cõi.

b. Thân và cõi thọ dụng: Có hai loại:

(i) Thân và cõi tự thọ dụng: dùng hạnh Bồ tát nhập vào tám vạn bốn ngàn hạnh Ba la mật, tu tập đầy đủ hằng hà sa quá đức, lợi mình lợi người, bốn trí tròn đầy, năm uẩn thanh tịnh, v.v..., làm thể của thân tự thọ dụng; còn thể của cõi tự thọ dụng tức là bốn trần vi tế thanh tịnh rộng lớn trùm khắp ảnh hiện trong trí tuệ, chỉ có chư Phật mới có thể thấy được.

(ii) Thân và cõi tha thọ dụng: Các vị Đại Bồ tát từ Sơ địa trở lên dùng Bình đẳng tánh trí kích phát công đức lợi tha của Đại viên kính trí, tùy sự cảm ứng, hiển hiện một phần cảnh tượng vi tế làm thể tánh cho cõi tha thọ dụng.

c. Thân và cõi biến hóa:

Các bậc Bồ tát địa tiền và các bậc Nhị thừa dùng Thành sở tác trí kích phát công đức lợi tha của Bình đẳng tánh trí, tùy sự cảm ứng, hiển hiện một phần cảnh tượng thô phù làm thể tánh cho cõi biến hóa.

Thể tánh của cõi thọ dụng và cõi biến hóa có ba loại:

(i) Nhiếp sự quy về chân như: Tất cả chúng sanh đều dùng chân như làm thể. Cõi báo (tự thọ dụng, tha thọ dụng) và cõi hóa (biến hóa) đều dùng chân như làm thể.

(ii) Nhiếp tướng quy về tâm: Cõi báo (thọ dụng) và cõi hóa (biến hóa) đều do tâm thanh tịnh bình đẳng của Đức Như Lai hiện ra. Kinh Duy Ma Cát nói: “Nếu tâm thanh tịnh thì cõi Phật cũng thanh tịnh.” Duy thức học và Luân Nhiếp Đại Thừa cũng đều cho rằng tất cả các pháp không rời tự tâm.

(iii) Nêu rõ bốn (gốc), mặt (ngọn) riêng biệt: Hai cõi báo (thọ dụng) và hóa (biến hóa) đều dùng báu vật trang nghiêm làm thể tánh.

2. Nói về thân và cõi Cực Lạc

a. Nói về cõi Cực Lạc

Hỏi: Trong ba loại cõi, thế giới Tây Phương Cực Lạc thuộc vào cõi nào? (2)

Đáp: Có ba loại giải thích:

(1) Cực Lạc là cõi tha thọ dụng: Bởi vì thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần. Cõi đó phần lớn là các bậc Nhất sanh bồ xứ, không có sự khổ, chỉ hưởng thọ khoái lạc, v.v..., cho nên phải là cõi tha thọ dụng.

(2) Cực Lạc là cõi biến hóa: Có kinh điển nào cho rằng hể thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, v.v..., thì phải là cõi báo (thọ dụng) hay không? Nếu như thân Phật ở cõi biến hóa cao sáu mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần thì có gì không thỏa? Như Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., đều nói phàm phu vãng sanh Tịnh độ, cho nên biết rằng Cực Lạc là cõi biến hóa.

(3) Cực Lạc vừa là cõi thọ dụng vừa là cõi biến hóa: Các vị Bồ tát Tam hiền trở xuống nhìn thấy Cực Lạc là cõi biến hóa, các vị Bồ tát Sơ địa trở lên nhìn thấy Cực Lạc là cõi thọ dụng. Cùng một trụ xứ, mỗi người tùy tâm mình mà thấy cõi Phật

khác nhau, cho nên Cực Lạc bao gồm cả hai cõi. Như Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói thân Phật A Di Đà không phải là cảnh tượng phàm phu thấy được nên bảo hành giả phải quán tưởng thân Phật cao một trượng sáu thước.

b. Giải thích về cõi thọ dụng và cõi biến hóa

Hỏi: Y theo giải đáp của câu hỏi (1), nếu Cực Lạc là cõi tha thọ dụng thì tại sao phàm phu được vãng sanh về đó? Còn nếu Cực Lạc là cõi biến hóa thì tại sao Bồ tát Sơ địa trở lên (thánh nhân) lại sanh về đó? (3)

Đáp: Các vị Bồ tát Tam hiền, Thanh văn, phàm phu chưa chứng được biến mãn chân như³, chưa đoạn trừ được ngã chấp pháp chấp, tâm thức còn thô lậu, cõi Tịnh độ biến hiện không thể nào giống như cõi Tịnh độ vi diệu biến hiện từ tâm thức của các vị Bồ tát từ Sơ địa trở lên. Thế nhưng, nhờ vào duyên lực tăng thượng của Bốn nguyện thù thắng của Đức Phật A Di Đà mà các Bồ tát Tam hiền, v.v..., tâm thức tuy thô liệt, vẫn có thể nhìn thấy cõi giới Tịnh độ vi diệu rộng lớn trang nghiêm giống như các Bồ tát Sơ địa trở lên nhìn thấy. Luân Phật Địa, v.v..., cho rằng các Bồ tát Sơ địa trở lên sanh về cõi tha thọ dụng, còn các Bồ tát Tam hiền trở xuống sanh về cõi biến hóa, là căn cứ vào phương diện tự lực để phân phán sự vãng sanh của các vị Bồ tát có sự khác biệt, chứ không căn cứ vào duyên lực thù thắng của Bốn nguyện.

Chẳng hạn như mắt phàm chỉ có thể nhìn thấy “chương nội sắc”, chỉ nhìn thấy cõi Dục chứ không nhìn thấy cõi Sắc, chỉ có thể nhìn thấy vật ở cách khoảng (ly trung tri), chứ không nhìn thấy vật ở sát mắt (hợp trung tri), thế nhưng, phàm Pháp

³ Biến mãn chân như, còn gọi là biến hành chân như, nghĩa là lý nhị không (nhân không, pháp không) trùm khắp vạn hữu (TĐPHHQ, NXBTHTPHCM, 2005)

Sư Công Đức trong Kinh Pháp Hoa nói rằng cặp mắt do cha mẹ sanh ra có thể nhìn thấy núi Tu di, cho đến thấy cả cội trời A ca nị trá. Đây chẳng phải là mắt thường có thể nhìn thấy “chương ngoại sắc”, và cội trời A ca nị trá, v.v..., hay sao?

Kinh Giải Thâm Mật, Luận Nhiếp Đại Thừa, v.v..., nói: “Giống như người soi gương tự thấy mặt mình, nhân vì trong gương không có hình tượng, cho nên thấy được tỏ rõ nét mặt của mình. Đây là do phù trần căn⁴ hợp với nhãn căn cho nên thấy được nét mặt trong gương.” Đây chẳng phải là “hợp trung tri” (thấy vật ở sát mắt) hay sao?

Hiện nay, nếu nói nhìn thấy “chương ngoại sắc” (cõi Sắc) thì đi ngược lại ý của luận, còn nếu nói không thấy thì lại đi ngược với ý của kinh. Cho nên biết rằng các luận sư phái Địa Luận phần lớn chỉ căn cứ vào “nhân duyên tự lực”, chứ không căn cứ vào “nhân duyên nguyện lực” thù thắng của chư Phật mà nói.

Sắc chất do “định tự tại” sanh ra không phải là sắc trần, nên mắt phàm phu không nhìn thấy được, nhưng sắc chất sanh ra bởi định tự tại phát xuất từ định lực của những bậc Đại uy đức thì mắt phàm có thể thấy được!

Trường hợp ở đây cũng tương tự như vậy. Do bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà khiến cho các bậc Bồ tát Tam hiền trở xuống được vãng sanh về cõi tha thọ dụng, không thể cho rằng không được vãng sanh. Lại như quán thứ chín trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Thân chân kim sắc của Phật A Di Đà cao sáu mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do

⁴ Phù trần căn (còn gọi là phù căn, hoặc phù căn trần): phần ngoại hình của năm căn, được tạo thành bởi da thịt, có thể nhìn thấy được; tự thân nó không có tác dụng sinh thức chấp thủ các cảnh, chỉ là các trần có công năng phù trợ và làm sở y cho thắng nghĩa căn, như con mắt, cái tai, cái lưỡi, cái mũi, thân hình.

tuần, có tám vạn bốn ngàn tướng hảo.” Đây là thân thọ dụng của Phật A Di Đà mà các Bồ tát Tam hiền trở xuống không thể nhìn thấy được. Thế nhưng, đoạn kinh văn phía dưới lại nói: “Do nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, những hành giả quán tưởng đều sẽ được thấy.” Do đây biết rằng hành giả nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà mà được thấy thân thọ dụng, và cũng nhờ nguyện lực của ngài mà được sanh về cõi thọ dụng.

Trong Luân Phật Địa cũng có câu hỏi tương tự: “Tịnh độ được đề cập ở phần trên dùng tịnh thức tối cực thanh tịnh làm thể tướng, tại sao trong pháp hội ở cõi đó lại có các bậc Thanh văn mà không mâu thuẫn ý nghĩa Tịnh độ? Mâu thuẫn chỗ nào? Các bậc Thanh văn cùng thấy cảnh giới mà Bồ tát thấy, vì thấy cùng cảnh giới nên nghe được diệu pháp.”

Một vị luận sư trả lời: “Có thể là nhờ thần lực của Đức Như Lai gia bị làm cho họ tạm thời được thấy nghe diệu pháp. Đây là do uy lực bất khả tư nghị của Đức Như Lai. Không thể gạt vấn các vấn đề căn cơ, giai vị, trình độ, v.v..., được.”

Ý của vị luận sư này muốn nói rằng Đức Phật giảng Kinh Phật Địa ở cõi thọ dụng, các hàng Thanh văn, v.v..., được thấy cõi Tịnh độ đó, được nghe Kinh Phật Địa, đều là nhờ vào uy lực bất khả tư nghị của Đức Như Lai.

Hiện nay, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về việc nương vào Bản nguyện bất khả tư nghị của Phật A Di Đà để được vãng sanh Cực Lạc thì đâu có gì lầm lỗi mà phải bắt bẻ?

Hỏi: Lập luận vừa rồi cũng không ổn. Nếu các bậc Bồ tát Tam hiền trở xuống nương vào Bản nguyện được sanh về cõi tha thọ dụng, thì các Bồ tát Sơ địa trở lên cũng có nương vào Bản nguyện mà được sanh về cõi tự thọ dụng?
(4)

Đáp: Cõi tự thọ dụng là “tự” (cho chính mình), không thể nương vào nguyện lực mà cho người khác thọ dụng. Cõi tha thọ dụng là “tha” (cho người khác), cho nên có thể nương vào nhân duyên thù thắng mà được vãng sanh về đó. Hơn nữa, cõi tự thọ dụng cực kỳ vi diệu, không thể nương vào nguyện lực mà được vãng sanh, còn cõi tha thọ dụng là vì kẻ khác mà biến hiện cho nên mặc dù cũng rất vi diệu nhưng những Bồ tát bậc thấp cũng vẫn có thể thấy được. Lại nữa, cõi tha thọ dụng là do bản nguyện lực mà hiện, cho nên phàm phu có thể nương vào bản nguyện lực đó mà được vãng sanh. Còn cõi tự thọ dụng thì không do bản nguyện lực, cho nên các vị Bồ tát không thể thấy được.

Hỏi: Cõi tự thọ dụng là “tự”, nếu có sự vãng sanh về đó thì ý nghĩa “tự” sẽ không thành, thế nhưng, chư Phật đều nhìn thấy cõi tự thọ dụng của nhau, như vậy nghĩa “tự” này cũng không thành. (5)

Đáp: Chư Phật là thân giải thoát cứu cánh, chứng đắc viên mãn, tự tha đồng nhất. Còn các vị Bồ tát chưa trừ diệt hết hoặc chướng, không thể sanh vào các cõi tự thọ dụng của chư Phật. Những loại vấn đáp như vậy rất nhiều, không thể giải thích hết được. Các bậc trí giả nên tự mình suy ngẫm nghĩa lý cho thấu đáo.

Giả như các vị Bồ tát Tam hiền trở xuống hiện tướng phần của tự thức, thấy được một phần tướng thô mà không thể thấy phần vi diệu của cõi Tịnh độ, thế nhưng các vị Bồ tát này thọ dụng pháp lạc, không có bất cứ một sự khổ não nào của thân tâm, chỉ có vô lượng sự hỷ lạc thanh tịnh, không bị dao động bởi sự sợ hãi, hoặc vui sướng, không sanh tâm nhàm chán, hoặc nghi ngờ, thì đây cũng gọi là sanh về cõi tha thọ dụng. Luân Đại Thừa Khởi Tín cũng nói: “Các vị Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến quả vị cứu cánh đều thấy được báo thân.” Đoạn văn này tương đồng với ý nghĩa Bồ tát Sơ địa trở xuống thấy được báo thân.

Nếu thấy được thân tha thọ dụng (báo thân), thì đâu ngại gì việc vãng sanh vào cõi tha thọ dụng (báo độ). Nghĩa lý này cũng tương đồng với sự giải thích của một luận sư phái Địa Luận. Hoặc giả, Luân Đại Thừa Khởi Tín căn cứ vào các vị Bồ tát Sơ địa trở lên đã chứng “phát tâm” mà nói thấy được báo thân Phật. Còn nói các vị Bồ tát sơ địa trở lên sanh về cõi biến hóa, là nói thân Bồ tát thông cả hai cõi tha thọ dụng (báo độ) và cõi biến hóa (hóa độ). Tùy vào nhân duyên mà thấy được báo độ hay hóa độ, nhưng hai hạng phàm và thánh vẫn có sự cách biệt.

Có người cho rằng Bồ tát bậc hạ không thể vãng sanh về cõi thọ dụng của các Bồ tát bậc thượng bởi vì Bồ tát bậc hạ không thể thấy được những cõi thù thắng vi diệu của các bậc trên, vả lại, vì phước nghiệp yếu ớt nên cũng không thể vãng sanh về đó, ngược lại, những Bồ tát bậc trên nhìn thấy được các Bồ tát bậc dưới, và vì muốn tiếp dẫn các Bồ tát Sơ địa trở xuống, nên thị hiện vãng sanh vào các cõi biến hóa, hơn nữa, các vị Bồ tát bậc trên, khi sanh vào cõi biến hóa đều là hóa thân. Những lập luận như vậy cũng không có gì sai lầm.

3. Cõi hữu lậu và cõi vô lậu

Hỏi: Phàm phu được vãng sanh về cõi Cực Lạc, như vậy Cực Lạc là cõi hữu lậu hay vô lậu? (6)

Đáp: Cõi Cực Lạc là do tâm Phật biến hiện (tha thọ dụng), tâm Phật vô lậu thì cõi ấy cũng phải vô lậu. Tâm phàm phu chưa được vô lậu, nhưng nương vào cõi vô lậu của Phật A Di Đà, mà tự tâm phàm phu biến hiện cõi hữu lậu để vãng sanh về đó. Nếu căn cứ vào cõi gốc của Phật A Di Đà, có thể nói rằng phàm phu vãng sanh về cõi vô lậu, nhưng nếu căn cứ vào cõi thọ dụng do tự tâm biến hiện, thì cũng có thể cho rằng phàm phu vãng sanh về cõi hữu lậu. Tuy rằng hữu lậu, nhưng vì nương vào cõi vô lậu của Phật A Di Đà mà biến hiện, cho nên

cõi ấy cực kỳ tương tự với cõi vô lậu của Phật, và do đó cũng không có các sự kiện xấu xa khổ não.

4. Tam giới nhiếp hay không nhiếp. b. Hai nghĩa về sự không nhiếp.

Hỏi: Nếu đã là cõi hữu lậu, thì cõi ấy thuộc vào cõi nào trong ba cõi? (7)

Đáp: Có hai cách giải thích:

(i) Cõi Tịnh độ hữu lậu thuộc về hai cõi Dục và cõi Sắc, bởi vì tâm hữu lậu không rời khỏi ba cõi. Ba cõi tức là hữu lậu, hữu lậu tức là ba cõi. Cho nên hễ nói hữu lậu, ắt phải thuộc về ba cõi. Nếu hành giả chưa đoạn trừ được lòng dục, dùng “sanh đắc thiện” và “phương tiện thiện” của cõi Dục, tu tập mười sáu pháp quán, v.v..., dùng thiện căn này vãng sanh cõi Tịnh độ trong cõi Dục (chẳng hạn như Đâu suất nội viện của ngài Di Lặc). Nếu hành giả đoạn trừ được lòng dục, được tâm cõi Sắc, tu tập mười sáu pháp quán vãng sanh cõi Tịnh độ trong cõi Sắc. Cho nên Tịnh độ thông cả hai cõi Dục và cõi Sắc. Chúng sanh cõi Vô sắc không có thân thể sắc chất để vãng sanh, và lại, cõi Tịnh độ là do các báu vật (sắc) trang nghiêm, cho nên không thuộc về cõi Vô sắc.

Cõi Tịnh độ Cực Lạc, đất báu thuộc về cõi Dục, còn không trung là cõi trời Dục giới và Sắc giới. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, A Nan bạch Phật: “Cõi Phật đó nếu không có núi Tu Di thì các vị trời Tứ thiên vương và Đạo lợi nương vào đâu mà trụ?” Phật bảo A Nan: “Ở cõi Ta Bà này, các vị trời Dạ ma cho đến trời Sắc cứu cánh nương vào đâu mà trụ?” A Nan bạch Phật: “Hành nghiệp quả báo không thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn, những công đức thiện nghiệp của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn cho nên chiêu cảm những cảnh giới như vậy.” Kinh Vô Lượng Thọ, quyền hạ, nói: “Lúc

ấy Phật bảo A Nan: Cõi Phật ấy, từ mặt đất lên đến cõi trời Tịnh cư, khoảng giữa có bao nhiêu báu vật nghiêm tịnh tự nhiên, ông đã thấy rõ hết chưa?” Cõi Tịnh độ Cực Lạc là do tâm hữu lậu biến hiện, do đó thuộc về hai cõi Dục và cõi Sắc.

(ii) Tuy Cực Lạc do tâm hữu lậu biến hiện, nhưng không thể cho rằng cõi đó thuộc về ba cõi.

b. Vấn đáp về sự không nhiếp.

Hỏi: Cõi Cực Lạc do tâm thức biến hiện. Tâm hữu lậu thuộc về ba cõi. Tâm đã thuộc về ba cõi, chẳng lẽ cõi ấy không thuộc về ba cõi hay sao? (8)

Đáp: Tuy biết rằng thể tánh hữu lậu không ra khỏi ba cõi, nhưng có cách giải thích khác, cho rằng chỉ có thể gọi là hữu lậu nhưng không thuộc về ba cõi! Nên biết “ba cõi” có ý nghĩa hẹp, còn “hữu lậu” có ý nghĩa rộng. Hơn nữa, phàm phu vãng sanh Tây Phương không thuộc về năm nẻo⁵. Như Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Vượt khỏi năm đường ác, năm nẻo ác không còn.” Kinh A Di Đà nói: “Cõi Phật A Di Đà không có ba đường ác...” Lại như Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Chúng sanh cõi đó không phải trời, không phải người. Nhân vì tùy thuận cõi Phật khác, cho nên mới gọi là trời người.” Do đây biết rằng cõi Cực Lạc không có năm nẻo. Nếu đã đồng ý chúng sanh cõi đó là phàm phu nhưng không thuộc năm nẻo thì đâu có lỗi làm gì khi cho rằng cõi đó là hữu lậu nhưng không thuộc về ba cõi.

c. Vấn đáp so sánh.

Hỏi: Phàm phu cõi Cực Lạc là trời hay người cũng không sao. Trong kinh chỉ nói không có ba đường ác, chứ

⁵ Năm nẻo: trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, và địa ngục (Hàng a tu la được bao hàm trong năm nẻo này).

đâu có nói không có trời người. Còn như kinh nói không phải trời không phải người là ám chỉ các vị đại Bồ tát không phải là trời người, nhân vì tùy thuận cội Phật khác nên gọi là trời người, chứ không phải căn cứ vào hàng trời người vãng sanh về đó mà gọi tên. Phàm phu cội đó được gọi là trời người, điều này đâu có gì không ổn? (9)

Đáp: Hàng phàm phu vãng sanh về cội Tịnh độ, nếu sanh làm người, thì người đó là người của châu Nam diêm phù đề, hay là người của châu Đông thắng thân, châu Tây ngưu hóa, hay châu Bắc cu lô (Uất đan việt)? Còn nếu sanh làm trời, thì là trời Tứ thiên vương, cho đến trời A ca ni trá. Nếu là người của bốn châu, thì người Uất đan việt đáng lẽ bị nạn Uất đan việt (một trong tám nạn). Nếu là trời cội Sắc, đáng lẽ bị nạn của trời trường thọ. Đây là nạn xứ, tại sao lại khuyên người khác vãng sanh về đó? Nếu nói là cội người nhưng không phải là người của bốn châu, chả lẽ lại có loại người sống ngoài bốn châu hay sao? Nếu nói là cội trời nhưng không thuộc về các cội trời Tứ thiên vương, v.v..., chả lẽ còn có cội trời khác nữa sao? Nếu nói chúng sanh trời người ở cội Tịnh độ không phải chúng sanh trời người thuộc về bốn châu, v.v..., thì cũng có thể nói rằng cội Tịnh độ hữu lậu không phải là ba cội hữu lậu. Ý nghĩa này đâu có gì mâu thuẫn. Còn nếu chấp nhận rằng “không có cội người ở ngoài bốn châu, không có cội trời ở ngoài các cội Tứ thiên vương, v.v..., phàm phu cội Tịnh độ không thuộc về cội trời người”, thì ý nghĩa Tịnh độ hữu lậu nhưng không thuộc về ba cội đâu có gì là phi lý.

Hơn nữa, ý nghĩa của các pháp tướng có rộng, có hẹp. Chẳng hạn, thế gian nghĩa rộng, hữu lậu nghĩa hẹp; hoặc hữu lậu nghĩa rộng, ba cội nghĩa hẹp; hoặc ba cội nghĩa rộng, tứ sanh nghĩa hẹp; hoặc tứ sanh nghĩa rộng, năm nẻo nghĩa hẹp. Vì sao? Chẳng hạn như đức Như Lai biến hiện cội nước câu trược, tuy tương tự như ba cội nhưng không phải là ba cội. Tuy là vô

lậu nhưng gọi là thế gian. Đây là trường hợp thế gian nghĩa rộng, hữu lậu nghĩa hẹp.

“Hữu lậu nghĩa rộng, ba cội nghĩa hẹp” là trường hợp nào? Như tâm thức hữu lậu của phàm phu, v.v..., biến hiện cội Tịnh độ, cội này tuy hữu lậu, nhưng không thể gọi là ba cội. Luận Đại Trí Độ nói: “Cội Tịnh độ không phải ba cội. Vì không còn lòng dục nên không phải là Dục giới. Vì sống trên mặt đất nên không phải là Sắc giới. Vì có hình sắc nên không phải là Vô sắc giới.” Ý của luận muốn nói “cội Tịnh độ không phải do tâm thức vô lậu biến hiện mới gọi là vượt ba cội, mà tâm thức hữu lậu biến hiện hình tướng cội Tịnh độ, có đủ công năng Phật pháp làm cho hữu tình được lợi lạc, cũng gọi là vượt ba cội.”

“Ba cội nghĩa rộng, tứ sanh nghĩa hẹp” là trường hợp nào? Tứ sanh hạn cục vào những hữu tình ngũ uẩn dị thực thế gian, còn ba cội hội thông cả ba tánh và khí thế gian, cho nên ba cội nghĩa rộng, tứ sanh nghĩa hẹp.

“Tứ sanh nghĩa rộng, năm nẻo nghĩa hẹp” là trường hợp nào? Thân trung hữu là hóa sanh nhưng không thuộc về năm nẻo. Hơn nữa, chúng sanh cội Tịnh độ, v.v..., là hóa sanh mà cũng không thuộc về năm nẻo, cho nên tứ sanh nghĩa rộng, năm nẻo nghĩa hẹp.

Những danh tự như vậy, ý nghĩa rộng hẹp, thế tánh sai khác, kinh luận có những ý nghĩa khác nhau như vậy, lẽ nào cội Tịnh độ do tâm thức hữu lậu biến hiện nhất định phải thuộc vào ba cội.

Lại nữa, thức thứ tám có ba tên: (a) thức a lại da, (b) thức a đà na, (c) thức dị thực. Nếu chúng đắc quả A la hán, Bích chi Phật, cùng các vị Bồ tát Bát địa trở lên, thức thứ tám được gọi là thức a đà na và thức dị thực, không còn được gọi là thức a lại da nữa. Chả lẽ khi nghe “không còn tên a lại da” bèn cho

rằng A la hán không còn thức thứ tám để chấp trì chủng tử của các pháp hay sao? Chẳng lẽ khi nghe “không còn tên ba cõi” bèn cho rằng những chúng sanh vãng sanh về Tịnh độ, tâm thức hữu lậu của họ không thể biến hiện ra cõi Tịnh độ để hưởng thọ pháp lạc Đại thừa hay sao?

Hơn nữa, nương vào cõi Tịnh độ vô lậu của Phật, tâm thức hữu lậu biến hiện cõi Tịnh độ. Cõi Tịnh độ này từ bản tánh phát sanh, không làm tăng trưởng phiền não, giống như tâm thức hữu lậu duyên vào diệt để đạo để thì phiền não không tăng, cho nên cõi Tịnh độ này không phải là ba cõi, không làm tăng trưởng phiền não hữu lậu.

d. Hội thông giáo lý.

Hỏi: Nếu cho rằng Tịnh độ không thuộc về cõi Dục và cõi Sắc, tại sao Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Cho đến trời Tịnh cư, v.v...” (10)

Đáp: Đây là giả thiết gọi là trời, không thể cho rằng có thật thân trời cõi Dục, cõi Sắc. Nếu cho rằng quả thật có thân trời, chẳng lẽ cảnh giới do tâm thanh tịnh của Phật biến hiện lại thuộc về cõi Dục, cõi Sắc? Hơn nữa, giả như Tịnh độ thuộc về cõi Sắc, thì so với trời cõi Dục là hơn hay kém? Nếu nói kém, tại sao cõi Sắc lại kém hơn cõi Dục? Còn nói hơn, thì giống như cõi Ta bà, hai cõi Dục và cõi Sắc hơn kém không đồng. Hữu tình hai cõi này có sự hơn kém khác biệt. Cõi Cực Lạc cũng thế, vãng sanh về cõi Sắc thù thắng hơn vãng sanh về cõi Dục. Nếu vậy, tại sao phần Bốn mươi tám nguyện nói: “Nếu trời người ở cõi Cực Lạc có hình tướng không đồng, kẻ xấu người đẹp, thì tôi sẽ không thành Phật.” Hiện nay cho rằng hình tướng cõi Sắc thù thắng hơn hình tướng cõi Dục, như vậy tại sao phát nguyện “hình tướng tương đồng.” Nên biết rằng đây là sự giả lập cho rằng cõi Cực Lạc có trời Tịnh cư, v.v..., thực sự không có cõi Dục, cõi Sắc nào cả.

e. Giải thích thêm về sự không nhiếp.

Hỏi: Cõi Tịnh độ do tâm thức phàm phu biến hiện là cõi hữu lậu nhưng không phải là ba cõi. Những chúng sanh vãng sanh về đó không giống những hàng trời người tạo ác thọ khổ, nên nói họ không phải là trời người. Như Kinh Thắng Man nói: “Biến dịch sanh tử không thuộc về ba cõi, không phải là quả báo sanh tử chân thật.” Đó là hóa sanh, không thuộc vào hàng trời người. Không biết có phải các phàm phu hóa sanh Tịnh độ không thuộc về ba cõi hay không? Kinh An Lạc nói: “Nếu nói ngoài ba cõi có chúng sanh thì đây là kiến giải của pháp sư An Đa Kệ nước Ma Kiệt Đề, không phải là lời dạy của Phật.” Thân trong ba cõi không phải là thân của ba cõi hay sao? (11)

Đáp: Tại sao vẫn còn mê mờ mà hỏi những câu như vậy? Cõi Tịnh độ tuy do tâm thức hữu lậu biến hiện, nhưng không thể gọi là ba cõi. Đây là trường hợp hữu lậu nghĩa rộng, ba cõi nghĩa hẹp. Phàm phu ở Tịnh độ chỉ có thể gọi là hữu tình hóa sanh, không thể gọi là trời người. Đây là trường hợp tứ sanh nghĩa rộng, năm nẻo nghĩa hẹp. Ở đây cũng vậy, tuy là thân phàm phu hữu lậu nhưng không thể gọi là thân của ba cõi.

f. Tiếp tục vấn đáp.

Hỏi: Ý nghĩa này càng khó hiểu. Nếu vậy, ứng thân không phải là thân của ba cõi, nghiệp cũng không phải là nghiệp của ba cõi. Hiện nay chúng sanh cõi Ta bà hiếu dưỡng cha mẹ, tu hành ba phước, tu tập mười sáu pháp quán, niệm Phật, v.v..., lúc các nghiệp này đang hiện khởi, nếu hành giả chưa đắc được tâm cõi Sắc, thì đây là văn tuệ, tư tuệ phát sanh do thiện nghiệp cõi Dục, còn nếu đã đắc được định Sắc giới, thì đây là tu tuệ phát sanh do thiện nghiệp cõi Sắc. Sau khi sanh về cõi Sắc, nếu nguyện sanh

Tây Phương, thì đây là văn tuệ, tu tuệ phát sanh do thiện nghiệp cội Sắc. Tâm vô lậu không thể chiêu cảm quả báo. Hiện nay nghiệp đang tạo tác là nghiệp của ba cội. Dùng nghiệp này để chiêu cảm quả báo, thì quả báo cũng thuộc về ba cội. Nhân quả quyết định. Hiện nay nói thân vãng sanh Tịnh độ không phải là thân ba cội, chả lẽ muốn nói ngược ý nghĩa vừa nêu trên? (12)

Đáp: Ý nghĩa “hữu lậu nhưng không thuộc ba cội” đã được xác định rõ ràng ở phần trên. Đây chỉ có nghĩa là “mất tên”, nhưng không mất thể tánh. Điều này có gì phi lý mà vẫn còn cất vấn?

Tuy biết rằng nghiệp là do tâm thiện hữu lậu của hai cội Dục và cội Sắc, nhưng tâm này chiêu cảm quả báo Tịnh độ, không thuộc vào hai cội Dục và cội Sắc. Và lại, quả báo này, nếu dùng quả nhiếp nhân, không thể gọi là nghiệp của cội Dục và cội Sắc, mà là nghiệp Tịnh độ.

Nếu cho rằng thân cội Dục cội Sắc phát khởi tâm cội Dục cội Sắc, chả lẽ đây không phải là nghiệp cội Dục cội Sắc? Nghiệp cội Dục chiêu cảm quả báo trời người, thọ quả báo dài lắm là mười sáu ngàn năm (của cội trời Tha hoá tự tại). Nếu chiêu cảm quả báo Tịnh độ thì được quả báo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Lẽ nào nghiệp cội Dục có thể chiêu cảm quả báo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp? Đây là do nương vào nguyện lực rộng lớn không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà, khiến cho nghiệp lực chiêu cảm quả báo dài vô hạn, không phải là cảnh giới mà phàm phu có thể suy lường được. Lời kinh chỉ dạy rõ ràng, không thể không tin. Ý nghĩa đạo lý Đại thừa khó hiểu khó dò. Phàm phu không thể suy lường được cảnh giới chư Phật, chỉ có thể ngưỡng mộ tin tưởng, chuyên tâm thành kính tu học, chứ không thể chấp chặt vào pháp tướng phán đoán thị phi, mà bàn luận Cự Lạc là ba cội, hoặc không là ba cội.

5. Hữu lậu cũng thanh tịnh.

a. Thể uế tướng tịnh.

Hỏi: Các phàm phu vãng sanh Tịnh độ vẫn chưa đắc được tâm thanh tịnh vô lậu. Cảnh tùy tâm hiện thì cảnh đó vẫn là hữu lậu. Cõi hữu lậu vẫn còn là cõi trược uế, như vậy làm sao gọi là vãng sanh Tịnh độ? (13)

Đáp: Thanh tịnh có nhiều loại: thanh tịnh chân thực, thanh tịnh tương tự, thanh tịnh cứu cánh và thanh tịnh chưa cứu cánh. Thanh tịnh chân thực tức là tâm thiện vô lậu, thanh tịnh tương tự tức là tâm thiện hữu lậu, thanh tịnh cứu cánh tức là chư Phật Thế tôn, còn thanh tịnh chưa cứu cánh tức là các Bồ tát Thập địa trở xuống cho đến phàm phu.

Lại nữa, có thể tịnh tướng uế, thể uế tướng tịnh, thể tướng đều tịnh và thể tướng đều uế.

“Thể tịnh tướng uế”, nghĩa là tâm Phật vô lậu thanh tịnh, cõi Tịnh độ biến hiện ắt cũng thanh tịnh, thể nhưng các ngài lại biến hiện cõi nước có tướng uế trược. Như Kinh Duy Ma Cát nói: “Vì muốn độ những chúng sanh căn cơ hạ liệt, cho nên Đức Phật biến hiện ra cõi trược uế bất tịnh.” “Thể uế tướng tịnh”, nghĩa là thức a lại da cùng thức thứ sáu (ý thức) thức bảy (mạt na) hữu lậu của các bậc Bồ tát đẳng địa, cùng tâm hữu lậu của tất cả phàm phu, biến hiện cõi Tịnh độ, thì cõi này có thể tánh uế trược. Thể nhưng cõi này nương vào cõi nước thanh tịnh của Đức Phật, cho nên biến thành cảnh tướng thanh tịnh. “Thể tướng đều tịnh”, nghĩa là tâm vô lậu của chư Phật và Bồ tát đẳng địa biến hiện cõi Tịnh độ, cõi Tịnh độ này thể tánh và cảnh tướng đều thanh tịnh. “Thể tướng đều uế”, nghĩa là tâm hữu lậu biến hiện cõi uế trược.

Hiện nay cõi Tây Phương Tịnh độ mà phàm phu vãng sanh thuộc vào loại thứ hai, thể uế tướng tịnh.

b. Hội thông Kinh Duy Ma Cát.

Hỏi: Kinh Duy Ma Cát nói: “Nếu Bồ tát muốn vãng sanh Tịnh độ, hãy làm cho tâm thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh thì cội Phật cũng thanh tịnh.” Đoạn kinh này muốn nói rằng các Bồ tát Thập địa mới được gọi là tâm thanh tịnh, phàm phu làm sao có thể cầu mong vãng sanh về cội Tịnh độ! Nếu được sanh Tịnh độ thì tâm ắt đã thanh tịnh; thế nhưng, các phàm phu hiện đang tu tập, phiền não đầy dẫy, hiện khởi không ngừng. Tâm đã bất tịnh thì làm sao vãng sanh Tịnh độ? (14)

Đáp: Tịnh độ có nhiều loại, chứ không phải chỉ có một. Chẳng hạn như tâm thanh tịnh rốt ráo, tâm thanh tịnh chưa rốt ráo, tâm thanh tịnh hữu lậu, tâm thanh tịnh vô lậu, tâm thanh tịnh hữu tướng, tâm thanh tịnh vô tướng, tâm thanh tịnh chế phục hiện hành, tâm thanh tịnh đoạn trừ chủng tử, tâm thanh tịnh tự lực, tâm thanh tịnh tha lực, v.v... Ý nghĩa rất nhiều, không thể liệt kê. Chư Phật Như lai tùy căn cơ chúng sanh mà giảng pháp, hoặc nói lời thật, hoặc nói lời phương tiện. Những sự giảng pháp như vậy, ý nghĩa không nhất định. Không thể chỉ căn cứ vào Kinh Duy Ma Cát nói về tâm tịnh cội tịnh của chư vị Bồ tát Thập địa tâm thanh tịnh rốt ráo mà không tin vào Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về sự chế phục chủng tử hiện hành, nương vào nguyện lực Đức Phật A Di Đà vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, rồi lại cho rằng vì tâm bất tịnh nên không thể vãng sanh Tịnh độ! Ví như người được thần thông có thể tự bay lượn trên không, thì người chưa được thần thông nương vào người được thần thông cũng có thể bay lượn trên không. Hơn nữa, Kinh Duy Ma Cát nói về tâm thanh tịnh rốt ráo biến hiện cội Tịnh độ vô lậu, còn hiện nay nói về sự vãng sanh Tịnh độ là nương vào tướng thanh tịnh của Phật mà biến hiện cội Tịnh độ. Kinh Duy Ma Cát nói “gốc”, còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói

“ngọn.” Kinh Duy Ma Cát nói “cao”, còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói “thấp.” Không có gì đáng tranh cãi.

6. Cội Tịnh có cội uế.

Hỏi: Tây Phương Cực Lạc có cội trước uế hay không? Nếu có thì làm sao gọi là Tịnh độ? Nếu không thì giống như hoa sen ngàn cánh của Phật Lô Xá Na, trên mỗi cánh có trăm ức cội nước, mỗi cội nước đều là trước uế. Tại sao Đức Lô Xá Na của thế giới Hoa tạng ngồi trên tòa sen chúa mà trên mỗi cánh hoa lại có cội nước trước uế? Lại như trong Kinh Duy Ma Cát, ngài Xá Lợi Phất thấy cội Phật Thích Ca là trước uế, còn trời Đại Phạm lại thấy cội Phật là thanh tịnh. Cội Phật Thích Ca cùng lúc có cả hai tướng thanh tịnh và trước uế, tại sao cội Cực Lạc chỉ có tướng thanh tịnh mà không có tướng trước uế? (15)

Đáp: Có hai cách giải thích:

(1) Thế giới Cực Lạc chỉ có Tịnh độ, không có cảnh tướng trước uế, bởi vì cội đó cực kỳ vi diệu thanh tịnh. Nếu có cảnh tướng trước uế tức là mắc vào lỗi vừa tịnh vừa uế. Hơn nữa, sắc chất ngăn ngại nhau, thành thử hai tướng tịnh uế không thể đồng thời hiển hiện cùng một chỗ. Nếu hai tướng tịnh uế đồng thời hiển hiện sẽ mắc vào lỗi “sắc chất dung chứa nhau”, cảnh giới sẽ tạp loạn. Và lại, Kinh Quán Vô Lượng Thọ không nói đến hiện trạng này, mà bốn mươi tám nguyện cũng không đề cập đến. Nếu cội Cực Lạc có cả hai tướng thì những chúng sanh vãng sanh về đó cũng phải đồng thời sanh vào hai cội. Vì chúng sanh không sanh vào hai cội mà cũng không thấy cội trước uế, cho nên biết rằng Cực Lạc không có cội trước uế.

(2) Có người cho rằng Cực Lạc cũng có cội trước uế, cùng chỗ cùng thời, không hề chướng ngại nhau. Nếu nói hai sắc chất không dung chứa nhau, đó là pháp Tiểu thừa không

liễu nghĩa. Hai cõi thanh tịnh và trước uế biến hiện khắp mười phương không có giới hạn. Như cõi Ta bà trước uế cũng có Tịnh độ, chẳng hạn như tòa sen chúa thanh tịnh của Đức Lô Xá Na có trăm ức cõi nước trước uế. Đây là cõi tịnh có cõi uế, cõi uế có cõi tịnh, không hề chướng ngại nhau. Tùy theo cái nhìn mà thấy tịnh uế khác nhau. Câu hỏi vừa đặt ra là kiến giải Tiểu thừa, chứ không phải Đại thừa. Cách giải thích vừa nêu trên đã được giảng rộng trong các bộ luận Nhiếp Đại Thừa, v.v..., và trong các kinh điển Đại thừa. Ở đây sẽ không nói chi tiết.

Các cõi tịnh uế tuy có thể hiện hữu đồng thời, thế nhưng Tây Phương Cực Lạc là cõi thanh tịnh, không phải cõi trước uế. Chúng sanh tâm uế trước không được vãng sanh về đó. Trong kinh chỉ nói tướng tịnh, không nói tướng uế là vì muốn chúng sanh các cõi nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

7. Ba nghĩa của Pháp sư Đạo An.

a. Giải thích ba nghĩa.

Hỏi: Luận Tịnh Độ của Pháp sư [Đạo] An nói: “Hai cõi tịnh uế, hoặc là một chất không thành, hoặc là khác chất không thành, hoặc là không chất không thành.” Ngài Đạo An tự giải thích: “Một chất không thành, tịnh uế có doanh có khuy, khác chất không thành, tìm chỗ thâm sâu thấy có sự phù hợp, không chất không thành, duyên khởi thành muôn hình vạn trạng.” Tuy đã có sự giải thích như vậy, nhưng ý nghĩa thâm thúy khó dò, kính mong khai thị để làm sáng tỏ ý nghĩa của đoạn văn này. (16)

Đáp: Ngài Pháp sư [Đạo] An trí tuệ khai minh, học thức uyên bác. Ngài tạo quyển luận này ý nghĩa sâu xa. Lúc đó kinh điển Đại thừa vẫn còn ít ỏi mà ngài đã có thể suy luận sâu sắc, quả đúng là Bồ tát Ấn Thủ. Có thể nói rằng ngài là người mở đường cho Phật pháp Trung Hoa, và đã làm sáng tỏ ý nghĩa Tánh Không. Thế nhưng, ý nghĩa của bộ luận thâm thúy làm

cho người đọc khó hiểu rõ ý chỉ mà ngài muốn nói. Nay tôi sẽ giải thích ý nghĩa này cho rõ ràng.

Hai cõi tịnh uế là do hai nghiệp thiện ác khiến cho tự tâm biến hiện thành cõi nước tịnh uế. Hình tướng tịnh uế này là do tâm tịnh uế hiện khởi. Tâm tịnh thì cõi nước thanh tịnh, tâm uế thì cõi nước trước uế. Tất cả đều do tự tâm. Tâm đã khác nhau thì cõi nước cũng phải khác nhau. Cho nên nói: “Một chất không thành, tịnh uế có doanh (hiện hữu) có khuy (không hiện hữu).” Trong Kinh Duy Ma Cát, lúc Đức Phật chưa đưa ngón chân chạm đất, thì uế doanh (trước uế đầy dẫy) mà tịnh khuy (không có sự thanh tịnh), nhưng khi Đức Phật vừa đưa ngón chân chạm đất, thì tịnh doanh (cõi nước trở thành thanh tịnh), mà uế khuy (sự trước uế ẩn mất). Bởi vì tâm của ngài Xá Lợi Phất và tâm của Phạm Thiên khác nhau, nên mới thấy cõi nước khác nhau.

Hai tâm tịnh uế biến hiện hai cõi tịnh uế. Tâm có hai thể khác nhau, biến hiện hai cõi khác biệt. Thế nhưng hai cõi này cùng xứ cùng thời, không hề chướng ngại nhau. Không thể nói trong cõi tịnh không có cõi uế, hoặc trong cõi uế không có cõi tịnh, hoặc nói hai sự tịnh uế khác biệt nhau, chướng ngại nhau. Bởi vì hai cõi tịnh uế cùng chỗ cùng thời hiển hiện cho nên nói: “Khác chất không thành, tìm chỗ thâm sâu thấy có sự phù hợp.” Hoặc có thể giải thích là hai tướng tịnh uế khác biệt, nhưng thể tánh là một. Suy cứu thể tánh chân thật thì chỉ là một thể. Cho nên nói: “Tìm chỗ thâm sâu thấy có sự phù hợp.”

Hai cõi tịnh uế tuy đồng hiện một chỗ, nhưng hai tướng vẫn khác biệt, đều do nhân duyên sai khác của hai nghiệp thiện ác biến hiện thành đủ loại lùm rừng, cây báu, sỏi đá, trân châu. Tùy nhân duyên sanh khởi (y tha khởi tánh) hiện thành hình tướng cõi nước, không giống như hoa đóm hư không, hoặc lông rùa sừng thỏ (biến kế sở chấp tánh) không có hình thể. Cho nên

nói: “Không chất không thành, duyên khởi thành muôn hình vạn trạng.”

b. Sắc chất vô ngại.

Hỏi: Hai cội tịnh uế tuy có sự khác biệt, nhưng đều do bốn trần⁶, bốn đại⁷ hợp thành, đều có tánh chất ngăn ngại; nếu đã ngăn ngại, làm thế nào có thể hiện hữu cùng chỗ, cùng thời mà không chướng ngại. Hai pháp trái nghịch nhau, làm sao giảng cho thông. Xin giải thích rõ sự mâu thuẫn này. (17)

Đáp: Nếu cho rằng cực vi có tánh chất chướng ngại, đây là kiến giải của bộ phái Tát Bà Đa (Thuyết Nhất Thiết Hữu), đâu phải là ý chỉ vi diệu về sắc tướng tương thông của Đại thừa. Trong giáo pháp Đại thừa, thời gian dài ngắn, thể giới lớn nhỏ, tất cả đều không nhất định. Về thời gian, có thể kéo dài bảy ngày thành một đại kiếp, rút ngắn ngàn năm vào trong khoảnh khắc; về dung tích, có thể đem núi Tu Di để vào hạt cải, đem biển lớn để vào lỗ chân lông. Chẳng lẽ lại còn chấp vào sự lớn nhỏ dài ngắn hay sao? Sự chướng ngại của sắc chất cũng vậy. Chướng ngại chưa hẳn là chướng ngại. Chướng ngại, chẳng hạn như dùng gỗ để chướng ngại gỗ, dùng đá để chướng ngại đá. Không chướng ngại, chẳng hạn như nước, loài người thấy là nước, loài ngựa quỷ thấy là lửa, loài trời thấy là lưu ly, loài cá thấy là nhà ở. Chung quy, nước vẫn ở cùng nơi, đâu phải ở nơi khác biệt. Dùng đây để suy luận về hai cội tịnh uế, có thể biết được ý nghĩa của chúng. Cho nên ngài Xá Lợi Phất nhìn thấy cội uế, Phạm Vương nhìn thấy cội tịnh, đâu phải hai nơi khác nhau? Đây là do vạn cảnh duy tâm, tùy tâm mà có tịnh uế. Diệu chỉ của Duy thức lẽ nào lại bị hạn cực vào sự chướng ngại của sắc chất hay sao!

⁶ Bốn trần: sắc, hương, vị, xúc.

⁷ Bốn đại: đất, nước, gió, lửa.

c. Thể uế hiện tịnh.

Hỏi: Thể tánh của tâm thức hữu lậu vốn trước uế, dùng tâm trước uế để biến hiện cảnh giới, thì chỉ có thể biến hiện cảnh tướng trước uế, làm sao có thể biến hiện cảnh tướng Tịnh độ, giống như tâm thanh tịnh vô lậu biến hiện cảnh tướng Tịnh độ siêu xuất Ta bà được? Nếu tâm trước uế có thể biến hiện cảnh tướng thanh tịnh, tại sao Kinh Duy Ma Cát lại nói chúng sanh vì tội chướng nên không thể thấy được sự nghiêm tịnh của cội Phật? (18)

Đáp: Nếu thể tánh thanh tịnh có thể biến hiện cảnh tướng trước uế, thì tại sao thể tướng trước uế không thể biến hiện cảnh tướng thanh tịnh? Nên biết trong một tâm có thể biến hiện đủ các cảnh tướng tịnh uế. Tâm có nhiều công năng, biến hiện nhiều cảnh tướng. Lại nữa, do Đức Phật dùng bốn nguyện độ chúng sanh, làm cho biến hiện cội nước thanh tịnh. Chúng sanh nhiều đời đã từng đối với Đức Phật phát nguyện xa lìa tâm uế trước, tu hành hạnh thanh tịnh. Nương vào cảnh tướng thanh tịnh của cội Phật, tuy tâm thức chúng sanh vẫn còn hữu lậu, nhưng vẫn có thể biến hiện cảnh giới thanh tịnh, giống như Đức Phật tự biến hiện ra cội Phật vô lậu thanh tịnh. Đây là dùng nguyện lực của Phật làm duyên tăng thượng, khiến cho tâm hữu lậu biến hiện cảnh tướng Tịnh độ.

Lại nữa, Đức Phật cũng có thần lực làm cho các bậc Đại Bồ tát chỉ thấy cội uế mà không thấy cội tịnh, giống như trường hợp chín trăm vạn Bồ tát của cội Hương Tích đến thế giới Ta Bà chỉ thấy cội nước trước uế mà không thấy cảnh tướng thanh tịnh; hoặc thần lực của Phật có thể làm cho người tu hành bậc hạ chỉ thấy cảnh tướng thanh tịnh mà không thấy cảnh tướng trước uế, như trường hợp Đức Phật dùng ngón chân ấn trên mặt đất làm cho ngài Xá Lợi Phất, v.v..., thấy cội Ta Bà toàn là trân báu trang nghiêm; hoặc khiến cho hai cội tịnh uế hiển hiện đồng

thời, như trường hợp trong bảo cái cùng lúc hiện cõi Tịnh độ mười phương và cõi Ta Bà ứ trước.

Hiện nay, sự vãng sanh Tịnh độ là do oai lực của chư Phật, không thể dùng trí tuệ hạn hẹp của phàm phu suy lường mà khởi lên sự nghi ngờ đối với các bậc Đại Thánh. Hành giả chỉ nên y theo lời dạy mà phụng hành.

Phần II. Phàm phu có thể vãng sanh Tịnh độ hữu tướng.

1. Truy cầu hữu tướng.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, v.v..., giảng về nội không, ngoại không, nội ngoại không, v.v..., hiện nay, Tịnh độ là ngoại không, chúng sanh là nội không, nếu thế, có chúng sanh nào là năng sanh (người vãng sanh), có Tịnh độ nào là sở sanh (cõi để vãng sanh)? Hơn nữa, Kinh Duy Ma Cát nói: “Các cõi Phật đều là không. **Hỏi:** Lấy gì làm không? **Đáp:** Lấy không làm không. **Hỏi:** Bồ tát quán chúng sanh thế nào? **Đáp:** Giống như quán sát đại thứ năm, ám thứ sáu, tinh thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín,⁸ v.v...” Kinh Pháp Hoa nói: “Các pháp vốn xưa nay, thường là tướng tịch diệt.” Kinh Kim Cương Bát Nhã nói: “Nhu Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật.” Lại nói: “Thực sự không có chúng sanh chúng đắc diệt độ.” Những kinh luận Đại thừa cứu cánh liễu nghĩa như vậy đều cho rằng các pháp là không tịch. Hiện nay lại nói có cõi Tịnh độ Tây Phương là chỗ vãng sanh, có chúng sanh là những kẻ vãng sanh. Khuyến mọi người chấp tướng tu hành, y vào kinh điển không liễu nghĩa. Đây là do không hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu của chư Phật, chấp vào tướng có, không thể gọi là học tập pháp Đại thừa! (19)

Đáp: Tôi đối với giáo nghĩa Đại thừa Tánh không, cứu cánh liễu nghĩa, cảm thấy rất kính ngưỡng, không dám phỉ báng. Đây là con đường duy nhất rốt ráo đưa chúng sanh xuất ly hai loại sanh tử, đoạn trừ nhân chấp pháp chấp, chúng đắc Đại

⁸ Ý nói là quán sát cái không có, vì chỉ có bốn đại, năm âm, sáu tinh (sáu căn), mười hai nhập (sáu căn, sáu trần), mười tám giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức).

niết bàn. Chỉ có con đường này mà không có con đường thứ hai nào khác. Thế nhưng, đối với các vị Bồ tát bậc thấp, cùng các hàng Thanh văn, phàm phu đang tu tập Bồ đề hạnh, mong cầu Phật quả, nhưng chưa chứng Vô sanh pháp nhẫn, chưa ra khỏi luân hồi, không phải không có nhiều pháp môn phương tiện khác để tu học hầu xuất ly sanh tử! Tại sao lại đem những kinh điển Đại thừa giảng về Tất Cánh Không để phá hoại pháp tướng, và cho đó mới là lời dạy chân thật của Phật? Hiện nay, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., nói về cõi Tây Phương Cực Lạc, khuyến hành giả vãng sanh về đó. Đây cũng là lời dạy chân thật của Phật, tại sao lại đem kinh điển Tánh không ra chất vấn kinh điển Tịnh độ? Tin pháp này bỏ pháp kia, lẽ nào có lý này! Và lại, Đức Phật giảng pháp, không lìa nhị đế, một là tục đế, hai là chân đế. Tục đế là các pháp do nhân duyên sanh, y tha khởi tánh, không thực sự hiện hữu, nhưng có vẻ như hiện hữu. Còn chân đế là pháp chân thật vô tướng, viên thành thật tánh, do các bậc thánh nội chứng, hiện hữu chân thật. Thế nhưng, hai đế này không phải một không phải khác. Nếu dùng chân đế hàm nhiếp tục đế, thì tục đế tức là chân đế, nghĩa là bản tánh của tất cả các pháp đều là tịch diệt. Nếu dùng tục đế hàm nhiếp chân đế, thì thấy rằng tất cả các pháp do nhân duyên hội hợp mà hiện hữu, do nhân duyên ly tán mà hoại diệt, muôn pháp hiện tiền, không thể nói là không hiện hữu.

Đức Phật, hoặc là phá sự chấp tướng của chúng sanh để họ tỏ ngộ vô tướng, trừ diệt sự chấp trước vào nhân và pháp, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc, cho nên đã giảng chân đế, nói tất cả các pháp đều là Không; hoặc là muốn cho chúng sanh bỏ phàm thành thánh, bỏ ác tu thiện, cầu sanh Tịnh độ, nhằm chán cõi uế, thì ngài nói vô lượng pháp môn, nhân quả sai khác, hai bậc thánh phàm, hai cõi tịnh uế. Hiện nay, Đức Phật muốn chúng sanh bỏ cõi uế sanh cõi tịnh, bỏ thân phàm nhập thân thánh, cho nên ngài mới giảng nói vô lượng pháp môn, đều là để thành tựu Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Đây là phương tiện giáo hóa thiện xảo, thích nghi căn cơ của chúng sanh. Do đây

mới có hai pháp môn Không và Hữu. Không thể chỉ đọc kinh điển giảng về Đệ nhất nghĩa đế, Tất cánh không, rồi cho rằng giáo pháp Tịnh độ, nhân quả, v.v..., không phải là lời dạy chân thật của Phật, không phải là giáo pháp rốt ráo, rồi sanh tâm hủy báng nghi ngờ. Hơn nữa, cũng không thể chỉ đọc các kinh điển giảng nói nhân quả, không tin vào lời Phật dạy về Bát Nhã Ba La Mật thâm sâu, tất cả các pháp không tịch, vô tướng, rồi bài bác, hủy báng. Đây chính là đối với kinh điển Đại thừa, Tam tạng thánh giáo, vừa khen vừa chê, vừa tin vừa nghi, vừa tu thiện pháp, vừa tạo tội nặng. Lòng tin không đầy đủ thì gọi là nhất xiển đề. Như trong Kinh Địa Tạng Thập Luân có nói rõ về các tội trạng này, cho nên hành giả phải sanh lòng tin đối với những lời Phật dạy, khéo léo dung hợp hai tông Không và Hữu.

Kinh Duy Ma Cật nói:

Khéo léo phân biệt các pháp tướng
Đối Đệ nhất nghĩa không dao động.

“Khéo léo phân biệt các pháp tướng”, đây là y vào Tục đế mà nói. “Đối Đệ nhất nghĩa không dao động”, đây là y vào Đệ nhất nghĩa đế mà nói.

Lại nói:

Các pháp chẳng “có”, cũng chẳng “không”
Do nhân duyên, các pháp sanh khởi.

“Chẳng có chẳng không”, đây là Đệ nhất nghĩa đế, lia bỏ bốn trường hợp “có, không, không có không không, vừa có vừa không.” “Các pháp sanh khởi”, đây là Thế tục đế, các pháp từ những nhân duyên thế gian, xuất thế gian mà phát sanh.

Lại nói: “Tuy quán sát các cõi Phật là tịch diệt, là không, nhưng rốt ráo không đọa vào hàng Nhị thừa. Đây là hạnh của

Bồ tát, tuy thành tựu tất cả các pháp, nhưng xa lìa các pháp tướng.”

“Thành tựu tất cả các pháp”, đây là Thế tục đế. “Xa lìa các pháp tướng”, đây là Đệ nhất nghĩa đế vô tướng.

Lại nói: “Tuy biết rằng cõi Phật và chúng sanh đều là không tịch, nhưng thường tu hạnh Tịnh độ, giáo hóa chúng sanh.”

Câu “cõi Phật và chúng sanh đều là không tịch” là Đệ nhất nghĩa đế, câu “tu hạnh Tịnh độ, giáo hóa chúng sanh” là Thế tục đế.

Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, v.v..., nói về nội không, ngoại không, v.v..., đây là Đệ nhất nghĩa đế, lại nói về sự thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sanh, đây là Thế tục đế. Như vậy, rất nhiều kinh điển Đại thừa giảng nói pháp môn Tất cánh không tịch, cũng đều nói về sự thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sanh. Phải nên đọc kinh văn cẩn thận đầy đủ, hiểu trước hiểu sau, dung hội ý nghĩa để đoạn trừ sự nửa tin nửa ngờ, sau đó giảng nói cho người khác, đừng nên vừa khen vừa chê. Đây là vừa lợi cho mình vừa lợi cho người, khiến cho tất cả đều được giải thoát mọi sự khổ não. Chớ nên mắc vào lỗi không chịu học tập cẩn thận, nhìn thấy nghĩa kinh khác biệt, do lòng tin yếu ớt, sanh tâm hủy báng, tự mình đọa lạc, lại còn làm cho những người nghe tạo thành nghiệp nhất xiển đề. Đây là tự hại mình lại còn hại người khác!

Các kinh Giải Thâm Mật, Lăng Già, cùng các luận Du Già Sư Địa, Nhiếp Đại Thừa, Duy Thức, v.v..., nói về ba tánh và ba vô tánh: viên thành thật tánh, y tha khởi tánh, và biến kế sở chấp tánh. Viên thành thật tánh ly tướng chân thật, y tha khởi tánh không hiện hữu mà hình như hiện hữu, biến kế sở chấp tánh, chấp là có nhưng thực sự không có, chẳng hạn như lông

rùa, sừng thỏ, v.v... Hiện nay, giáo pháp Tịnh độ là y vào y tha khởi tánh, các pháp do nhân duyên sanh, không hiện hữu mà hình như hiện hữu, có pháp nhân quả rõ ràng. Còn như ông thì căn cứ giáo lý viên thành thật tánh vô tướng, dựa vào những đoạn kinh đã phá biên kế sở chấp tánh, cho tất cả là không, rồi lại không tin vào giáo pháp nói về nhân duyên y tha khởi tánh. Đây là những người không tin nhân quả, nói các pháp có tướng đoạn diệt. Cho nên trong kinh có nói: “Thà khởi ‘ngã kiến’ lớn như Tu Di, không khởi ‘không kiến’ nhỏ như hạt cải.” Đây là lời khuyến cáo chân thành.

Lại nữa, nói Không nói Hữu đều là tùy thuận thế tục, Đệ nhất nghĩa để chẳng phải Không, chẳng phải Hữu. Cho nên nói “các cõi Tịnh độ đều là không” cũng là tùy thuận thế tục, khiến cho người nghe thâm nhập Phật pháp. Đâu có gì là đúng là sai!

2. Sự lý của sự cầu sanh:

Hỏi: Cõi Tịnh độ Cực Lạc không có sự trược ác. Một khi đã vãng sanh về đó thì được thoát ly sanh tử, vĩnh viễn không đọa vào ba đường ác, không còn bị khổ “ngũ thiêu”, đều được nhập vào chánh định, chứng đắc A bệ bạt trí. Kinh Vô Lượng Thọ nói cảnh giới Cực Lạc gần như cảnh giới Niết bàn. Nếu vậy, các phàm phu tội chướng, chấp trước vào công đức tu hành không thể vãng sanh. Phải y vào kinh điển Đại thừa, và các bộ luận Trung Quán, Bách Luận, v.v..., học tập thấu suốt các pháp “vô sở đắc”, thì mới có thể vãng sanh Tịnh độ. Hiện nay lại khuyên mọi người y vào Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., tu mười sáu pháp quán, nào cây báu, ao báu, v.v..., cùng sắc thân tướng hảo của Phật, Bồ tát, hoặc xưng danh hiệu, trụ tâm vào cảnh tượng, đây chẳng phải là có tâm sở đắc, chấp trước cảnh tượng, trở thành “bệnh hoạn” hay sao? Nếu đã có “bệnh”, khó mà thoát khỏi luân hồi, làm sao vãng sanh Tịnh độ? (20)

Đáp: Nếu có thể quán tất cả các pháp tất cánh không tịch, không có năng quán sở quán, xa lìa sự phân biệt và không phân biệt, quán sát như vậy, được vãng sanh Tây Phương, đều là hành giả bậc thượng. Như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Bậc thượng phẩm vãng sanh đối với Đệ nhất nghĩa để tâm không kinh động. Người này lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà và các thánh chúng đến tiếp dẫn, khen rằng: ‘Lành thay, pháp tử! Vì ông hiểu thấu Đệ nhất nghĩa để, cho nên ta đến tiếp dẫn.’ Người đó mạng chung, liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ.”

Thế nhưng, phàm phu công sự đa đoan, không thể học rộng kinh điển Đại thừa, quán đệ nhất nghĩa để và pháp vô sở đắc. Hành giả phàm phu, hoặc trì giới thanh tịnh, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính phụng sự sư trưởng, hoặc tu hành thập thiện, hoặc chuyên tâm niệm Phật, tuy chấp trước vào công hạnh, nhưng công đức tu hành vẫn thù thắng không thể nghĩ bàn, đều được vãng sanh Tịnh độ. Đâu có thể nói rằng chỉ có một pháp vô sở đắc mới được vãng sanh, mà không tin sự tu tập ba phước, mười sáu pháp quán, v.v..., cũng được vãng sanh Tịnh độ.

Hơn nữa, “tâm chấp công đức” thông cả ba tánh. Nghiệp thiện hoặc ác đều chiêu cảm quả báo. Hiện nay, ba phước, v.v... đều là nghiệp thiện. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói ba phước này là nghiệp thiện chánh nhân [cho sự vãng sanh Tịnh độ] của chư Phật ba đời. Đã là nghiệp thiện lẽ nào không chiêu cảm quả báo Tịnh độ! Có sao ông lại cho rằng chỉ có thể dùng tâm vô sở đắc để vãng sanh Tịnh độ, còn tâm có sở đắc thì không được vãng sanh? Ông có kinh điển nào làm chứng cứ hay không? Nếu không có kinh điển làm chứng, thì ông dựa vào đâu mà phát ngôn như vậy?

Hiện nay, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., nói rõ rằng tu tập ba phước, mười sáu pháp quán, v.v..., là nghiệp hữu

tướng, sẽ được vãng sanh. Ý nghĩa của kinh rõ ràng như vậy, không thể phi báng. Ông lẽ nào không tin vào lời dạy của Phật, tự mình nông nổi, cho rằng nếu tâm có sở đắc thì không được vãng sanh!

Tâm có sở đắc là tánh thiện. Phước đức thù thắng có thể diệt trừ nghiệp ác nặng của cõi Ta Bà, khiến hành giả được vãng sanh Tịnh độ. Chẳng hạn như pháp Quán đất nói: “Tu pháp quán này, diệt trừ được tám mươi ức kiếp tội nặng sanh tử, sau khi mạng chung, ắt sẽ vãng sanh Tịnh độ, tâm được vô ngại.” Đây chẳng phải là tu pháp quán hữu tướng được vãng sanh Tây Phương hay sao? Nếu không tin những lời dạy như vậy, sẽ mắc vào tội không tin lời Phật. Kinh Quán Vô Lượng Thọ lại nói: “Do xưng niệm danh hiệu Phật, mỗi niệm diệt trừ tám mươi ức kiếp tội chướng, được vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.” Những lời kinh vừa dẫn chứng, không phải chỉ có một. Ông không thể bác bỏ những lời Phật vừa dạy mà cho rằng tâm có sở đắc không được vãng sanh, mà chỉ có tâm vô sở đắc mới được vãng sanh.

Vả lại, những hành giả vãng sanh, có phạm có thánh, hoặc Đại thừa, hoặc Tiểu thừa, hoặc định tâm hoặc tán tâm, hoặc căn tánh thông lợi, hoặc căn tánh ám độn, hoặc tu lâu hoặc tu mau, hoặc tu nhiều hoặc tu ít, tất cả đều được vãng sanh. Cho nên kinh mới nói có ba bậc, chín phẩm khác nhau, thời gian hoa nở dài ngắn không đồng. Nếu biết rằng sự vãng sanh có phẩm loại sai biệt, sự tu nhân có sâu cạn không đồng, thì không thể cho rằng chỉ có tâm vô sở đắc mới được vãng sanh, còn tâm có sở đắc thì không được vãng sanh, bởi vì hành giả vãng sanh không phải chỉ có bậc thánh mà còn có cả phạm phu.

Hơn nữa, các cõi Tịnh độ có sự, có lý, có cõi thọ dụng, có cõi biến hóa, cho nên tu nhân Tịnh độ cũng có nhiều giai bậc khác nhau. Tu nhân vô tướng thì vãng sanh lý Tịnh độ, tu nhân hữu tướng thì vãng sanh sự Tịnh độ, tu nhân vô lậu thì vãng

sanh cõi thực báo, tu nhân hữu lậu thì vãng sanh cõi biến hóa. Cõi Phật có bản (gốc) có mặt (ngọn), tu nhân cũng có cao có thấp. Không phải chỉ có một nhân “vô tướng” mới được vãng sanh Tịnh độ!

3. Thế để vãng sanh:

Hỏi: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là do tâm quá khứ vãng sanh, tâm hiện tại vãng sanh, hay tâm vị lai vãng sanh? Nếu tâm quá khứ vãng sanh, tâm quá khứ đã diệt, không thể vãng sanh; nếu tâm vị lai vãng sanh, tâm vị lai chưa đến, làm sao vãng sanh; nếu tâm hiện tại vãng sanh, tâm hiện tại niệm niệm không trụ nơi nào, làm sao vãng sanh? Như vậy, trong ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại, tìm tâm không thấy, tại sao hiện nay lại khuyên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc? (21)

Đáp: Dùng thời gian suy luận, ba thời đã diệt (quá khứ), chưa sanh (vị lai) và hiện tại không dừng trụ, thì không có sự sanh chân thật, giống như ngọn đèn, không phải ngọn lửa quá khứ đang cháy, vì đã diệt mất, không phải ngọn lửa vị lai đang cháy, vì chưa sanh khởi, cũng không phải ngọn lửa hiện tại đang cháy, vì không ngừng nghỉ, mà cũng không phải là không cháy, bởi vì ngọn lửa đang trừ khử bóng tối, phát ra ánh sáng, niệm niệm tương tục, giống như dòng nước, thay đổi không ngừng, liên miên không dứt. Trong mọi thời điểm, [lửa] có bốn công dụng: trừ diệt bóng tối, phát ra ánh sáng, tỏa ra sức nóng và đốt cháy tim đen. Ở đây cũng tương tự, do nghiệp vãng sanh Tịnh độ đã chín muồi, Thánh chúng đến nghinh tiếp, đưa về Tịnh độ, xả bỏ thân như uế cõi Ta Bà, được thân thanh tịnh cõi Cực Lạc. Duyên sanh ba đời, không thường không đoạn. Tuy các pháp vốn tịch diệt, nhưng nghiệp báo rõ ràng. Các pháp vốn vô sanh, nhưng sanh tử tương tục. Không phá hoại thế tục mà kiến lập Đệ nhất nghĩa đế. Đây là ý nghĩa muốn trình bày. Trong Kinh Duy Ma Cát, ngài Duy Ma Cát hỏi ngài Xá Lợi

Phật: “Nếu các pháp không có tướng sanh diệt, tại sao ngài lại hỏi tôi là chết ở nơi đâu, sanh đến chốn này?” Đoạn này thuyết minh các pháp tịch tĩnh không đến không đi, cho nên nói không sanh diệt. Đoạn sau nói có thể giới tên là Diệu Hỷ, Đức Phật hiệu là Vô Động, đây là cõi mà ngài Duy Ma Cật thị hiện diệt độ để sanh đến cõi Ta Bà. Ngài Duy Ma Cật nói: “Diệt là pháp có tướng bại hoại hư dối, sanh là pháp có tướng tương tục hư dối.” Đây là pháp thế tục giả danh, không phải tướng sanh diệt chân thật. Trong pháp Đệ nhất nghĩa, suy luận ba đời, rất ráo không có ý nghĩa vãng sanh. Hiện nay khuyên xả ly cõi Ta Bà uế trước, vãng sanh cõi Cực Lạc, đây chỉ là pháp Thế tục đế, giả danh sanh diệt, nhưng không phải không có sự xả ly cõi Ta Bà để vãng sanh cõi Cực Lạc. Ông lẽ nào chỉ bàn lý Đệ nhất nghĩa để phá hoại tác dụng nhân quả của Thế tục đế. Hiện nay, y vào môn nhân quả của Thế tục đế mà khuyên khích sự vãng sanh Tịnh độ.

4. Quán sắc không tà.

Hỏi: Kinh Kim Cương Bát Nhã nói:

**Nếu dùng sắc thấy Phật
Dùng âm thanh cầu Phật
Người đó hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.**

Lại nói: “Xa lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật.” Tại sao hiện nay dùng pháp quán Phật hữu tướng, hành tà đạo mà cầu vãng sanh? (22)

Đáp: Các kinh Kim Cương Bát Nhã, Quán Vô Lượng Thọ đều là lời dạy của Phật. Quán vô tướng, quán hữu tướng đều không phải là chỗ phàm phu có thể luận bàn tà chánh, mà có ý nghĩa rất sâu xa. Không thể y vào Kinh Kim Cương Bát Nhã mà chỉ trích Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Ông không những

ôm trong lòng sự khen chê, tự thành tội nặng, mà kiến giải Phật pháp của ông cũng chưa được dung thông. Vì sao? Hai bộ kinh này vì hành giả căn cơ khác biệt, học tập không đồng, kiến giải sai khác mà giảng nói khác nhau.

(a) Do hành giả căn cơ khác biệt: Những người căn cơ nông cạn chưa thể quán lý, cho nên dạy họ quán sắc [tướng], quán báo thân, hóa thân Phật. Những người căn cơ thâm sâu có thể quán thực tướng, cho nên dạy họ quán vô tướng, quán pháp thân. Nếu người căn cơ thấp học pháp cao, thì pháp cao không lợi ích, như trong kinh nói có người uống Cam lộ mà vẫn chết yểu. Còn người căn cơ cao mà học pháp thấp, thì pháp tu đã không tiến bộ mà còn thụt lùi. Cho nên Đức Phật nói pháp khác nhau cho hai loại căn cơ khác nhau.

(b) Do sự học tập không đồng: Những người sơ học mới vào đạo, quán hạnh nông cạn, chưa thể học pháp cao, không thể dạy họ quán thực tướng. Trước tiên dạy họ quán sắc tướng, điều luyện tâm thức, sau khi thành tựu, thì mới dạy họ pháp quán vô tướng. Ví như vào biển lớn, từ chỗ nông đến chỗ sâu. Những người tu tập lâu năm mới có thể dạy họ pháp quán vô tướng. Đức Phật muốn những hành giả sơ học không bị vướng mắc vào sắc tướng, cho nên chê đó là “tà”, chứ không có ý nghĩa đó là tà kiến. Ví như có người keo kiệt học pháp Bồ thí ba la mật. Sau khi trừ diệt san tham, đang bị kẹt vào pháp bồ thí, Đức Phật muốn họ tiến tu pháp Trì giới ba la mật, nếu như ngài không chê pháp bồ thí, thì hành giả đó không thể nào thăng tiến tu học pháp trì giới. Cho nên Đức Phật mới chê bai pháp bồ thí, khen ngợi pháp trì giới. Đây là Đức Đại Thánh tùy vào căn cơ mà thuyết pháp. Những người ngu muội, chấp vào mặt chữ, không hiểu ý nghĩa chân thật mà Phật muốn nói. Hiện nay, Đức Phật chê bai pháp quán hữu tướng là tà đạo, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

(c) Do kiến giải sai khác: Nếu hiểu rõ ý nghĩa “sắc tức là không”, thì sự quán sắc không phải là tà. Nếu cho rằng “sắc không phải không”, thì sự quán sắc là tà. Nếu hiểu “không tức là sắc”, thì sự quán không không phải là tà. Nếu cho rằng “không khác với sắc”, thì sự quán không là tà. Đây là do không hiểu rõ ý nghĩa “sắc không”, nên tự phân tốt xấu. Đâu có liên quan gì đến “sắc không” mà biện biệt chánh tà. Nếu ông hiểu rõ ý nghĩa này thì dù quán sắc cả ngày cũng là chánh, còn như mê muội bản ý của Phật, thì dù quán không cũng là tà. Lành thay diệu chỉ của Phật, ông phải nên khéo léo suy ngẫm!

5. Phật đến không đến.

a. Sự khác biệt giữa đến và không đến.

Hỏi: Kinh Kim Cương Bát Nhã nói: “Như Lai không từ nơi nào đến, cũng không đi về đâu, cho nên gọi là Như Lai.” Kinh Duy Ma Cát nói: “Tôi quán Như Lai, niệm trước không đến, niệm sau không đi, hiện tại không trụ.” Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

**Không trụ cũng không đi
Không thủ cũng không xả
Xa lìa nơi sáu nhập
Kính lạy vô sở quán.**

Theo lời dạy của các kinh Đại thừa này, Đức Phật không đến cũng không đi. Hiện nay, do nhân duyên nào mà Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có Hóa Phật nghinh tiếp, hành giả theo Phật vãng sanh. Có đi có đến, trái ngược với các kinh vừa nêu trên. (23)

Đáp: Diệu lý sâu xa, thực tướng bình đẳng, pháp thân Như Lai vốn không sanh diệt, dùng bốn nguyện lớn, vô hạn đại bi, tiếp dẫn chúng sanh. Từ chân thân biến hiện hóa thân, đến khắp mười phương tiếp dẫn chúng sanh chín phẩm. Vì hóa thân

tức là chân thân, không có sự tới lui, tùy căn cơ chúng sanh mà ứng hiện, nên có sự tới lui. Kinh Kim Cương Bát Nhã căn cứ vào “hóa thân tức là chân thân” nên nói không tới lui, còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ căn cứ vào “chân thân biến hiện hóa thân” nên nói có sự tới lui.

Có người giải thích rằng thực sự không có Phật từ Tây Phương đến cõi này nghinh tiếp, cũng không có Phật tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tịnh độ, mà chỉ là lực tăng thượng duyên phát xuất từ chúng tử công đức bốn nguyện từ bi của Phật, khiến cho các chúng sanh có duyên với ngài, tu các công đức niệm Phật, ba phước, mười sáu pháp quán để làm nhân duyên vãng sanh, tự tâm họ biến hiện Đức A Di Đà đến tiếp dẫn và hành giả theo Phật vãng sanh Tịnh độ. Nói Đức Phật đến nghinh tiếp, không phải thực sự nghinh tiếp, mà chỉ là chúng tử công đức của Phật và của hành giả hòa hợp sanh khởi đồng thời, khiến cho hành giả thấy Hóa Phật đến nghinh tiếp, cho nên nói là đến, thực sự không có đến. Công đức bi nguyện của Đức A Di Đà trạm nhiên thường tịch, không đến không đi. Tâm thức chúng sanh nương vào uy lực công đức bốn nguyện thù thắng của ngài, tự tâm của họ biến hiện, thấy có sự đến đi, thấy có sự tiếp dẫn vãng sanh. Đó là tướng phần của tự tâm biến hiện, không liên quan gì đến Phật. Kinh Kim Cương Bát Nhã nói không đến không đi là căn cứ vào công đức của Phật, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có đến có đi là căn cứ vào tâm tướng của chúng sanh.

Lại có người giải thích rằng nếu căn cơ chúng sanh thích hợp, Đức Phật cảm ứng, bèn biến hiện hóa Phật, đến khắp mười phương tiếp dẫn vãng sanh. Thế nhưng, Hóa Phật giống như ngọc như ý, như trống trời, không tác ý mà vẫn thành tựu sự việc. Đối với sự tới lui mà nói không tới không lui, đây là căn cứ vào chân thân mà nói, như phần trên đã bàn qua. Hoặc căn cứ vào sự sanh diệt, niệm niệm không trụ, vừa sanh khởi là diệt tận, không thể di động. Sanh khởi ngay đó, diệt tận ngay đó.

Sanh khởi nơi khác, diệt tận nơi khác, tương tự tương tục, tạm gọi là tới lui. Giống như đóm lửa quay nhanh, không phải vòng tròn mà có tướng vòng tròn. Tạm gọi là tới lui, thực sự không có tới lui. Cho nên Luân Vật Bất Thiên của ngài Tăng Triệu có nói: “Gió thổi tróc núi mà vẫn thường tĩnh lặng, ngựa chạy tứ tán mà không hề di động, nhật nguyệt lặn mọc mà chưa hề lên xuống.” Đây là nói đến sự sinh diệt quá nhanh chóng, tựa hồ không hề di động.

b. Hai nghĩa Phật và thường.

Hỏi: Kinh Đại Niết Bàn nói: “Xả bỏ sắc vô thường, chứng được sắc thường. Thọ tướng hành thức cũng giống như vậy.” Lại nói: “Chư Phật thờ pháp làm thầy, vì pháp là thường nên chư Phật cũng là thường.” Ba thân bất động, không đời không đổi, nhưng hiện nay lại nói sanh diệt không trụ, đây là ý nghĩa gì? (24)

Đáp: Sự tranh luận này, không phải hiện nay mới có. Các học giả của tông Niết Bàn cho rằng ba thân đều là thường, không sanh không diệt. Họ dẫn chứng chi tiết các kinh Niết Bàn, Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc, v.v..., cho rằng ba thân đều là thường. Đây là phần lớn căn cứ vào kinh điển. Còn các học giả của tông Nhiếp Luận đem các bộ luận Nhiếp Đại Thừa, v.v..., ra dẫn chứng rằng ba thân thường có ba nghĩa: (a) ngưng nhiên thường, tức là thân pháp tánh; (b) bất đoạn thường, tức là thân thọ dụng; (c) tương tục thường, tức là thân biến hóa. Tuy mỗi thân đều là thường, nhưng ý nghĩa thì khác biệt, bởi vì hai thân sau là do nhân duyên sanh. Luận Đại Trí Độ cho rằng vì hai thân sau do nhân duyên sanh, cho nên mọi tạo tác đều là vô thường. Nếu như “ngưng nhiên” thì phải đồng nhất với thân pháp tánh, do liễu nhân chứng đắc. Hơn nữa, hai thân đó phải không do năm ấm tạo thành, không có sự suy tư nghĩ tưởng, nói năng, động tác. Dùng những ý nghĩa này mà suy luận, hai thân sau không phải là “ngưng nhiên thường.” Muốn hiểu rõ chi tiết,

có thể đọc Luân Duy Thức, v.v... Và lại, căn cứ vào biến kế sở chấp, chúng sanh đều cho rằng chư Phật “có đến có đi”, thành thử [kinh luận] mới nói không đến không đi để phá những sự chấp trước này. Trong Kinh Duy Ma Cát, ngài Duy Ma Cát nói: “Lành thay, Văn Thù Sư Lợi! Không có tướng đến mà đến, không có tướng thấy mà thấy, v.v...” Hiện nay, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có đến có đi, không có sự trái nghịch với các kinh điển Đại thừa. Mỗi kinh căn cứ vào một ý nghĩa, đều là lời dạy vi diệu của chư Phật.

6. Phật danh hữu thuyên.

Hỏi: Trong Kinh Pháp Cú, Phật bảo Bồ tát Bảo Minh: “Thiện nam tử! ông hãy quán danh tự của Đức Phật này là có? là không? là có thật? là không có thật? Thiện nam tử! Nếu danh tự là có, thì khi nói ‘thức ăn’, người nghe cũng phải no bụng. Nếu như no bụng, thì các thực phẩm trên thế gian đều trở nên vô dụng, bởi vì nghe ‘thức ăn’ liền được no thì cần gì phải ăn!” Ý nghĩa của đoạn kinh này muốn nói rằng “danh tự tức là không”, không thể giảng giải giáo pháp của Phật. Hiện nay dạy cho người khác chuyên tâm niệm Phật, tiêu trừ tội nặng, vắng sanh Tây Phương, có khác gì nói “thức ăn” làm người nghe no bụng, nói “nước uống” làm người nghe hết khát! (25)

Đáp: Các kinh điển Đại thừa vi diệu đều cho rằng danh tự là hư giả, không có thực chất, cho nên mới nói “ngôn tự không có thể tánh”; hoặc nói “không có văn tự”; hoặc nói “danh nghĩa là khách (không thực), Bồ tát phải nên quán sát như vậy.” Thế nhưng, nếu Đức Phật ngồi an nhiên im lặng thì Kiều Trần Như sẽ không có hy vọng đắc đạo, ông Tu Bạt Ma cũng chẳng thể chứng quả A la hán. Tuy là kẻ nói người nghe khác biệt, không thể nói lời xuông cho người khác được no bụng, nhưng chung quy, danh tự có công năng giảng giải, làm cho người nghe hiểu rõ nghĩa lý, cho nên mới có ví dụ ngón tay chỉ trăng.

Mặt khác, thể tánh danh tự là không, cho nên mới có ví dụ “qua sông bỏ bè.” Đức Phật biết phạm phu chấp vào danh tự sanh khởi mê hoặc, hoặc thương, hoặc ghét, gây tạo tội chướng; hoặc khen, hoặc chê, khởi tâm sanh sát, tạo đủ mười nghiệp ác, đọa vào ba đường ác. Vì muốn diệt trừ phiền não cho họ, bèn nói danh tự là hư giả. Dù được khen hay bị chê, đâu có gì làm cho mình vinh hay nhục. Nếu nói vì được khen nên cảm thấy vinh dự, vì bị chê nên cảm thấy sỉ nhục, như vậy tức là nói “thức ăn” thì được no, nói đến “lửa cháy” thì bị thiêu đốt. Thật ra, dù cả ngày nói đến “cao lương mỹ vị” cũng không tránh khỏi sự đói khát, dù lúc nào cũng nói đến “lửa cháy” cũng chẳng bị tai họa cháy thân. Cho nên biết rằng thể tánh của danh tự là hư giả, vốn không chân thật. Phạm phu không tỏ ngộ, khởi tâm thương ghét, tranh đoạt hư danh, đọa ba đường ác. Ngược lại, nếu cho rằng danh tự vô dụng, không có công năng, thì khi gọi nước đáng lẽ lừa đến, khi gọi người nam đáng lẽ người nữ đến. Hiện nay, kêu nước nước đến, gọi nữ nữ đến, không có sự lẫn lộn, cho nên biết danh tự vẫn có công năng như lưới dùng để bắt cá, bẫy dùng để bắt thỏ. Do đó, Phạm Vương đã thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân, và Đức Phật cũng đã tùy thuận căn cơ chúng sanh mà giảng nói kinh pháp. Ý chỉ thâm sâu của Tam tạng sáng chói nơi Long cung, mười hai bộ kinh được tuyên dương trên Linh Thứu. Trời người phạm thánh đều lãnh hội pháp mầu, năm nẻo tứ sanh đều tôn sùng lời Phật dạy. Nghe nhớ đọc tụng được lợi ích vô cùng, xưng niệm danh hiệu Phật đều vãng sanh về Tịnh độ. Như vậy, đâu thể nói danh tự là hư dối, không có công năng hoằng truyền Chánh pháp.

Phần III. Hội thông sự mâu thuẫn của Luận Nhiếp Đại Thừa.

1. Hội thông ba địa.

Hỏi: Luận Du Già Sư Địa nói: “Bồ tát Tam địa mới vãng sanh Tịnh độ.” Hiện nay khuyên phàm phu và các Bồ tát Tam hiền trở xuống vãng sanh là có ý gì? (26)

Đáp: Các bộ luận khi bàn về vãng sanh đều có căn cứ riêng biệt, sự thù xá cũng không giống nhau. Các cõi Tịnh độ đã có sự thô diệu hơn kém khác nhau, sự vãng sanh cũng có giai bậc cao thấp không đồng. Như Kinh Nhân Vương Bát Nhã nói: “Chỉ có Đức Phật trụ cõi Tịnh độ, các bậc Tam hiền Thập thánh đều trụ cõi quả báo.” Đây muốn nói rằng các bậc Bồ tát Thập địa trở xuống đều không được sanh Tịnh độ. Bởi vì Đại viên kính trí của Đức Phật biến hiện cõi Tịnh độ vô lậu, nên gọi là tịnh; còn các bậc Bồ tát Thập địa trở xuống, bản thức của các ngài biến hiện cõi Tịnh độ hữu lậu, nên không gọi là tịnh. Thức thứ tám là thức quả báo, cho nên cõi biến hiện gọi là cõi quả báo. Nếu bàn về phương diện tu tập bố thí, trì giới, thiền định, đảnh vô lậu định, có thể dùng định lực để vãng sanh các cõi Tịnh độ, thì phải đến bậc Bồ tát Tam địa mới được tự tại. Bởi thế, Luận Du Già Sư Địa mới cho rằng chỉ có các bậc Bồ tát Tam địa trở lên mới được vãng sanh Tịnh độ. Nếu như chứng đắc trí vô phân biệt, đoạn trừ nhân chấp và pháp chấp, đoạn trừ phiền não kiến đạo, chứng ngộ Bách pháp minh môn, được vãng sanh các Tịnh độ của chư Phật, thì phải là bậc Bồ tát Sơ địa trở lên. Còn nếu bàn về việc nương vào bốn nguyện đại bi của Phật tiếp dẫn tất cả chúng sanh phàm phu ngu chướng, cho đến những người phạm tội thập ác ngũ nghịch, **chỉ cần phát tâm Bồ đề đều được vãng sanh**, thì không thể căn cứ vào lập luận của Luận Du Già Sư Địa cho rằng chỉ có bậc Bồ tát Tam địa trở lên

mới được vãng sanh Tịnh độ, và nếu vậy, thì ngay cả các Bồ tát Sơ địa, Nhị địa cũng chưa được vãng sanh. Thế nhưng, Bồ tát Long Thọ được Phật thọ ký chứng bậc Sơ địa vãng sanh thế giới Cực Lạc, lẽ nào có thể nói chưa chứng Tam địa không được vãng sanh, mà đi ngược tông chỉ của Kinh Quán Vô Lượng Thọ!

Kinh Nhân Vương Bát Nhã nói bậc Bồ tát Sơ địa chứng Bách pháp minh môn, thấy được một trăm cõi Phật, làm sao nói họ không được vãng sanh Tịnh độ? Lại như Kinh Hoa Nghiêm nói các Bồ tát phàm phu mới phát tâm, phát nguyện vãng sanh Tịnh độ đều được vãng sanh. Do đây biết rằng Luận Du Già Sư Địa chỉ căn cứ vào khía cạnh “đắc định tự tại ly chướng được vãng sanh Tịnh độ” mà thôi.

2. Hội thông biệt thời.

a. Giải luận phá chấp.

Hỏi: Hai bộ luận Nhiếp Đại Thừa và Câu Xá do hai ngài luận sư Vô Trước và Thế Thân biên soạn, giải thích ý nghĩa của các kinh luận, có bốn ý thú và bốn câu bí mật, trong đó có câu “Chỉ do phát nguyện mà được vãng sanh Tịnh độ, đây là biệt thời ý.” Hiện nay khuyên tất mọi người tu tịnh nghiệp để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, đây là lý lẽ gì? Từ khi Luận Nhiếp Đại Thừa được phiên dịch đến nay đã hơn trăm năm, các vị tôn đức đã đọc qua và đều không tu Tịnh độ cầu vãng sanh Tây Phương. Hiện nay lại nói niệm Phật được vãng sanh, há chẳng đã đi ngược với bản ý của Luận Nhiếp Đại Thừa? (27)

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Chỉ do phát nguyện mà được vãng sanh Tịnh độ, đây là biệt thời ý.” Từ xưa đến nay, các vị tôn đức đều dùng đoạn văn này để chứng minh rằng niệm Phật không được vãng sanh trong hiện đời. Hiện nay, chúng tôi sẽ biện minh rằng “Niệm Phật liền được vãng sanh

trong hiện đời”, và đây là ý nghĩa chân thật mà hai ngài Vô Trước và Thế Thân muốn nói. Tại sao? Trong luận nói: “chỉ do phát nguyện”, tức là không đề cập đến “hành trì.” Không đề cập đến sự hành trì niệm Phật, mà chỉ đề cập riêng đến việc “phát nguyện” cho nên mới nói là “chỉ do phát nguyện.”

Nếu “chỉ do phát nguyện” mà được vãng sanh, đây là “biệt thời ý.” Nói cách khác, “biệt thời” nghĩa là không phải “chỉ do phát nguyện” mà lúc lâm chung được vãng sanh. Hiện nay, chí tâm niệm Phật tức là ý nghiệp hành thiện, xưng niệm danh hiệu Phật tức là khẩu nghiệp hành thiện, chấp tay lễ bái tức là thân nghiệp hành thiện. Do ba nghiệp thiện này có thể diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp. Hành và nguyện phối hợp nhau, liền được vãng sanh (trong hiện đời). Đâu phải chỉ là phát nguyện xuông! Luận chủ Vô Trước nói “chỉ do phát nguyện” có nghĩa là “nếu như nguyện có kèm theo sự hành trì thì đây không phải là biệt thời ý.” Những người nghiên cứu không chịu suy ngẫm sâu xa ý nghĩa này, bèn vội phát biểu võ đoán rằng “niệm Phật vãng sanh cũng là biệt thời ý.” Nếu vậy, tại sao trong Luận Nhiếp Đại Thừa không tuyên bố rõ ràng “ví như niệm Phật A Di Đà được vãng sanh là biệt thời ý.” Luận đã không nói “niệm Phật, tu mười sáu pháp quán, tu tập ba phước là biệt thời ý”, cho nên biết rằng niệm Phật, v.v..., không phải là biệt thời ý.

Có người cho rằng “niệm Phật, tu mười sáu pháp quán cũng là phát nguyện”, hoặc có người giải thích “luận chủ tuy nói **chỉ do phát nguyện**, nhưng hàm ý niệm Phật, v.v..., cũng là biệt thời ý.” Hiện nay, chúng ta cứ xét hai lời giải thích này xem chúng có mục đích làm lợi ích chúng sanh hay chỉ là sự giải thích quàng xiêng? Về phương diện lợi ích, lời giải thích thứ nhất sẽ khiến cho vô lượng chúng sanh trôi lăn trong năm nẻo, trời hụp trong ba đường ác, không thể vãng sanh Tịnh độ, thoát ly sanh tử. Về phương diện giải thích, nếu xét kỹ ý nghĩa của luận, thì lời giải thích thứ hai không hợp với bản ý của luận

chủ mà chỉ là sự phát biểu bâng quơ sai lạc. Các bộ luận Câu Xá, v.v..., khi tranh luận về tông chỉ và nghĩa lý, đều căn cứ vào lời dạy của Phật (kinh) để khai định ý chỉ và quy hướng, hướng chỉ, hiện nay lời dạy của Phật trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., đều chỉ bày tường tận các pháp tu, hoặc giảng giải ba phước là nhân chánh cho sự vãng sanh Tây Phương, hoặc chỉ bày mười sáu pháp quán là chánh nghiệp cho sự sanh về Cực Lạc. Tại sao lại cho rằng tất cả đều chỉ là phát nguyện?

Có tám lý do để biết rằng luận chủ **không chủ trương** “niệm Phật là biệt thời ý”:

(1) Luận sư giải thích kinh văn là vì ý nghĩa của kinh thâm sâu, những người tầm thường khó hiểu rõ bản ý của Phật. Các nhà luận sư tạo luận giải thích lời Phật là muốn cho người trí kẻ ngu đều được hiểu rõ. Hiện nay, những lời dạy về pháp Niệm Phật Vãng Sanh của các kinh Quán Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ và A Di Đà rất rõ ràng, người trí kẻ ngu đều hiểu rõ, đâu có khúc mắc gì mà cần phải được giải thích.

(2) Ngài tỳ kheo Pháp Tạng phát Bốn mươi tám nguyện lớn tiếp dẫn chúng sanh, lẽ nào đem “biệt thời ý” để phát những lời nguyện lớn hay sao? Trong bốn mươi tám nguyện có câu “Nếu như niệm Phật mà không được vãng sanh, thì không thành Phật”, do đây biết rằng công hạnh niệm Phật, v.v..., nhất định sẽ được vãng sanh. Điều này nằm trong Bốn mươi tám nguyện và không phải là biệt thời ý. Còn câu “Chỉ do phát nguyện không được vãng sanh” không nằm trong Bốn mươi tám nguyện, và đó là biệt thời ý.

(3) Trong Kinh Xưng Tán Tịnh độ, hằng hà sa chư Phật mười phương đều hiện tướng lưới rộng dài chứng minh cho sự vãng sanh, chả lẽ các ngài chứng minh “biệt thời ý”? Chư Phật hiện tướng lưới vốn vì các chúng sanh không tin pháp môn Tịnh độ. Những chúng sanh đó cho rằng công phu niệm Phật ít ỏi,

làm sao trong một đời mà được vãng sanh, rồi khởi tâm hủy báng, không tin lời Phật dạy, cho nên các ngài hiện tướng lưỡi rộng dài, nói lời thành thật, khiến cho bọn họ thấy mặt nghe lời, đều dứt trừ nghi hoặc, phát khởi lòng tin.

(4) Kinh A Di Đà trước tiên khuyên chúng sanh phải nên phát nguyện cầu sanh Cực Lạc, kể đến dạy phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày, đến lúc mạng chung liền được thánh chúng đến tiếp dẫn vãng sanh. Nếu niệm Phật chỉ là phát nguyện, thì phần trên đã khuyên phát nguyện, phần dưới cần gì phải dạy pháp niệm Phật? Cho nên biết rằng phần trên là nguyện, phần dưới là hành. Hành nguyện phù hợp thì được vãng sanh. Lẽ nào niệm Phật chỉ là phát nguyện?

(5) Luận Vãng Sanh và Luận Nhiếp Đại Thừa đều do Bồ tát Thế Thân biên soạn. Chả lẽ trong Luận Vãng Sanh nói niệm Phật vãng sanh Tây Phương không phải biệt thời ý, mà trong Luận Nhiếp Đại Thừa lại cho rằng niệm Phật là biệt thời ý, không được vãng sanh trong hiện đời hay sao? Giả như hai bộ luận này do hai luận sư kiến giải khác biệt sáng tác, chúng ta cũng vẫn phải đặt nghi vấn tại sao chỉ có Luận Nhiếp Đại Thừa đặt được ý chỉ của Kinh, còn Luận Vãng Sanh lại mê mờ lời dạy của Phật? Huống chi hiện nay hai quyển luận đều do ngài Thế Thân biên soạn, ý nghĩa đâu thể mâu thuẫn với nhau. Nếu dùng luận để thăm dò bốn ý luận sư, phải nên biết rằng chỉ có “phát nguyện suông” mới là biệt thời ý!

(6) Luận Vãng Sanh nói đến năm môn: (a) thân nghiệp lễ bái, (b) khẩu nghiệp niệm Phật, (c) ý nghiệp quán sát, (d) phát nguyện, và (e) hồi hướng. Nếu ba môn trước đã là phát nguyện, thì đâu có khác gì môn thứ tư (phát nguyện). Nếu nói giống nhau thì đâu gọi là năm môn. Nếu nói khác nhau thì ba môn trước là hành, chứ không phải nguyện!

(7) Luận Đại Thừa Khởi Tín do ngài Mã Minh trước tác nói rằng niệm Phật vãng sanh Tây Phương chính là hành môn, không phải biệt thời ý. Do đây biết rằng bốn ý của ngài Thế Thân khi tạo luận cũng giống như ngài Mã Minh, không bao giờ cho rằng các môn Niệm Phật, v.v..., là biệt thời ý. Ngài Mã Minh tạo Luận Đại Thừa Khởi Tín chỉ dạy cho hàng Bồ tát sơ cơ, nói có tám nhân duyên để tạo luận, trong đó nhân duyên thứ bảy nói: “Chỉ rõ phương tiện chuyên tâm niệm Phật vãng sanh cõi Phật quyết định không còn thoái chuyển lòng tin Đại thừa. Lại nữa, những chúng sanh mới học Đại thừa, muốn cầu chánh tín, lòng tin chưa vững, ở lâu nơi cõi Ta Bà này, không được thường gần gũi chư Phật để cúng dường, lòng tin Đại thừa khó thành tựu, hoặc giả sẽ bị thoái thất. Nên biết đức Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp thọ hộ trì tín tâm của hành giả, nghĩa là dùng nhân duyên niệm Phật vãng sanh các cõi Tịnh độ, thường gần gũi chư Phật, vĩnh viễn lìa xa ác đạo. Như trong kệ kinh có nói nếu hành giả chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, rồi đem thiện căn tu hành hồi hướng cầu sanh về thế giới ấy, ắt sẽ được vãng sanh. Vì thường gặp Phật, tín tâm Đại thừa sẽ không bị thoái chuyển.” Nếu siêng tu pháp quán Chân như Pháp thân của Phật, ắt được vãng sanh, trụ trong chánh định.

(8) Nếu cho rằng niệm Phật không phải là hành môn, thì sự tu tập ba phước, mười sáu pháp quán có phải là hành môn hay không? Nếu [tu ba phước, mười sáu pháp quán] là hành môn, trong phần quán Đất nói rằng tu pháp quán Đất thành tựu sẽ diệt trừ tám mươi ức kiếp tội chướng sanh tử, sau khi mạng chung sẽ được sanh về Tịnh độ, tâm không còn nghi. Còn như niệm danh hiệu Phật A Di Đà, trong mỗi niệm cũng diệt trừ được tám mươi ức kiếp sanh tử tội nặng sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Tại sao diệt tội giống nhau mà một pháp là hành môn, một pháp không phải là hành môn? Tu pháp quán được vãng sanh, còn tu niệm Phật không được vãng sanh? Nếu cả hai pháp tu đều không phải hành môn, thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị

nữ do tu pháp quán này mà được được Phật thọ ký vãng sanh hay do tu các hạnh khác mà được vãng sanh? Nếu do tu pháp quán này được vãng sanh, nhưng pháp quán này không phải hành môn, như vậy làm sao được vãng sanh? Nếu tu pháp quán này không được vãng sanh, bà Vi Đề Hy cần gì phải thỉnh cầu pháp tu không vãng sanh? Và Đức Như Lai việc gì phải giảng pháp không vãng sanh? Nếu cả hai đều là nguyện môn thì ắt chúng chỉ là một, cần gì phải phân ra mười sáu pháp quán? Hai lời giải thích võ đoán ở trên, không những không hiểu kinh văn, mà còn hủy báng chánh kiến, hại mình hại người. Đối với Phật pháp và chúng sanh đều không lợi ích.

b. Hành tướng của biệt thời ý.

Hỏi: Nếu chỉ phát nguyện suông là biệt thời ý, vậy biệt thời ý là gì? (28)

Đáp: Đức Phật biết chúng sanh phiền não sâu nặng, trôi lăn trong sanh tử, trời ngụp trong biển khổ, không ngày xuất ly, nên ngài mới tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc y báo chánh báo trang nghiêm, khuyến khích chúng sanh vãng sanh Tịnh độ. Chúng sanh tuy nghe Phật dạy, do vì phiền não chướng có nặng có nhẹ, sự tỏ ngộ có sâu có cạn, thành thử sự tu tập có cao có thấp.

(a) Có một hạng chúng sanh nghe lời Phật dạy bèn chê bai, phỉ báng. Bọn họ không những không sanh Tây Phương, mà còn tự làm cho mình trầm luân biển khổ. Hạng người này vô duyên đối với pháp môn Cực Lạc.

(b) Có một hạng chúng sanh nghe pháp Tịnh độ, tuy khởi lòng tin sâu và không phỉ báng, nhưng vì còn tham mê ngũ dục, lưu luyến Ta Bà, không dám phát nguyện, không chịu tu hành. Bọn họ tu thiện, hoặc sanh cõi trời, hoặc lại tiếp tục tạo ác,

trầm luân ác đạo. Hạng người này cũng không có duyên với cõi Tây Phương Tịnh độ.

Hai hạng người vừa nêu trên, hoặc không có tâm nguyện cầu, hoặc sanh tâm hủy báng, cho nên Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: “Nếu có chúng sanh nghe giáo pháp Tịnh độ, nghe như không nghe, lại còn phỉ báng, ta nói hạng người đó chưa được giải thoát, mới từ ác đạo đầu thai làm người.” Không có lòng tin, hoặc không có hạnh nguyện, cho nên chưa được giải thoát.

(c) Có một hạng chúng sanh, tức duyên với Phật A Di Đà đã chín muồi, nghe giáo lý Tịnh độ, khởi lòng kính tin, phát thệ nguyện lớn, nguyện được vãng sanh Tây Phương Tịnh độ, quyết định không cầu quả báo trời người. Người này tuy phát nguyện mạnh mẽ, nhưng hoặc vì nhân duyên phiền não, vẫn tiếp tục đam mê ngũ dục, hoặc phóng dật biếng nhác, không thể tu đạo, gặp ác tri thức, tạo nhiều tội ác, hoặc lúc mạng chung không gặp được thiện tri thức, hoặc thân mang bệnh nặng, cuồng loạn mất trí, hoặc tâm trí tán loạn, không hiểu ý người khác nói, hạng người như vậy chỉ phát nguyện suông, chưa từng tu hạnh Tịnh độ. Tuy không được vãng sanh ngay trong đời này, nhưng sự phát nguyện của họ sẽ là nhân duyên cho sự vãng sanh trong những đời sau. Hoặc giả, do sức mạnh thù thắng của sự phát nguyện mà sau này họ sẽ nhất định ra công tu hành. Đối với hai hạng người này (chưa thể tu, dự định tu), luận mới nêu lên ý nghĩa “biệt thời ý”, và vì thế, trong kinh mới cho rằng những người này sẽ được vãng sanh Tây Phương. Bởi có những người ngu độn cho rằng chỉ cần phát nguyện mà không cần phải tu tập nhân duyên Tịnh độ, cho nên luận sư giải thích cho rằng đó là biệt thời ý “không phải chỉ do phát nguyện mà được vãng sanh Tịnh độ trong hiện đời.” Người đời sau đọc luận, không hiểu ý thú, bèn cho rằng niệm Phật cũng không được vãng sanh. Đây là điều vô cùng sai lầm.

(d) Có một loại chúng sanh, thiện căn sâu dày, phiền não mỏng ít, may gặp thắng duyên, nghe được giáo pháp Tịnh độ, sanh lòng tin thanh tịnh sâu xa, phát nguyện tu hành, lâm chung như trong kinh đã nói tường tận. Đây là hạnh nguyện đầy đủ, liền được vãng sanh, khác với hạng người chỉ phát nguyện, cho nên đây không phải là giáo pháp “biệt thời.” Đức Phật đối với hai hạng người chưa được vãng sanh ở trên, nói rằng phát nguyện sẽ được vãng sanh. Luận sư e bọn họ hiểu lầm rằng chỉ cần phát nguyện cũng sẽ được vãng sanh giống như người hạnh nguyện đầy đủ, cho nên mới nói rằng những người chỉ phát nguyện sẽ không được vãng sanh hiện đời, đây là “biệt thời ý.” Các ngài ví dụ sự phát nguyện như một đồng tiền vốn, sự niệm Phật tu hành như chín trăm chín mươi chín đồng tiền trung gian, và sự vãng sanh Tịnh độ như đồng tiền thứ một ngàn. Vì thế trong Luận Nhiếp Đại Thừa mới có ví dụ dùng một đồng tiền làm vốn sanh ra một ngàn đồng tiền. Lại như, niệm Phật Đa Bảo không thể lập tức chứng được giai vị Bất thoái. Vị Bất thoái tức là bậc Bồ tát Sơ trụ. Hành giả lúc niệm Phật Đa Bảo, hoặc là đang ở giai vị dưới Thập tín, hoặc là đang ở giai vị Sơ tín, v.v..., không thể niệm Phật Đa Bảo liền có thể vượt qua mười ngàn đại kiếp từ Sơ tín lên đến Sơ trụ, mà trong giai đoạn trung gian phải tu tám vạn bốn ngàn môn Ba la mật thì mới lên đến Sơ trụ. Và lại, niệm Phật Đa Bảo và giai vị Bất thoái là nhân duyên xa cho nên gọi là biệt thời ý.

Phần IV: Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ bốn xứ.

1. Năm nẻo vãng sanh.

Hỏi: Chỉ riêng loài người mới được vãng sanh Tịnh độ, hay các chúng sanh khác cũng được vãng sanh? Còn những người đã đầu thai vào trong các cảnh giới khác có được vãng sanh Tịnh độ hay không? (29)

Đáp: Tất cả chúng sanh trong năm nẻo đều có thể tu Tịnh nghiệp vãng sanh Cực Lạc. Chẳng hạn chư thiên đến nghe Phật giảng Kinh Quán Vô Lượng Thọ, và đoạn dưới của kinh nói rằng vô lượng chư thiên, long, dạ xoa, v.v..., nghe Phật thuyết giảng thấy đều hoan hỷ. Kinh Xưng Tán Tịnh độ, trong phần mở đầu nói vô lượng chư thiên, a tu la, v.v..., vì muốn nghe pháp đều đến tham dự. Do đây biết rằng tất cả đều có thể phát nguyện vãng sanh Tịnh độ, đều có thể tu tập tịnh nghiệp, vãng sanh Tây Phương. Hơn nữa, Kinh Bồ Tát Xứ Thai nói: “Vua rồng biến hiện thân người thọ giới Bát quan trai, kim xí điều muốn ăn thịt rồng mà không được, bèn hỏi vua rồng đã thọ pháp gì, vua rồng nói thọ giới Bát quan trai. Kim xí điều bèn theo vua rồng xuống long cung. Lúc đó các rồng nam, rồng nữ nghe pháp Bát quan trai, phát lòng kính tin. Sau khi mạng chung, tất cả đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc.” Lại như Kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh nói: “Nếu đem tài vật, ruộng vườn của người chết bố thí cho Tam bảo, sức mạnh thù thắng của sự bố thí có thể diệt tội báo địa ngục cho họ. Do nhân duyên này, người chết được giải thoát, xa lìa tất cả khổ não, vãng sanh Tịnh độ của chư Phật mười phương.” Do đây biết rằng tất cả chúng sanh trong năm nẻo đều được vãng sanh Cực Lạc.

2. Trung âm cõi Cực Lạc.

a. Trung âm có hay không

Hỏi: Thọ sanh nơi cõi Ta Bà trước uế này, hẳn có hình sắc đều phải thọ thân trung âm, chết nơi đây sanh nơi kia. Có bốn loại âm: trung âm, sanh âm, bốn âm và tử âm. Không biết sự vãng sanh từ cõi Ta Bà sang cõi Tịnh độ có cần thân trung âm hay không? (30)

Đáp: Có hai cách giải thích. (a) Có người cho rằng không có trung âm, bởi vì vừa mạng chung ở cõi Ta Bà thì đã ngồi hoa sen ở cõi Cực Lạc. Đây thuộc về sanh âm, bởi vì ngồi vào hoa sen cũng giống như nhập vào bào thai. (b) Cách giải thích hiện nay của chúng tôi không hẳn như vậy. Ví như pháp thọ thai ở Ta Bà, phải từ nơi chết đến nơi sanh mới thọ sanh âm. Chẳng hạn như chết ở cõi Dục sanh về cõi Sắc, trước tiên cần phải thọ thân trung âm cõi Sắc, sau khi đến cõi Sắc mới thọ thân sanh âm cõi Sắc. Hiện nay, ý nghĩa vãng sanh Tịnh độ cũng tương tự như vậy, không thể ở ngay cõi uế trước mà có thể thọ thân sanh âm của cõi Tịnh độ. Phải đến ao báu nơi cõi Tịnh độ, thân trung âm mới trở thành thân sanh âm. Cõi Vô sắc không có sắc thân, có thể không cần thân trung âm truyền thọ tâm thức để thọ sanh, còn cõi Tịnh độ có sắc thân, tại sao không chấp nhận có thân trung âm truyền thọ tâm thức đến đó để thọ thân sanh âm?

b. Sự khác biệt của trung âm.

Hỏi: Nếu như có thân trung âm, thì phải đến ao báu ở cõi Cực Lạc mới có thể ngồi vào hoa sen, và sau đó hoa mới nở. Tại sao đang ở cõi Ta Bà, thân trung âm của hành giả vãng sanh đã ngồi hoa sen? Nếu vậy có khác với thân sanh âm ở cõi Tịnh độ hay không? (31)

Đáp: Chả lẽ lấy lý do thân trung âm nhập vào hoa sen ở Ta Bà mà cho là giống như thân sanh âm ở cõi Cực Lạc hay

sao? Vãng sanh Cực Lạc là nhờ sức mạnh thù thắng của phước đức, tuy cũng là thân trung ấm, nhưng nương vào hoa sen mà hóa sanh, khác với thân trung ấm bình thường của cõi trước uế. Tuy thân trung ấm, thân sanh ấm cùng trụ trong hoa sen, nhưng có sự hơn kém, sáng tối khác nhau để phân biệt hai loại ấm thân này. Lại còn dùng hai nghĩa “thú sanh”⁹ và “chí sanh”¹⁰ để nêu rõ sự sai khác của trung ấm và sanh ấm. Nếu cho rằng trung ấm, sanh ấm cùng ở trong hoa, không thể phân biệt, thì ở cõi Ta Bà, trung ấm, sanh ấm đều không có hoa, như vậy có thể cho rằng hai ấm này cũng không có sự khác biệt hay sao? Có người cho rằng trung ấm, sanh ấm tuy đều không có hoa, nhưng có thể phân biệt bằng sự thọ thai, xuất thai, v.v... Điều này đối với ba trường hợp thai sanh, noãn sanh và thấp sanh thì có thể phân biệt, còn đối với trường hợp hóa sanh, làm sao phân biệt trung ấm và sanh ấm? Do đây biết rằng có thân trung ấm.

Hơn nữa, trong địa ngục, thân trung ấm đã bị thiêu đốt, lẽ nào lại không khác biệt với thân sanh ấm. Do đây biết rằng thân trung ấm và sanh ấm nơi cõi Tịnh độ cũng có sự khác biệt tương tự như vậy. Thế nhưng, chưa thấy kinh luận nào đề cập đến vấn đề này, do đó không thể phán định là có hay không có thân trung ấm vãng sanh Tịnh độ. Tuy không có kinh văn dẫn chứng, nhưng ý nghĩa “có thân trung ấm” vẫn hợp lý hơn. Nếu không, thân vãng sanh Tịnh độ là thân gì?

c. Trung ấm mặc y phục.

Hỏi: Nếu có thân trung ấm, không biết thân trung ấm cõi Cực Lạc có mặc y phục hay không? (32)

Đáp: Điều này kinh luận đều không đề cập đến. Thế nhưng, nếu y theo sự nhận định [của soạn giả], thì thân trung

ấm phải mặc y phục. Luân Câu Xá nói: “Tất cả thân trung ấm cõi Dục, trừ thân trung ấm của tỳ kheo ni Tiên Bạch, đều không mặc y phục, bởi vì thân trung ấm cõi Dục không có tâm hồ thẹn. Tất cả thân trung ấm cõi Sắc đều mặc y phục, vì có tâm hồ thẹn.” Do đây suy luận, thân trung ấm cõi Tịnh độ đều mặc y phục, bởi vì cõi Tịnh độ thù thắng hơn cõi Sắc, lẽ nào thân trung ấm lại không mặc y phục?

d. Hình tướng của trung ấm.

Hỏi: Hình tướng thân trung ấm của cõi Tịnh độ ra sao? (33)

Đáp: Ý nghĩa này cũng do sự nhận định mà biết. Ở cõi Ta Bà, thân trung ấm cõi trời đứng thẳng. Thân trung ấm cõi địa ngục, đầu phía dưới, chân hướng lên. Thân trung ấm cõi người, ngạ quỷ và bàng sanh thì đi ngang, giống như chim bay. Thân trung ấm cõi Tịnh độ cũng đứng thẳng. Lại có một cách giải thích khác cho rằng thân trung ấm cõi trời thọ sanh trong tướng đứng, còn thân trung ấm Tịnh độ thọ sanh trong tướng ngồi.

e. Có ăn mùi hương hay không.

Hỏi: Khi thân trung ấm chưa đến Cực Lạc, nó sẽ ăn uống như thế nào trên lộ trình qua mười vạn ức cõi Phật? (34)

Đáp: Thân trung ấm cõi Dục, lúc chưa thọ thai, phần lớn dùng hương thơm để làm thức ăn. Thân trung ấm cõi Cực Lạc thọ sanh về cõi đó nhanh như khoảng khảy móng tay, thời gian không dài, cho nên không cần ẩm thực. Hơn nữa, trên lộ trình qua mười vạn ức cõi Phật, thân trung ấm có thể dùng mùi hương ở các cõi Phật làm ẩm thực trước khi thọ sanh ở cõi Cực Lạc. Ý nghĩa về thân trung ấm nhiều vô lượng, ở đây không thể nói hết.

⁹ Thú sanh: đang đi đến nơi thọ sanh.

¹⁰ Chí sanh: đã đến nơi thọ sanh.

Phần V: Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ sự tăng trưởng lòng tin.

1. Chư Phật chứng thành.

Hỏi: Đức Như Lai giảng pháp tùy thuận căn cơ chúng sanh. Ngài thường giảng cho những người có lòng tin đối với Phật pháp, chứ không giảng cho những kẻ có tâm nghi ngờ. Kinh Dược Sư nói: “Đức Phật bố thí pháp cho những người có lòng tin, chứ không giảng pháp cho những kẻ nghi hoặc.” Tại sao trong vài bộ kinh, chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tấn chúng sanh phát khởi lòng tin, còn trong những bộ kinh khác lại không hiện tướng lưỡi mà chỉ thuần tuyên thuyết diệu lý. Hơn nữa, giảng pháp thâm diệu, phàm phu không hiểu, khởi lòng hoài nghi, sanh tâm hủy báng. Chẳng hạn khi Đức Phật nói Kinh Pháp Hoa, hội tam quy nhất¹¹, hàng Nhị thừa, v.v... không khởi lòng tin, cho nên Đức Phật Đa Bảo hiện bảo tháp để chứng minh, Đức Bổn Sư đã phải hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng tỏ sự chân thật, và phải ba lần khuyên chúng sanh nên tin lời dạy của ngài, sau đó mới tiếp tục giảng kinh. Hiện nay, Kinh A Di Đà chỉ bàn về cảnh tượng y báo chánh báo, trang nghiêm thanh tịnh của cõi Tây Phương, khuyên tấn hành giả vãng sanh, sanh khởi chánh tín, cần gì chư Phật sáu phương hoặc mười phương phải cùng nhau hiện tướng lưỡi rộng dài để khuyến khích chúng sanh phát khởi lòng tin? (35)

Đáp: Phần dưới của Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói Đức Bổn Sư tự thuật việc hàng hà sa chư Phật mười phương thấy ngài đang giảng thuyết Kinh Xưng Tán Tịnh độ, mỗi vị đều ở tại bốn xứ cùng lên tiếng tán thán: “Đức Phật Thích Ca ở nơi

¹¹ Hội tam quy nhất: Gom ba thừa Thanh văn, Duyên giác, và Bồ tát vào một Phật thừa, hoặc Nhất thừa.

thế giới Ta Bà, vào thời ác năm trước, mà có thể chứng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, vì các chúng sanh giảng pháp cực kỳ khó tin.” Đức Bổn Sư, sau khi được chư Phật tán thán, đã nói với Xá Lợi Phất: “Ta ở đời ác năm trước chứng đắc A nậu đa la tam miệu bồ đề, vì các chúng sanh giảng thuyết pháp môn khó tin nhất thế gian, đây là điều cực kỳ khó khăn.” Đức Như Lai giảng thuyết hàng trăm ngàn bộ kinh, ngài chưa bao giờ cho là khó khăn, mà lúc giảng Kinh Xưng Tán Tịnh độ, Đức Bổn Sư cùng hàng hà sa chư Phật mười phương đều nói rằng kinh này là khó tin khó giảng. Thông thường, khi Đức Phật giảng nói mười hai phần giáo, tất cả ngoại đạo đều sanh tâm phi báng, còn các đệ tử Phật đều phát khởi tín tâm. Hiện nay, Phật nói Kinh A Di Đà, cho rằng những chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thập ác, chỉ cần niệm Phật liền có thể vãng sanh Tịnh độ, thì ngay những Phật tử kiên thành cũng khởi tâm nghi ngờ, không tin lời dạy này của Phật. Hiện nay, hãy quán sát bốn chúng Phật tử đều là những người chánh tín, nhưng vẫn nghi ngờ rằng niệm Phật chưa chắc được vãng sanh hiện đời, cho nên biết rằng bộ kinh này khó gọi được lòng tin của mọi hàng Phật tử. Chư Phật biết trước trong đời vị lại sẽ có nhiều chúng sanh nghi ngờ, nên cùng hiện tướng lưỡi để chứng minh cho lời dạy chân thành, khuyến khích mọi người tu học.

Hơn nữa, đối với sự kiện các bậc Bồ tát Tam hiền trở lên, hoặc các bậc đại thiện tri thức như ngài Long Thọ, v.v..., được vãng sanh Tịnh độ, thì ngay những kẻ phàm phu trước ác cũng tin rằng có thật. Bọn họ cho rằng những bậc thù thắng, phước nhiều tội ít, được vãng sanh thì không có gì lạ. Lại nữa, đối với sự kiện những phàm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, đến lúc lâm chung chí thành khẩn thiết niệm mười danh hiệu Phật, nương vào bốn nguyện Phật mà được vãng sanh, thì các Bồ tát Thập địa, Tam hiền cũng đều tin tưởng mà không khởi tâm nghi ngờ. Chỉ riêng trường hợp hạ phẩm hạ sanh, những kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác, không tội ác nào không làm, nhưng đến lúc lâm chung, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, đây đủ mười niệm

liền được vãng sanh Tịnh độ, thì những kẻ không tin điều này chính là những người đang tạo tội thập ác, không tin niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Bọn họ tự cho rằng mình là những phàm phu tội lỗi, từ vô thi đến nay đã tạo vô số tội ác, niệm Phật mười niệm làm gì có đủ công đức để diệt trừ tội nặng, vãng sanh Cực Lạc; hoặc cho rằng đây là lời Phật khuyến khích, lấy việc gần để ví cho việc xa; hoặc cho rằng đây là biệt thời ý. Dù loại giải thích mông lung, không tin vào sự vãng sanh hiện đời. Tán đồng lời Phật dạy thì ít, còn phỉ báng thì nhiều. Ít người tin lời dạy này của Phật, do đây chư Phật cùng nhau hiện tướng lưỡi rộng dài bao trùm cõi Tam thiên để chứng minh pháp môn niệm Phật là xác đáng, quyết định được vãng sanh, đồng thời hộ niệm cho các hành giả tu hành được vãng sanh Tịnh độ.

2. Phật đầy đủ các nguyện.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật bình đẳng, các ngài đều đã đầy đủ hạnh nguyện mới viên thành Chánh Giác, được danh xưng Lương Túc Tôn.” Hiện nay Kinh Dược Sư nói Đức Phật Dược Sư lúc hành Bồ tát đạo chỉ phát mười hai đại nguyện, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Bỉ Hoa nói Phật A Di Đà phát Bồ đề tâm và khi tu Bồ tát hạnh phát bốn mươi tám nguyện. Điều này hoàn toàn khác hẳn với tông chỉ của Kinh Hoa Nghiêm, đây là có ý gì? (36)

Đáp: Hai kinh Hoa Nghiêm và Dược Sư căn cứ vào hai tông chỉ khác nhau, nhưng không có sự trái nghịch. Trên thực tế, tất cả chư Phật đều đầy đủ tất cả hạnh nguyện, không có hơn kém. Nếu có một nguyện không thành thì không thể chứng thành Chánh Giác, không được tôn xưng là Nhất Thiết Trí. Công đức của chư Phật cũng không có sự khác biệt. Kinh Duy Ma Cát nói: “Công đức của chư Phật Như Lai đều bình đẳng.” Còn như Kinh Dược Sư nói mười hai nguyện, Kinh Vô Lượng Thọ nói bốn mươi tám nguyện, đây đều là tùy thuận căn cơ của chúng sanh mà nói. Chư Phật giáo hóa chúng sanh, tiếp dẫn

những kẻ hữu duyên. Chúng sanh có duyên với Phật, ắt sẽ y theo bốn nguyện của Phật mà tu hành. Chư Phật cũng nương vào những thế nguyện lớn của mình mà hóa độ chúng sanh. Khi chư Phật phát tâm Bồ đề, các ngài đều an trụ trong tâm nguyện rộng lớn: “Ta sẽ khiến cho tất cả chúng sanh đều nhập Vô dư Niết bàn.” Bồ tát từ lúc mới phát tâm, tu tập Bồ tát hạnh vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, thành bậc Chánh Giác. Thế nhưng chúng sanh nhiều vô tận vô biên, Bồ tát không thể nào giáo hóa tất cả. Chúng sanh giới chưa tận mà Bồ tát đã thành Phật. Tâm nguyện các ngài tuy rộng lớn, nhưng sự việc độ sanh không thể hoàn tất. Thế nhưng, có những chúng sanh đối với mười hai nguyện lớn tin tưởng chí thành khẩn thiết, hiện nay cơ duyên của họ đối với những đại nguyện này đã chín muồi. Những chúng sanh đối với bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A Di Đà cũng vậy, phát tâm tin tưởng chí thành, hiện nay nhân duyên của họ đối với bốn mươi tám nguyện đã chín muồi. Tuy Phật Dược Sư và Phật A Di Đà có đầy đủ hằng hà sa nguyện lớn, thế nhưng đối với những chúng sanh căn cơ khác nhau, các ngài nêu lên những nguyện lớn khác nhau. Phật Dược Sư tuy cũng có bốn mươi tám nguyện, nhưng đối với các chúng sanh có duyên với mười hai nguyện, ngài chỉ nói mười hai nguyện. Tương tự, Phật A Di Đà tuy cũng có mười hai nguyện, nhưng đối với chúng sanh có duyên với bốn mươi tám nguyện, ngài chỉ nói bốn mươi tám nguyện. Ví như kho thuốc của bậc Y vương, tuy có vô lượng món thuốc, các ngài tùy theo những căn bệnh khác nhau mà điều chế những phương thuốc khác nhau. Chớ vì thấy phương thuốc đơn giản mà cho rằng liều thuốc không hay, hoặc không tin trong kho thuốc của bậc Y vương có đủ các món thuốc để trị tất cả bệnh. Kinh Hoa Nghiêm nói chư Phật bình đẳng, có đầy đủ tất cả nguyện hạnh, ví như toàn thể kho thuốc, mười hai nguyện của Phật Dược Sư, hoặc bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà ví như những toa thuốc để trị những căn bệnh. Do đây biết rằng ý chỉ của Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Dược Sư không hề trái ngược nhau.

3. Biết chắc vãng sanh.

Hỏi: Có những tướng trạng nào để biết rõ hành giả chắc chắn được vãng sanh Tây Phương hay không? Có kinh điển nào làm chứng cứ hay không? (37)

Đáp: Có ba lời dạy của Phật làm chứng cứ cho sự vãng sanh của các hành giả tu tập Tịnh độ:

a) Kinh Xung Tán Tịnh độ nói: “Ở thế giới Ta Bà vào thời ngũ trước tập nhiệm này, nếu các thiện nam tử thiện nữ nhân có lòng tin thanh tịnh, nghe nói pháp khó tin nhất thế gian này mà có thể sanh lòng tin hiểu, thọ trì giảng nói, y theo lời dạy của Phật mà tu hành, nên biết rằng những người này rất là hiếm có, đã từng trồng căn lành ở nơi vô lượng chư Phật. Bọn họ sau khi mạng chung, ắt sẽ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

b) Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: “Nếu có người nghe đến pháp môn Tịnh độ, lông tóc dựng đứng (vì vui mừng tột độ), ta nói người đó nhất định được giải thoát.”

c) Kinh Hiền Hộ, quyển một, nói: “Chúng sanh nào tu tập Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội, nghe đến danh hiệu của Đức A Di Đà Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, mà có thể buộc tâm tương tục, quán sát Đức Phật ấy, nhất tâm bất loạn, thì được gọi là Bồ tát tư duy đầy đủ, thành tựu Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội. Hành giả do oai lực của tam muội này mà được thấy Phật A Di Đà. Lúc ấy hành giả hỏi: ‘Bạch đức Thế Tôn, chư Bồ tát thành tựu pháp nào thì có thể vãng sanh Cực Lạc?’ Đức Phật A Di Đà trả lời: ‘Người phát tâm cầu vãng sanh Cực Lạc phải thường buộc tâm chánh niệm cõi nước ấy thì ắt sẽ được vãng sanh.’” Các hành giả hãy tự quán sát, nếu như tương ứng với một trong ba kinh này thì sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

4. Không nguyện vãng sanh về cõi Sắc.

Hỏi: Ở cõi trước uế này, chư thiên cõi Sắc cũng không có sự ưu sầu khổ não mà chỉ có sự hỷ lạc. Điều này so với cõi Tịnh độ có gì thua kém, mà chúng sanh không chịu vãng sanh về cõi Sắc lại cầu vãng sanh Tịnh độ? (38)

Đáp: Chư thiên cõi Sắc tuy không ưu sầu khổ não, chỉ hưởng sự hỷ lạc, nhưng không phải là cực lạc, vì chung cuộc vẫn phải thọ khổ. Vì thế người tu không nguyện vãng sanh về cõi trời. Có tám ý nghĩa để biết cõi Sắc không phải Cực Lạc:

1. Cõi Sắc không có sự vui tịch diệt: Các phàm phu sanh về cõi Sắc không thể chứng được sự vui tịch diệt của Đại niết bàn.

2. Sau khi chết đọa tam ác đạo: Chúng sanh cõi Sắc và Vô sắc, sau khi hưởng hết phước báo, tùy theo dư nghiệp¹², sẽ sanh xuống các cõi trời thấp hơn, hoặc đọa ba đường ác.

3. Không có các bậc thánh để nương tựa: Cõi Sắc tuy cũng có Ngũ tịnh cư thiên (năm cõi trời có các bậc A na hàm cư trú), nhưng đâu có thể sánh với cõi Tây Phương có nhiều bậc Nhất sanh bồ xứ.

4. Không nghe Chánh pháp: Cõi Sắc làm gì có chư Phật, Bồ tát, cho đến ao báu, chim báu, cây báu đều ngày đêm giảng nói pháp mầu.

5. Tham ái thiên định: Cõi Sắc tuy cũng có tịnh định¹³, nhưng có nhiều vị định¹⁴ xen lẫn, làm cho hành giả tăng trưởng phiền não ái nhiễm.

¹² Nghiệp còn sót lại sau khi đã quả thọ báo chính thức.

¹³ Định làm tăng trưởng tịnh tâm.

6. Tăng trưởng tà kiến: Sanh về cõi sắc, thường gặp các ngoại đạo, dễ sanh trưởng tà kiến. Hơn nữa, sanh về cõi trời Vô tướng, khi mạng chung thường khởi tà kiến, phi báng Niết bàn, đọa vào địa ngục.

7. Tam tai phá hủy cảnh giới: Cõi trời Tam thiên trở xuống bị ba loại tai ương lớn là hỏa tai (hủy hoại Sơ thiên), thủy tai (hủy hoại Nhị thiên) và phong tai (hủy hoại Tam thiên). Ở cõi Tịnh độ không có sự kiện này.

8. Bị lâm vào bát nạn: Cõi Sắc và Vô sắc tuy không có ưu sầu khổ não, nhưng lại bị xếp vào nạn Trường thọ thiên (một trong tám nạn của Phật giáo).

Có đủ tám nghĩa này, tuy có sự hỷ lạc, nhưng chung cuộc vẫn chìm trong biển khổ, cho nên sự “lạc” vẫn không phải cực lạc. So với các cõi Tịnh độ, sự hơn kém quả thật như trời vực. Bởi thế các hành giả cầu vãng sanh, quyết không nguyện sanh về cõi Sắc, mà nguyện sanh về Tịnh độ để được vĩnh viễn không thoái chuyển.

5. Trì giới được trường thọ.

Hỏi: Những người tu hành nguyện sanh Tịnh độ, hoặc trì trai giới một ngày đêm, hoặc hiếu dưỡng cha mẹ, v.v..., những nghiệp lành này, nếu không hồi hướng cầu vãng sanh, ắt sẽ chiêu cảm quả báo người, trời. Tuổi thọ cõi người không quá trăm năm, tuổi thọ cõi trời Dục dài lắm là mười sáu ngàn năm. Hiện nay dùng những công đức trì giới, v.v..., nguyện vãng sanh Tây Phương, vì sao chiêu cảm quả báo thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Công đức tu

hành không hơn kém, mà quả báo thọ mạng lại khác nhau như trời với đất vậy? (39)

Đáp: Ý nghĩa này thật khó giải thích. Lời kinh trình bày nghiệp lực bất khả tư nghị, chúng ta chỉ có thể cung kính tin tưởng, không thể dùng tâm tư suy lường. Hiện nay xin trình bày một cách giải thích. Tuy rằng thọ trì giới pháp một ngày một đêm giống nhau, nhưng tâm nguyện khi thọ giới có sự hơn kém, do tâm hơn kém thành thử chiêu cảm quả báo khác biệt. Nếu như dùng tâm thọ giới để cầu sanh Tịnh độ, cầu chứng quả Phật, thì giới pháp thành nhân duyên thù diệu, chiêu cảm quả báo thọ mạng lâu dài ở cõi Tây Phương. Giả như chỉ nguyện sanh lên cõi trời, tâm nguyện không được thù thắng, thuận theo dòng sanh tử, tăng trưởng nghiệp Ta Bà, cho nên chiêu cảm quả báo thọ mạng ngắn ngủi. Do đó, giới pháp tuy đồng, vì giới duyên khác biệt, cho nên chiêu cảm quả báo thọ mạng không đồng. Hơn nữa, giới nhân tuy đồng, tâm nguyện khác biệt, do giới duyên thù thắng phù trợ giới nhân cho nên được vãng sanh Tịnh độ. Lại nữa, phần đoạn sanh tử và biến dịch sinh tử tuy đồng, nhưng lòng mong cầu và sự nhuận sanh khác biệt, cho nên quả báo có sự khác biệt. Nếu hiểu được như vậy, thì đâu còn gì phải nghi ngờ nữa!

Hỏi: Nếu lúc ban đầu thọ giới với tâm cầu sanh Tịnh độ, thì chiêu cảm quả báo vãng sanh thượng phẩm, giới pháp thành nhân duyên thù thắng, thọ mạng dài lâu. Giả như lúc mới thọ giới, tâm nguyện chỉ cầu sanh thiên, nhưng đến lúc lâm chung, lại đem công đức thọ giới (công đức vô tác của giới) này nguyện vãng sanh Tây Phương, làm thế nào để có thể chiêu cảm thọ mạng dài vô lượng a tăng kỳ kiếp? (40)

Đáp: Nghiệp báo không nhất định, hoặc chuyển nặng thành nhẹ, hoặc đổi dài thành ngắn, như trong các kinh đã nói tường tận, ở đây chúng ta sẽ không nói chi tiết. Hành giả tuy thọ

¹⁴ Định làm hành giả gia tăng tham luyện sự hỷ lạc.

giới với mục đích cầu sanh cõi trời, sau này gặp thắng duyên, lại mong sanh về Tịnh độ, hành nghiệp tuy ít ỏi, nhưng do nguyện lực tha thiết, nương vào giới phẩm trước kia, chuyển thành tăng thượng thù thắng, điều này phù hợp với bốn nguyện của Phật, chiêu cảm thọ mạng dài lâu a tăng kỳ kiếp.

6. Hối tiếc được vãng sanh.

Hỏi: Niệm Phật A Di Đà được vãng sanh Cực Lạc, đây là tương ứng với bốn nguyện của Phật thành thử vãng sanh là điều đương nhiên. Còn do nhân duyên gì mà niệm Phật Dược Sư lại được vãng sanh Cực Lạc? (41)

Đáp: Theo lời dạy của Kinh Dược Sư: “Nếu bốn chúng đệ tử thường tu tập sáu ngày Bát quan trai mỗi tháng, hoặc ngày đêm siêng cần tu tập, nguyện sanh cõi Tây Phương Cực Lạc, quán sát nhớ tưởng liên tục, từ một ngày cho đến bảy ngày, nhưng trong lúc tu tập lại khởi tâm nghi ngờ [không biết mình sẽ được vãng sanh hay không], nếu hành giả ấy được nghe công đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, thì lúc lâm chung sẽ có tám vị Bồ tát đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.” Hành giả này lúc đầu nguyện sanh Tây Phương, nhưng sau đó lại sanh tâm ngờ vực, hối tiếc đã tu Tịnh độ, do vì nghi chướng nên không được vãng sanh Tây Phương. Thế nhưng vì nghe được danh hiệu của Phật Dược Sư cho nên tội chướng nghi hoặc được tiêu trừ, Phật Dược Sư bèn sai khiến tám Bồ tát đến tiếp dẫn hành giả về Tây Phương Cực Lạc. Điều này hiển bày năng lực diệt trừ chướng ngại trợ giúp hành giả vãng sanh Tây Phương của Phật Dược Sư. Nếu nói đây là do nguyện lực lúc đầu cùng sự tu tập trì giới tinh chuyên chiêu cảm công đức vãng sanh thì cũng là điều hợp lý. Nếu như không nghe được danh hiệu của Phật Dược Sư ắt sẽ bị sự nghi ngờ làm chướng ngại việc vãng sanh Tịnh độ. Nếu hành giả đó không sám hối (sự nghi ngờ) thì lúc lâm chung phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà mới được vãng sanh Tây Phương, chứ có lý nào không niệm

Phật A Di Đà, lại nương vào danh hiệu Phật Dược Sư mà cầu vãng sanh Tây Phương?

7. Không khuyên vãng sanh Tịnh độ của cõi Ta Bà.

Hỏi: Theo lời dạy của Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma Cát, v.v..., cõi Ta Bà này cũng có Tịnh độ, cần gì phải cầu vãng sanh Tây Phương? (42)

Đáp: Tuy kinh nói cõi Ta Bà cũng có Tịnh độ, cùng chỗ cùng thời, không chướng ngại với cõi trước uế, và hơn nữa, mặc dù trong Kinh Duy Ma Cát, Đức Phật dẫm ngón chân trên mặt đất để hiện cõi Tịnh độ, hoặc trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đề cập đến việc ngài thường trụ tại núi Linh Thứu, cùng các trụ xứ khác trong cõi Ta Bà, thế nhưng trong hai kinh này, từ đầu đến cuối, chưa hề khuyến khích hành giả vãng sanh về Tịnh độ của cõi Ta Bà. Đâu phải hề nghe Phật nói đến Tịnh độ liền cất tiếng phát nguyện vãng sanh về đó. Nếu quán sát cẩn thận ý nghĩa của hai kinh ấy, e rằng Đức Phật có ẩn ý khác.

Hỏi: Phật hiện cõi Tịnh độ ắt là muốn khuyên chúng sanh vãng sanh về đó. Nếu không, ngài hiện cõi Tịnh độ để làm gì? (43)

Đáp: Đức Phật hiện cõi Tịnh độ là vì sự lợi ích khác. Lợi ích nào? Như trong Kinh Duy Ma Cát, Đức Phật hiển bày cõi Tịnh độ là để phá trừ lòng nghi của Xá Lợi Phất về sự “tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh,” khiến cho Xá Lợi Phất thấy được cõi Ta Bà thanh tịnh, tin tưởng lời dạy của Phật. Lại khiến cho các Bồ tát Bảo Tích, v.v..., thấy được cõi Tịnh độ liền chứng Vô sanh pháp nhẫn. Lại như Kinh Pháp Hoa muốn nêu rõ đạo lý Nhất thừa là vi diệu, Nhị thừa là thô thiển. Lúc đầu hiện cõi uế trước, lúc sau hiện cõi thanh tịnh, đều là vì những sự lợi ích như vừa trình bày, chứ không liên quan gì đến sự vãng sanh mà hiển hiện cõi Tịnh độ. Lại do công đức của cõi Cực Lạc thù

thắng, ngay đến hàng hạ phẩm hạ sanh còn được giai vị Bất thoái chuyển, huống hồ các phẩm vị vãng sanh cao hơn. Các cõi Phật khác không đề cập đến điều này, cho nên đức Bổn Sư mới khuyên hành giả vãng sanh Cực Lạc, chứ không phải ngại cho rằng cõi Ta Bà không có Tịnh độ.

Phần VI: Hội thông kinh điển để đã phá những giải thích sai lầm.

1. Ngũ nghịch báng pháp được tiếp dẫn hay không. a. Giải thích của mười lăm nhà chú giải.

Hỏi: Như lời nguyện thứ 18 trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương, chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi nước tôi, nếu niệm ít nhất là mười danh hiệu của tôi mà không được vãng sanh, tôi thề không giữ ngôi Chánh Giác, ngoại trừ những kẻ phạm năm tội nghịch và phỉ báng Chánh pháp.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Hoặc có chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thập ác, làm đủ các việc chẳng lành; kẻ ngu ấy do nghiệp ác đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng... Thiệt tri thức dùng nhiều cách an ủi, nói phép mầu cho nghe, lại dạy quán tưởng niệm Phật. Người đó tuy nghe lời dạy, nhưng vì sự khổ bức bách, không thể yên tâm quán tưởng Đức Vô Lượng Thọ Như Lai. Thấy thế, thiện hữu lại bảo: ‘Nếu ông không thể tưởng Đức Phật kia, thì nên chí thành xưng niệm: ‘Nam Mô A Di Đà Phật’, niệm liên tục cho đủ mười niệm.’” Hành giả vâng lời xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, người ấy thấy hoa sen vàng rực rỡ như vàng nhật hiện ra trước mặt. Trong khoảng khảy ngón tay, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.” Tại sao hai kinh đều đề cập đến việc phạm năm tội nghịch và việc niệm Phật mười niệm được vãng sanh, mà một bên cho người phạm năm tội nghịch vãng sanh, một bên thì không cho. Đây là ý gì? (44)

Đáp: Các vị cổ đức xưa nay đối với việc này có mười lăm cách giải thích khác nhau: (1) Kinh Quán Vô Lượng Thọ

cho phép vãng sanh là người đã sám hối, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là người chưa sám hối. (2) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là người phạm tội nghịch với tâm nhẹ, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là người phạm tội nghịch với tâm nặng. (3) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những người chỉ phạm tội nghịch, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người phạm tội nghịch và phỉ báng Chánh pháp. (4) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là người phạm tội nghịch tương tự, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người phạm tội nghịch chánh thức. (5) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những người đã phát tâm Bồ đề, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người chưa phát tâm Bồ đề. (6) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những người niệm danh hiệu Phật A Di Đà chí thành, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người niệm danh hiệu Phật A Di Đà không chí thành. (7) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những Bồ tát Thập tín, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người chưa phải Bồ tát Thập tín. (8) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những hành giả không phải Nhất xiển đề, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những Nhất xiển đề. (9) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép vãng sanh là những người đã phạm tội nghịch, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép vãng sanh là những người chưa phạm tội nghịch¹⁵. (10) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là “khai môn”, Kinh Vô Lượng Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là “giá môn.”¹⁶ (11) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là dựa trên

¹⁵ Kinh Vô Lượng Thọ vì muốn cảnh cáo những người chưa phạm tội nghịch để họ đừng phạm tội nghịch nên mới tuyên bố: “Những người phạm tội nghịch không được vãng sanh.”

¹⁶ Khai môn: cho phép, khoan thứ; giá môn (hoặc giả môn): không cho phép, nghiêm cấm.

nguyên tắc “ngiệp ngũ nghịch là bất định nghiệp”, Kinh Vô Lương Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là dựa trên nguyên tắc “ngiệp ngũ nghịch là định nghiệp.” (12) Kinh Quán Vô Lương Thọ cho phép những người tạo tội nghịch vãng sanh là những người đã chứng giai vị noãn, đánh, Kinh Vô Lương Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người chưa chứng giai vị noãn, đánh. (13) Kinh Quán Vô Lương Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người đã trông thiện căn giải thoát, Kinh Vô Lương Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người chưa trông thiện căn giải thoát. (14) Kinh Quán Vô Lương Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người giai đoạn hai, Kinh Vô Lương Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người giai đoạn ba. (15) Kinh Quán Vô Lương Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là những người niệm đủ mười niệm, Kinh Vô Lương Thọ không cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh là nói chung cho những người niệm đủ hoặc không niệm đủ mười niệm.

b. Bài xích sự sai lầm, hiển bày ý nghĩa của định.

Hỏi: Mười lăm loại giải thích trên đều đúng hết, hay cũng có giải thích sai? (45)

Đáp: Các nhà chú giải đều có cách giải thích riêng, không thể nói có sự hơn kém. Như trong cách giải thích thứ nhất cho rằng những hành giả vãng sanh là những người đã sám hối, còn những hành giả không vãng sanh là những người chưa sám hối. Cách giải thích này chứng tỏ nhà chú giải chưa biết rõ niệm Phật có công năng diệt tội hay không. Nếu niệm Phật không thể diệt tội, tại sao Kinh Quán Vô Lương Thọ nói rằng mỗi niệm Phật diệt trừ tám mươi ức kiếp tội nặng sanh tử. Nếu niệm Phật đã diệt trừ tội chướng, thì lý do gì lại cho rằng chưa

sám hối thì không được vãng sanh! Lại như Kinh Quán Vô Lương Thọ cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh, chưa thấy chỗ nào đề cập đến sám hối. Cách giải thích này cũng như mười bốn cách giải thích bên dưới, tất cả đều không nêu rõ được toàn diện bản ý của kinh. Bản ý của Kinh Quán Vô Lương Thọ là khi cho phép những người phạm tội nghịch vãng sanh, đã nói “niệm đủ mười niệm liền được vãng sanh.” Còn Kinh Vô Lương Thọ lúc không cho phép người phạm tội nghịch vãng sanh đã nói: “cho đến đầy đủ mười niệm.” Hai kinh đã nói: “cho đến đầy đủ mười niệm”, thì cần gì những cách giải thích khác! Như trong phần hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, khi bảo hành giả niệm Phật, đã không đề cập đến “đầy đủ mười niệm.” Niệm một niệm trở lên đều được vãng sanh, bởi vì những hành giả này tội còn tương đối ít, cho nên không cần phải niệm đủ mười niệm. Còn hạ phẩm hạ sanh, vì hành giả phạm tội nghịch cho nên nói phải niệm đủ mười niệm mới sanh Tịnh độ. Ý của kinh muốn nói nếu không phạm tội nghịch, bất luận niệm nhiều ít, một tiếng mười tiếng, đều được vãng sanh; còn nếu phạm tội nghịch thì phải niệm đủ mười tiếng mới được vãng sanh, thiếu một tiếng cũng không được vãng sanh, cho nên mới nói: “ngọa trừ.” Điều này không liên hệ gì với các cách giải thích khác nhau của các bậc cổ đức.

c. Đả phá thiên sư Tín Hành.

Hỏi: Các nhà chú giải khác có thể hiểu lầm ý kinh, nhưng thiên sư Tín Hành là bậc Tứ y Bồ tát, chẳng lẽ ngài cũng hiểu lầm ý kinh hay sao? (46)

Đáp: Thiên sư Tín Hành trong khi giải thích sự thù xả hai bộ kinh Vô Lương Thọ và Quán Vô Lương Thọ, phân biệt sự vãng sanh của hai hạng người giai đoạn hai và giai đoạn ba, đã hiểu sai lệch ý chỉ của kinh. Nếu y theo cách giải thích của thiên sư sẽ phạm vào hai lỗi thái quá và bất cập. Lỗi thái quá là hạng người giai đoạn hai cũng tạo tội ngũ nghịch, mà đã tạo tội

ngũ nghịch thì cũng phải không được vãng sanh. Lỗi bất cập là hạng người giai đoạn ba nếu không tạo tội ngũ nghịch, kinh đã không nói đến việc loại trừ, ắt là họ có thể được vãng sanh. Kinh nói: “Chỉ trừ những người tạo tội ngũ nghịch và phi báng Chánh pháp”, đây là ngăn ngừa hai lỗi thái quá và bất cập. Nếu y theo kiến giải của thiền sư Tín Hành, kinh ấy nên nói: “Chỉ trừ chúng sanh giai đoạn ba”, thì sẽ không phạm vào hai lỗi thái quá và bất cập? Thế nhưng, đây là lời nguyện lớn của tỳ kheo Pháp Tạng để dứt trừ hai lỗi thái quá và bất cập, chả lẽ trí tuệ của ngài chưa đầy đủ mà lời nguyện còn thiếu sót? Nếu như lời nguyện của Pháp Tạng không sai, thì thiền sư Tín Hành ắt đã giải thích sai lạc. Điều này chứng tỏ đây là lỗi của người phạm (Tín Hành) chứ không phải lỗi của bậc thánh (Pháp Tạng).

Các học giả Tam Giai biện hộ rằng: Những lời giải thích về “chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch, v.v...”, có ý muốn nói “ngoại trừ tất cả chúng sinh giai đoạn ba”, bởi vì chúng sanh giai đoạn ba đều là những người tà vạy bất chánh, ác độc bất nhân, từ xưa đến nay toàn là phạm tội, tất cả chư Phật đều không màng cứu độ, mười phương Tịnh độ đều không dung chứa, cho nên ngài Pháp Tạng mới nói: “Ngoại trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch, v.v...”, tức là loại trừ toàn bộ những chúng sanh giai đoạn ba.

Hỏi: Điều này tuy có vẻ giải thích lỗi bất cập, nhưng vẫn chưa hoàn toàn giải thích lỗi thái quá. Nếu các học giả Tam Giai cho rằng phần Hạ phẩm hạ sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ là sự giải thích lỗi thái quá, thì e rằng sự giải thích của họ không hợp lý. Lại nữa, tất cả chúng sanh giai đoạn ba đều bị gọi là kẻ phạm tội ngũ nghịch, nếu trong đời quá khứ bọn họ đã bị thọ khổ địa ngục, đã trả xong quả báo, thì đâu còn là kẻ phạm tội nghịch nữa. Nếu đời này họ chưa từng tạo tội vô gián, chả lẽ họ vẫn là những kẻ phạm tội nghịch hay sao? Nếu cho rằng họ đều là những kẻ phạm tội nghịch, ắt là họ đều thuộc về tà định tụ, đời sau quyết chắc bị đọa vào ngục a tỳ mà không

thọ sanh vào nẻo nào khác, không thể xuất gia tu hành, không có kẻ nào thuộc vào bất định tụ, và tạo bất định nghiệp. Nếu vậy, Kinh Niết Bàn dạy rằng tất cả chúng sanh, phần lớn đều thuộc về loại bất định nghiệp, ắt phải là sai lầm. Lời giải cứu của phái Tam Giai cũng chưa thể giải quyết lỗi bất cập.

Thiền sư trả lời: Hiện nay nói tất cả chúng sanh giai đoạn ba đều là kẻ tạo tội ngũ nghịch, không có nghĩa là tất cả đều phạm tội giết cha, giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, giết A la hán, phá hòa hợp tăng mới gọi là người phạm tội nghịch. Chỉ vì những kẻ đó căn cơ cực ác, tâm tánh tà vạy, chỉ toàn làm ác, chưa lìa được bảy ghét bảy thương, chưa xả được sáu tình năm lạc. Ba nghiệp đầy đủ mười hai điền đảo và năm loại không thể cứu độ. Tuy họ không phải là kẻ hiện tạo tội nghịch, nhưng có đầy đủ căn cơ tạo nghiệp ngũ nghịch, cho nên một cách tổng quát dùng chữ “nghịch” để chỉ cho những chúng sanh giai đoạn ba.

Hỏi: Điều này có vẻ như giải cứu được lỗi bất cập, nhưng vẫn chưa giải cứu được lỗi thái quá. Vả lại, lời giải thích vừa rồi lại sanh khởi bảy nghi vấn. (1) Nếu cho rằng có khả năng tạo tội nghịch cho nên gọi là căn cơ tạo tội nghịch, như vậy chúng sanh giai đoạn hai cũng có khả năng tạo tội nghịch, hai bên đều có thể tạo tội nghịch, tại sao lại có hai giai đoạn khác biệt?¹⁷ (2) Lại nữa, thiền sư Tín Hành cho rằng chúng sanh giai đoạn ba là những kẻ phạm ngũ nghịch, có mười ba ách nạn, không thể trở thành đại tỳ kheo, thì chỉ có thể gọi họ là những kẻ không có giới, chứ không được gọi họ là những người phá giới (bởi vì không có giới để phá). Còn nếu cho rằng những chúng sanh giai đoạn ba chỉ là căn cơ tạo nghịch, nhưng hiện tại chưa hề tạo tội nghịch, có thể đắc giới tỳ kheo, thì tại sao lại

¹⁷ Chúng sanh giai đoạn một căn cơ chánh trực, có thể dùng thiện diệt ác, tạo tội ít hơn chúng sanh giai đoạn hai. Chúng sanh giai đoạn ba căn cơ tà vạy, có thể dùng ác diệt thiện, không sánh bằng chúng sanh giai đoạn hai.

cho rằng loại trừ những chúng sanh giai đoạn ba là loại trừ những kẻ phạm tội nghịch? (3) Lại nữa, chúng sanh giai đoạn ba dù chưa tạo tội nghịch cũng bị gọi là người tạo ngũ nghịch, như vậy, họ thuộc về tà định tụ, hay thuộc về bất định tụ? Nếu cho rằng họ thuộc tà định tụ, nhưng họ chưa tạo tội nghịch làm sao lại thuộc về tà định tụ? Nếu cho rằng họ thuộc bất định tụ, tại sao lại nói rằng ngoại trừ những kẻ phạm ngũ nghịch, tức là loại trừ tất cả chúng sanh giai đoạn ba? (4) Nếu cho rằng người chưa tội nghịch là căn cơ tạo tội nghịch, cho nên gọi là kẻ phạm ngũ nghịch, nhưng họ cũng là người có thể hành trì đầy đủ tịnh giới, như vậy, cũng có khả năng chứng đắc thánh quả, tuy chưa chứng đắc thánh quả, lại cũng có thể gọi họ là thánh nhân. Nếu họ tự nhận là thánh nhân, thì phải thuộc về chánh định tụ, phải nên xả bỏ dị sanh tánh, nhưng đồng thời lại phạm tội ba la di, thì làm sao được gọi là người trì giới? (5) Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho phép người tạo ngũ nghịch vãng sanh, đây là những người đã tạo tội nghịch, phần Bốn mươi tám nguyện trong Kinh Vô Lượng Thọ loại trừ những người tội nghịch không cho vãng sanh, lẽ nào đây là những người có căn cơ ngũ nghịch (có khả năng tạo tội nghịch nhưng chưa tạo)? (6) Chúng sanh giai đoạn ba tuy chưa tạo tội nghịch, chỉ vì có căn cơ tạo nghịch nên gọi là kẻ tạo nghịch, như vậy, giả như chúng sanh giai đoạn hai tạo tội nghịch, chẳng lẽ vì họ không phải căn cơ tạo tội nghịch, mà không gọi là người tạo tội nghịch hay sao? (7) Nếu cho rằng căn cơ chúng sanh giai đoạn hai cũng là kẻ tạo tội nghịch, thì ba phẩm hạ sanh phải nhập thành một phẩm, bởi vì không tạo tội nghịch mà cũng là kẻ tạo tội nghịch, hơn nữa, hoa nở không có sự nhanh chậm, hoặc sự diệt tội cũng có không có sự khác biệt.¹⁸

¹⁸ Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, hạ phẩm thượng sanh do niệm Phật diệt được năm mươi ức kiếp sanh tử trọng tội, hạ phẩm trung sanh nhờ nghe công đức kinh điển, v.v..., diệt được tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội, còn hạ phẩm hạ sanh, do niệm Phật, mỗi niệm đều trừ diệt tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội. Hiện nay, nếu lập luận của Tam Giai Giáo là đúng, thì ba phẩm hạ

Lại có người giải thích rằng người giai đoạn ba không phải không được vãng sanh Tịnh độ, nhưng họ phải tu tập pháp môn Phổ chân Phổ chánh mới được vãng sanh Tây Phương, nhưng nếu họ đã tạo tội ngũ nghịch thì dù có tu tập pháp Phổ chân Phổ chánh cũng không được vãng sanh, cho nên lời nguyện của ngài Pháp Tạng là loại trừ chúng sanh giai đoạn ba tạo tội ngũ nghịch. Chúng sanh giai đoạn ba chưa tạo tội ngũ nghịch, nếu tu tập pháp Phổ chân Phổ chánh ắt sẽ được vãng sanh Tịnh độ, nếu đã tạo tội ngũ nghịch, dù có tu tập pháp Phổ chân Phổ chánh cũng không được vãng sanh. Vì lý do này, thiên sư với trí tuệ bao la, lòng từ sâu rộng, thương xót chúng sanh giai đoạn ba đang chìm ngập trong cõi uế, nên đã khai mở pháp môn Phổ chân Phổ chánh để tiếp dẫn những kẻ thuận tà thuận ác, khiến họ học tập Phật pháp thích đáng thời cơ, để đều được vãng sanh Tây Phương thế giới. Đây là điều mà ngài Pháp Tạng chưa từng nghĩ đến, Đức Bổn Sư cũng chưa từng đề cập đến, mà chỉ riêng có thiên sư Tín Hành khai phát giáo nghĩa này để độ chúng sanh giai đoạn ba, cho nên có thể cho rằng thiên sư nói những điều Đức Phật chưa nói, độ những chúng sanh mà chư Phật chưa độ. Chúng ta đều mong đọc quyển Tam Giai Tập Lục, cung kính thọ trì quanh năm suốt tháng, không còn dám đọc tụng những kinh điển khác. Đáng thương cho những kẻ cố chấp lỗi cũ, vẫn còn đọc tụng những kinh điển Biệt chân Biệt chánh, tạo tội địa ngục. Nên biết ngài Thiện Tinh vì đọc pháp tạng mà bị đọa địa ngục lâu dài, còn ngài Thường Bất Khinh, vì tu hành pháp Phổ chân Phổ chánh cho nên được chứng đắc thánh quả, đến bờ bên kia. Đây là do không biết học Phật pháp thích đáng đưa đến sự cách biệt giữa tổn hại và lợi ích khác như trời với đất. Tôi [Hoài Cảm] không tra xét được sự đúng sai [của thiên sư Tín Hành], cho nên chỉ biết tu tập pháp Biệt chân

sanh đã không có sự khác biệt, do đó sự diệt tội cũng không có sự khác biệt. (Người dịch)

Biệt chánh, dù sai cũng không hối tiếc. Hiện nay giải thích như vậy, hy vọng sẽ giải trừ phần nào sự nghi hoặc.

Có người trách rằng: “Thiền sư Tín Hành tuy giải thích như vậy, nhưng chỉ khiến gia tăng nghi hoặc. Hiện nay xin trình bày thêm những nghi vấn, ngưỡng cầu sự giải đáp. (1) Lời giải thích của thiền sư tựa hồ giải quyết được lỗi bất cập, nhưng vẫn chưa giải thích được lỗi thái quá. Không biết câu “cho đến mười niệm” là phổ pháp hay biệt pháp. Nếu cho là phổ pháp, thì câu “mười niệm” này chỉ là mười niệm “A Di Đà Phật”. Đây là niệm biệt Phật, sao lại cho là phổ pháp? (2) Nếu niệm Phật A Di Đà là phổ pháp thì đây là pháp cho chúng sanh giai đoạn ba, tại sao lại cho đó chỉ là giáo pháp của giai đoạn hai? (3) Nếu niệm Phật A Di Đà là phổ pháp, thì điều này cùng với Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về hành giả hạ phẩm hạ sanh niệm đủ mười danh hiệu Phật A Di Đà có gì khác biệt? Tại sao pháp Mười niệm trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ là biệt pháp, còn pháp Mười niệm trong phần Bốn mươi tám nguyện lại là phổ pháp. Cùng một lời nói, tại sao lại có hai pháp khác biệt? (4) Tại sao phổ pháp chỉ cứu độ người giai đoạn ba chưa tạo tội nghịch, còn biệt pháp lại có thể cứu độ người cấp hai đã tạo tội nghịch? Đây là vì chúng sanh giai đoạn ba tạo tội nghịch, không còn có cách diệt tội cho nên họ không được vãng sanh Tịnh độ? Hay có cách diệt tội, nhưng người tạo tội nghịch vẫn không được vãng sanh? Xin hãy giải thích rõ. (5) Nếu pháp “mười niệm” này là biệt pháp, chúng sanh giai đoạn ba dù tu biệt pháp hay không đều không được vãng sanh. Dùng biệt pháp để loại trừ chúng sanh, điều này đưa đến lỗi bất cập. Không những loại trừ chúng sanh đưa đến lỗi bất cập, mà còn khiến nhiều người tạo tác lỗi lầm. Tiến thoái đều không thể trốn tránh trách nhiệm nặng nề đối với Phật pháp. (6) Lời nguyện của ngài Pháp Tạng nên nói như sau: “Giả như tôi thành Phật, mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh nước tôi, tu hành phổ pháp, nếu không vãng sanh, tôi thệ không thành Chánh giác, duy trừ chúng sanh giai đoạn ba tạo tội ngũ nghịch và phi báng Chánh pháp.” Đây tức là

trình bày rõ ràng ý nghĩa của phổ giáo, thủ xả hai loại chúng sanh giai đoạn ba, và loại trừ chúng sanh giai đoạn hai phạm tội ngũ nghịch. Thế nhưng Bồ tát Pháp Tạng nêu lên những lời nguyện này là muốn cho chúng sanh đời vị lai hiểu rõ sự thủ xả, nêu vậy chỉ cần nói phổ pháp thì ý nghĩa của sự thủ xả sẽ đầy đủ, còn như nói biệt pháp thì sự thủ xả sẽ không đầy đủ. Nếu như trong phổ pháp không trình bày rõ ràng hai sự kiện này, thì làm sao giải cứu được sự giải thích sai lạc của thiền sư Tín Hành? Nếu các học giả Tam Giai cho rằng lời kinh có ẩn ý khác không tiện trình bày phổ pháp, xin các vị ấy hãy trình bày rõ ràng những giải đáp của họ. (7) Lại nữa, Tỳ kheo Pháp Tạng, như trong kinh khen ngợi, là Bồ tát Thập địa, chứ không phải chỉ là Bồ tát Tam hiền. Điều này chứng minh ngài là bậc đầy đủ từ bi trí tuệ, rộng nhiếp độ chúng sanh. Vì sao khi phát đại nguyện tiếp dẫn chúng sanh cực ác vãng sanh Tịnh độ, lại chỉ dùng biệt pháp cứu độ chúng sanh giai đoạn hai, mà không dùng phổ pháp cứu độ chúng sanh giai đoạn ba? (8) Chúng sanh giai đoạn ba tuyệt đối không được vãng sanh, có phải Bồ tát Pháp Tạng thấy bọn họ là bại chủng nên không phát nguyện cứu độ họ? (9) Lại có phải vì chúng sanh giai đoạn ba không được vãng sanh, cho nên Bồ tát Pháp Tạng không đem phổ giáo đến cứu độ, mà đành phải bỏ rơi họ hay sao? (10) Hay là Bồ tát Pháp Tạng tuy biết phổ pháp, nhưng không nói cho bọn họ biết, sèn tiếc giáo pháp không dạy dỗ chúng sanh, tâm thương xót không lan đến những chúng sanh giai đoạn ba này cho nên không nhiếp thọ họ vãng sanh Tịnh độ? (11) Hay là Bồ tát Pháp Tạng tuy đầy đủ trí tuệ từ bi, nhưng vì hạng người giai đoạn ba khó có thể giáo hóa thành tựu, Bồ tát không thể cứu độ, cho nên đã giao lại cho thiền sư Tín Hành? (12) Hay là Bồ tát Pháp Tạng không có duyên với chúng sanh giai đoạn ba, mà chỉ riêng thiền sư Tín Hành có duyên, có thể cứu độ bọn họ. Và lại, chỉ có những chúng sanh sống trong nước Trung Hoa mới gặp được thiền sư giáo hóa, có thể vãng sanh Tây Phương, còn những chúng sanh giai đoạn ba sống ở quốc độ khác không gặp được thiền sư, làm sao vãng sanh Tịnh độ? (13) Giả sử Bồ tát Pháp

Tạng lúc phát nguyện, sự giải ngộ hành trì của ngài chưa được tròn đầy, cho nên sự nhiếp độ chúng sanh chưa được viên mãn, thế nhưng Đức Thế Tôn đã thành Chánh Giác, vì lý do gì mà không độ những chúng sanh giai đoạn ba này? Nếu thế thì bốn hoàng thế nguyện chưa tròn, ý nghĩa của bốn ân chưa trọn. Bỏ rơi những đứa con đang mang bệnh nặng, làm sao được gọi là thương xót tất cả? Những lời như: “Những người đáng được độ, đã được độ, những người chưa được độ, đã được nhân duyên cứu độ”, v.v..., đều là nói ngoa. Hơn nữa, tôi cảm thấy khâm phục thiên sư là bậc cao hơn bậc thánh, ông đã ép uống Đức Thế Tôn vào địa vị thấp hơn cả bọn phạm phu hạ cấp, mà không tự biết rằng mình đang tuyên bố những lời hàm hồ lầm lỗi¹⁹.

Lại nữa, Kinh Vô Lượng Thọ là biệt giáo, nhưng Đức Thế Tôn đã dùng lòng từ bi đặc biệt lưu lại trên thế gian thêm một trăm năm. Tại sao phổ giáo thích hợp với thời mạt pháp, ngài lại không lưu lại thế gian để giáo hóa chúng sanh, còn biệt pháp không thích hợp với thời mạt pháp, ngài lại lưu lại trên thế gian tổn hoại mọi người? Đấng Giáo chủ từ bi cứu khổ lẽ nào không biết rõ căn cơ? Không chỉ riêng Đức Thích Ca Như Lai không giải cứu chúng sanh giai đoạn ba, ngay cả mười phương hằng hà sa chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài cũng chỉ để cứu độ chúng sanh giai đoạn hai, nhưng lại không hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh phổ pháp cứu tế hàng chúng sanh giai đoạn ba? Lẽ nào chư Đại Thánh Thế Tôn, bậc Nhất thiết chủng

¹⁹ Đức Phật vì chúng sanh giai đoạn hai giảng nói Kinh Quán Vô Lượng Thọ khiến họ y vào giáo pháp tu hành, đều được vãng sanh Tịnh độ, nhưng ngài không vì chúng sanh giai đoạn ba nói một quyển kinh phổ pháp mà chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh, hơn nữa, tỷ kheo Pháp Tạng cũng không phát nguyện cho hàng chúng sanh giai đoạn ba. Những chúng sanh giai đoạn ba trong ba cõi không gặp được Tam Giai Tập Lục sẽ không được vãng sanh. Dù đọc tụng kinh điển, nhưng nếu không phải là phổ giáo do Bồ tát tứ y (thiền sư Tín Hành) thì vẫn phải trôi lăn trong cõi Ta Bà. Nên biết, Đức Phật có thể riêng vì chúng sanh giai đoạn ba giảng một quyển kinh phổ pháp, để khỏi phải nhọc công thiên sư Tín Hành cứu vớt bọn họ vãng sanh Tịnh độ. Đây quả là một điều thật đáng tiếc.

trí, lòng từ rộng khắp, thương tất cả chúng sanh như con một, đều giấu nhem phổ pháp, không cứu độ hàng chúng sanh giai đoạn ba? Hơn nữa, Đức Từ Phụ A Di Đà, lời dạy bao trùm ba cõi, bốn mươi tám nguyện rải khắp mười phương, vô lượng vô số kiếp về trước lúc còn làm chuyển luân thánh vương đã phát tâm thành Phật, cho đến vô lượng vô số kiếp về sau khi ngài Quán Thế Âm kế thừa ngôi vị Chánh đẳng Chánh giác, đã phát lời nguyện lớn, mà mười phương chư Phật đã từng chứng minh, là muốn cứu độ tất cả chúng sanh, lẽ nào lại bỏ rơi mà không cứu độ chúng sanh giai đoạn ba hay sao? Chư Phật Bồ tát dùng trí tuệ bậc thánh quán sát, biết rằng hàng chúng sanh giai đoạn ba không thể vãng sanh, không thể nào cứu độ, bèn bỏ phế không dùng Chánh pháp cứu vớt bọn họ ra khỏi vũng lầy sinh tử, nhưng thiên sư Tín Hành lại có thể ban bố phương tiện thiện xảo, đem Phổ chân Phật pháp ra để cứu độ những chúng sanh giai đoạn ba, chứng tỏ lòng từ bi của thiên sư vượt quá Đức Thích Ca, trí tuệ của thiên sư thù thắng hơn Phật Vô Lượng Thọ, đây cũng có nghĩa là các bậc Vô thượng Điều ngự sư biến thành hữu thượng Thế tôn, còn các bậc Vô đẳng đẳng trở thành Quá đẳng Chánh giác. Thiên sư Tín Hành quả thật còn thù thắng hơn chư Phật!

Hỏi: Nếu cho rằng do tạo tội nghịch mà có hai loại chúng sanh giai đoạn ba để phân biệt vãng sanh hay không, chứ không dùng sự niệm Phật nhiều ít để phán định, vì lý do gì lúc loại trừ người phạm tội nghịch lại nói “cho đến mười niệm”, còn lúc cho phép người phạm tội nghịch vãng sanh lại nói: “đầy đủ mười niệm”? Vì sao kinh văn loại trừ người phạm tội nghịch không đề cập đến “chúng sanh giai đoạn ba”, còn lúc cho phép người phạm tội nghịch vãng sanh lại không đề cập đến “chúng sanh giai đoạn hai”? Tại sao thiên sư Tín Hành trong lúc không cần thiết lại thêm “cho đến mười niệm”, còn trong lúc cần thiết lại không thêm “chúng sanh giai đoạn ba”?

Thiền sư trả lời: Phần chín phẩm trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói quá rộng về biệt pháp, nghĩa là nói riêng về những người thiện ác vãng sanh chín phẩm, cho nên đối với hạng người cực ác không nói về pháp niệm một danh hiệu²⁰, mà nói riêng về pháp vãng sanh cho hạng người này, tức là “niệm đầy đủ mười niệm²¹.” Còn hai đoạn trong Kinh Vô Lượng Thọ lại nói quá sơ lược về phổ pháp, nghĩa là nói chung về pháp thiện ác cho hai hạng hành giả hạ phẩm, lời kinh bao hàm niệm pháp nhiều ít, ý nghĩa gồm chung hai hạng thiện ác. Cho nên phần trên nói về pháp niệm một danh hiệu dành cho người thiện, phần dưới nói về pháp niệm mười danh hiệu dành cho người ác. Thiện ác nhiều ít, chỉ nói chung chung, cho nên gọi là tông. Còn nói “cho đến”, đây là không nói hết, cho nên gọi là “quá sơ lược.” Câu “cho đến mười niệm” nghĩa là từ một niệm cho đến mười niệm. Phía cuối nói “mười” nghĩa là từ bắt đầu từ “một” vượt qua chín, do đó trong đây bao hàm pháp “niệm một niệm” cho người thiện. Phần sau nói “cho đến niệm một niệm”, đây là từ mười đếm xuống một. Phía cuối nói “một”, tức là bắt đầu từ “mười” vượt qua chín, cho nên trong đây bao hàm pháp “niệm đủ mười niệm” cho người ác. Cho nên tôi [Tín Hành] cho rằng chữ “cho đến” bao hàm pháp niệm mười niệm. Pháp mười niệm là dành cho người ác, trong hạng người ác lại có hai loại tà chánh lẫn lộn, cho nên chỉ nói đơn giản là “loại trừ người phạm tội nghịch và hủy báng Chánh pháp”, chứ đâu có nghĩa là vì “niệm thiếu một niệm” mà bị loại trừ.

Hỏi: Hạng người phạm tội nghịch có hai loại thiện và ác, chúng sanh giai đoạn hai và giai đoạn ba cũng phân làm hai phẩm tà và chánh, chẳng phải hai hạng tà chánh cũng đều có kẻ ác người thiện hay sao? Trong hạng người ác có tà chánh lẫn lộn, cho nên nói đơn giản là “loại trừ người phạm tội nghịch và

phỉ báng Chánh pháp”, tại sao trong hạng người thiện có tà chánh lẫn lộn, lại không nói đơn giản là “loại trừ người không phạm tội nghịch và phỉ báng Chánh pháp, mà lại cho rằng người không tà ác cũng đồng với người tà ác, trong phần mười niệm đều nói “loại trừ.” Lại nói “một niệm và mười niệm” là lời rất đơn giản, trong pháp người thiện, lấy người chánh thiện, không bỏ người tà thiện, tại sao trong pháp người ác, lại lấy người chánh ác, mà loại bỏ người tà ác?....

Trả lời: Đây không phải là câu hỏi. Bản ý Đức Phật muốn tỏ bày là người sắp mất, nếu có thể niệm một danh hiệu, hai danh hiệu cho đến chín, mười danh hiệu Phật, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chỉ trừ những người phạm tội nghịch và phỉ báng Chánh pháp. Bản ý của kinh muốn nói là người mạng chung, nếu có thể niệm một danh hiệu Phật rồi qua đời, hoặc niệm đến mười danh hiệu Phật rồi qua đời, đều có thể vãng sanh Tịnh độ. Bản ý của Đức Phật muốn nêu rõ là chúng sanh không phạm tội nghịch, niệm nhiều ít đều vãng sanh, còn những người phạm tội nghịch niệm ít thì không vãng sanh, phải niệm đủ mười danh hiệu thì mới vãng sanh. Vì muốn cho biết rằng những người không phạm tội nghịch có thể niệm nhiều ít đều được vãng sanh, cho nên mới nói “loại trừ người phạm tội nghịch và phỉ báng Chánh pháp”, đâu có liên quan gì đến người tà nghịch. Nếu tất cả chúng sanh đến ngày lâm chung mới gặp bạn lành dạy pháp Niệm Phật, đều niệm đủ mười niệm thì ông mới có thể trách móc. Giả như niệm chưa đủ mười niệm mà đã mạng chung, lẽ nào loại trừ người phạm tội nghịch mà lại không nói “loại trừ.”

2. Niệm Phật trong thời tượng pháp, mật pháp.

Hỏi: Kinh Đại Tập Nguyêt Tang nói: “Sau khi Đức Phật diệt độ, năm trăm năm đầu, các đệ tử Phật trí tuệ kiên cố; năm trăm năm thứ hai, các đệ tử Phật thiên định kiên cố; năm trăm năm thứ ba, các đệ tử Phật đa văn kiên cố;

²⁰ Pháp niệm một danh hiệu là dành cho người thiện vãng sanh.

²¹ Đầy đủ, nghĩa là so với “không đủ” mà nói. Cần phải niệm đủ mười danh hiệu.

năm trăm năm thứ tư, các đệ tử Phật chuyên xây chùa lập tháp; năm trăm năm thứ năm, Phật pháp suy tàn, các đệ tử Phật chỉ lo đấu tranh kiện tụng, ít tu pháp thiện.” Hiện nay, mười sáu pháp quán và Niệm Phật Tam Muội là pháp định tuệ, chỉ thích hợp với thời kỳ năm trăm năm thứ hai, vì sao lại khuyên tu học? Phần lớn các học giả Tam Giai Giáo đều dẫn chứng đoạn văn này cho rằng từ năm trăm năm thứ ba về sau không thể tu định, vì lý do gì lại khuyên mọi người tu tập mười sáu pháp quán và Niệm Phật Tam Muội? (47)

Đáp: Mười sáu pháp quán và Niệm Phật Tam Muội có sâu có cạn. Sâu tức là ở giai đoạn tứ tĩnh lực chưa đến trung gian thiền, trong lúc tu tuệ, tu mười sáu pháp quán và Niệm Phật Tam Muội; cạn tức là nương vào văn tự tu tuệ ở cõi Dục, nhiếp niệm tác ý, cũng có thể tu mười sáu pháp quán và Niệm Phật Tam Muội. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Quán tưởng như vậy gọi là thấy được phần thô của thế giới Cực Lạc. Nếu đắc tam muội, sẽ thấy cõi Cực Lạc vi diệu rõ ràng, không thể tả xiết.” Cho nên biết rằng quán tưởng thành tựu mà chỉ thấy được phần thô của cõi Cực Lạc là do dùng văn tự tuệ của cõi Dục để tu quán tưởng; còn chứng được tam muội thấy được phần vi diệu của cõi Cực Lạc là do dùng tu tuệ của cõi Sắc mà tu quán tưởng. Kinh nói năm trăm năm thứ hai tu tập thiền định kiên cố, đây là căn cứ vào định tâm tu tuệ ở cõi Sắc mà nói. Nếu do văn tự cõi Dục tu quán thành tựu thì điều này áp dụng chung cho năm trăm năm thứ hai, thứ ba, v.v... Nếu không, tại sao Kinh Hiền Hộ, quyển thứ ba, nói: “Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ bốn mươi năm, tam muội này sẽ được lưu truyền rộng rãi trên thế gian. Đến một trăm năm cuối ở trong thời kỳ năm trăm năm thứ năm, lúc Chánh pháp đang hoại diệt, sự trì giới tổn giảm, sự phá giới thanh hành, các nước gây hấn nhau, trong những thời kỳ như vậy, quyển kinh này sẽ lại xuất hiện trên thế gian, đây là do oai thần của Phật.” Điều này là muốn cho những chúng sanh trong thời đó nghe được kinh này, vui mừng ghi chép, đọc tụng thọ trì, tư duy nghĩa lý, giảng giải cho người khác, tu hành đúng

theo lời dạy của Phật. Lại nữa, quyển thứ hai nói: “Hiền Hộ! Các thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, trong quá khứ đã từng nghe nhiều Đức Phật giảng nói tam muội này, đọc tụng thọ trì, y theo lời dạy mà tu hành. Do ý nghĩa này, sau khi Như Lai diệt độ, vào một trăm năm cuối của năm trăm năm thứ năm, lúc Chánh pháp sắp bị hoại diệt, lúc đó lại được nghe tam muội này, nghe xong sanh lòng tin, không hề nghi hoặc, không hề ngần ngại, sanh lòng hoan hỷ, thân tâm rung động, đọc tụng thọ trì, suy ngẫm nghĩa lý, giảng giải cho người khác, nhân đến tu hành tam muội ấy một ngày một đêm, v.v...” Nên biết rằng lời dạy của kinh muốn nói đến sự tu tập tam muội này vào khoảng cuối của năm trăm năm thứ năm, như vậy, tại sao có thể cho rằng thời kỳ sau năm trăm năm thứ hai không thể tu tập tam muội này. Thiền sư Tín Hành trong Tam Giai Tập Lục nói khái quát rằng thời kỳ sau một ngàn năm sau khi Phật diệt độ, chỉ có thể tu hành phổ pháp, không thể tu hành biệt pháp, rồi lại đem pháp môn Niệm Phật Tam Muội, v.v..., xếp vào loại pháp môn không hợp căn cơ chúng sanh, nghĩa là các giáo pháp cần phải bị phế bỏ. Đây là một điều vô cùng sai lầm!

3. Cật vấn học giả Tam Giai Giáo.

Hỏi: Kinh Đại Tập Nguyệt Tang, quyển thứ mười, nói: “Những chúng sanh thế giới Ta Bà phỉ báng Chánh pháp, nhục mạ thánh hiền, các cõi Tịnh độ mười phương đều loại bỏ, không tiếp thọ họ.” Chúng sanh bị loại bỏ tức là những chúng sanh giai đoạn ba, không đáng vãng sanh Tịnh độ. Hiện nay, tại sao lại cho phép những chúng sanh giai đoạn ba này cùng với chúng sanh giai đoạn một và hai đều được vãng sanh Tịnh độ? (48)

Đáp: Nếu đúng như các thiền sư phái Tam Giai cật vấn, không biết các chúng sanh giai đoạn hai ở thế giới Ta Bà này có được phép phỉ báng Chánh pháp, lăng mạ thánh hiền hay không. Nếu cho phép phỉ báng Chánh pháp, lăng nhục thánh

hiền, có bị loại bỏ, không cho vãng sanh Tịnh độ hay không? Nếu được phép vãng sanh, thì lý do gì mà các thiên sư phái Tam Giai lại đem đoạn kinh văn này chứng minh các chúng sanh giai đoạn ba không được vãng sanh? Nếu được vãng sanh, chúng sanh giai đoạn hai đã phi báng Chánh pháp, lăng mạ thánh hiền, lẽ ra phải bị loại bỏ, vì sao lại được vãng sanh Tịnh độ? Nếu cho rằng chúng sanh giai đoạn hai không phi báng Chánh pháp, không hủy nhục thánh hiền, tại sao đã là nhất xiển đề mà lại không phi báng Chánh pháp? Nếu lại cho rằng tuy phi báng Chánh pháp, hủy nhục thánh hiền nhưng vẫn có thể vãng sanh, xin hãy trưng kinh điển ra làm bằng chứng. Nếu lại cho rằng tuy phi báng Chánh pháp, hủy nhục thánh hiền, đáng lẽ không vãng sanh, nhưng vì căn cơ thuần thực, tội lỗi tương đối nhẹ nên vẫn được vãng sanh, tại sao kinh kia không cho phép vãng sanh mà kinh này lại cho phép? Hơn nữa, tất cả chúng sanh giai đoạn ba ở cõi Ta Bà đều phạm vào tội phi báng Chánh pháp, hủy nhục thánh hiền hay sao? Nếu tất cả chúng sanh giai đoạn ba đều hủy báng thánh hiền, thì lúc ở trong thai, chẳng lẽ cũng có thể phi báng Chánh pháp, hủy nhục thánh hiền? Nếu cho rằng có những chúng sanh giai đoạn ba không phi báng Chánh pháp, hủy nhục thánh hiền, không bị liệt vào hạng không vãng sanh Tịnh độ, thì tại sao lại nói chúng sanh giai đoạn ba không được vãng sanh và đem kinh này ra làm chứng cứ? Nếu lại cho rằng chúng sanh giai đoạn ba, đời này tuy không phi báng Chánh pháp, nhưng trong quá khứ đã từng phi báng, biết đâu chúng sanh giai đoạn hai trong quá khứ cũng đã từng phi báng Chánh pháp. Nếu cho rằng bản ý kinh này là muốn nêu rõ chúng sanh giai đoạn ba đều là tà đạo bất chánh, phi báng hay không đều không cho phép vãng sanh. Chúng sanh giai đoạn hai nửa tà nửa chánh, phi báng hay không, đều được phép vãng sanh. Nếu vậy, những lời dạy này phạm hai lỗi là vừa thái quá vừa bất cập. Thái quá là không cho phép những chúng sanh giai đoạn hai phi báng Chánh pháp được vãng sanh, bất cập là cho phép những chúng sanh giai đoạn ba không phi báng Chánh pháp được vãng sanh. Các đệ tử của thiên sư Tín Hành đem

kinh sách dẫn chứng, thường thường đi ngược với những lời dạy chánh đáng của Phật. Kẻ ngu này (Hoài Cảm) không dám tin những lời tuyên truyền của họ.

4. Sự bất đồng giữa khai và ngãn.

Hỏi: Kinh Đại Tập Phật Tạng và các bộ luật nói: “Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni không nhận các tỳ kheo phá giới, v.v., làm đệ tử, không nhận làm thầy bọn họ, không cho phép bọn họ bước chân vào tăng già lam. Bọn họ giống như cây đa la bị chặt ngang, không thể sống lại; giống như viên đá bể đôi, không thể ráp lại; giống như biển lớn không dung chứa xác chết; bọn họ không thể tham dự các pháp yết ma, bố tát.” Đức Phật không cho phép bọn họ thọ thực của thập phương tăng, nếu bọn họ thọ dụng của tín thí sẽ phạm trọng tội, ngay một giọt nước cũng không được uống, bọn họ không được cư trú trong tăng già lam, đây gọi là bọn tặc hành, tặc trụ, hưởng hồ [lại cho bọn họ vãng sanh] Tịnh độ là nơi cư trú của các bậc thánh, làm bần pháp của các bậc Nhất sanh bồ xứ hay sao? (49)

Đáp: Kinh luật đều có hai môn cấm đoán và khai duyên. Giáo pháp Tiểu thừa, Đại thừa, cấm đoán và khai duyên không đồng, không thể chỉ tin vào môn cấm đoán mà không tin vào lời dạy của Kinh Quán Vô Lượng Thọ về năng lực diệt tội của chư Phật. Những lời dạy ban đầu của Phật về sự cấm đoán ấy, hoặc là giáo lý Tiểu thừa, hoặc là những lời quở trách, hoặc đối với chúng sanh chưa biết khởi tâm hổ thẹn sám hối tội chướng, hoặc đối với những người chưa phát tâm Bồ đề, còn ham mê ngũ dục sanh tử, hoặc đối với những người quynh luyến cõi Ta Bà, thích trầm luân trong ba cõi, hoặc giả, nếu Đức Như Lai trước tiên không giảng về môn đối trị tội chướng, chúng sanh ắt không biết sợ tội mà thường tạo ác. Cho nên Đức Phật đã phải trước tiên giảng về những tội nặng, khuyến nhắc chúng sanh không nên tạo tội phá giới, hoặc ngài dạy rằng sám hối tuy diệt

tội, miễn đọa ác đạo, nhưng giới thể đã mất, không thể thọ dụng vật dụng của thường trụ tăng. Hiện nay giáo pháp Tịnh độ giảng dạy là phát tâm Bồ đề, sanh lòng tâm quý, tha thiết sám hối những tội chướng đã tạo trong quá khứ, sửa đổi lỗi lầm, tha thiết ra khỏi nhà lửa ba cõi, mong cầu vãng sanh Tịnh độ, nương vào bốn nguyện của Phật, tội diệt phước sanh, sợ hãi quả báo khổ nơi ác đạo trong đời vị lai, tùy thuận lời dạy của Phật, lánh dữ làm lành, trong cửa Phật là người dừng kiên bậc nhì, lỡ phạm tội nhưng biết hối lỗi, chư Phật đều khen ngợi. Người đó tuy là xác chết trong biển giới luật thanh tịnh của Đức Bổn Sư, nhưng lại được vãng sanh về cõi Tịnh độ của Đức A Di Đà, được chứng giai vị bất thoái chuyển. Cho nên biết rằng Phật này quả trách việc phá giới, Phật kia khen ngợi sự sám hối diệt tội, Phật này không nhiếp thọ, Phật kia đến tiếp dẫn, giống như cha mẹ giáo dục con cái, một người thì mắng nhiếc trách phạt, một người thì mềm mỏng khuyên răn, làm cho đứa con biết sửa đổi sám hối. Chư Phật cũng giống như vậy, hoặc cấm đoán, hoặc khai duyên, đều là muôn lợi ích thành tựu chúng sanh, cho nên lời thô ác hoặc lời mềm mỏng đều là đệ nhất nghĩa. Lại như, các tỳ kheo phạm tội nặng, trong giới luật thì quả trách, nhưng trong Kinh Đà La Ni lại dạy trì tụng thần chú khiến tội diệt, hoàn phục giới thể; cấm chỉ và khai duyên không đồng, khen chê cũng có sự khác biệt. Kinh Đại Niết Bàn nói: “Chưa vào pháp Đại thừa, gọi là quyết định nghiệp, đã vào pháp Đại thừa, thì gọi là bất định nghiệp.” Đây cũng có ý nghĩa giống như trên, chúng ta phải biết uyển chuyển, không nên câu chấp vào một phía.

5. Lưu lại trăm năm.

a. Thời cơ lưu trụ.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong đời vị lai, khi kinh điển bị diệt tận, ta vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, đặc biệt lưu lại quyển kinh này trên thế gian thêm một trăm

năm.” Không rõ dùng thời điểm nào để biết kinh điển bị tận diệt? (50)

Đáp: Các thiên sư phái Tam Giai đều tin rằng thiên sư Tín Hành là Bồ tát tứ y, đã soạn quyển Tam Giai Tập Lục cho rằng: “Từ nay (đời Đường) cho đến một ngàn năm về sau, các chúng sanh giai đoạn ba chỉ có thể hành trì Phổ chân Phổ chánh Phật pháp (Phổ pháp hoặc Phổ giáo), còn việc đọc tụng kinh điển Đại thừa không còn thích hợp thời cơ, hành giả (đọc tụng kinh điển Đại thừa) sẽ bị đọa vào địa ngục khắp mười phương. Hiện nay Kinh Vô Lượng Thọ, v.v..., đều là pháp Biệt chân Biệt chánh (Biệt pháp hoặc Biệt giáo), đây là Phật pháp giai đoạn hai, chỉ thích hợp tu hành khoảng ngàn năm về trước. Một ngàn năm sau, không còn loại căn cơ này, giáo pháp Biệt chân Biệt chánh phải bị phế bỏ, dù kinh có nói lưu lại kinh A Di Đà một trăm năm, thì cũng chỉ là một ngàn một trăm năm mà thôi. Vì sao biết được như vậy? Như trong đời tượng pháp đầy đầy những kẻ tăng thượng mạn, có Bồ tát Thường Bất Khinh xuất thế, ngài không đọc tụng kinh điển mà chỉ chuyên lễ lạy, cho nên biết rằng sau khi Chánh pháp bị diệt, tăng thượng mạn thanh hành, không còn có thể đọc tụng, mà phải học pháp Phổ chân Phổ chánh. Do học pháp Phổ chân Phổ chánh thích ứng căn cơ nên được sáu căn thanh tịnh, lại gia tăng tuổi thọ. Còn tỳ kheo Thiện Tinh là chúng sanh giai đoạn ba, vì đọc tụng mười hai bộ kinh, cho nên bị đọa ngục A tỳ, đây là điều tổn thất lớn.”

Phần lớn các hành giả phái Tam Giai đều có cùng kiến giải nêu trên. Nhưng nếu chúng ta truy tầm ý nghĩa sâu xa thì sẽ thấy những điều vừa nêu trên không hợp lý. Vì sao? Nếu như sau một ngàn năm, Chánh pháp đã bị diệt tận, chỉ còn lại những chúng sanh giai đoạn ba tà ác, chỉ thích hợp hành trì pháp Phổ chân Phổ chánh, không thích hợp hành pháp Biệt chân Biệt chánh và đọc tụng kinh điển Đại thừa, nếu như đọc tụng sẽ bị đọa mười phương địa ngục A tỳ, [đây là đức Như Lai có ác tâm, đổ ky chúng sanh giai đoạn ba, lưu lại pháp Biệt chân Biệt

chánh khiến cho họ hành trì lầm lẫn để bị đọa vào địa ngục A tỳ,] thì điều này quả không liên quan đến việc từ bi lưu lại Kinh A Di Đà trăm năm. Nếu nói pháp Phổ chân Phổ chánh là thích đáng, tại sao Đức Phật sau khi nói pháp này, lại không đặc biệt lưu lại trăm năm? Nếu nói pháp Phổ chân Phổ chánh không phải do Phật nói, mà do thiên sư Tín Hành nói các kinh chư Phật chưa nói, để độ các chúng sanh chư Phật chưa độ, thì thiên sư không phải là Phật tại sao lại có thể nói kinh? Và hơn nữa, tại sao lại phải căn cứ vào kinh điển Đại thừa để soạn quyển Tam Giai Tập Lục? Nếu kinh điển Đại thừa có Phổ giáo và Biệt giáo, Phổ giáo không nói đến việc đặc biệt lưu lại, mà trong kinh Biệt giáo nói đến sự lưu lại một trăm năm, nhưng lại không thích hợp với căn cơ, điều này quả thật đi ngược lòng từ bi, khác biệt với sự giáo hóa của đức Như Lai. Nếu đã không có lời dạy của Phật, làm sao phân biệt chánh tà? Nếu nêu trường hợp ngài Thường Bất Khinh không đọc tụng kinh điển để dẫn chứng rằng trong thời tượng pháp đây đây những kẻ tăng thượng mạn không nên đọc tụng kinh điển, thì vì lý do gì ngài Thường Bất Khinh đến lúc lâm chung được nghe và thọ trì hai chục ngàn vạn ức bài kệ trong Kinh Pháp Hoa do Đức Phật Uy Âm Vương giảng nói từ trước, hơn nữa, đắc được sáu căn thanh tịnh, và tăng thọ mạng hai trăm vạn ức na do tha tuổi, rộng vì mọi người giảng thuyết Kinh Pháp Hoa? Nếu chúng sanh giai đoạn ba không được phép nghe hoặc đọc kinh Đại thừa, tại sao Bồ tát Thường Bất Khinh lại vì hạng người tăng thượng mạn giảng Kinh Pháp Hoa, khiến cho người nghe phải gây tạo nhân duyên đọa vào địa ngục A tỳ ở mười phương thế giới? Lại nữa, ngài Bồ tát Dược Vương nguyện: “Sau khi Phật diệt độ, sẽ phụng trì đọc tụng giảng thuyết Kinh Pháp Hoa. Chúng sanh trong đời ác năm trước, thiện căn giảm dần, phần lớn là những người tăng thượng mạn, tham lợi cúng dường, tăng trưởng bất thiện căn, xa lìa sự giải thoát, tuy khó có thể giáo hóa, nhưng chúng con sẽ khởi đại nhẫn lực đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hộ trì, giảng thuyết, v.v...” Lại như Kinh Bát Nhã nói về năm trăm năm sau rốt, trong thời mạt pháp nếu có người đọc tụng thọ trì, v.v... Kinh

Hiền Hộ đề cập đến vấn đề trong năm trăm cuối ở đời mạt pháp thọ trì đọc tụng kinh ấy, v.v... Chẳng lẽ một ngàn năm sau khi Biệt pháp bị phế bỏ, không còn thích hợp đọc tụng kinh điển Đại thừa? Khuyên các người tu xét kỹ lời Phật dạy, đừng nên tự mình lầm lẫn, khiến cho kẻ khác lầm lẫn, lại còn khiến cho kinh điển Đại thừa không còn lưu hành trên đời. Đây là tự mình uống thuốc độc (tà kiến), lại còn gây tạo nhân duyên đọa lạc địa ngục, hủy diệt cặp mắt Chánh pháp. Còn gì điên đảo hơn những việc này, quả thật đáng thương.

Có người giải thích “kinh đạo diệt tận”, bằng cách căn cứ vào Kinh Đại Bi Liên Hoa (Bi Hoa) cho rằng Chánh pháp kéo dài một ngàn năm, tượng pháp kéo dài một ngàn năm, mạt pháp kéo dài một vạn năm, sau thời mạt pháp, kinh đạo diệt tận, chỉ lưu lại Kinh A Di Đà một trăm năm. Trong thời đao binh kiếp này, loài người phần lớn tạo ác, những cây cỏ trong tay họ đều biến thành đao kiếm, sát hại lẫn nhau, sân độc hỷ hung đến cực điểm. Thọ mạng chỉ còn mười tuổi, thân cao chỉ độ hai gang tay. Trong thời kỳ này không còn có thể tu tập các pháp môn giới định tuệ thâm sâu, chỉ còn phương cách niệm Phật, nhằm chán cõi Ta Bà tam tai, ngũ trược cực ác, nguyện sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đức Bổn Sư Thích Ca đã biết trước chúng sanh thời đó khổ bức, có thể sanh tâm nhằm chán, cho nên khởi lòng từ bi, sau khi các kinh điển khác đều bị diệt tận, đặc biệt lưu lại Kinh A Di Đà trên thế gian một trăm năm, trong thời tai kiếp lợi lạc hữu tình.

Lại có người giải thích như sau. Thuyết Pháp Tru Ký của tôn giả Ái Hữu nói: “Sau thời kỳ đao binh kiếp, loài người chán làm việc ác, đều khởi tâm từ, không còn sát hại, mà lại thương xót lẫn nhau, như cha như con, tuổi thọ dần dần tăng trưởng, đến lúc thọ mạng dài trăm tuổi, có mười sáu vị Đại A la hán, tam minh lục thông, đầy đủ bát giải thoát, thông suốt Tam tạng kinh điển, thọ lời phó chúc của Phật, trụ trì Chánh pháp, lợi ích chúng sanh, không nhập Niết bàn, các ngài và những vị A la

hán khác, cùng hàng đệ tử, đem giáo pháp của Đức Như Lai truyền bá khắp nơi, giáo hóa dẫn đạo chúng sanh, xây chùa lập miếu, độ người xuất gia, tu giới định huệ, Phật pháp hưng thịnh, đến lúc thọ mạng loài người lên đến cuối sáu vạn tuổi, đầu bảy vạn tuổi, các vị A la hán thu góp tất cả xá lợi của Phật, tạo dựng một bảo tháp. Mười sáu vị Đại a la hán cùng hàng đệ tử đi nhiễu chung quanh tháp, đem hương hoa cúng dường, chiêm ngưỡng lễ bái, sau đó các ngài đều bay lên hư không, nói lời như sau: ‘Kính lễ Thế Tôn Thích Ca Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chúng con lãnh thọ lời dạy của Ngài, hộ trì Chánh pháp, cùng làm lợi ích cho hàng trời người. Pháp tạng đã chìm, những người có duyên đã độ xong, nay xin cáo từ để nhập Niết bàn.’ Nói xong, tất cả đều đồng thời nhập Vô dư Niết bàn. Tháp xá lợi liền chìm xuống đất đến tầng Kim luân thì ngừng nơi đó. Giáo pháp Tam tạng đã bị diệt tận trước đó một trăm năm, còn pháp môn Tịnh độ, tháp xá lợi và các vị A la hán thì diệt tận cùng một lúc. Khi ấy, giáo pháp Vô thượng của Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni trong tam thiên đại thiên thế giới (Ta Bà) hoàn toàn bị diệt tận, không còn xuất hiện. Từ đó về sau, trong cõi này có bảy vạn câu chi Độc giác đồng thời xuất hiện. Đến lúc thọ mạng loài người được tám vạn tuổi, các vị Độc giác cũng đều diệt độ. Sau đó Bồ tát Di Lạc xuất hiện thế gian, ngài cũng vì chúng sanh mà giảng nói pháp môn Tịnh độ, khiến cho vô lượng chúng sanh đều được vãng sanh Tịnh độ. Như vậy lần lượt, ngàn vị Phật trong Hiền kiếp và các vị Phật về sau, đều giảng nói pháp môn Tịnh độ, khuyến khích mọi người vãng sanh Tây Phương, nhân đến mười phương chư Phật cũng đều như vậy. Đức A Di Đà thọ mạng vô lượng a tăng kỳ kiếp. Khi ngài vẫn còn tại thế, mười phương thế giới chư Phật xuất hiện trên đời, đối với các chúng sanh có duyên với Đức A Di Đà đều giảng nói pháp môn Tịnh độ và khuyên họ vãng sanh Cực Lạc.” Cho nên câu “kinh đạo diệt tận, đặc biệt lưu lại kinh này thêm một trăm năm” là chỉ cho thời kỳ này.

b. Ý nghĩa của sự lưu lại pháp Niệm Phật.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong đời vị lai, khi kinh điển bị diệt tận, ta vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, đặc biệt lưu lại quyền kinh này trên thế gian thêm một trăm năm.” Thế nhưng tất cả kinh điển đều có mục đích giáo hóa lợi ích chúng sanh, đọc tụng thọ trì đều diệt trừ tội nặng, nương vào Chánh pháp đều được thoát khổ, tại sao chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ được lưu lại trên thế gian này một trăm năm sau khi tất cả kinh điển khác đều bị diệt tận? (51)

Đáp: Đức Phật Thế Tôn xuất hiện thế gian, dùng một âm thanh thuyết pháp, tùy theo căn cơ, mỗi chúng sanh hiểu một cách khác nhau. Số chúng sanh nghe pháp ngộ đạo nhiều như số cát bụi, hoặc chúng bốn đạo quả Tiểu thừa, hoặc đắc Vô sanh pháp nhẫn, hoặc được xa lìa ác đạo, hoặc được tái sanh vào cõi người, cõi trời, hoặc được vãng sanh Tịnh độ, hoặc gieo nhân giải thoát đời sau. Các chúng sanh có căn lành nghe pháp trong quá khứ, gặp được giáo lý chân thật của Phật, thọ trì đọc tụng, đều được lợi ích. Nếu chúng sanh bạc phước, không thể giáo hóa được, thì tất cả kinh điển đều sẽ ẩn tàng nơi long cung. Lúc ấy các tỷ kheo không còn mặc cả sa nhiễm sắc, tất cả pháp yết ma, thọ giới đều không thành tựu. Chúng sanh không còn nghe biết đến pháp Đại thừa sâu xa, cùng các giáo pháp vi diệu về thật tướng bình đẳng chân như, cho nên các pháp này ẩn mất trước tiên, chỉ còn lại pháp môn Niệm Phật dễ tu dễ học, các phàm phu ngu mê tội chướng đều có thể học tập, tu hành. Đây là do Đức Đại Thánh từ bi đặc biệt lưu quyền kinh này ở lại thế gian thêm một trăm năm. Y vào lời kinh mà biết rằng Phật pháp dần dần diệt tận, chúng sanh phước đức mỏng cạn, chỉ còn lại pháp môn Tịnh độ này đặc biệt có thể làm lợi ích cho họ. Dùng pháp môn và thời cơ để chúng nghiệm, biết rằng pháp môn Tịnh độ thích hợp với căn cơ chúng sanh đời mạt pháp, cho nên nhiều nơi trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ đều nói là vì tất cả chúng sanh đời vị lai mà nói pháp môn Cực Lạc. Xin thỉnh quý vị tăng tục hãy tra cứu lời dạy của Phật để chiêm nghiệm căn cơ

chúng sanh, đừng nghe những lời bàn tán vu vơ của người khác mà không tin lời Phật.

6. Sự diệt tội trong Kinh Thập Luân.

Hỏi: Kinh Đại Thừa Địa Tạng Thập Luân nói: “Chư Phật không cứu độ những chúng sanh tạo tội thập ác.” Nếu đã nói không cứu độ, tại sao niệm Phật lại được diệt tội vãng sanh Tây Phương? Nếu được vãng sanh, đây là cứu độ, tại sao lại nói chư Phật không cứu độ? (52)

Đáp: Kinh nói “không cứu độ” là để răn bảo những người tạo tội ác. Đây là ý nghĩa bí ẩn của Đức Như Lai, muốn làm cho những người ác sợ tội bị trầm luân biển khổ nhiều đời mà không dám tiếp tục làm ác. Đến Phật còn không cứu thì ai cứu, cho nên bọn họ không dám làm quấy. Lẽ nào lại nghĩ rằng Phật nói “không cứu” là thật không cứu hay sao? Hay là do tội quá nặng, sám hối không tiêu diệt hết tội cho nên chư Phật không cứu? Lại nữa, không biết chúng sanh giai đoạn hai cũng tạo những tội thập ác này hay không? Nếu nói không, như vậy tại sao chúng sanh giai đoạn hai có thể tạo tội ngũ nghịch mà không tạo tội thập ác? Nếu bọn họ cũng tạo tội và không được cứu, như vậy rõ ràng là bọn họ cũng không thể vãng sanh Tịnh độ. Vì lý do gì mà chỉ đem những sự kiện tạo tội thập ác ra để làm chứng cứ rằng chúng sanh giai đoạn ba không được vãng sanh Tịnh độ? Nếu cho rằng chư Phật không cứu, nhưng trong kinh chỉ nói “chư Phật không cứu người tạo tội”, chẳng lẽ chúng sanh giai đoạn hai tạo tội này lại được chư Phật cứu hay sao? Thiên sư Tín Hành dùng đạo lý gì mà cho rằng trong những người tạo tội thập ác, chúng sanh giai đoạn hai được cứu, còn chúng sanh giai đoạn ba thì không được cứu, chúng sanh giai đoạn hai được vãng sanh, còn chúng sanh giai đoạn ba thì không được vãng sanh? Lời kinh đâu có ẩn ý nào khác, tại sao lại cho rằng chư Phật chỉ cứu độ chúng sanh giai đoạn hai. Đây là dùng ý riêng để giải thích kinh văn chứ không phải là bản ý

của Phật. Thêm thất ý riêng mà giải thích kinh văn, hoàn toàn không thích đáng với ý chỉ của Phật. Và lại, trong kinh dạy rằng “chúng sanh niệm Phật, tội nặng đều được trừ diệt, ngay cả tội ngũ nghịch thập ác cũng đều tiêu diệt.” Kinh nói tội ngũ nghịch là định nghiệp, niệm Phật tiêu diệt định nghiệp này, còn kinh nói tội thập ác là tội không thể cứu, chẳng lẽ niệm Phật không cứu được tội này hay sao? Tại sao lại làm ngơ sự việc Đức A Di Đà đến tiếp dẫn. Cho nên biết rằng thiên sư Tín Hành chấp văn mê nghĩa, chưa thấu hiểu đạo lý chân thật. Tỉnh cầu quý vị hãy tra cứu lại lời kinh để trừ những nghi vấn này.

7. Năm lợi ích thù thắng của sự niệm Phật.

Hỏi: Kinh Phật Tạng, quyển thứ ba, nói: “Có Đức Phật hiệu Đại Trang Nghiêm, sau khi ngài diệt độ một trăm năm, các đệ tử chia làm năm phái. Phái thứ nhất tên Phổ Sự, phái thứ hai tên Khổ Ngạn, phái thứ ba tên Tát Hòa Đa, phái thứ tư tên Tương Khứ, phái thứ năm tên Bạt Nan Đà. Năm vị tỳ kheo này là những người lãnh đạo đồ chúng của phái mình. Tỳ kheo Phổ Sự là người thấu hiểu nghĩa lý của pháp Chân không Vô sở đắc của Đức Phật giảng nói, còn bốn vị tỳ kheo kia đều hiểu sai ý Phật, sanh khởi tà kiến, phần lớn giảng nói về pháp hữu lậu sanh diệt. Trong các đồ chúng nghe tỳ kheo Phổ Sự giảng nói về lý Chân không, có sáu mươi tám ức na do tha người đã ngộ đạo và nhập Niết bàn. Còn bốn vị ác tỳ kheo kia phần lớn dẫn dắt đồ chúng đi vào đường tà, phủ nhận pháp Đệ nhất nghĩa Vô sở hữu Tát cánh không, tham ưa pháp của bọn ngoại đạo Ni Kiền Tử. Bọn đồ chúng của bốn ác tỳ kheo thường bám theo lý thuyết tà vạy của thầy, quyền luyện không rời. Lúc đó, phần lớn các đệ tử tại gia của bốn ác tỳ kheo đều đọa ác đạo, không theo đường ngay, hoại diệt Chánh pháp của Phật. Bốn ác tỳ kheo đó, sau khi mạng chung đọa vào địa ngục A tỳ, nằm ngửa, nằm xấp, nằm nghiêng hông trái, nằm nghiêng hông phải, trải qua chín trăm vạn ức năm, bị thiêu đốt trên

giường sắt, sau khi mạng chung, lại sanh vào địa ngục tro nóng, địa ngục đặng hoạt, địa ngục dây đen, thọ vô lượng khổ não, trải qua thời gian cũng bằng địa ngục A tỳ. Sau khi mạng chung ở ngục dây đen, kế đến sanh trở lại địa ngục A tỳ. Các đồ chúng tại gia xuất gia của bốn vị ác tỳ kheo, số đông khoảng sáu trăm bốn vạn ức người, đều cùng bốn vị ác tỳ kheo cùng sanh cùng tử, cùng bị thiêu đốt trong các đại địa ngục. Đến thời kỳ kiếp tận, bốn ác tỳ kheo cùng sáu trăm bốn vạn ức đệ tử từ địa ngục A tỳ chuyển sanh qua địa ngục ở thế giới khác, trải qua vô số bách thiên vạn ức na do tha năm, chịu vô lượng khổ não. Khi thế giới này thành hình trở lại, thì lại sanh trở về đại địa ngục ở cõi này trải qua thời gian cực kỳ lâu dài, sau khi được ra khỏi địa ngục, sanh vào cõi người, trong năm trăm đời sanh làm kẻ đui mù, sau đó gặp được Đức Phật Nhất Thiết Minh, xuất gia làm tăng, trong mười vạn ức năm siêng năng tu hành như cứu đầu đang cháy, nhưng vẫn không đắc được Thuận nhãn, huống chi đắc được đạo quả. Sau khi mạng chung, lại bị sanh trở vào ngục A tỳ. Do vì quá khứ đã trồng nghiệp bất thiện sâu nặng, cho nên sau đó mặc dầu lại gặp được chín chục ức Đức Phật, vẫn không đắc được Thuận nhãn. Vì sao? Vì đối với giáo pháp thâm sâu của Phật không sanh lòng kính tin, phản phúc bại hoại, phá hủy thánh hiền trì giới tỳ kheo, dèm pha phỉ báng, khởi nhân duyên phá hoại Phật pháp, cho nên bị quả báo như vậy. Kinh trên đã nói “vì tội bất tịnh thuyết pháp mà trong mười vạn ức năm tinh tiến tu hành như cứu đầu đang cháy mà không diệt được tội”, vì sao công đức niệm Phật một danh hiệu, mười danh hiệu, lại được diệt tội vãng sanh Tây Phương Cực Lạc? (53)

Đáp: Do năm nhân duyên thù thắng, tuy tạm thời niệm danh hiệu Phật mà công đức diệt tội, sanh khởi tín tâm vượt quá mười vạn ức năm tu hành tinh tiến như cứu đầu đang cháy. Năm nhân duyên thù thắng là: (a) phát tâm thù thắng, (b) cầu

vãng sanh thù thắng, (c) bốn nguyện thù thắng, (d) công đức thù thắng, (e) uy lực thù thắng.

a) Phát tâm thù thắng: Người vãng sanh hạ phẩm là người căn tánh Đại thừa, phát tâm Đại thừa. Còn người căn tánh Tiểu thừa, nay do vì phát tâm Đại thừa, trong một niệm vượt quá tâm Tiểu thừa vô lượng bách thiên ức kiếp, cho nên diệt trừ tội nặng nhanh chóng.

b) Cầu sanh thù thắng: Ở đây một niệm niệm Phật nguyện sanh Tịnh độ, còn những người kia tuy tu hành tinh tiến như cứu đầu đang cháy, nhưng bọn họ phát tâm Tiểu thừa, không tin có Tịnh độ của chư Phật mười phương, vì không nguyện vãng sanh thù thắng cho nên tội không diệt, còn những hành giả Tịnh độ, vì nguyện vãng sanh thù thắng nên tội diệt.

c) Bốn nguyện thù thắng: Do vì Đức A Di Đà đã từng phát đại nguyện thù thắng rằng tất cả chúng sanh phạm trọng tội, nếu niệm danh hiệu của ngài, tội chướng sẽ tiêu trừ và được ngài tiếp dẫn vãng sanh về Tịnh độ. Những chúng sanh hiện nay tuy tạo trọng tội, nhưng thiện căn đời quá khứ đã chín muồi, cho nên có thể niệm Phật một niệm liền được vãng sanh.

d) Công đức thù thắng: Hành giả Tiểu thừa chỉ quán tứ niệm xứ cho nên không thể diệt vô lượng tội, hiện nay niệm Phật một niệm có đủ công đức diệt trừ tội nặng trong mười ức kiếp sanh tử, như trong kinh có nói tường tận. Cho nên một niệm niệm Phật có công đức thù thắng hơn công đức tu hành tinh tiến các pháp quán Ngũ đình tâm, quán Tứ niệm xứ, .

e) Uy lực thù thắng: Kinh Đại Thừa Đồng Tánh nói: “Chư Phật có mười giai vị, Phật A Di Đà ở giai vị thứ nhất, công đức uy lực phi thường, cho nên có thể dùng uy lực gia trì hành giả niệm Phật, khiến cho họ quyết định được vãng sanh, không đồng với các Đức Phật khác.”

7. Báng pháp và vãng sanh.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: “Những người phỉ báng kinh này thường sanh vào những xứ hiểm nạn, vĩnh viễn không được gặp Phật.” Vì sao trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, những kẻ báng pháp lại được vãng sanh Tịnh độ, gặp Phật nghe pháp, vĩnh viễn xa lìa cảnh khổ. Nếu vậy, tại sao lại nói thường sanh vào những xứ hiểm nạn? (54)

Đáp: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Những kẻ ngu này, không việc ác nào không làm, phải bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng.” Kế đến kinh nói: “Nếu niệm mười danh hiệu Phật, được vãng sanh Tịnh độ.” Nếu cho rằng người ác ấy thường sanh vào chỗ hiểm nạn, không thể thoát ra, và nếu thường phải cư trú chỗ hiểm nạn, thì làm sao vãng sanh Tịnh độ? Cho nên, khi tội chưa trừ diệt thì quả báo đó là vô cùng tận, nếu tội bị trừ diệt, thì quả báo đó là có cùng tận. Tuy thường sinh vào chỗ hiểm nạn, nhưng nếu tội diệt, thì ngại gì mà không được thấy Phật! Lại nữa, thiên sư Tín Hành dẫn chứng ý nghĩa của kinh văn, mục đích muốn chứng minh rằng chúng sanh giai đoạn ba có tội không thể trừ diệt, không được vãng sanh Tịnh độ, hơn nữa, thiên sư cũng dẫn chứng rất nhiều kinh điển để chứng minh kẻ tà không thể vãng sanh. Không biết chúng sanh giai đoạn hai có phỉ báng Kinh Pháp Hoa hay không? Nếu phỉ báng thì có thường sanh vào chỗ hiểm nạn hay không? Niệm Phật có được vãng sanh Tịnh độ hay không? Nếu cho rằng được vãng sanh, thì không thể dùng Kinh Quán Vô Lượng Thọ làm chứng cứ. Nếu không được vãng sanh, thì chúng sanh giai đoạn hai phỉ báng Chánh pháp cũng không được vãng sanh, vì sao lại cứ muốn chứng minh chỉ có chúng sanh giai đoạn ba là không được vãng sanh?

9. Phật pháp đúng căn cơ.

Hỏi: Kinh Duy Ma Cát nói: “Bồ tát thành tựu tám pháp, ở nơi thế giới này tu hành không bị chướng ngại, được vãng sanh Tịnh độ.” Thiên sư Tín Hành cho rằng tám pháp này là giáo pháp vãng sanh Tịnh độ dành cho chúng sanh giai đoạn ba, còn giáo pháp của Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., là giáo pháp vãng sanh dành cho chúng sanh giai đoạn hai. Hiện nay, chúng sanh phần lớn thuộc về giai đoạn ba, làm sao học tập giáo pháp vãng sanh dành cho chúng sanh giai đoạn hai? (55)

Đáp: Bỏ ý thành lập giáo pháp của thiên sư Tín Hành là dùng “Phật pháp thích đáng căn cơ” làm tông chỉ, cho đây là chỉ quy để thấu hiểu lời Phật dạy, và xem thường kiến giải của các học giả xưa nay. Thật ra, thiên sư dùng ba nghĩa này, nếu tìm trong giáo nghĩa thì đúng là pháp môn thích hợp căn cơ, một là thời gian, hai là nơi chốn, ba là người tu tập. Nếu xét kỹ sự thành lập ba môn này của thiên sư quả thật là vô cùng tuyệt diệu, thích đáng. Thế nhưng chur đại đức cổ kim, đều có học vấn uyên bác, thông thạo nội điển ngoại điển, thấu rõ ý nghĩa bản tự mãn tự, thâm hiểu chỗ thâm sâu của pháp môn, vượt đến chỗ cùng cực của bí tạng, chưa hề có ai phán định tông chỉ giống như thiên sư. Và lại, thiên sư tự thiết lập ý nghĩa, nhưng lại đi trái ngược với ý thú. Vì sao? Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Hôm nay, đức Như Lai vì bà Vi Đề Hy và tất cả chúng sanh ở đời vị lai”, đây là **thời ác**. “Bị giặc phiền não xâm nhiễu mà nói nghiệp thanh tịnh”, đây là **người ác**. “Đây là sự giáo hóa chúng sanh ở cõi uế trược”, đây là **chỗ ác**. Kinh Quán Vô Lượng Thọ hội đủ ba nghĩa, lẽ ra phải là Phật pháp thích đáng căn cơ, thế mà thiên sư lại nói không phải. Đây là có ý gì? Tám pháp của Kinh Duy Ma Cát không nói đến đời vị lai, đây là **không phải thời ác**. Bồ tát thành tựu tám pháp: đây là **không phải người ác**. Đây là sự giáo hóa chúng sanh cõi trược uế: đây là **chỗ ác**. Kinh Duy Ma Cát chỉ có một nghĩa, thiếu hai nghĩa kia, sao lại cho là thích đáng căn cơ. Đây là có ý gì?

10. Chuyên tu và tạp tu.

Hỏi: Kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển thứ hai, nói: “Về phía tây cách cõi Ta Bà mười hai ức na do tha cõi Phật có cõi nước Giải Mạn. Xứ đó khoái lạc, ca xướng kỹ nhạc, y phục lông lầy, hương hoa trang nghiêm, v.v... Các chúng sanh phát nguyện sanh về cõi Phật A Di Đà đều bị lạc vào cõi nước Giải Mạn mà không vãng sanh Cực Lạc. Trong ngàn vạn ức chúng sanh, họ hoàn chỉ có một người vãng sanh Cực Lạc.” Kinh này là minh chứng cho sự khó vãng sanh. Vì lý do gì hiện nay lại khuyến khích mọi người vãng sanh cõi Phật ấy? (56)

Đáp: Vì có lời kinh như vậy, cho nên Hòa thượng Thiện Đạo khuyến tấn bốn chúng chuyên tu Tây Phương tịnh nghiệp, bốn tu²² không thoái chuyển, ba nghiệp không tạp nhạp, phế bỏ những ước nguyện và hành trì khác, mà chỉ chuyên hành một hạnh Tây Phương. Trong những người tu tạp hạnh, vạn người không được một người vãng sanh, còn những người chuyên tu thì ngàn người tu, ngàn người được vãng sanh. Như phần sau của kinh nói: “Vì sao? Do vì giải đãi lười biếng, lòng tin không vững chắc. Phải biết những người tu hạnh tạp nhạp, lòng tin không kiên cố, cho nên sanh vào cõi nước Giải Mạn.” Lời này giống hệt Kinh Bồ Tát Xử Thai đã nói. Nếu không tu tạp nhạp, chuyên tu tịnh nghiệp, đây là lòng tin vững chắc, ắt sẽ vãng sanh về cõi Cực Lạc, khéo phù hợp với ý chỉ của Kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh. Kinh ấy nói: “Chúng sanh cõi Ta Bà phần nhiều đều tham sân si, ít người có lòng tin chân chánh, phần lớn tu tạp tà pháp, không tin Chánh pháp, không thể chuyên nhất, tâm ý tán loạn không chí hướng. Các cõi Tịnh độ mười phương thật sự không có sự sai biệt, vì muốn cho hành giả chuyên tâm vào một cõi, cho nên Đức Phật đặc biệt khen ngợi cõi Cực Lạc

mà thôi! Các hành giả tùy thuận nguyện cầu của họ mà được vãng sanh.” Cho nên biết rằng nếu tu tạp nhạp sẽ sanh vào cõi Giải Mạn, còn như chuyên tu thì sẽ vãng sanh cõi nước Cực Lạc. Điều này càng hiển rõ sự chuyên tu sẽ được vãng sanh. Đâu phải vì sanh Cực Lạc là khó mà không ai được vãng sanh về đó! Lành thay các hành giả Tịnh độ, không thể không chuyên tâm vào hành nghiệp của mình. Vả lại, rất ít người vãng sanh về Báo độ, mà phần lớn vãng sanh về Hóa độ. Cho nên Kinh Bồ Tát Xử Thai và Kinh Quán Vô Lượng Thọ tuy nói khác nhau, nhưng hàm ý không mâu thuẫn.

11. Thăng trầm của sự niệm Phật.

Hỏi: Kinh Quán Tam Muội Hải nói: “Năm trăm người thuộc dòng họ Thích trong đời quá khứ đều là anh em, học tập kinh điển ngoại đạo, không tin Phật pháp. Phụ vương thương xót, bèn giảng cho họ nghe pháp Mười hai nhân duyên cùng Phật pháp sâu xa, bọn họ không tin mà còn sanh lòng hủy báng. Đến khi sắp chết, bọn họ nhận chịu nhiều sự khổ não. Người cha thương xót, e rằng bọn họ sẽ phải đọa địa ngục A tỳ, bèn khuyên bọn họ niệm Phật. Các người con sắp chết, khởi lòng kính trọng, tùy thuận lời cha dạy, niệm Nam mô Phật. Người cha lại khuyên niệm Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng. Sau khi các người con mạng chung, nương vào công đức niệm Phật, đều được sanh lên cõi trời, hưởng thọ khoái lạc. Sau khi nghiệp báo cõi trời đã hết, nhân vì nghiệp phi báng Chánh pháp đời trước, bèn đọa vào địa ngục A tỳ, nhận chịu sự khổ khốc liệt.” Y theo lời kinh, lâm chung niệm Phật, tuy được sanh lên cõi trời, tội báng pháp không trừ diệt, vẫn bị đọa vào địa ngục. Làm sao các hành giả vãng sanh Hạ phẩm hạ sanh niệm Phật một tiếng, liền được diệt tội, vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn không còn trầm luân, không còn bị đọa ác đạo, thường hưởng thọ khoái lạc, cho đến khi thành

²² Bốn tu: cung kính tu (tu với tâm cung kính), vô dư tu (không tu các hạnh khác), vô gián tu (tu không gián đoạn), và trường thời tu (tu lâu dài).

Phật. Điều là niệm Phật, tại sao có thặng trầm khác biệt như vậy? (57)

Đáp: Bọn họ tuy niệm Phật được sanh cõi trời, nhưng chỉ biết hưởng thọ khoái lạc, đam mê ngũ dục, không biết tiếp tục tu thiện, đến lúc phước báo niệm Phật hết, lại bị đọa ba đường ác. Hiện nay, vãng sanh Cực Lạc, sau khi hoa nở, gặp Phật nghe pháp, dần dần tiến tu các đạo phẩm, thường hành sáu Ba la mật, các tội khiên từ vô thi, đều lần lần tiêu diệt, các hạnh nguyện thù thắng càng ngày càng tăng trưởng, trăm ngàn tam muội đều hiện trước mắt, quán sát nhân không pháp không, thấu rõ pháp vô sở đắc. Làm sao có thể so sánh chúng sanh của trời cõi Dục, nơi mà nam nữ chỉ hưởng thọ dục lạc, phóng túng sáu căn, tạo tội thập ác, với chúng sanh vãng sanh cõi Cực Lạc!! Lại nữa, bọn họ tuy niệm Phật nhưng chưa ân cần hộ thẹn sám hối và phát tâm Vô thượng Bồ đề cầu sanh Tịnh độ. Và lại, Bản nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Chúng sanh vãng sanh Cực Lạc, nếu còn đọa ba đường ác, thì tôi sẽ không thành Phật.” Hơn nữa, những người con đó không hề chí tâm tha thiết mà chỉ vì nghe lời dạy của cha mà niệm, cho nên tội chưa trừ diệt, chỉ tạm thời sanh cõi trời, rồi lại đọa ác đạo. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, phần Hạ phẩm hạ sanh nói: “Hành giả phải niệm đủ mười niệm tội mới trừ diệt.” Bọn họ không chí tâm, lại niệm có một niệm, cho nên tội không trừ diệt, sanh thiên rồi vẫn còn đọa ác đạo. Ví như mắc nợ, người chủ nợ lớn nhất đến trước để kéo đi. Phước lực của niệm Phật lớn, cho nên tạm thời sanh thiên, nhưng tội báng pháp rất nặng, thành thử vẫn kéo xuống ác đạo. Ý nghĩa của hai kinh có những sự khác biệt như vậy.

12. Niệm Phật trừ ma.

Hỏi: Kinh nói: “Trong tâm có ba độc tham sân si thì sẽ chiêu cảm ma quỷ từ bên ngoài vào.” Hiện nay nói Niệm Phật Tam Muội được thấy Đức Phật A Di Đà, đến lúc lâm chung thấy Phật và thánh chúng đem hoa đến rước. Hành

giả vãng sanh là phàm phu, trong tâm đầy đủ ba độc, như vậy Phật và thánh chúng đến rước có phải là quỷ thần giả hiện hay không? (58)

Đáp: Nếu tâm có tam độc, tu hành Niệm Phật Tam Muội thấy được Phật A Di Đà, đến lúc lâm chung thánh chúng đến nghinh đón đều là quỷ thần giả hiện, thì tất cả chúng sanh đầy đủ tham sân si, dù không đắc Niệm Phật Tam Muội, hoặc không tu hạnh nghiệp Tây Phương, thì thường phải thấy Phật, và khi lâm chung đều phải thấy Phật A Di Đà mang hoa đến rước. Nếu cho rằng không thấy Phật, Phật không đến rước, thì người đó ắt không có ba độc tham sân si. Hơn nữa, chí tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tu hạnh nghiệp Tây Phương, trì trai giữ giới, v.v..., là nhân của ba độc tham sân si, hay không phải là nhân của tham sân si? Nếu là nhân cho ba độc tham sân si, vì lý do gì niệm Phật tu thiện lại sanh khởi ba độc? Nếu vậy, đức Thế Tôn không nên khuyên chúng sanh niệm Phật, v.v... Và lại, tu thiện niệm Phật chiêu cảm quỷ thần, thì phá trai phá giới ắt không chiêu cảm cảnh tướng ma quỷ! Còn nếu trì trai giữ giới không phải là nhân cho ba độc, thì đó là pháp để trừ diệt ba độc. Tôi tu pháp diệt ba độc mà chỉ thấy ma quỷ, còn ông chưa từng tu pháp diệt ba độc, tại sao ông lại chưa từng thấy Phật?

Nếu dùng đoạn văn này làm chứng cứ để phán quyết nhất định là ma, và người không còn ba độc ắt không bị ma quấy nhiễu, tại sao tôn giả A Nan bị ma làm mê hoặc, không thỉnh đức Thế Tôn tiếp tục an trụ tại thế gian, và tôn giả Ưu Ba Cúc Đa trong khi nhập định lại bị thiên ma lấy vòng hoa choàng lên đầu? Cho nên biết rằng không phải ba độc tham sân si nhất định chiêu cảm ma quỷ, và những người không còn ba độc không bị ma quấy nhiễu. Tại sao lại cứ cho rằng lâm chung thấy Phật đều là quỷ thần ma giả hiện. Lại nữa, nếu ba độc chiêu cảm ma quỷ, tại sao lại chỉ biến hình Phật mới gọi là chiêu cảm cảnh tướng ma. Kinh Đại Niết Bàn nói: “Trong đời vị lai, ma biến hiện thành thân tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di,

thân Phật, v.v..., đến mê hoặc hành giả.” Đức Phật dạy các đệ tử phải biết biện biệt lời dạy của Phật và lời dụ hoặc của ma, làm cho mọi người nhận thức rõ. Chúng sanh đọa lạc vào cảnh giới ma, phần lớn là y theo lời dụ hoặc, chứ đâu phải hoàn toàn bị hình tướng làm thác loạn. Cho nên Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy rằng trong lúc tu mười sáu pháp quán, giả như cảnh giới thanh tịnh hiện tiền, không luận là tà hay chánh, nếu trong lúc quán tưởng mà nghe âm thanh giảng nói diệu pháp thì Đức Phật dạy phải xuất định, nhớ kỹ không quên những lời dạy trong định, sau đó đem so sánh với kinh điển để biện định tà chánh.

Căn cứ vào kiến giải của ông, những cảnh tướng biến hiện đều là ma, đây là do thân ông có tà độc tham sân si. Dù thân Phật là do ma biến hiện, đây là do pháp của tôi chân chánh mà hiện ra cảnh ma, thấy thân Phật đến não loạn, hay là do pháp của tôi không chân chánh, tăng trưởng tà pháp, chiêu cảm ma hiện đến? Nếu do pháp chân chánh mà hiện ra cảnh ma, thì lại càng phải chuyên tâm niệm Phật, bởi vì niệm Phật là pháp khiến xuất ly cảnh giới ma. Còn như pháp không chân chánh, tăng trưởng tà độc tham sân si mà lại chiêu cảm ma hiện thân Phật, thì bọn đồ tể, chiên đà la, v.v..., chuyên làm việc ác, ắt phải thường thấy chư Phật mười phương hiện thân. Lúc bọn họ lâm chung, thân tâm ắt phải an lạc, mắt nhìn thấy chư Phật mang hoa đến rước. Nếu đúng như vậy thì Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về chín phẩm vãng sanh, thánh chúng đến tiếp dẫn ắt phải là pháp ba độc tham sân si. Nếu các thánh chúng đến nghinh tiếp đều là ma, thì Kinh Quán Vô Lượng Thọ ắt không phải là pháp Phật, mà là pháp ma. Và lại, nếu ba độc tham sân si chiêu cảm ma đến, cần gì phải thấy Phật đến mới gọi là ma đến, nguyện vãng sanh Tây Phương mới gọi là chiêu cảm quý thân đến. Thế nhưng, bốn mươi tám nguyện của Đức A Di Đà, tiếp dẫn tất cả chúng sanh phạm tội ác vãng sanh, đây là điều mà kinh Phật nói rõ ràng. Những điềm lành về cảnh tướng vãng sanh, xưa nay đã được ghi chép trong các truyện ký, nào là tiếng nhạc thánh thót,

mùi hương vi diệu, tướng lành hiển hiện, lẽ nào đây là những điều bịa đặt hay sao?

Phần VII: So sánh sự hơn kém giữa cõi Đâu Suất và cõi Cực Lạc.

1. So sánh giữa hai cõi.

Hỏi: Tịnh độ Tây Phương so với Nội viện Đâu Suất có gì hơn kém? (59)

Đáp: Sự hơn kém giữa hai cõi thật hiển nhiên, những bậc thức giả đều biết rõ, cần gì phải hỏi thêm. Các bậc cổ đức đã soạn Luân Tịnh Độ²³, trong đó đã phân tách sự hơn kém, ở đây không phiền giải thích. Thế nhưng các bậc cổ đức soạn luận, trình bày vẫn còn sơ lược, hiện nay sẽ dùng mười hai nghĩa để làm rõ thêm chi tiết: (1) chủ, (2) xứ, (3) quyền thuộc, (4) thọ mạng, (5) nội ngoại, (6) thân sắc, (7) tướng hảo, (8) ngũ thông, (9) bất thiện, (10) diệt tội, (11) thọ lạc, (12) thọ sanh.

1) Chủ: Chủ trời Đâu Suất (Bồ tát Di Lặc) vẫn còn là phàm phu, tuy được gọi là Nhất sanh bồ xứ, nhưng chưa chứng đắc quả Phật (Diệu giác). Tuy sẽ thành Phật, nhưng hiện nay chỉ hiện hóa thân. Chủ cõi Cực Lạc là Đức Phật A Di Đà đã thành Chánh giác, cư trú tại cõi Tịnh độ, phần nhiều hiện thân thọ dụng (báo thân). Sự thật mà nói, hiện hóa thân hay hiện báo thân không có sự hơn kém. Thị hiện độ chúng sanh, thầy (Phật) trò (Bồ tát Đẳng giác) khác biệt, tức là một bên hiện nay đã thành Phật, một bên tương lai sẽ thành Phật, một bên là Báo thân Phật, một bên là Hóa thân Phật, một bên đã viên mãn, một bên chưa viên mãn, một bên hiện cõi diệu, một bên hiện cõi thô, cảnh tượng hoàn toàn khác biệt. Đây là nghĩa thứ nhất.

2) Xứ: Cảnh Đâu Suất ở cõi Ta Bà trước uế, vẫn còn dục lạc nam nữ; cõi Cực Lạc là Tịnh độ ở phương khác, thù thắng vi diệu. Bàn về sự hơn kém, không cách nào ví dụ được. Sự đẹp xấu giữa hai bên quả thật rõ ràng. Đây là nghĩa thứ hai.

3) Quyền thuộc: Trời Đâu Suất có trời nam và trời nữ, còn cõi Cực Lạc thì không có người nữ. Từ đây hình dung ra, hành giả tự biết bên nào đẹp, bên nào xấu, bên nào hơn, bên nào kém. Sự cách biệt giữa hai cõi như trời với đất. Đây là nghĩa thứ ba.

4) Thọ mạng: Thọ mạng ở cõi trời Đâu Suất là bốn trăm năm, mỗi ngày trên đó là bốn trăm năm ở cõi người. Như vậy các vị trời Đâu Suất thọ mạng bằng $400 \times 30 \times 12 \times 400 = 57,060,000$ (năm mươi bảy triệu sáu mươi ngàn) năm ở cõi người, nhưng vẫn có trường hợp chết yểu, như vậy làm sao so sánh với thọ mạng vô lượng a tăng kỳ kiếp ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Thọ mạng dài ngắn bất đồng, không thể so sánh. Đây là nghĩa thứ tư.

5) Nội ngoại: Trời Đâu Suất có hai viện, nội viện và ngoại viện. Những vị trời sống trong nội viện được gần gũi ngài Di Lặc là bậc Bồ tát Nhất sanh Bồ xứ, cho nên vĩnh viễn được bất thoái chuyển, còn những vị trời sống ở ngoại viện thì đam mê ngũ dục, không tránh khỏi trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Ngài Giác Sư Tử, em trai ngài Thế Thân, còn bị sanh nơi ngoại viện. Ngài Thế Thân đạo hạnh ngang với ngài Vô Trước, cũng cầu vãng sanh Nội viện, cho nên biết rằng sanh vào Nội viện là một điều khó khăn. Phần lớn đều sanh nơi Ngoại viện, tiếp tục tạo thập ác, tu hành thoái chuyển, đọa lạc vào ba đường ác, không bằng vãng sanh Tây Phương, dù là hạ phẩm hạ sanh, khi hoa sen nở sẽ gặp ngài Quán Thế Âm, nghe giảng các pháp thật tướng sâu xa, pháp trừ diệt tội chướng, vĩnh viễn không bị luân hồi. Dùng đây để hình dung, làm sao có thể so sánh được. Đây là nghĩa thứ năm.

²³ Có lẽ ngài Hoài Cẩm đề cập đến bộ Luân Tịnh Độ do ngài Ca Tài sáng tác.

6) Thân sắc: Các vị trời Đâu suất, thân sắc tuy thanh tịnh vi diệu, thế nhưng đến lúc lâm chung, các tướng chết hiện ra, như là chảy mồ hôi nách, hoặc là quang minh ảm mất, làm sao có thể so sánh với cõi Tây Phương, toàn thân bằng vàng, quang minh chiếu rọi hàng trăm ngàn do tuần. Kinh Vô Lượng Thọ dùng thí dụ dung mạo kẻ ăn mày so sánh với vị đế vương, cho đến dung mạo của vị trời Tha hóa tự tại nếu so sánh với các chúng sanh ở cõi Cực Lạc thì tướng mạo quang minh của họ chẳng khác gì đồng mực đen để cạnh núi vàng ròng. Đẹp xấu khác nhau. Đây là nghĩa thứ sáu.

7) Tướng hảo: Thân tướng các vị trời tuy đoan nghiêm, đâu có thể so sánh với chúng sanh cõi Cực Lạc, thân tướng thù thắng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Không có cách nào mô tả sự hơn kém giữa hai bên được. Đây là nghĩa thứ bảy.

8) Ngũ thông: Trong phần Bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà có nói: “Nếu tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đắc được ngũ thông, hoặc thấy, hoặc nghe, tối thiểu là trăm ngàn vạn ức cõi Phật, v.v...” Các vị trời Đâu Suất, dù cho có ngũ thông chẳng nữa cũng chỉ trong phạm vi hạn hẹp của cõi Ta Bà mà thôi. Giả sử có sanh vào Nội viện đi nữa, nếu chưa chứng quả thánh, chưa có kinh nào nói đến việc họ đi cúng dường, phụng sự chư Phật mười phương. Dùng đây so sánh, đây là nghĩa thứ tám.

9) Bất thiện: Các hành giả sanh về Nội viện của ngài Di Lạc là phạm phu sống trong cõi Dục. Tuy gần gũi bậc Nhất sanh bồ xứ, được nghe pháp Đại thừa, nhưng họ vẫn còn đầy phiền não. Vì không được bốn nguyện nhiếp thọ nên vẫn còn khởi tâm bất thiện, gây tạo ác nghiệp. Các chúng sanh cõi Tịnh độ không có những cảnh duyên ác này, hơn nữa nhờ nương vào

bốn nguyện của Phật mà tội chướng tiêu trừ. Đây là nghĩa thứ chín.

10) Diệt tội: Kinh Di Lạc Thương Sanh nói: “Người nào niệm một danh hiệu ngài Di Lạc sẽ diệt trừ được một ngàn hai trăm kiếp tội ác sanh tử; nghe danh hiệu ngài, chấp tay cung kính trừ được năm mươi kiếp tội ác sanh tử; kính lễ Đức Di Lạc sẽ diệt trừ được một trăm kiếp tội ác sanh tử”, làm sao sánh được với niệm một danh hiệu Phật A Di Đà trừ diệt được tám mươi ức kiếp tội ác sanh tử, vãng sanh Tây Phương! Đây là nghĩa thứ mười.

11) Tho lạc: Các vị trời Đâu Suất bị ngũ dục trói buộc, còn các chúng sanh nơi cõi Cực Lạc được tự tại, không còn ưu sầu khổ não nữa. Đây là nghĩa thứ mười một.

12) Tho sanh: Các vị trời Đâu Suất thọ sanh vào thân thể nam nữ, còn các chúng sanh cõi Cực Lạc chỉ thọ sanh vào hoa sen, hoặc thọ sanh vào cung điện bảy báu. Đây là nghĩa thứ mười hai.

Ở đây dùng mười hai nghĩa để nêu rõ sự hơn kém. Nếu trình bày chi tiết ắt sẽ nhiều vô lượng. Tuy hai cõi có sự hơn kém như vậy, thế nhưng kinh Phật đều khuyên vãng sanh về cả hai cõi. Tùy theo nguyện vọng của hành giả, y theo lời dạy tu hành, ắt sẽ được như sở nguyện. Kính mong hành giả Tây Phương đừng chê bai Đâu Suất, và hành giả Đâu Suất cũng chớ phỉ báng Tây Phương. Mỗi người tùy theo lòng ái mộ, tu tập pháp môn mà mình ưa thích, không nên thị phi, đây mới là Phật pháp, còn nếu chê bai lẫn nhau, thì hai bên đều tạo nghiệp ma, chẳng những không được vãng sanh mà còn bị trầm luân tam đồ ác đạo. Khuyên các hành giả hãy tự nỗ lực.

2. Sự dị đồng giữa hai cõi.

Hỏi: Các bậc học giả đều biết rõ Cực Lạc thù thắng hơn Đâu Suất trăm ngàn ức lần, nhưng lại e rằng Cực Lạc là cõi Tịnh độ phương xa, ít người có thể vãng sanh. Các bậc đại đức xưa nay vì cho rằng Cực Lạc khó vãng sanh nên đã nguyện sanh về Đâu Suất. Hiện nay lại khuyên tu pháp môn Cực Lạc là có ý gì? Đây là điều chúng tôi vô cùng thắc mắc, kính xin giải thích cho chúng tôi đỡ nghi hoặc! (60)

Đáp: Vấn đề này quả là rất tế nhị. Các bậc đại đức xưa nay, học nhiều hiểu rộng, thấu rõ Đại thừa Tiểu thừa, đối với vấn đề này đôi khi còn phải trù trù, huống chi tôi là một người học vấn kém cỏi, không rõ thị phi, đâu dám biện định vấn đề thâm thúy như vậy. Thế nhưng, bằng cách tìm hiểu kinh điển, chúng ta cũng có thể bàn sơ lược ý chỉ của vấn đề. Nếu so sánh Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói về hành nghiệp vãng sanh Đâu Suất, và các kinh Quán Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ, Xung Tán Tịnh độ, v.v..., nói về hành nghiệp vãng sanh Cực Lạc, chúng ta có thể thấy rõ sự đồng dị giữa hai bên. Hơn nữa, hành môn vãng sanh Đâu Suất và vãng sanh Tây Phương có mười lăm điểm tương đồng và tám điểm khác biệt.

Mười lăm điểm tương đồng: (1) Quán hạnh: Đối với hành giả vãng sanh Đâu Suất, Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Thường tưởng nghĩ đến sự khoái lạc thượng diệu của cõi trời Đâu Suất, như vậy gọi là chánh quán, nếu không thì gọi là tà quán.” Đối với hành giả vãng sanh Tây Phương, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Trong các pháp quán đất báu, cây báu, ao báu, Phật, Bồ tát, v.v..., nên quán sát như vậy thì gọi là chánh quán, nếu không thì gọi là tà quán.” Đây là tùy theo sở nguyện, quán sát cõi vãng sanh, y chánh trang nghiêm của cõi trời, cõi Phật. (2) Trì giới: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Nên trì giới cấm của Phật.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Thọ trì Tam quy, đầy đủ giới thể, không phạm oai nghi.” (3) Thập thiện: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Suy tư và tu hành pháp thập thiện.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Có lòng nhân từ, không sát hại,

tu hành nghiệp thập thiện.” (4) Sám hối: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Nghe danh hiệu đại bi của Bồ tát Di Lặc, năm vóc sát đất, thành tâm sám hối, các ác nghiệp sẽ mau được thanh tịnh.” Kinh Cổ Âm Vương nói: “Sáu thời chuyên niệm, năm vóc sát đất, v.v...” (5) Tạo lập hình tượng hữu vi công đức: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Tạo lập hình tượng, cúng dường hương hoa, y phục, tràng phan bảo cái.” Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tu tập pháp lành, phụng trì trai giới, xây chùa đúc tượng, cúng dường sa môn, treo phướng thấp đèn, rải hoa thấp hương.” (6) Thánh đến tiếp dẫn: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Bồ tát Di Lặc phóng ánh sáng giữa chận mây, cùng các vị trời rải hoa mạn đà la, đến nghinh tiếp hành giả.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Phật A Di Đà phóng đại quang minh chiếu thân hành giả, cùng các vị Bồ tát đưa tay tiếp dẫn.” (7) Xưng niệm danh hiệu: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Nêu xưng niệm danh hiệu Di Lặc trong một khoảnh khắc.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Nếu chấp tay niệm Nam mô A Di Đà Phật trong một khoảnh khắc.” (8) Lễ bái: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Lễ bái, nghĩ nhớ đến Đức Di Lặc.” Luân Vãng Sanh nói: “Thân nghiệp cung kính lễ bái Đức Phật A Di Đà.” (9) Hồi hướng phát nguyện: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Đem công đức này hồi hướng nguyện sanh về nơi ngài Di Lặc.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đem công đức này hồi hướng nguyện sanh về cõi Cực Lạc.” (10) Đọc tụng kinh điển: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Đọc tụng kinh điển.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đọc tụng kinh điển Đại thừa Phương đẳng.” (11) Vãng sanh: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Trong khoảng khảy ngón tay được sanh về cõi trời Đâu Suất.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Trong khoảng khảy ngón tay (hoặc nói: trong khoảng một niệm, hoặc nói: trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay) vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.” (12) Thấy thánh chúng: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Thấy Đức Di Lặc.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Thấy thân Phật đầy đủ tướng hảo trang nghiêm.” (13) Quy kính: Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Cúi đầu đánh lễ.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Liên

xuống đài sen vàng chấp tay lạy Phật.” (14) Nghe pháp: Kinh Di Lặc Thương Sanh nói: “Chưa ngẩng đầu lên đã nghe pháp âm.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Ánh sáng, rùng ráo diễn thuyết diệu pháp.” (15) Bất thoái: Kinh Di Lặc Thương Sanh nói: “Bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề.” Kinh A Di Đà nói: “Các hành giả vãng sanh đều là bậc Bất thoái chuyển.”

Tám điểm khác biệt: (1) Bốn nguyện: Bồ tát Di Lặc vốn không lập thế nguyện tiếp dẫn hành giả vãng sanh Đâu Suất. Bồ tát tỳ kheo Pháp Tạng phát bốn mươi tám nguyện tiếp dẫn chúng sanh. Không thế nguyện giống như khúc gỗ trôi sông, có thế nguyện giống như lái thuyền du ngoạn. (2) Quang minh: Tu nghiệp vãng sanh Đâu Suất, Đức Di Lặc **không** phóng ánh sáng nhiếp thọ. Tu nghiệp vãng sanh Tây Phương, Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng bạch hào, ánh sáng lỗ chân lông, ánh sáng viên quang, v.v..., nhiếp thọ hành giả ngày đêm không rời. Có ánh sáng nhiếp thọ giống như đi dạo lúc ban ngày, không ánh sáng nhiếp thọ giống như mò mẫm trong đêm tối. (3) Thủ hộ: Các hành giả tu nghiệp vãng sanh Đâu Suất không được Bồ tát Di Lặc đến thủ hộ, còn hành giả tu nghiệp vãng sanh Tây Phương thì được sự thủ hộ của Đức A Di Đà, v.v.... Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Vô số hóa thân của Phật Vô Lượng Thọ cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường đến nơi hành giả.” Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Ắt sẽ được hằng hà sa chư Phật mười phương nhiếp thọ.” Kinh Thập Vãng Sanh nói: “Đức Phật A Di Đà khiến hai mươi lăm vị Bồ tát thường đến thủ hộ hành giả.” Được thủ hộ như du hành với đám đông, không sợ bị cướp giật, không được thủ hộ giống như đi đường vắng một mình, ắt bị gian phi cưỡng đoạt. (4) Hiện tướng lưỡi: Vãng sanh nội viện Đâu Suất, mười phương chư Phật không hiện tướng lưỡi chứng minh, còn lúc khuyến vãng sanh Cực Lạc, mười phương chư Phật đều hiện tướng lưỡi chứng minh. Nếu như Đâu Suất dễ vãng sanh, Cực Lạc khó vãng sanh, việc gì mà chư Phật mười phương phải chứng minh, khuyến khích. (5) Chúng thánh: Những người tu nghiệp vãng sanh Đâu Suất không có chư thánh

thủ hộ. Những hành giả tu nghiệp vãng sanh Tây Phương thì có các vị Bồ tát Hoa Tụ, Bồ tát Sơn Hải Huệ, v.v..., phát nguyện gần gũi thủ hộ. (6) Diệt tội: Kinh Di Lặc Thương Sanh nói: “Xưng niệm danh hiệu Đức Di Lặc trừ diệt được một ngàn hai trăm kiếp tội sanh tử.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, mỗi niệm trừ diệt được tám mươi ức kiếp tội sanh tử.” (7) Tội nặng: Kinh Di Lặc Thương Sanh nói: “Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân phạm các giới cấm, tạo các nghiệp ác.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Nếu có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch thập ác, làm đủ việc không lành.” Những chúng sanh tạo tội ngũ nghịch ắt sẽ không được sanh về Đâu Suất nhưng lại được vãng sanh Cực Lạc. (8) Giáo thuyết: Nếu cho rằng Đâu Suất dễ sanh, Cực Lạc khó sanh, đây là dùng kiến giải phàm phu để phán đoán kinh Phật. Nếu tra cứu cặn kẽ, ắt không thấy có kinh điển nào nói về điều này. Ngay bậc chứng Tứ quả cũng mờ mịt khi nhập thai, và các bậc Bồ tát Thập địa còn mê muội khi cách âm, huống chi là những học giả phàm phu, tập khí dầy dầy, sự mờ mịt về kiến giải và tu tập đến đời nào mới được giải tỏa, dù có miệt mài cầu học, cũng chỉ giống như những kẻ rờ voi, làm sao có đủ khả năng khái định lời Phật khiến cho mọi người tin tưởng. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Cắt đứt đường năm cõi, nẻo ác tự nhiên đóng, đạo thẳng tiến vô cùng, dễ sanh nhưng không người (chịu vãng sanh).” Đây quả là lời dạy rõ ràng của Phật.

Phần trên, xét mười lăm điều tương đồng còn không thể nói Cực Lạc khó vãng sanh, huống chi xét tám điều khác biệt mà vẫn nói Cực Lạc là khó vãng sanh hay sao? Kính thỉnh quý học giả tra cứu giáo lý để có thể giải trừ nghi hoặc về sự vãng sanh khó dễ của hai pháp môn Đâu Suất và Cực Lạc. Nếu nghiên cứu tận cùng, đối với một môn, hoặc khen hoặc chê, đều là phương tiện khuyến khích người sơ cơ vào đạo, khiến họ xa lìa sự ngu mê chấp trước mà thôi. Mong các ngài hiểu rõ ý nghĩa mà tôi muốn trình bày ở đây.

Phần VIII: Sự khởi nghiệp của hành giả vãng sanh.

1. Tịnh độ nhuận sanh.

Hỏi: Căn cứ vào Luận Câu Xá, có chín loại mạng chung và thọ sanh: (1) chết ở cõi Dục, sanh ở cõi Dục; (2) chết ở cõi Dục, sanh ở cõi Sắc; (3) chết ở cõi Dục, sanh ở cõi Vô sắc, v.v..., cho đến (9) lúc sắp chết ở cõi này sắp sanh ở cõi kia, khởi phiền não nhuận sanh ở cõi kia. Hiện nay, vãng sanh Cực Lạc thì khởi phiền não nào để nhuận sanh? (61)

Đáp: Có hai cách giải thích: (1) Nếu chưa lia lòng dục của cõi Dục mà vãng sanh Tây Phương, thì khởi tâm ái cõi Dục mà nhuận sanh; nếu đã lia lòng dục của cõi Dục được định cõi Sắc mà vãng sanh, thì khởi tâm ái cõi Sắc mà nhuận sanh; nếu đã lia tâm ái của cõi Sắc được định cõi Sắc, những người thoái chuyển sẽ khởi phiền não cõi Dục cõi Sắc mà nhuận sanh; những người không thoái chuyển ắt sẽ không vãng sanh Tịnh độ, bởi vì những người này cho rằng Tịnh độ thuộc về cõi Dục hoặc cõi Sắc. Có người cho rằng cõi Tịnh độ tuy không thuộc về cõi Dục hoặc cõi Sắc, nhưng là cõi có hình tướng, hành giả tuy đắc được định và xa lia phiền não của cõi Sắc, cũng không thể vãng sanh cõi Tịnh độ có hình tướng. (2) Có người giải thích rằng hành giả vãng sanh Tịnh độ, lúc sắp mạng chung, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, dùng lòng từ bi gia hộ, khiến cho tâm hành giả không còn điên đảo. Nếu khởi phiền não thì gọi là điên đảo. Thế nhưng muốn thọ sanh thì phải cần đến phiền não. Hành giả vãng sanh Tịnh độ dùng chủng tử phiền não để nhuận sanh. **Hỏi:** Các bậc thánh hữu học mới có thể bàn đến dùng chủng tử phiền não để nhuận sanh, còn các hành giả vãng sanh vẫn còn là phàm phu thì làm sao bàn đến vấn đề dùng chủng tử để nhuận sanh? **Đáp:** Nếu căn cứ vào việc thọ sanh ở cõi uế, phàm phu chỉ có thể dùng phiền não hiện hành để nhuận sanh, bởi vì phiền não của họ mãnh liệt, khi mạng chung hầu hết đều

điên đảo. Còn các hành giả vãng sanh Cực Lạc đều nhờ vào sự gia trì của Đức Phật A Di Đà, tâm không điên đảo, phiền não không sanh khởi, không thể so sánh với các trường hợp thọ sanh bình thường ở cõi uế. Tuy trong kinh không bàn đến điều này, chúng ta suy ngẫm ý nghĩa có thể suy đoán ra. Nhưng nếu cho rằng các hành giả vãng sanh vẫn còn sanh khởi phiền não thì cũng không phải là sai lầm.

2. Duyên sanh có không.

Hỏi: Hành giả vãng sanh bị nhiếp trong mười hai chi của tam giới, không biết phần vị duyên sinh ở cõi Tịnh độ bị nhiếp trong pháp nào? (62)

Đáp: Có hai cách giải thích. (1) Cõi Tịnh độ bị nhiếp trong tam giới: Những hành giả vãng sanh chưa dứt phiền não, chi vô minh và hành thuộc về cõi Dục, các chi thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ cũng thuộc về cõi Dục. Các chi ái, thủ và hữu đã thuộc về cõi Dục, chả lẽ các chi sinh, lão, tử lại không thuộc về cõi Dục hay sao? Nếu hành giả đã xa lia tâm dục của cõi Dục, đắc được tâm cõi Sắc, thì mười hai chi đều thuộc về cõi Sắc. (2) Cõi Tịnh độ không bị nhiếp trong tam giới: Như phần trên đã giải thích. Mười hai chi là căn cứ vào tam giới mà nói, cho nên đối với cõi Tịnh độ không phân biệt mười hai chi. Hơn nữa, mười hai chi này, ngay trong cõi uế còn chưa nhiếp hết tất cả mọi pháp, chẳng hạn như chỉ có biệt định nghiệp mới thọ biệt báo quả, điều này không thuộc vào mười hai chi. Cho nên biết rằng phần vị duyên sanh không nhiếp tất cả các pháp.

3. Phiền não không khởi.

Hỏi: Nếu các hành giả vãng sanh Tịnh độ không khởi ác nghiệp có phải là không khởi phiền não hay chăng? Các Bồ tát Sơ địa vẫn còn các phiền não phá giới vi tế, Bồ tát Tam địa vẫn còn sanh khởi ngã chấp, Bồ tát Thất địa trở

xuống vẫn còn có tâm thương Phật, thương Pháp. Làm thế nào các hành giả vãng sanh Cực Lạc vẫn còn là phạm phu mà có thể không sanh khởi các phiền não ác? (63)

Đáp: Các phạm phu vãng sanh Cực lạc tuy vẫn còn đầy phiền não, do vì không gặp ác cảnh, thành thử cũng không ngại gì khi cho rằng họ không sanh khởi phiền não. Chẳng hạn, đối với mười nghiệp ác, chúng sanh địa ngục chỉ sanh khởi năm nghiệp ác là tham, sân, tà kiến (si), ác khẩu và ý ngữ. Địa ngục thuộc về ba đường ác mà còn có thể ngăn năm nghiệp ác (sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc) không cho hiện hành, huống chi cõi Tịnh độ mà lại không có năng lực ngăn các ác nghiệp không cho sanh khởi hay sao?

4. Phiền não của sanh khởi.

Hỏi: Chúng sanh Cực Lạc không còn khởi tất cả phiền não, hay vẫn còn sanh khởi phiền não hữu phú vô ký? (64)

Đáp: Những phạm phu cõi Tịnh độ vẫn còn sanh khởi câu sanh (mê lý) phiền não, bởi vì họ chưa thể ngộ được diệu lý sâu xa của chân như thực tướng; tuy thế, họ không còn sanh khởi phân biệt (mê sự) phiền não. Trong luận nói rằng phân biệt ngã kiến là do tin vào tà giáo mà phát sanh, trên cõi Cực lạc không có tà kiến cho nên phân biệt phiền não không còn hiện khởi. Ngã kiến là gốc của phiền não, hiện nay không sanh khởi ngã kiến cho nên cũng không còn sanh khởi phiền não. Còn câu sanh phiền não, vì không nương vào tà giáo để sanh khởi, cho nên dù có sanh khởi cũng không ngại gì. Luận Đối Pháp cho rằng câu sanh phiền não tùy tiện sanh khởi, nếu phát khởi ác hành thì là một loại bất thiện pháp, còn ở cõi Cực Lạc, tuy câu sanh phiền não sanh khởi, nhưng lại không phát khởi ác hành, cho nên phiền não sanh ra thuộc về loại hữu phú vô ký. Trong kinh không nói đến “bất thiện”, cũng không nói đến “hữu phú”,

mà chỉ nói “không có bất thiện”, nhưng đây cũng không có nghĩa là không khởi phiền não. Và lại, “thương Phật thương Pháp” cũng là một loại phiền não pháp chấp.

5. Vãng sanh bất thoái.

Hỏi: Kinh A Di Đà cho rằng những chúng sanh vãng sanh Cực Lạc đều là bậc A bệ bạt trí, hoặc cho rằng họ toàn là chánh định tụ, không có tà định tụ hoặc bất định tụ, thế nhưng, giai vị A bệ bạt trí không phải là phạm phu, còn chánh định tụ là những bậc đã chứng thánh quả. Hiện nay, lẽ nào những phạm phu vãng sanh Tịnh độ lại là thánh nhân. Chẳng lẽ bọn họ trong khoảnh khắc vượt quá a tăng kỳ kiếp để trở thành Bồ tát Sơ địa. Và lại, các phạm phu còn thoái chuyển, vãng sanh Tịnh độ không thể lập tức trở thành A bệ bạt trí, hoặc giả, những kẻ thuộc tà định tụ và bất định tụ không thể trong khoảnh khắc trở thành chánh định tụ. Nếu bọn họ không chứng đắc A bệ bạt trí thì trái ngược với ý nghĩa của Kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn nếu chứng đắc thì lại trái ngược ý nghĩa của các kinh luận khác. Hai ý nghĩa trên mâu thuẫn nhau. Xin giải thích nghi vấn này. (65)

Đáp: Hai ý nghĩa vừa nêu quả thật có sự mâu thuẫn. Thế nhưng, cõi uế cõi tịnh cùng căn cơ của người vãng sanh đã có sự sai khác, cho nên mới có sự phán định về sự bất đồng giữa chánh định tụ và tà định tụ, hoặc sự cao thấp của các giai vị a bệ bạt trí, v.v... Hơn nữa, cõi Ta Bà ô trược, thánh ít phạm nhiều, tin ít nghi nhiều, những hành giả căn cơ hành trì cạn cợt thường gặp nghịch duyên, hoặc bị gió tà lay động, đều bị thoái chuyển. Các kinh luận nói có bốn loại thoái chuyển: (1) tín thoái, (2) vị thoái, (3) chứng thoái, và (4) hành thoái. Tín thoái, nghĩa là trong mười giai vị của Thập tín, năm giai vị đầu do vì thoái chuyển nên sanh khởi tà kiến, đoạn thiện căn, v.v..., còn năm giai vị sau thì không như thế. Vị thoái, nghĩa là trong mười giai

vị của Thập trụ, sáu giai vị đầu còn bị thoái chuyển trở thành Nhị thừa (Thanh văn, Bích chi phật), bốn giai vị sau thì không còn vấn đề đó. Chứng thoái, nghĩa là các vị Bồ tát Tam hiền (chưa lên Thập địa) đối với giai vị đã chứng đắc vẫn còn có sự thoái thất, các Bồ tát Thập địa thì không như thế. Hành thoái, nghĩa là các Bồ tát từ Thất địa trở xuống, đối với sự nghe pháp hành trì vẫn còn sanh tâm khiếp sợ, không thể tu học, không thể trong mỗi niệm đều tu tập công hạnh thù thắng, đôi lúc còn khởi lên các phiền não hữu lậu, sanh tâm chấp ngã chấp pháp, v.v... Các Bồ tát Bát địa trở lên đã vào a tăng kỳ thứ ba thì không còn bốn loại thoái chuyển này, trong mỗi công hạnh đều tu tập đầy đủ tất cả công hạnh, trong mỗi thời khắc niệm niệm liên tục thường quán vô lậu nhân không pháp không, không hề có một niệm sanh khởi tâm hữu lậu thiện ác vô ký. Các vị Bồ tát Bát địa trở lên đầy đủ bốn sự bất thoái cho nên gọi là Bồ tát A bệ bạt trí, còn các vị Bồ tát từ Thất địa trở xuống vì không đầy đủ bốn sự bất thoái cho nên không được gọi là A bệ bạt trí.

Từ một phương diện khác mà nói, Bồ tát Sơ địa (Hoan hỷ địa) bước vào a tăng kỳ thứ hai, tham dự vào dòng thánh (tương đương với Sơ quả), đoạn trừ hai chướng phân biệt về kiến đạo, chứng đắc “biến mãn chân như” và bách pháp minh môn, đầy đủ hai loại chứng bất thoái và hành bất thoái, cũng được gọi là bậc A bệ bạt trí. Từ đây lên đến bậc Bồ tát Thất địa vẫn còn hai chướng “thương Phật, thương Pháp” hiện tiền, đôi khi vẫn còn hiện khởi tâm ý hữu lậu, v.v..., chưa chứng được hành bất thoái, cũng có thể gọi là chưa chứng giai vị A bệ bạt trí, nhưng vì đã chứng đắc một phần bất thoái nên cũng vẫn được gọi là Bồ tát A bệ bạt trí. Các kinh như Bồ Tát Anh Lạc Bồ Nhị Nghiệp, v.v..., cho rằng Bồ tát đệ lục trụ (chánh tâm trụ) vẫn còn có thể thoái thất tâm Vô thượng Bồ đề để trở thành Nhị thừa, chẳng hạn như trường hợp ngài Xá Lợi Phất, v.v... Các bậc Thập trụ trở lên chỉ còn ba loại: vị thoái, chứng thoái và hành thoái, mà không còn tín thoái, và do vì chứng được một phần bất thoái nên cũng được gọi là A bệ bạt trí. Nếu y vào

Luận Đại Thừa Khởi Tín, v.v..., từ Sơ Phát tâm trụ trở lên đều gọi là Vị bất thoái. Các Bồ tát Thập tín được gọi là ngoại phạm, cũng gọi là phạm phu lông nhẹ, giống như sợi lông nhẹ bị gió thổi bay tứ phía, cho nên có sự thoái chuyển. Bồ tát Thập trụ không còn là lông nhẹ nữa, bởi vì thiện căn đã vững chắc, không còn bị gió tà lay chuyển, nhập vào giai vị nội phạm, không còn vị thoái cho nên gọi là Bồ tát A bệ bạt trí. Ở cõi Ta Bà trước ác này, các Bồ tát Thập tín bị gió tà lay chuyển, thoái thất Bồ đề tâm, thoái thất Bồ tát hạnh, trôi lăn ba đường ác nên không được gọi là A bệ bạt trí. Ở cõi Tịnh độ, các Bồ tát từ Sơ tín đến Ngũ tín, và tất cả chúng sanh chưa lên giai vị Thập tín, lòng tin tuy chưa vững chắc, giống như lông nhẹ, nhưng vì không có gió tà lay động khiến họ thoái thất tâm Bồ đề, tạo các nghiệp nặng, trôi lăn nẻo ác; hơn nữa, cõi Tịnh độ không có những cơ duyên làm thoái chuyển, mà chỉ có nhân duyên thù thắng khiến đạo nghiệp tăng tiến, cho nên các Bồ tát này tuy chưa nhập giai vị A bệ bạt trí nhưng cũng được gọi là A bệ bạt trí. Trong các giai vị thoái pháp, tư pháp, hộ pháp, trụ pháp, và kham đạt pháp, các hàng thánh nhân hữu học vô học, nếu là bậc độn căn, đều có thể gọi là thoái chuyển. Nếu sinh trong loài người, gặp đủ năm thoái duyên, nghĩa là bệnh lâu, đi xa, giải quyết tranh tụng, việc tăng sự, tập tụng, thì dù đã đắc thánh đạo, đã đoạn trừ phiền não, gặp những thoái duyên này, cũng có thể thoái chuyển, sanh khởi phiền não. Nếu sanh trên cõi trời, không có năm thoái duyên này, dù chưa đạt đến “bất động tánh”, nhưng do thiếu thoái duyên, nên cũng không bị thoái chuyển, hoặc sanh khởi phiền não. Trên phương diện thế tánh, các vị này tuy khác với các bậc đã chứng được bất động tánh, nhưng trên phương diện “bất thoái tu hoặc”, thì cũng không khác gì các bậc đã chứng bất động tánh. Trường hợp ở đây cũng tương tự như vậy, các hành giả vắng sanh Tịnh độ, không gặp thoái duyên, tuy họ chỉ là các Bồ tát thập tín giả danh, v.v..., đều được gọi là A bệ bạt trí. Ở trong cõi uế, các bậc Noãn, Đỉnh của Tiểu thừa, hoặc các bậc Thập tín, v.v..., của Đại thừa, do vì căn tánh bất định, nếu gặp ác duyên, có thể bị thoái chuyển, tạo

ngiệp ngũ nghịch, nhập vào tà định tụ. Tà, có nghĩa là bị thọ quả báo trong ba đường ác. Định, nghĩa là nhân của nghiệp ngũ nghịch. Nếu có người tạo nhân ngũ nghịch, chắc chắn sẽ bị đọa thẳng vào ba đường ác, cho nên gọi là tà định tụ. Nếu họ gặp nhân duyên thù thắng, tu đạo, sẽ được gia nhập giai vị bất thoái chuyển, gọi là chánh định tụ. Chánh, nghĩa là chứng quả Niết bàn, lia sự trói buộc. Định, nghĩa là vô lậu thánh đạo, nhân, pháp đều không. Tu đắc thánh đạo, nhất định sẽ chứng Niết bàn chánh quả, ly hệ (lia sự trói buộc) trạch diệt, gọi là chánh định tụ, ngoài ra đều gọi là bất định tụ, bởi vì còn có thể tạo tà định tụ, hoặc có thể tu chánh định tụ. Vì chưa dứt khoát bên nào nên gọi là bất định tụ. Ba loại chúng sanh này, số lượng không nhất định, nên gọi là tụ. Hiện nay vắng sanh Tây Phương, không còn ác duyên, hoặc giả có người đời trước tuy đã tạo nghiệp vô gián, nhập tà định tụ, hiện nay giai vị tuy thấp kém (hạ phẩm hạ sanh), nhưng toàn gặp thắng duyên, mỗi niệm đều tiến tu Đại thừa thánh đạo, quyết định không còn thoái chuyển, cho nên được gọi là chánh định tụ. Ở cõi Cực Lạc, không phải trường hợp nào cũng giống như hoàn cảnh bị thoái chuyển ở cõi Ta Bà, cho nên không thể phán định A bệ bạt trí và chánh định tụ ở cõi Cực Lạc cũng giống như trường hợp Ta Bà. Nên biết, có sự khác biệt giữa hai cõi Ta Bà và Cực Lạc về vấn đề thoái duyên và bất thoái duyên, cho nên hành giả ở cõi này (Ta Bà), dù không ở giai vị A bệ bạt trí, không phải chánh định tụ, nhưng sau khi vắng sanh về cõi kia (Cực Lạc) thì đều được gọi là A bệ bạt trí và chánh định tụ, là vì ở cõi Cực lạc không có thoái duyên và những hành giả đó quyết định không còn tạo tà định tụ.

6. Sự vui khác biệt giữa cõi tịnh và cõi uế.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: “Ham vui thành ngu si”, lại nói: “ham mê sự vui thế gian không có trí tuệ”; hơn nữa, kinh cũng dạy rằng: “nếu không nhằm chán sự khổ thì sẽ không ham cầu Niết bàn, nếu không ham cầu Niết bàn tức

là ham mê sanh tử.” Nếu vậy, sự vắng sanh Tịnh độ đi ngược với những lời dạy vừa nêu trên, và hai điều này trở thành một sự chướng ngại cho sự tu hành: một là ham mê thú vui thế gian, không có tâm mong cầu xuất thế; hai là không có tâm nhằm chán sự khổ, tức là không thể chứng đắc quả Niết bàn. Đây là điều tổn hại, tại sao lại cầu vắng sanh? (66)

Đáp: Câu hỏi này không xác đáng. Ngũ dục ở cõi uế tăng trưởng tâm tham, gây tạo mười nghiệp ác, khiến chúng sanh đọa vào đường ác, cho nên kinh mới dạy rằng “ham vui thành ngu si.” Các cõi Tịnh độ tuy cũng có sự vui, nhưng đây là tùy thuận tâm xuất thế vô lậu, nghĩa là vui pháp Đại thừa, vui thiên định tam muội, v.v..., chứ không phải là những sự vui ô nhiễm, cho nên có thể chuyển đổi tâm phàm khiến hành giả tăng tiến trên đường đạo. Kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: “Ở cõi Cực Lạc, ngày đêm thường rải các loại hoa trời vi diệu, sáng rỡ thơm tho, sắc hương mềm mại, tuy khiến mọi người thân tâm sáng khoái, nhưng không khởi tâm tham luyến, mà lại tăng trưởng vô lượng vô số những công đức không thể nghĩ bàn.” Lại nói: “Vui pháp Đại thừa, không hề thoái chuyển, vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng tiến, khiến mau chứng Vô thượng Bồ đề, v.v...” Và lại, những hành giả vắng sanh đều là những người đã nhằm chán cõi Ta bà uế trước, mong muốn chứng đắc quả Niết bàn, cho nên mới cầu nguyện vắng sanh, hành Bồ tát hạnh. Các hành giả này đều có ý nhằm lia sanh tử, ưa thích Niết bàn, hơn nữa lại tinh tiến dụng công, đâu cần phải mang thân bệnh khổ mới khởi tâm mong cầu tịch diệt. Hơn nữa, mong cầu Niết bàn đâu phải chỉ có tâm nhằm chán sanh tử, mà có thể là do nghe được công đức chư Phật không thể nghĩ bàn, hoặc nghe các pháp Ba la mật hoặc các đạo phẩm, hoặc quán sát các vị Đại Bồ tát du hý thần thông, hoặc ngửi diệu hương, hoặc ăn món thượng diệu, đều có thể giúp cho hành giả tăng tiến đạo nghiệp, ưa thích Niết bàn. Nên biết rằng nhằm chán sanh tử, mong cầu Niết bàn không phải chỉ có một phương cách, không nên cả quyết rằng

chỉ có nhàm chán sự khổ mới có thể khởi tâm mong cầu giải thoát.

7. Siêu thánh không khổ.

Hỏi: Trong luận cho rằng nếu trong đời quá khứ tạo tội nặng thì dù có tu các phương tiện thù thắng, nhân đến đã chứng đắc thánh quả, cũng vẫn phải thọ quả báo định nghiệp của đời quá khứ, như trường hợp ngài A la hán Ly Việt, v.v... Hiện nay các hành giả đã tạo đủ các tội nặng, được vắng sanh Tịnh độ Tây Phương, nhưng chưa chứng được thánh quả, như vậy là họ sẽ phải thọ khổ hay không thọ khổ. Nếu như thọ khổ thì kinh không nên nói “chỉ hưởng thọ sự vui, không còn các khổ”, còn nếu không thọ khổ thì những người vắng sanh đó chưa từng khởi lên một niệm tu tập thánh đạo, làm thế nào đã tạo tội nặng mà lại vĩnh viễn không còn thọ khổ? (67)

Đáp: Ý nghĩa này không nhất định, không thể quả quyết một cách võ đoán. Những kẻ thọ khổ là người ở cõi uế trước, dù đã chứng quả thánh, nhưng thân của họ vẫn là thân nghiệp báo, mang thân nghiệp báo cho nên lãnh thọ quả báo khổ. Còn những hành giả vắng sanh Tịnh độ, mặc dù họ còn là phàm phu đầy đủ phiền não, tuy chưa chứng quả thánh, chưa bằng các bậc thánh nhân, nhưng một khi vắng sanh, được thân thanh tịnh thù thắng, thấy Phật, nghe pháp, tu hành pháp Đại thừa, và nhờ nương vào bốn nguyện của Phật A Di Đà cho nên họ có thể siêu vượt các bậc thánh ở cõi uế trước mà không phải lãnh thọ khổ báo. Ví như bậc thoát pháp chủng tánh, tuy không sánh bằng bậc tư pháp chủng tánh, nhưng bậc tư pháp chủng tánh nếu sanh vào trong cõi người, nơi có đầy đủ năm thoái duyên, vẫn có thể bị thoái chuyển, còn bậc thoát pháp chủng tánh, nếu sanh lên cõi trời, nơi không có năm thoái duyên, các vị này căn cơ tuy thấp kém, căn tánh tuy hạ liệt, nhưng lại không thoái chuyển. Cho nên biết rằng không phải vì căn tánh hạ liệt ở cõi Tịnh mà

vẫn thoái, hoặc vì căn tánh thù thắng ở cõi uế mà không thoái. Trường hợp ở đây cũng tương tự như vậy. Tuy chứng đắc thánh quả, sanh vào cõi uế vẫn thọ khổ báo, còn như sanh cõi Tịnh, tuy là phàm phu, nhưng lại không phải lãnh thọ ác báo. Do sức mạnh thiện duyên gia trì nên không thọ khổ báo, ví như vua A Xà Thế nhất định không bị thọ khổ báo.

Phần IX: Hành nghiệp của sự vãng sanh

1. Không hữu tùy căn cơ.

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói: “Thế nào là ác tri thức, thế nào là thiện tri thức? Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: ‘Nếu có tỳ kheo bảo các tỳ kheo khác rằng: ‘Các ông nên niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, v.v... Chỉ nên quán sát Niết bàn an ổn tịch diệt, chỉ nên ưa thích sự thanh tịnh rốt ráo.’ Kẻ nào dạy như vậy thì gọi là ác tri thức, người đó là kẻ phỉ báng Phật, hỗ trợ ngoại đạo. Ta không cho phép những kẻ ác đó thọ nhận dù một hớp nước để tu hành và dạy dỗ người khác những pháp tà ma.’”
Kinh lại nói: “Chẳng thà tạo năm tội nghịch, quyết không khởi các kiến chấp về ngã, chúng sanh, thọ, mạng, ám, nhập, giới, v.v...” Điều này bao gồm cả việc niệm Phật với tâm chấp trước, v.v...
Kinh này lại nói: “Nghe pháp Không vô sở đắc mà khởi tâm chấp trước đều là tà kiến. Nếu đối với pháp Không vô sở đắc, không khởi tâm nghi ngờ, hối hận, mà lại thông đạt sâu xa, không chấp vào tất cả ngã kiến, nhân kiến, v.v..., ta gọi người đó là người tu phạm hạnh thanh tịnh.”
 Hiện nay khuyên người khác dùng tâm chấp trước (hữu sở đắc) niệm Phật có hình tướng, đây há chẳng phải là điều mà chư Phật quở trách hay sao? (68)

Đáp: Chư Phật giảng pháp đều tùy thuận căn cơ chúng sanh. Căn cơ có sâu cạn khác nhau, cho nên giáo pháp có Đại thừa, Tiểu thừa khác biệt. Do có sự sai biệt về nhân, pháp, kiến đạo, tu đạo, v.v..., cho nên chư Phật cũng tùy theo đó mà giảng pháp không đồng: hoặc đề cao tánh Không, trách cứ pháp hữu vi; hoặc trách cứ sự chấp không, tán thán công đức hữu vi; hoặc dạy bỏ pháp Tiểu thừa, học pháp Đại thừa; hoặc dạy trước tiên học pháp Tiểu thừa, sau đó học pháp Đại thừa. Bởi có nhiều loại căn cơ khác nhau nên mới có tám vạn pháp môn sai biệt,

tùy vào cơ duyên chúng sanh mà hóa độ, thật không thể nghĩ bàn. Kinh Phật Tạng trách cứ tâm chấp trước cho rằng “chẳng thà tạo tội ngũ nghịch, v.v...”, thế nhưng có những kinh khác lại dạy rằng “thà khởi **ngã kiến** to như núi Tu Di, không khởi **không kiến** nhỏ như hạt cải.” Lại như Kinh Pháp Hoa dạy “không được gàn gỏi những học giả Tiểu thừa”, thế nhưng Kinh Thập Luân lại dạy rằng “không đủ sức uống cạn một dòng sông, làm thế nào có thể uống hết nước biển lớn, chưa học tập pháp Tiểu thừa, thì làm thế nào đủ sức học tập pháp Đại thừa?” Những lời dạy như vậy rải rác trong các kinh điển Đại thừa, hoặc trách cứ hữu vi, khen ngợi tánh Không, hoặc ca ngợi Đại thừa, hoặc ca ngợi Tiểu thừa, hoàn toàn không nhất định, đây đều là vì muốn thích ứng căn cơ trình độ của người tu nên mới có những lời dạy khác biệt. Đức Phật có hai thân, chân thân (pháp thân) và ứng thân khác nhau, người học Phật cũng có trình độ thấp cao khác biệt. Pháp thân thâm sâu vi diệu, siêu vượt các pháp hữu vi vô vi, bách phi, tứ cú, v.v... Điều này các người học Phật trình độ cao có thể đối với pháp đệ nhất nghĩa để tâm không lay động, thế nhưng vẫn còn chấp tướng, vẫn còn tâm phân biệt. Kinh Phật Tạng quở trách tâm chấp trước với mục đích khiến cho hành giả diệt trừ hai sự chấp trước vào nhân và pháp, dạy họ quán pháp vô sở đắc, tu tập pháp quán niệm pháp thân Phật, cho nên kinh ấy mới nói rằng “thấy được vô sở đắc gọi là niệm Phật.” Còn đối với những hành giả trình độ thấp, vừa mới bỏ tà về chánh, phát tâm Bồ đề, nguyện sanh Tịnh độ, chưa hiểu rõ pháp vô sở đắc, nếu bảo họ quán không, ắt sẽ cho rằng nhân quả vốn tịch diệt (không nhân không quả) rồi lại không còn biết sợ nhơn quả tội báo, gây tạo thêm phiền não. Nếu không nói rộng cho họ biết về nhân quả, sự khác biệt của thiện ác, các cõi lành dữ khác nhau, thân tướng của chư Phật không thể nghĩ bàn, thì họ làm thế nào có thể phát khởi tâm lành, sợ hãi tội chướng, nhằm lìa cõi uế, mong cầu cõi Tịnh, chuyên tâm quán tưởng bạch hào, quán sát cảnh tượng Cực Lạc, diệt trừ tội chướng, thành tựu nhân duyên vãng sanh. Kinh Hiền Hộ dạy: “Nếu tỳ kheo, tỳ kheo ni, v.v..., trì giới

thanh tịnh, đầy đủ các hạnh, hướng về Tây Phương, quán tưởng Đức Phật A Di Đà rõ ràng minh bạch, liên tục không ngừng, thì hành giả đó rốt ráo được diện kiến Đức A Di Đà. Hành giả nên quán sát sắc thân như vậy.” Kinh lại dạy rằng: “Đức A Di Đà Như Lai Chánh Biến Giác đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc quang minh như khối vàng Diêm phù đàn, v.v.... Không quán niệm Đức Phật ấy, cũng không thấy sắc thân của ngài, như vậy theo thứ tự sẽ đắc được Không tam muội. Thiện nam tử! Đây gọi là Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội.” Kinh Quán Tam Muội Hải dạy: “Đức Như Lai cũng có pháp thân, mười lục, bốn vô úy, ba giải thoát, thân thông tự tại. Những việc như vậy, không phải là cảnh giới mà phạm phu các ông có thể học tập. Các ông chỉ cần dùng lòng tin sâu thiết, khởi tâm tùy hỷ. Sau đó hệ niệm công đức của Chư Phật.” Nên biết, đối với người trình độ thấp, Phật dạy quán sát sắc thân, đối với người trình độ cao, Phật dạy quán pháp thân, nên mới nói rằng “theo thứ tự sẽ đắc được Không tam muội.” Hơn nữa, đối với hành giả ưa thích quán sát “lý Phật”, Phật dạy quán thân vô tướng, còn đối với người cầu thấy “sắc thân”, Phật dạy quán thân sắc tướng. Phải nên khéo hiểu ý thú của kinh điển, không thể vội vàng khởi tâm khen chê, mà nên biết rõ Đức Phật khéo tùy thuận căn tánh của chúng sanh.

2. Chỉ khuyên vắng sanh Tây Phương.

Hỏi: Các cõi Tịnh độ ở mười phương nhiều vô lượng vô biên, vả lại cũng có người khuyên vắng sanh về các cõi Tịnh độ khác, tại sao ở đây lại chỉ khuyên vắng sanh Tây Phương Cực Lạc? (69)

Đáp: Có ba cách giải thích. Một là tuy nói về cõi Tịnh độ đó, nhưng không khuyên vắng sanh; hai là chỉ khuyên một số người vắng sanh; ba là lời khuyên không đầy đủ. (1) Nói về cõi Tịnh độ nhưng không khuyên vắng sanh: Kinh Đại Bát Niết Bàn nói: “Từ đây hướng về phương Tây, vượt qua bốn mươi hai

hàng hà sa thế giới, có một cõi Tịnh độ tên là Vô Thắng, cảnh giới thù thắng giống như cõi Cực Lạc. Đức Như Lai từ cõi Tịnh độ đó thị hiện giảng sanh tại cõi Ta Bà này, giáo hóa chúng sanh.” Nếu như cõi Tịnh độ đều có thể vắng sanh, tại sao Đức Thích Ca Như Lai không khuyến khích mọi người vắng sanh cõi ấy, mà lại chỉ khuyên vắng sanh Tây Phương Cực Lạc? Hơn nữa, nhiều kinh Đại thừa tuy cũng nói về các cõi Tịnh độ nhưng không khuyến khích vắng sanh. (2) Chỉ khuyên một số người vắng sanh: Như trong Kinh Duy Ma Cát, ngài Duy Ma Cát đưa tay tiếp thế giới Diệu Hỷ đặt vào cõi Ta Bà để cho đại chúng chiêm ngưỡng. Đức Phật khuyên đại chúng vắng sanh về cõi đó thì có mười bốn na do tha chúng sanh phát tâm Bồ đề nguyện sanh về cõi Diệu Hỷ, và Đức Phật thọ ký cho họ được vắng sanh, tức là phần dưới của kinh nói thế giới Diệu Hỷ sau khi làm lợi ích cho chúng sanh cõi Ta Bà xong bèn trở về bản xứ. Nếu cõi Tịnh độ này thích hợp cho mọi người, tại sao Đức Phật lại không khuyến khích mọi người nguyện vắng sanh thế giới Diệu Hỷ? Cho nên biết rằng chúng sanh cõi này không có duyên với cõi Diệu Hỷ, vì thế Đức Phật không khuyến khích cầu vắng sanh. (3) Lời khuyên không đầy đủ: Kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh, Kinh Dược Sư, v.v..., tuy cũng nêu lên các cõi Tịnh độ phương khác và khuyên vắng sanh, thế nhưng kinh văn không đề cập chi tiết. Nói chi tiết là sao? Chẳng hạn như Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v..., khuyên vắng sanh đã đề cập đến những phần như sau: (a) Nêu rõ người vắng sanh là phạm phu; (b) nêu rõ vị lai; (c) nêu rõ sự tạo tội nhiều ít; (d) có Chư Phật mười phương hiện tướng lười chứng minh; (e) có nhiều bản kinh đồng chứng minh, có thể y theo đây tu tập không còn nghi ngại. Nên biết rằng pháp tu Vãng sanh Cực Lạc rất dễ thực hành, còn các pháp tu vắng sanh về các cõi Tịnh độ khác, kinh điển chỉ đề cập vài ba câu, chỉ dẫn sơ sài, khó y theo đó mà tu tập. Tại sao lại bỏ sự chỉ dẫn tu tập chi tiết mà y theo những lời chỉ dẫn tu tập sơ sài. Hơn nữa, kinh điển khuyên nên y theo kinh điển liễu nghĩa, không nên y theo kinh điển không liễu nghĩa. Ngài Tam tạng pháp sư (Trí Giả?), trong quyển Quán

Kinh Sớ, đã giải thích tường tận rằng các kinh liễu nghĩa bất liễu nghĩa có bốn loại. Hiện nay giáo nghĩa Tịnh độ có đầy đủ bốn loại kinh liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, có thể căn cứ vào đó để tu hạnh Tịnh độ; còn các kinh khác tuy cũng nói về giáo nghĩa Tịnh độ, nhưng không đầy đủ bốn nghĩa, khó có thể căn cứ vào đó mà tu hành Tịnh nghiệp.

3. Mạng chung hỷ xả.

Hỏi: Các bộ luận cho rằng khi mạng chung, hoặc thọ sanh, tâm thái đều ở trạng thái xả thọ. Vì sao Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho rằng người sắp vãng sanh tâm ý hoan hỷ phần chấn, tự thấy thân mình ngồi trên đài kim cang. Tâm thái hỷ thọ mạnh mẽ như vậy, sao lại cho rằng khi mạng chung ở trong trạng thái xả thọ? (70)

Đáp: Có một pháp sư giải thích rằng sự thọ sanh ở cõi trước uế, vì không có thánh chúng đến nghinh tiếp nên tâm thái người lâm chung chỉ ở trạng thái xả thọ, còn sự vãng sanh Tịnh độ, vì có thánh chúng đến nghinh tiếp và được chư Phật Bồ tát từ bi gia bị cho nên tâm thái hành giả lâm chung hoan hỷ phần chấn. Các bộ luận phần nhiều căn cứ vào sự thọ sanh ở cõi uế cho nên mới nói như vậy, không thể cho đây là tiêu chuẩn duy nhất. Có người cho rằng lúc mạng chung tâm thức cũng ở trong trạng thái xả thọ, chỉ vì trạng thái xả thọ yếu ớt, và khi lâm chung trạng thái hỷ thọ mạnh mẽ, cho nên y vào đây mà cho rằng hành giả hoan hỷ phần chấn. Thật ra đến lúc chánh thức mạng chung, tâm thái cũng sẽ trụ trong trạng thái xả thọ mà vãng sanh. Kinh và luận cùng một cách giải thích, không có sự mâu thuẫn.

4. Niệm Phật dài ngắn.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rằng lúc lâm chung chỉ cần niệm Phật một niệm cho đến mười niệm đều

được vãng sanh, Kinh A Di Đà cho rằng phải niệm Phật đến nhất tâm bất loạn trong vòng một ngày cho đến bảy ngày mới được vãng sanh, còn Kinh Vô Lượng Thọ lại cho rằng phải chuyên tâm niệm Phật trọn đời mới được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu cần phải niệm cả đời mới được vãng sanh thì những lời dạy về niệm Phật một ngày bảy ngày, một niệm mười niệm đều chỉ là những lời hư dối. Còn nếu chỉ cần một niệm mười niệm, v.v..., là được vãng sanh thì cần gì phải dạy niệm Phật bảy ngày, cho đến niệm Phật trọn đời? (71)

Đáp: Niệm Phật một niệm, mười niệm, một ngày, bảy ngày, hẳn đến niệm Phật trọn đời đều được vãng sanh Cực Lạc. Tất cả những lời dạy này đều không phải hư dối mà đều là lời thành thật. Đức Phật là bậc nói lời thật không hề hư dối lẽ nào ngài lại nói những lời sai lầm giả dối hay sao? Thế nhưng, những người tu Niệm Phật gặp được pháp môn Tịnh độ hoặc sớm hoặc muộn, phát tâm cầu vãng sanh có nhanh có chậm, hoặc tuổi thọ có dài ngắn khác nhau. Hoặc lúc lâm chung mới gặp được thiện tri thức dạy bảo phát tâm niệm Phật cũng được vãng sanh, và tuy được vãng sanh nhưng chỉ được hạ phẩm. Hoặc có người mạng căn chưa dứt, trải qua một ngày, hai ngày, hoặc trải qua nhiều ngày niệm Phật được nhất tâm bất loạn, thì Đức Phật tùy theo thọ mạng của họ mà bảo niệm Phật một ngày cho đến nhiều ngày. Hoặc có người thọ mạng dài lâu, thì Đức Phật cũng tùy theo thọ mạng của họ mà dạy niệm Phật suốt đời. Không thể đối với người thọ mạng ngắn ngủi lại bảo họ niệm Phật dài lâu, hoặc đối với người thọ mạng trăm năm lại bảo họ niệm Phật một ngày cho đến bảy ngày. Vì thế ba kinh Tịnh độ tuy đều khuyên niệm Phật, mỗi kinh tùy theo một nghĩa mà dạy phương pháp niệm Phật khác nhau, mà những ý nghĩa này cũng không hề mâu thuẫn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ đối với người sắp lâm chung dạy pháp niệm Phật một niệm mười niệm để được vãng sanh, Kinh A Di Đà đối với người còn thọ mạng vài ngày dạy pháp niệm Phật một ngày cho đến bảy ngày để được

vãng sanh, và Kinh Vô Lượng Thọ đối với những người còn thọ mạng lâu dài, hoặc dạy tích tập công đức, hoặc dạy pháp niệm Phật trọn đời để được vãng sanh. Lại nữa phương pháp khác biệt này tức là sự tu tập của ba phẩm, đối với bậc thượng phẩm dạy tu niệm Phật trọn đời, đối với bậc trung phẩm dạy tu niệm Phật một ngày đến bảy ngày, còn đối với bậc hạ phẩm dạy tu niệm Phật một niệm cho đến mười niệm. Trong chín phẩm vãng sanh lại cũng chia nhiều giai vị khác biệt. Tuy đều được vãng sanh, không còn chịu sự khổ não, nhưng hoa nở có sớm có muộn, sự ngộ đạo cũng có mau có chậm, cho nên các kinh dạy khác nhau là có ý nghĩa này.

5. Thoái vị hân tịnh.

Hỏi: Cõi Ta Bà này có mười sự kiện thù thắng mà các cõi Tịnh độ khác không có. Hơn nữa, tu đạo một ngày đêm ở cõi này thù thắng hơn tu đạo trăm năm ở cõi Cực Lạc. Y vào những lời kinh này, ở cõi Ta Bà tu tập thù thắng hơn cõi Tịnh độ, tại sao lại khuyên mọi người vãng sanh Tây Phương? (72)

Đáp: Nếu đúng như lời cật vấn thì tất cả pháp môn Tịnh độ đều không cần thiết. Ông dẫn lời kinh vừa nêu trên cho rằng pháp môn Tịnh độ không có lợi ích, nếu thế các kinh điển Tịnh độ ân cần khuyên khích mọi người vãng sanh với mục đích gì? Và lại, hai kinh mà ông dẫn chứng chỉ là đối với một số người căn cơ thích hợp mà nêu lên sự khen ngợi khuyến khích không đồng. Khen ngợi những hành giả an trụ cõi Ta Bà là muốn cho các Bồ tát đang trụ tại cõi uế trước không mất niềm tin vào những công hạnh tu tập của mình, có thể làm lợi ích chúng sanh khổ não, vì thế đối với các Bồ tát có tâm đại bi thù thắng thì Đức Phật khen ngợi sự an trú tại cõi uế trước. Còn đối với những Bồ tát cư trú tại cõi uế, đang gặp ác duyên, gây tạo nhiều tội chướng thì Đức Phật khuyên họ vãng sanh Tịnh độ, lìa xa các ác duyên, để khỏi bị luân hồi. Ý thú khác nhau của các kinh

điển là để thích ứng hai loại căn tánh không đồng, tại sao lại dẫn những lời kinh Duy Ma Cát tán thán các Bồ tát cư trú tại cõi uế làm lợi ích chúng sanh, rồi lại cho rằng chỉ cần ở cõi uế này tu đạo, cần gì phải cầu vãng sanh Tịnh độ? Tuy ở cõi uế này tu đạo một ngày đêm công đức ngang bằng với sự tu đạo ở cõi kia một trăm năm, nhưng ở cõi này ít có cơ hội thấy Phật, gần gũi thiện tri thức, mà phần lớn đều là gặp ác tri thức, hoặc gặp nhân duyên thoái chuyển sự tu hành, cho nên các kinh điển đều khuyến tấn hành giả vãng sanh Tịnh độ. Trong Kinh Đại Tập, phần Nhật Mật, thứ hai mươi tám, nói: “Các thiện nam tử! Các đệ tử của Đức Phật ở cõi ấy (Ta Bà) phiền não kiên cố, tham luyến sâu nặng, hình tướng xấu xí, thường khởi tâm kiêu mạn, hay nói lời ác, nói lời đâm thọc, nói lời gian dối. Kỳ thật là ngu si nhưng lại trá hiện tướng trí tuệ; tánh tình bòn sẻn nhưng lại trá hiện tướng bố thí; tâm tánh điêu ngoa nhưng lại trá hiện tướng chân thực; tâm ý nhơ nhớp nhưng lại trá hiện tướng thanh tịnh; lòng đầy ghen tị nhưng lại trá hiện tướng nhu thuận; mong người khác chia rẽ nhưng lại trá hiện tướng hòa hợp; thường khởi tà kiến nhưng lại trá hiện tướng chánh kiến. Chúng sanh cõi đó vì nghe theo lời người nữ mà đoạn tuyệt căn lành, tăng gia ba đường ác. Thiện nam tử! Nay ông có thể vì ta mà làm sứ giả đến cõi đó hay không? ... Lúc ấy Bồ tát Nhật Mật bạch Đức Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, con có thể đọc chú đó cho chúng sanh cõi ấy nghe, nhưng con đối với cõi ấy sanh lòng lo sợ. Vì sao? Đức Như Lai vừa nói với chúng con về sự tệ ác của chúng sanh cõi đó, bọn họ giống như những kẻ đui điếc câm ngọng, nghe theo lời xúi dục của người nữ. Bạch Thế Tôn, nếu có những kẻ nào thuận theo ý của người nữ, nên biết những kẻ ấy đều đã đoạn tuyệt căn lành.’ Phật bảo: ‘Thiện nam tử! Ông không nên chỉ vì lợi lạc đời nay đời sau, mà nên vì lợi lạc tất cả chúng sanh mà đến cõi đó tuyên dương Phật pháp, đừng nên nghi ngờ lo lắng. Thiện nam tử! Ông không phải là Duy Ma Cát của cõi đó hay sao? Tại sao lại cảm thấy lo sợ? Có vô lượng vô số Bồ tát tâm ý dao động, nhất tâm hệ niệm muốn đến gần gũi lễ bái Đức Thích Ca Như Lai cùng chư vị Bồ tát, và cũng muốn

nghe kinh điên vi diệu. Những Bồ tát đó đều đồng tâm muốn đi đến thế giới Ta Bà, nhưng ta muốn khuyên họ đừng đi đến cõi ấy. Vì sao? Vì bọn họ tâm ý chưa kiên định. Nếu đến cõi ấy, hoặc sẽ sanh tâm điên đảo, gần gũi ác tri thức.” Bồ tát tâm chưa kiên định là những Bồ tát sơ vị thoái hành, gọi là bất định. Vì Bồ tát tâm chưa kiên định nên e rằng đến cõi Ta Bà này gặp ác duyên sẽ gây tạo nghiệp ác và bị thoái chuyển. Các Bồ tát cõi ấy chỉ tạm thời đến cõi Ta Bà mà còn cảm thấy lo sợ không dám đến, các người tu hành ở cõi này chưa chứng được quả vị bất thoái mà lại muốn ở lại đây tu hành không chịu vắng sanh thế giới Cực Lạc, đây là một điều sai lầm to lớn. Luận Du Già Sư Địa, quyển 78, dẫn kinh Giải Thâm Mật nói: “Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi Đức Phật: ‘Bạch Đức Thế Tôn! Ở cõi uế trược, việc nào dễ được, việc nào khó được?’ Phật đáp: ‘Thiện nam tử! Ở cõi uế trược, có tám việc dễ được và hai việc khó được. Tám việc dễ được là: (1) ngoại đạo, (2) chúng sanh khổ não, (3) người giàu người nghèo khác biệt, (4) làm việc ác, (5) phạm giới, (6) đọa ác đạo, (7) các pháp môn hạ liệt, (8) các Bồ tát hạ đẳng. Hai việc khó được là: (1) các vị Bồ tát thượng đẳng, (2) chư Phật xuất hiện thế gian. Thiện nam tử! Sự việc ở cõi Tịnh độ đều trái ngược với những điều vừa nêu trên, bởi thế chư Phật đều khuyên chúng sanh cõi trược uế nên vắng sanh Tịnh độ.’”

6. Có hay không có hóa nữ.

Hỏi: Cõi Tịnh độ không có ba đường ác nhưng lại có hóa điều thuyết pháp, nếu vậy, cõi ấy tuy không có người nữ nhưng có hóa nữ thuyết pháp hay không? (73)

Đáp: Có hai cách giải thích: (1) Chỉ có hóa điều mà không có hóa nữ. Vì sao? Bởi vì kinh chỉ nói đến hóa điều mà không nói đến hóa nữ. Nếu như có hóa nữ thì kinh đã phải đề cập đến. Hơn nữa, Luận Vãng Sanh cũng nói: “Nữ nhân, người tàn phế, Nhị thừa không vắng sanh.” Vả lại, kinh chưa hẳn đã nói hết về sự biến hóa trang nghiêm của cõi Tịnh độ, chẳng hạn

Kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: “Giả sử Đức Thế Tôn sống lâu trăm ngàn kiếp, biến ra vô số lưỡi để nói về cảnh tượng trang nghiêm của cõi Tịnh độ cũng không nói hết.” Chẳng lẽ vì kinh chưa đề cập đến bèn cho rằng cõi Tịnh độ không có điều đó hay sao? (2) Cõi Tịnh độ có hóa nữ. Như Kinh Quán Âm Thọ Ký nói: “Đức Quán Thế Âm Bồ tát hóa ra vô lượng nữ nhân.” Đây không phải là hóa nữ hay sao? Hơn nữa, Kinh Cổ Âm Thanh Vương nói: “Phật A Di Đà có cha có mẹ. Vì muốn hóa độ người căn cơ thấp nên hóa hiện có người nữ, vì muốn hóa độ người căn cơ cao nên hóa hiện không có người nữ.” Hai điều này không trái nghịch nhau.

7. Bất tạp kiết sử.

Hỏi: Kinh Di Lặc Phát Ván nói: “Pháp niệm mười niệm không phải là pháp niệm của phàm phu ngu muội, mà là pháp niệm thanh tịnh.” Nếu vậy, các chúng sanh phàm phu ngu muội làm thế nào niệm Phật thanh tịnh? (74)

Đáp: Nếu pháp niệm mười niệm không phải là pháp niệm của phàm phu ngu muội, chẳng lẽ đó là pháp niệm của thánh nhân? Còn pháp niệm thanh tịnh, chẳng lẽ là pháp niệm đoạn trừ hẳn phiền não hay sao? Bản ý của kinh muốn nói rằng “không phải pháp niệm của phàm phu”, không có nghĩa phải là pháp niệm của thánh nhân; “pháp niệm thanh tịnh”, không có nghĩa là pháp niệm dứt sạch phiền não, mà chỉ muốn nói rằng pháp niệm mười niệm này có thể giúp hành giả xả bỏ sự luân hồi ở cõi Ta Bà mà thuận theo sự xuất thế giải thoát. Chúng sanh phàm phu phần lớn thuận theo dòng sanh tử, tăng trưởng phiền não, tạo nghiệp luân hồi. Nay tu pháp niệm mười niệm, nguyện vắng sanh Tịnh độ, đi ngược dòng sanh tử, thuận theo đường niết bàn, hướng về pháp thánh hiền, đi vào cửa đoạn trừ vọng hoặc, cho nên kinh mới nói “không phải pháp niệm phàm ngu, mà là pháp niệm thanh tịnh.” Ví như tỳ kheo thọ giới được gọi là “thọ giới của chư thánh đã thọ”, chẳng lẽ giới này không phải là

giới phàm phu được thọ? Trường hợp vừa trình bày cũng giống như thế, phân tích sẽ biết.

8. Đôi trĩ lúc lâm chung.

Hỏi: Niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tây Phương cũng phải cần niệm nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, mới được vãng sanh; hơn nữa, lại còn phải ân cần, thành khẩn, siêng năng niệm Phật dài lâu. Nếu như, đến lúc sắp chết chỉ cần chí thành niệm Phật cũng được vãng sanh, thì cõi người này ngày tháng ngắn ngủi, chỉ sống trăm năm, vui ít khổ nhiều, dễ chia lìa, khó hội ngộ, cuộc vui ngắn ngủi, chi bằng chạy theo ngũ dục, phóng túng lục tình, ngày đêm hưởng lạc, đợi đến lúc chết, chỉ cần niệm Phật một câu cũng được vãng sanh, vượt thoát cõi khổ, cần gì phải lâu năm suốt tháng gắng sức khổ hạnh, lao nhọc tu hành, chuyên cần ba nghiệp. Hai phương cách đều được vãng sanh, tại sao lại phải nhọc công khổ hạnh tu tập lâu dài? (75)

Đáp: Điều này có nhiều ý nghĩa, không thể chỉ nghe phong phanh về pháp môn Tịnh độ rồi bỏ phước không tu, đợi đến lúc sắp chết rồi mới chuyên tâm niệm Phật. Ông mong được vãng sanh Tịnh độ, xa lìa sự khổ ở cõi Ta bà, nhưng lại không cầu Vô thượng Bồ đề, không chịu tu Bồ tát hạnh, mà chỉ muốn về đó để phóng túng hưởng lạc, không cầu sớm chứng Vô sanh, cho nên mới mong vào phút lâm chung cầu may được vãng sanh. Nếu như thật sự có chí cầu quả Phật, thương xót chúng sanh, mong chóng thành Chánh giác, e rằng ở cõi này sẽ bị thoái chuyển tâm Bồ đề, muốn sanh về cõi Tịnh độ để được tăng tiến tu hành, chứng quả bất thoái, cứu độ chúng sanh, thì phải nên tu tập vạn hạnh dài lâu không ngừng không nghỉ. Tại sao hiện nay đối với pháp môn Tịnh độ không chịu tu hành, lại còn kiêu sa phóng túng, đợi đến lúc sắp chết mới niệm Phật cầu nguyện vãng sanh?

9. Tịnh độ mau chứng.

Hỏi: Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Vãng sanh Cực Lạc mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.” Nếu ở cõi đó tu đạo trăm năm chỉ bằng ở cõi này tu đạo một ngày thì làm sao có thể mau chứng Vô thượng Đại bồ đề? (76)

Đáp: Nếu nói ở trong cảnh khổ tu đạo một ngày có thể trội hơn ở cõi Cực Lạc tu đạo trăm năm, nhưng ở cõi này nếu gặp ác duyên thường bị thoái chuyển nhiều kiếp, rốt cuộc vẫn là tu chậm hơn ở cõi kia. Ở cõi Cực Lạc tuy tu trăm năm chỉ bằng ở cõi này tu một ngày, nhưng chỉ có tiến mà không thoái, thành thử vẫn có thể gọi là tu đạo mau chứng đạo quả Vô thượng Bồ đề. Như người tuy đi nhanh nhưng lại thường ngừng nghỉ, hóa ra chậm đến mục tiêu. Vì lý do này, tuy ở cõi Ta Bà tu đạo một ngày trội hơn ở cõi kia tu đạo trăm năm, nhưng Đức Phật vẫn không cho rằng ở cõi này mau chứng Bồ đề. Còn như người tuy đi chậm, nhưng ở khoảng giữa tiếp tục đi không ngừng nghỉ, sẽ mau đến mục tiêu, do đây được gọi là mau chứng Bồ đề.

10. Thường khuyên niệm Phật.

Hỏi: Niệm Phật vài câu nào có khó gì? Chẳng hạn như những người sắp chết, thời gian ngắn ngủi, lại bị khổ não bức bách, không thể tu các môn Phật pháp thâm sâu như giới định tuệ, v.v..., nhưng vẫn có thể niệm Phật. Còn những người đang sống, thọ mạng còn dài, lại không bị khổ sở bức bách, tại sao không dạy họ quán Không, vô tướng, vô nguyện, tu tập các đạo phẩm, học rộng các pháp môn thâm sâu, mà lại khuyên họ chuyên tu niệm Phật. Đây là có ý gì? (77)

Đáp: Hành giả một đời tu Tịnh nghiệp, không nhất thiết phải chuyên tu niệm Phật, nhưng những người tu hành, căn tánh có lợi có độn, trình độ có sâu có cạn, thành thử pháp môn chia

làm hai môn định tán, giai bậc vãng sanh cũng chia làm chín phẩm khác biệt. Đối với những hành giả lợi căn tâm tĩnh thì dạy cho họ tu pháp môn bình đẳng quán sát hữu tướng vô tướng, còn đối với những hành giả độn căn tâm loạn, thì dạy cho họ tu tập thiện nghiệp ba phước, chín phẩm, khuyên họ không nên chỉ chuyên niệm Phật, mà còn phải tu những pháp môn khác. Nếu họ không thể rộng tu các hạnh, thì niệm Phật cũng có thể vãng sanh Tịnh độ. Hơn nữa pháp môn Niệm Phật, có sâu có cạn, có định môn có tán môn, người căn cơ dù cao dù thấp đều có thể tu hành. Tu tập định môn bao gồm từ các phẩm phụ cho đến các bậc Bồ tát Thập địa, hành trì Niệm Phật Tam Muội, thâm sâu vi diệu. Các kinh Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Văn Thù Bát Nhã, Đại Tập Hiền Hộ, Quán Phật Tam Muội đều tán thán Niệm Phật Tam Muội là bất khả tư nghĩ. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài thỉnh câu tỳ kheo Đức Vân phương pháp tu tập Bồ tát hạnh, ngài Đức Vân chỉ dạy pháp môn Niệm Phật Tam Muội, tức là pháp môn thâm sâu đang bàn ở đây. Tu tập tán môn bao gồm tất cả chúng sanh, lúc đi lúc ngồi, ở mọi nơi, trong mọi thời, đều có thể tu tập mà không chướng ngại công tác hàng ngày, đến lúc mạng chung, cũng sẽ thành tựu công hạnh vãng sanh. Hơn nữa, tuy Phật cũng dạy tu tập các hạnh khác để vãng sanh, nhưng kinh điển ít đề cập đến, còn tu tập pháp môn Niệm Phật để vãng sanh thì kinh điển nói đến rất nhiều. Ở đây chỉ nêu lên vài chứng cứ để hành giả hiểu rõ. Kinh A Di Đà chỉ nói niệm Phật A Di Đà được vãng sanh Tây Phương, hằng hà sa chư Phật ở sáu phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh hành giả niệm Phật đều được vãng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ, trong phần Hạ phẩm thượng sanh, Hạ phẩm trung sanh và Hạ phẩm hạ sanh đều nêu lên việc niệm Phật A Di Đà vãng sanh Tịnh độ, lại còn cho rằng chư Phật luôn luôn nhiếp hộ chúng sanh niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói ba hạng thượng trung hạ, công hạnh có sâu có cạn, chỉ cần một lòng niệm Phật A Di Đà đều được vãng sanh Cực Lạc. Hơn nữa, trong phần Bốn mươi tám nguyện, đối với pháp Niệm Phật, đặc biệt có một nguyện (thứ 18) nói: “Cho đến

mười niệm, nếu không được vãng sanh, tôi thệ không thành Chánh Giác.” Các kinh Bát Chu Tam Muội, Đại Tập Hiền Hộ nói rằng các chúng sinh niệm danh hiệu A Di Đà bảy ngày đêm, khi thấy được Phật A Di Đà, bèn hỏi: “Chúng sanh tu hành pháp nào để được vãng sanh Tịnh độ?” Đức A Di Đà trả lời: “Muốn sanh nước ta, phải nên niệm danh hiệu ta, không được gián đoạn, ắt sẽ được vãng sanh.” Kinh Cổ Âm Vương Đà La Ni cũng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà mười ngày đêm thì được vãng sanh Cực Lạc.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đắc Niệm Phật Tam Muội ắt sẽ thấy Phật, sau khi mạng chung sẽ được sanh ở trước Phật. Thấy người lâm chung nên khuyên họ niệm Phật, lại phải đem hình tượng Phật cho người sắp mất trông thấy để họ khởi lòng tôn kính.” Kinh Chiêm Sát nói: “Nếu muốn vãng sanh mười phương cõi Phật, nên niệm danh hiệu Đức Phật cõi đó, thì sẽ được vãng sanh.” Như vậy, vô lượng kinh điển Đại thừa phần lớn đều nói niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Hiện nay, khuyên các hành giả niệm Phật, không có nghĩa là ngăn trở việc tu các công hạnh vi diệu khác, mà chỉ muốn nói rằng pháp môn Niệm Phật được nhiều kinh điển đề cập đến, khi đi khi ngồi, cho đến khi lâm chung cũng vẫn niệm Phật được, rất an ổn thích đáng, nên mới khuyên nhắc mà thôi.

11. Chư ác không khởi.

Hỏi: Những chúng sanh vãng sanh Cực Lạc nếu chưa chứng quả thánh thì vẫn còn là phàm phu đầy đủ phiền não, tại sao họ lại không sanh khởi nghiệp ác? Nếu sanh khởi nghiệp ác tức là đã đi ngược lại bốn nguyện của Đức A Di Đà, như vậy lời nguyện “chúng sanh ở cõi ta không có tên ác” làm sao giải thích cho ổn? (78)

Đáp: Những phàm phu ở cõi Cực Lạc, tuy chưa đắc thánh quả, nhưng tất cả những việc bất thiện đều không hiện hành. Hơn nữa, bất thiện không hiện hành có nhiều hàm ý, hoặc là họ đã khởi duyên thánh đạo, đoạn trừ phiền não, hoặc đã tu

tập phương tiện thánh đạo hàng phục hiện hành, hoặc do khiếm khuyết cảnh ác mà phiền não không sanh, hoặc thường gặp thiện duyên, không có nguyên do để tạo tội, hoặc duyên vào các tư lương, khiến cho tội lỗi không sanh, hoặc nương vào bốn nguyện của Phật mà ác nghiệp không khởi, tuy vẫn còn chủng tử phiền não, nhưng phiền não không hiện hành. Cho nên Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Hoa tỏa mùi hương vi diệu, tuy khiến cho người nghe cảm thấy vui sướng, nhưng không làm cho họ tăng trưởng tham ái.” Lại như, nước tắm công đức khiến cho người uống tăng trưởng nhiều căn lành thù thắng, và như hương phạn (cơm thơm) ở cõi Phật Hương Tích làm tất cả Phật sự, v.v... Do các duyên này mà chúng sanh cõi đó không sanh khởi các ác nghiệp.

12. Ngũ nghịch không định.

Hỏi: Kinh nói có bốn loại nghiệp - (1) hiện báo nghiệp, (2) sanh báo nghiệp, (3) hậu báo nghiệp, và (4) bất định nghiệp. Ba nghiệp trước là định nghiệp, nhất định chiểu cảm quả báo, nghiệp cuối là bất định nghiệp, hoặc chiểu cảm hoặc không chiểu cảm quả báo. Lại có bốn loại nghiệp: (1) quả báo nhất định, thời gian thọ báo không nhất định, (2) thời gian thọ báo nhất định, quả báo không nhất định, (3) thời gian thọ báo và quả báo đều nhất định, và (4) thời gian thọ báo và quả báo đều không nhất định. (1) và (3) là định nghiệp, còn (2) và (4) là bất định nghiệp. Các kinh điển đều nói tội ngũ nghịch là sanh báo nghiệp, tức là thời gian thọ báo và quả báo đều nhất định, tại sao Kinh Quán Vô Lượng Thọ lại nói tội báo ngũ nghịch được tiêu trừ và được vắng sanh Tây Phương? (79)

Đáp: Bốn loại nghiệp, tám loại nghiệp này, Đức Phật ở trong chín bộ kinh bất liễu nghĩa (Tiểu thừa), vì các phàm phu chưa tin nghiệp báo mà nói có những nghiệp có quả báo nhất định, còn trong các kinh Đại thừa liễu nghĩa, Phật nói tất cả

ng nghiệp đều không có quả báo nhất định. Như trong Kinh Đại Niết Bàn, quyển mười chín nói: “Kỳ Bà vì vua A Xà Thế nói pháp sám hối, khiến cho tội báo của nhà vua được trừ diệt... Thần (Kỳ Bà) nghe Phật nói tu một tâm thiện có thể phá trừ trăm loại nghiệp ác, như một ít độc dược có thể gây hại chúng sanh, một ít thiện căn cũng vậy, có thể phá trừ nghiệp ác lớn.” Lại nữa, quyển ba mươi một nói: “Thiện nam tử, có những chúng sanh không tin nghiệp quả, vì muốn độ bọn họ nên mới nói như vậy (có quả báo nhất định). Thiện nam tử, tất cả nghiệp quả đều có nặng có nhẹ, trong đây lại có hai loại là nghiệp quyết định và không quyết định.” Lại nói: “Hoặc có nghiệp nặng có thể trở thành nhẹ, hoặc có nghiệp nhẹ lại trở thành nặng. Người trí dùng năng lực trí tuệ có thể khiến nghiệp địa ngục cực nặng trở thành nghiệp nhẹ hiện đời, còn người ngu si lại khiến nghiệp nhẹ hiện đời trở thành nghiệp địa ngục cực nặng.” Như vua A Xà Thế sau khi sám hối, không bị đọa địa ngục, còn ngài Ương Quật Ma La (Vô Não), tuy giết chín trăm chín mươi chín người, nhưng sau khi sám hối, được đắc A la hán. Luân Du Già Sư Địa nói: “Chưa được giải thoát gọi là nghiệp quyết định, đã được giải thoát gọi là nghiệp bất định.” Tương tự như vậy, trong các kinh luận Đại thừa đều cho rằng tội ngũ nghịch, v.v..., đều gọi là nghiệp bất định, đều có thể trừ diệt. Hiện nay, Kinh Quán Vô Lượng Thọ là kinh Đại thừa, nêu lên việc niệm Phật A Di Đà trừ diệt tội ngũ nghịch, điều này có gì đáng nghi ngờ?

13. Bốn nghiệp có nhiếp hay không.

Hỏi: Các bộ luận đều dẫn khế kinh nói có hắc hắc nghiệp, bạch bạch nghiệp, tạp nghiệp và phi hắc bạch vô dị thực nghiệp. Hắc hắc nghiệp là nghiệp bất thiện của cõi Dục, bạch bạch nghiệp là nghiệp thiện của cõi Sắc và Vô sắc. Tạp nghiệp là nghiệp thiện của cõi Dục, còn phi hắc bạch vô dị thực nghiệp là nghiệp vô lậu. Không biết nghiệp vắng sanh Cực Lạc là loại nghiệp nào? (80)

Đáp: Có người cho rằng bạch bạch nghiệp và tạp nghiệp là nghiệp vắng sanh Tây Phương, bởi vì hắc hắc nghiệp là nghiệp bất thiện, chỉ có thể chiêu cảm quả báo ở ba đường ác, lẽ nào có thể chiêu cảm quả báo Tịnh độ. Vô lậu nghiệp không thể chiêu cảm quả báo, thể tánh của nó tuy thanh tịnh, nhưng không phải là nhân của quả dị thực. Chỉ có hai nghiệp còn lại (bạch bạch và tạp nghiệp) mới có thể chiêu cảm quả báo Tịnh độ. Nếu chưa đắc thượng giới định, dùng tâm cõi Dục tu tập nghiệp vắng sanh, dùng tạp nghiệp này vắng sanh Tây Phương. Nếu đã hàng phục phiền não cõi Dục, đắc thượng giới định tâm, vắng sanh Tây Phương, đây là dùng bạch bạch nghiệp vắng sanh. Có người cho rằng không phải như vậy. Ba loại nghiệp này đều là căn cứ vào hai nẻo thiện ác ở cõi Dục và cõi Sắc mà phân định, không phải căn cứ vào việc vắng sanh Tịnh độ mà bàn định về các thiện nghiệp: bạch bạch, v.v... Và lại, tạp nghiệp là nghiệp của trời người cõi Dục, có thể chiêu cảm tạp báo, tuy thọ sự vui sướng cõi Dục, nhưng vẫn có thể chiêu cảm khổ báo. Cho nên tạp nghiệp chiêu cảm quả khổ lạc cõi Dục, làm sao có thể chiêu cảm quả báo vắng sanh Tịnh độ, nơi không có sự khổ mà chỉ có sự an lạc? Giả như, chỉ có bạch bạch nghiệp làm nhân cho sự vắng sanh Tịnh độ, thì nếu chưa đắc được định tâm cõi Sắc (tứ Tĩnh lự), thì do nhân duyên nào mà được sanh Tây Phương? Cho nên biết rằng chánh nhân vắng sanh Tịnh độ không bị bao hàm bởi bốn nghiệp nêu trên, và như vậy, nói bốn nghiệp đó không bao hàm tất cả nghiệp cũng đâu nghịch lý? Và lại, có chỗ cho rằng nghiệp cõi Vô sắc cũng không bị bao hàm trong bốn nghiệp, và đây cũng là chứng cứ bốn nghiệp không bao hàm tất cả nghiệp.

14. Ba nghiệp có nhiếp hay không.

Hỏi: Các bộ luận Đại Tiểu thừa cũng dẫn kệ kinh nói ba loại nghiệp là phước nghiệp, tội nghiệp và bất động nghiệp. Không biết nghiệp vắng sanh Cực Lạc là loại nghiệp nào? (81)

Đáp: Có người cho rằng trong ba nghiệp, phước nghiệp và bất động nghiệp là nghiệp vắng sanh Tây Phương. Tam phước, trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, là phước nghiệp, còn tu tập mười sáu pháp quán, nếu đắc thượng giới định tâm, tức là bất động nghiệp. Có người lại cho rằng nghiệp vắng sanh Tây Phương không bao hàm trong ba nghiệp, bởi vì ba nghiệp đều căn cứ vào cõi uế, chứ không phải căn cứ vào Tịnh độ mà nói.

15. Ba mươi lợi ích thù thắng.

Hỏi: Không biết cõi Cực Lạc có những điểm thù thắng nào để khuyến khích chúng sanh tu nghiệp vắng sanh? (82)

Đáp: Căn cứ vào Kinh Xưng Tán Tịnh Độ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và phần Bốn mươi tám nguyện trong Kinh Vô Lượng Thọ, nói sơ lược có ba mươi điều lợi ích: (1) thọ dụng các công đức trang nghiêm thanh tịnh; (2) pháp lạc Đại thừa; (3) thân cận cúng dường Phật A Di Đà; (4) du lịch mười phương cúng dường chư Phật; (5) ở nơi chư Phật nghe pháp, được thọ ký; (6) tư lương phước huệ sớm viên mãn; (7) mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; (8) chư Bồ tát, v.v..., đều hội tụ tại một nơi; (9) thường không bị thoái chuyển; (10) vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng tiến; (11) chim Anh vũ, Xá lợi, v.v..., đều thuyết pháp; (12) gió mát rung cây vang điệu nhạc trời; (13) nước ma ni giảng nói pháp khổ, không; (14) âm thanh diễn pháp mâu; (15) vĩnh viễn không tái sanh vào ác đạo; (16) thân vàng ròng; (17) hình sắc không có đẹp xấu khác biệt; (18) đầy đủ ngũ thông; (19) trụ trong chánh định; (20) không có việc bất thiện; (21) thọ mạng lâu dài; (22) y thực tự nhiên; (23) chỉ hưởng thọ sự an lạc; (24) đầy đủ ba mươi hai tướng; (25) không có người nữ; (26) không có hàng Tiểu thừa; (27) không có tám nạn; (28) được vô sanh pháp nhẫn; (29) thân phát ánh sáng, ngày đêm đều sáng; (30) được thân na la diên. Đây chỉ là nêu sơ lược, nếu nói

đầy đủ ắt sẽ nhiều vô lượng. Vì những lý do này nên mới khuyên hành giả vãng sanh Tây Phương. Nếu ở cõi Ta Bà, trôi lăn sanh tử dài lâu, chỉ có ba mươi điều tổn hại, làm gì có những sự lợi ích như cõi Tây Phương?

16. Hành môn không phải chỉ có một.

Hỏi: Kinh Di Lặc Sở Vấn nói tu tập mười loại niệm mới được vãng sanh: (1) thường sanh lòng từ đối với tất cả chúng sanh; (2) không phá hoại hạnh Bồ tát của tất cả chúng sanh, nếu phá hoại sẽ không được vãng sanh; (3) sanh lòng xót thương tha thiết, không sanh tâm tàn hại tất cả chúng sanh; (4) phát tâm hộ trì Phật pháp, không luyến tiếc thân mạng; (5) không sanh tâm hủy báng tất cả Phật pháp; (6) quyết tâm kiên trì hạnh nhẫn nhục, giữ tâm thanh tịnh, không tham lợi dưỡng; (7) phát tâm Vô thượng Bồ đề, thường quán niệm tâm này ngày đêm, không hề ngừng nghỉ; (8) sanh lòng tôn trọng tất cả chúng sanh, dứt trừ kiêu mạn, nói lời khiêm hạ; (9) không đam mê đàm luận việc thế sự, tầm cầu giác ngộ, gieo trồng thiện căn; (10) không sanh khởi tâm tán loạn, chánh niệm quán Phật, trừ khử vọng tưởng. Căn cứ vào kinh văn nêu trên, mười niệm khác nhau, vì sao lại cho rằng niệm mười danh hiệu Phật A Di Đà sẽ được vãng sanh, đây có phải là điều sai lầm hay chăng? (83)

Đáp: Không phải chỉ có một pháp tu vãng sanh Tây Phương, hoặc tu tam phước, hoặc tu mười sáu pháp quán, hoặc tu chín phẩm vãng sanh, hạnh nghiệp tuy khác nhau, nhưng đều được vãng sanh Cực Lạc. Kinh Di Lặc Sở Vấn trình bày mười pháp tu để được vãng sanh, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về hạ phẩm hạ sanh, lúc lâm chung niệm mười danh hiệu Phật được vãng sanh, mỗi bên đều là lời dạy của Phật, trợ giúp nhau để hiển bày pháp môn vãng sanh, đều thành tựu công hạnh Tịnh độ. Vì lý do gì lại cho rằng bên kia là đúng, bên này là sai. Chỉ

vì tự mình chưa hiểu rõ ý kinh, cho nên khiến cho nhiều người học Phật mê mờ... Tu tập vãng sanh Tây Phương không phải chỉ do một hạnh, cho nên trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ bàn về hai môn định tán, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói về ba phẩm tu phước, còn pháp chuyên trì danh hiệu vốn là lời dạy của Phật A Di Đà. Bởi thế hành giả, hoặc thọ trì kinh điển Đại thừa, hoặc hiểu dưỡng cha mẹ, hoặc tu tập thiện nghiệp thế gian xuất thế gian, hoặc hành trì giới luật, thân khẩu hành thiện, đều là tu lương vãng sanh Tịnh độ, chẳng lẽ chỉ hạn cục vào một pháp môn. Ông nên đọc nhiều kinh điển, triển khai chánh tín, lẽ đâu chỉ đọc một bộ kinh rồi dùng đó làm chỉ nam để bàn luận hàm hồ, cho rằng những pháp môn khác không phải là nhân cho sự vãng sanh, đây chẳng phải là sự làm lẫn cực điểm hay sao? Vả lại, tu nhân có vạn loại, đặc quả cũng có nhiều tầng, không thể cho rằng chỉ có một nhân một quả, mà không có những công hạnh khác.

17. Thiển vị cầu tịnh.

Hỏi: Bồ tát tu hành đều vì lợi ích tất cả, thường khởi lòng đại từ bi đối với chúng sanh, lẽ ra phải đến các cõi ác để cứu độ những kẻ đang bị chìm đắm trong biển khổ, khiến họ ra khỏi luân hồi. Hiện nay lại bỏ cõi uế này, nguyện cầu sanh về Tịnh độ, riêng mình tìm cầu thú vui, không muốn làm lợi người khác, không có lòng thương xót cha mẹ anh em, lục thân quyến thuộc nhiều đời, để mặc họ trôi lăn trong ba đường ác mà không chịu cứu vớt, đây đâu có phải là tấm lòng của bậc đại trượng phu hành bồ tát hạnh. Như vậy nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ là điều không tốt, tôi thật không hiểu nguyên do của sự vãng sanh, xin hãy giải bày ý chỉ. (84)

Đáp: Phát Bồ đề tâm, tu Bồ tát hạnh, điều cần yếu là phải khởi tâm Đại bi, thương xót hữu tình, tế độ rộng lớn, trừ khổ ban vui. Thế nhưng, hạnh nguyện có sâu cạn, căn cơ có cao

thấp. Nếu là hàng Bồ tát bậc cao, đại bi tăng thượng, đã được bất thoái chuyển, không sợ bị tổn hại, chỉ một lòng vì kẻ khác, phần lớn thác sanh vào cõi uế, rộng làm việc lợi ích, ít khi vãng sanh Tịnh độ để thân cận chư Phật; còn hàng Bồ tát bậc thấp, đại trí tăng thượng, vẫn còn bị thoái chuyển, tuy có lòng thương xót chúng sanh khổ não, nhưng nếu gặp ác duyên, vẫn có thể thoái thất hạnh Bồ đề, tạo các nghiệp ác, mất Bồ đề tâm. Điều này trong Kinh Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc có nói rõ trường hợp của vương tử Pháp Tài, v.v... Đây tức là hai lợi (tự lợi lợi tha) đều mất, hai bên (mình và chúng sanh) đều bị tổn hại. Vì lý do này nên nguyện sanh Tịnh độ, xa lìa ác duyên, thân cận chư Phật, thường nghe Chánh pháp, cùng với chư Bồ tát tập hội một nơi, đi khắp mười phương làm Phật sự, rải hoa cúng dường, cùng nghe pháp Đại thừa chân tịnh vi diệu, niệm niệm tăng tiến, không còn thoái chuyển, hơn nữa, không còn hàng Nhị thừa cùng nhất xiển đề làm chướng ngại đạo tâm Vô thượng của hàng Bồ tát sơ học. Tuy mỗi niệm đều không xả bỏ tâm thương xót cứu độ chúng sanh, tất cả những công hạnh tự lợi đều là căn bản cho sự lợi tha, gốc nếu không vững chắc, thì cành lá cũng không tốt tươi. Vì vậy, trước tiên nguyện sanh Tịnh độ, nuôi lớn mầm móng tâm Bồ đề khiến trở nên kiên cố, giả như có gặp ác duyên cũng không bị thoái chuyển, lúc đó mới có thể rời cõi Tịnh độ trở về Ta bà cứu độ tất cả những chúng sanh hữu duyên, bao gồm cha mẹ, họ hàng, bạn bè đời quá khứ cùng tất cả hữu tình trong toàn pháp giới. Điều này, thiền sư Đạo Xước, trong An Lạc Tập, đã dùng ví dụ để nêu rõ. Ví như hai người con thấy cha mẹ bị cuốn theo dòng nước lũ, một người vội lao xuống nước để cứu, kết quả không những không cứu được mà chính mình cũng bị chết chìm, còn người kia chạy về nhà, chuẩn bị thuyền bè, bơi vào chỗ nước sâu để cứu cha mẹ khỏi bị chết đuối. Ý nghĩa ở đây cũng tương tự như vậy, mong người đọc hiểu rõ.

18. Nhị thừa không sanh. a. Bốn nghĩa không sanh.

Hỏi: Luân Vãng Sanh nói: “Đại thừa thiện căn giới, bằng, không danh xấu xa, người nữ và căn khuyết, giống Nhị thừa không sanh.” Cõi Cực Lạc tại sao lại có Thanh văn, hơn nữa trong kinh nói Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn đều là bậc A la hán? (85)

Đáp: Có bốn cách giải thích: (1) Giống Nhị thừa không sanh: Luân Du Già Sư Địa cho rằng chúng sanh xưa nay vốn có năm loại căn tánh khác biệt, tức là căn tánh Bồ tát, căn tánh Duyên giác, căn tánh Thanh văn, căn tánh trời người, và căn tánh bất định. Nay nói giống Nhị thừa không sanh là chỉ cho căn tánh Duyên giác và căn tánh trời người, bởi vì người căn tánh Duyên giác nhất định thọ quả báo Duyên giác, phần lớn sanh vào đời không có Phật, và lại cũng không tin có mười phương Tịnh độ, còn người căn tánh trời người chỉ có trôi lăn sanh tử, không thể vãng sanh Tịnh độ, lý do là vì chúng sinh Tịnh độ đều sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề. (2) Có người cho rằng cách giải thích vừa nêu trên không hợp lý. Nếu cho rằng giống Nhị thừa không sanh mà chỉ loại ra Duyên giác và trời người, tức là hàm ý hàng Thanh văn sẽ được vãng sanh, như vậy tại sao gọi Cực Lạc là Đại thừa thiện căn giới? Hơn nữa, chỉ là không có ba loại thể tánh, hay là không có cả ba loại tên gọi? Hiện nay, nói “giống Nhị thừa không sanh”, không phải đề cập đến hàng trời người, mà chỉ là trong ba thừa, loại ra hai thừa Thanh văn và Duyên giác. (Giải thích (3) và (4) được tiếp tục ở câu 86).

Hỏi: Nếu hạng người có căn tánh Thanh văn, Duyên giác không vãng sanh, tại sao cõi đó lại có hàng Thanh văn? (86)

Đáp: (3) Y vào các lời giải thích của bậc cổ đức, Thanh văn chia làm hai loại: (a) ngu pháp, nghĩa là trong đời này chưa thể hồi tâm hướng Đại thừa, (b) bất ngu pháp, nghĩa là trong đời

này đã hồi tâm hướng Đại thừa. Hạng ngu pháp gọi là giống Nhị thừa, bởi vì không hồi tâm hướng Đại thừa, không tin có Tịnh độ, không nguyện vãng sanh. Hạng bất ngu pháp không được gọi là giống Nhị thừa, tuy họ tu hạnh Tiểu thừa, nhưng đã tin Đại thừa và đã nguyện vãng sanh. (4) Hàng Tiểu thừa hồi tâm hướng Đại thừa, tu tập những công hạnh đoạn phiền não chứng Niết bàn đều là hướng về Vô thượng Bồ đề, không thể gọi là Tiểu thừa. Bởi vì muốn thành quả Phật thì vẫn phải tu thánh đạo, đoạn trừ ngã chấp pháp chấp, dứt sạch phiền não tập khí, chứng đắc nhân không pháp không, cứu cánh viên mãn, mới được gọi là Phật. Bọn họ trước kia là Tiểu thừa, nhằm chán ngã chấp phiền não cho nên mới trừ diệt trước, chứng đắc bốn quả, tuy được gọi là A la hán, hoặc Thanh văn, nhưng thật sự không phải Tiểu thừa. Thật ra, A la hán không phải chỉ là tên gọi của Tiểu thừa, mà Đức Phật cũng được gọi là A la hán. Như Luật Tứ Phần nói: “Sau khi độ A Nhã Kiều Trần Như, Phật nói: ‘Trong cõi Tam thiên thế giới này, hiện nay có hai A la hán. Một là Phật, hai là A Nhã Kiều Trần Như.’” Cho nên biết A la hán không phải chỉ là tên gọi của bậc Tiểu thừa, mà hơn nữa, danh xưng Thanh văn cũng thông với Đại thừa. Kinh Pháp Hoa nói: “Chúng con hôm nay thật là Thanh văn, dùng âm thanh Phật đạo khiến cho chúng sanh nghe.” Đây tức là Bồ tát Thanh văn. Kinh lại nói: “Chúng con hôm nay là chân A la hán, đáng được tất cả hàng trời người ma Phạm cúng dường.” Đây tức là Đại thừa Bồ tát. Tên gọi tuy đồng với hàng Tiểu thừa, nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác biệt. Hiện nay, hàng Thanh văn ở cõi Tịnh độ đều là những bậc tâm cầu Vô thượng Bồ đề, cho nên không phải là “giống Nhị thừa”, mà cũng không được gọi là Nhị thừa. Những vị này đã phát tâm Đại thừa, tuy gọi là Thanh văn, nhưng không phải là tên gọi của hàng Tiểu thừa, ví như trong Kinh Pháp Hoa đề cập việc ngài A Nan phát tâm Đại thừa, được đức Thế Tôn thọ ký thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, nhưng đến lúc kết tập, thị hiện chứng quả A la hán, lẽ nào ngài lại thoái thất tâm Đại thừa, chứng quả Tiểu thừa? Lại như trong Kinh Duy Ma Cát, ngài Đại Ca Diếp

nói: “Con từ ngày hôm nay không còn khuyên người khác tu tập hạnh Thanh văn, Bích chi Phật”, lẽ nào đến khi kết tập lại ép buộc ngài A Nan tu chứng quả A la hán? Cho nên biết rằng quả A la hán không phải quả vị Tiểu thừa. Ngài A Nan, sau khi được Phật thọ ký, tất cả công hạnh đều hướng về quả Phật, nên biết công hạnh của ngài đều là công hạnh của Đại Bồ tát. Thế nhưng, những hành giả Đại thừa trực tiếp (không qua ngã Tiểu thừa), trước tiên đoạn trừ pháp chấp phiền não, tu đoạn ngã chấp phiền não, đến lúc chứng Kim cương tâm, diệt trừ ngã chấp phiền não, thì chứng quả Phật. Từ trước đến nay, các Bồ tát vào thẳng Đại thừa, trước tiên thường chỉ nghĩ đến đoạn trừ pháp chấp, cho nên lưu lại phiền não (hoặc), đến lúc hết phiền não, thì đầy đủ Nhất thiết trí của Phật. Lý do là vì phiền não pháp chấp vi tế khó trừ, chướng ngại quả vị Tam Bồ Đề (Phật). Đối với Thanh văn thì đó là bạch tịnh vô ký²⁴, còn đối với Bồ tát thì đó là hữu phú vô ký²⁵. Bồ tát rất kỵ pháp chấp, như Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Trí chướng rất mê muội, phân biệt chấp chân tục, cho nên phải đoạn trừ.” Phiền não ngã chấp chướng ngại sự chứng đắc Niết bàn. Hàng Thanh văn nhằm chán sanh tử, chỉ cầu tự lợi, không thể tu học Nhất thiết trí của chư Phật, cho nên họ không chú trọng nhiều đến việc đoạn trừ phiền não pháp chấp. Phiền não pháp chấp không chướng ngại Niết bàn, vì thế hàng Thanh văn trừ sạch phiền não ngã chấp thì sẽ chứng được Niết bàn. Các vị Thanh văn đang tu tập bảy phương tiện, hoặc đang ở trong ba phẩm đầu của bảy phương tiện, nhằm chán phiền não ngã chấp, trước tiên muốn chứng đắc quả vị Thanh văn, đối với phiền não này lập ý đoạn trừ, hiện nay vãng sanh Tây Phương, tuy đã hồi tâm hướng Đại thừa, cầu chứng quả Phật, nhưng vì họ vẫn còn nhằm chán phiền não ngã chấp, cho nên thánh chúng cõi Cực Lạc tùy thuận tập khí của họ,

²⁴ Bạch tịnh vô ký, còn gọi là vô phú vô ký, là pháp chẳng phải thiện chẳng phải ác, cũng không che lấp và chướng ngại thánh đạo.

²⁵ Hữu phú vô ký, là một loại tâm nhiễm ô có thể làm chướng ngại thánh đạo và che đậy chân tánh, nhưng vì thể dụng của nó rất yếu nên không thể sanh ra quả dị thực (vô ký).

giảng thuyết pháp Tứ đế, giúp họ rút ráo đoạn trừ hai loại kiến hoặc và tư hoặc, lúc đoạn trừ hai hoặc này sẽ thấy được Tứ thánh đế, dùng trí vô lậu đoạn trừ phiền não này. Đoạn được kiến hoặc gọi là Dự lưu (Tu đà hoàn), không phải trụ trong pháp Tiểu thừa mà được gọi là Dự lưu, đoạn được tư hoặc gọi là A la hán, giống như các vị A la hán (Tiểu thừa) không còn phiền não, nhưng đây là công hạnh Bồ tát. Hai hạng hành giả tiếm đốn đều đầy đủ Bồ tát hạnh, đều tầm cầu quả Phật. Tuy đều là Bồ tát, nhưng những hành giả đi vòng (qua ngõ Tiểu thừa) cũng được gọi là Thanh văn, vì vốn thuộc căn tánh Tiểu thừa, nhưng cũng được gọi là Bồ tát, vì ý nguyện tầm cầu Quả Phật. Còn những vị Bồ tát đi thẳng (không qua ngõ Tiểu thừa) chỉ được gọi là Bồ tát, không được gọi là Thanh văn, bởi vốn không phải là Thanh văn ngộ đạo. Đức Phật dùng hai tên để phân biệt hai hạng đệ tử tiếm và đốn, cho nên mới nói: “Vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn đều đắc A la hán, toán số thí dụ không thể biết được, số lượng đệ tử Bồ tát cũng giống như vậy.”

b. Ví dụ cõi Chúng Hương.

Hỏi: Thế giới Chúng Hương (trong Kinh Duy Ma Cát) và thế giới Cực Lạc đều là cõi Phật Đại thừa thanh tịnh, tại sao thế giới Chúng Hương không có danh từ Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ có chúng Đại Bồ tát thanh tịnh, còn thế giới Cực Lạc lại có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn. Các đệ tử Thanh văn này không phải thuộc hàng Tiểu thừa hay sao? (87)

Đáp: Hai cõi Tịnh độ tuy đều là cõi giới Đại thừa, nhưng thánh chúng của hai cõi có thông (rộng rãi) có cục (hạn hẹp). Thế giới Chúng Hương chỉ có những chúng sanh quy hướng Đại thừa. Hành giả ở cõi Ta Bà tu hành, đạt đến trình độ không

còn bị bát phong²⁶ lay động, vắng sanh về cõi đó, chỉ nghe pháp môn Đại thừa đốn giáo, cho nên trong Kinh Duy Ma Cát nói cõi đó chỉ có các Đại Bồ tát thanh tịnh mà không có tên gọi Nhị thừa. Còn thế giới Cực Lạc là chung cho những bậc Tiểu thừa hồi tâm hướng Đại thừa vắng sanh về cõi đó, cùng nghe hai loại Đại thừa tiệm giáo (đi vòng qua ngõ Tiểu thừa trước khi vào Đại thừa) và đốn giáo (đi thẳng vào Đại thừa), quy hướng về Nhất thừa, phát tâm Đại thừa, hành Bồ tát hạnh, nhưng do tập khí đời trước, tuy hành Bồ tát đạo, vẫn phải trước tiên đoạn trừ phiền não ngã chấp, nên được gọi là Thanh văn A la hán, nhưng Thanh văn ở đây có nghĩa là “khiến cho tất cả đều nghe âm thanh Phật.” Tuy được gọi là A la hán, nhưng là bậc đáng được sự cúng dường của tất cả thế gian. Cho nên ở cõi Cực Lạc hai hàng Thanh văn và Bồ tát đều là Bồ tát Đại thừa, chỉ có đi thẳng và đi vòng là khác biệt mà thôi.

19. Vĩnh tuyệt ác thú.

Hỏi: Theo giáo pháp Tiểu thừa, bậc chứng noãn vị không còn lãnh thọ tà giáo, bậc chứng đảnh vị không còn bị đoạn diệt căn lành, bậc chứng nhẫn vị không còn sanh vào ác thú, và bậc chứng thế đệ nhất pháp nhất định sẽ chứng quả thánh (sơ quả). Đây tức là phải đến bậc hạ phẩm nhẫn vị mới chứng được “ác thú phi trạch diệt.” Bồ tát vì muốn làm lợi chúng sanh, không thọ biến dịch sanh tử là vì chưa chứng được “ác thú phi trạch diệt”. Làm thế nào những phàm phu cực ác vừa mới vắng sanh Tịnh độ, chỉ nương vào việc niệm một danh hiệu, cho đến mười danh hiệu Phật mà được vĩnh viễn không còn tái sanh vào ba đường ác? (88)

²⁶ Bát phong: tám ngọn gió, dụ cho tám pháp thế gian làm loạn động, mê hoặc tâm người, đó là: lợi, suy (hao tổn), hủy (trước mặt chê bai, chỉ trích), dự (gián tiếp khen ngợi), xung (trực tiếp ca tụng), ki (sau lưng nói xấu), khổ, lạc (vui).

Đáp: Du Già Sư Địa Luận, Quyết Trạch Phần, cho rằng ở cõi uế, những hành giả Tiểu thừa bậc noãn và đẳng vẫn còn bị thoái chuyển, lên đến bậc nhẫn mới chứng được “ác thú phi trạch diệt.”²⁷ Nhưng những học giả Tát Bà Đa (Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ) lại cho rằng hành giả Tiểu thừa trước khi đắc nhẫn cũng đã chứng được “ác thú phi trạch diệt”, nhưng chưa quyết định. Hiện nay các hành giả vãng sanh Tây Phương, do vì ở nơi thù thắng, thường gặp thánh chúng, thường nghe diệu pháp, các hạnh nguyện thù thắng niệm niệm tăng tiến, các ác nghiệp đời trước dần dần tiêu diệt, các công hạnh thiện dần dần tăng trưởng, thiếu các ác duyên, cho nên chứng được “ác thú phi trạch diệt”, được bất thoái chuyển. Những hành giả sau khi vãng sanh Cực Lạc, nương vào nguyện lực, thọ sanh vào các cõi ác, cứu độ những kẻ trầm luân. Đây là do nguyện lực thọ sanh, chứ không phải bị nghiệp lực lôi kéo mà đọa vào đường ác.

20. Tất cả đều được vãng sanh hay không.

Hỏi: Có phải tất cả mọi người cầu sanh Cực Lạc đều được vãng sanh hay không, hay là có người được vãng sanh, có người không được? Nếu tất cả chúng sanh đều được vãng sanh, vì lý do gì cõi Phật A Di Đà có ngày chung tận, Đức A Di Đà có lúc nhập niết bàn²⁸. Hơn nữa, các Bồ tát Hoa Tụ và Sơn Hải Tuệ không nên phát nguyện rằng “nếu còn chúng sanh chưa được vãng sanh Cực Lạc và nếu con vãng sanh trước thì con sẽ không bao giờ thành Phật”, và cũng không nên phát nguyện rằng “tất cả chúng sanh vãng sanh rồi thì con mới vãng sanh.” Còn nếu có người không được vãng sanh, thì vì lý do gì những kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác phỉ báng Chánh pháp, tội nặng vô cùng mà vẫn được vãng sanh, có tội nào nặng hơn những tội này để không được vãng sanh? Hơn nữa, kinh đã nói rằng tất cả chúng

sanh đều được vãng sanh, thì những kẻ không được vãng sanh ắt phải là “phi chúng sanh.” Và lại, Đức Đại bi Thế Tôn (A Di Đà) lòng từ trùm khắp, vì nhân duyên gì lại ngăn chặn một số chúng sanh không cho vãng sanh, nếu vậy thì lòng đại bi vô hạn đó quả thật không được bình đẳng. (89)

Đáp: Có hai cách giải thích. (1) Tất cả chúng sanh đều được vãng sanh: Vì tâm đại bi của Đức Phật không có hạn lượng, sanh khởi lòng từ bình đẳng, đem sự lợi ích đến tất cả, phát nguyện rộng lớn, không phân biệt thân thù, cho nên tất cả chúng sanh không ai mà không được vãng sanh. Hỏi: Nếu vậy, làm sao trả lời cho thông những câu hỏi vừa nêu trên? Đáp: Tuy cho phép tất cả chúng sanh được vãng sanh, thế nhưng, chí nguyện chúng sanh có sự khác biệt, hoặc không tin Chánh pháp, hoặc ham thích Tiểu thừa, hoặc đam mê cõi uế, hoặc nguyện ở cõi uế để cứu độ chúng sanh, hoặc muốn nguyện về các cõi Phật khác để tu hành. Như vậy, do chúng sanh có nhiều loại tâm hành khác biệt, không thể khiến cho tất cả đều vãng sanh Cực Lạc. Tuy đều được vãng sanh, nhưng không phải tất cả đều thành Phật, nhưng không phải tất cả đều thành. Nếu tất cả đều thành Phật thì chúng sanh giới có hạn lượng. Ở đây cũng tương tự như vậy, ý nghĩa không mâu thuẫn với những câu hỏi vừa nêu trên. Hơn nữa, quán sát cơ duyên của một loại chúng sanh ưa thích vãng sanh Tây Phương, thì có thể hiểu rõ sự phát nguyện của Bồ tát Pháp Tạng và sự diệt độ của Phật A Di Đà. (2) Cũng có những chúng sanh bị ngăn không cho vãng sanh Tây Phương: Như kinh nói: “Những người đáng độ, nay đã độ xong.” Lại nói: “Nhân duyên hóa độ đã hết, bèn nhập Niết bàn.” Những lời kinh này căn cứ vào các chúng sanh hữu duyên, mà không luận bàn tổng quát tất cả chúng sanh. Tuy tâm Phật rộng rãi bao trùm khắp tất cả chúng sanh, nhưng sự hóa độ chỉ giới hạn vào những kẻ hữu duyên, cho nên sự vãng sanh cũng chỉ tiếp độ những người căn cơ đã đầy đủ. Đức Như Lai (A Di Đà) cũng có ngày chứng nhập Niết bàn, và như thế, Bồ tát Quán Thế

²⁷ Không còn bị đọa vào tam ác đạo.

²⁸ Xem Kinh Quán Thế Âm Thọ Ký.

Âm, ở giai vị Bồ xứ, tiếp nối hạnh nghiệp của Phật A Di Đà. Căn cứ vào đây, biết rằng không phải tất cả chúng sanh đều được vắng sanh Cực Lạc.

21. Cõi nước Thanh Thái.

Hỏi: Trong kinh nói cõi Cực Lạc không có người nữ, tại sao Kinh Cổ Âm Vương Đà La Ni nói: “Cõi Đức Phật A Di Đà tên là Thanh Thái, nơi ngự trị của đức Thánh vương là một tòa thành dài rộng mười ngàn do tuần, trong đó phần lớn nhân dân đều thuộc về giai cấp sát đế lợi. Cha của Đức Phật A Di Đà là chuyển luân vương tên Nguyệt Thượng, mẹ của ngài tên Thù Thắng Diệu Nhan, con ngài tên Nguyệt Minh, thị giả tên Vô Cầu Xung, đệ tử trí tuệ đệ nhất tên Lãm Quang, đệ tử thần thông đệ nhất tên Đại Hóa, ma vương tên Vô Thắng, Đề Bà Đạt Đa tên Tịch Ý. Nếu như không có người nữ, tại sao Đức Phật lại có mẹ? (90)

Đáp: Có ba cách giải thích. (1) Đức Phật có thân thọ dụng và thân biến hóa. Kinh Quán Vô Lượng Thọ đề cập thân thọ dụng, còn Kinh Cổ Âm Vương Đà La Ni đề cập đến thân biến hóa. Hơn nữa, từ thân thọ dụng hóa hiện: (a) thân phần đoạn sanh tử, thị hiện thọ thai sanh, có đủ cha mẹ, (b) thân biến dịch sanh tử, thị hiện hóa thân, không có cha mẹ.

(2) Cha mẹ, thành ấp, v.v..., đều là pháp công đức. Như Kinh Duy Ma Cát nói: “Trí tuệ là mẹ của Bồ tát, phương tiện là cha của Bồ tát, v.v...” Có thể dùng công đức làm các loại tên người, giảng nói các loại pháp, như ngài Văn Thù Sư Lợi ở phía đông Giác Thành gặp đồng tử Thiện Tài, Giác Thành cũng là tên của công đức. Ở đây cũng tương tự như vậy, dùng các công đức làm tên cha mẹ, v.v... Nói tên nước Thanh Thái là hiển thị pháp giới tối thanh tịnh của Như Lai. Thể tánh thanh tịnh gọi là “thanh”, thể tướng bao la gọi là “thái”, nơi mà vạn đức y chỉ gọi là “nước.” Thành dài rộng mười ngàn do tuần là hiển thị Đại

viên kính trí của Như Lai. Trí đó đầy đủ thập trí, thập lực, nhân đây mà nói thành rộng mười ngàn do tuần. “Trong đó phần lớn nhân dân đều thuộc về giai cấp sát đế lợi”, sát đế lợi tức là dòng dõi vua. Trong đại viên kính trí có những hạt giống pháp có hằng hà sa công đức, cho nên nói là “phần lớn thuộc về giai cấp sát đế lợi.” Cha tên Nguyệt Thượng, đây là Kim Cang Tam Muội, vì Nguyệt (mặt trăng) có công năng phá trừ bóng tối (vô minh), tam muội có công dụng trừ hoặc (phiền não). Chuyển luân thánh vương, nghĩa là vua chuyển luân vượt quá các vị vua nhỏ, ví cho Kim Cương Dụ Định vượt quá các tam muội khác. Thù Thắng Diệu Nhan, nghĩa là trong một thân, dung nhan là hơn hết, trong sáu Ba la mật, Bát nhã ba la mật là thù thắng nhất, là mẹ của chư Phật. Con tên là Nguyệt Minh, nghĩa là Phật ví dụ cho mặt trời, ánh sáng đệ nhất, các Bồ tát là con Phật, cho nên gọi là Nguyệt Minh (ánh sáng mặt trăng, kém hơn ánh sáng mặt trời). Thị giả tên là Vô Cầu Xung, đây là sự hiển thị Bình đẳng tánh trí của Đức Như Lai, thường quán sát Đại viên kính trí gọi là phụng sự (thị giả), lia xa phiền não gọi là Vô Cầu Xung. Đệ tử trí tuệ đệ nhất tên Lãm Quang, là hiển thị Diệu quán sát trí của Đức Như Lai, quán tất cả các pháp, không pháp nào không rõ ràng, nên gọi là Lãm Quang. Đệ tử thần thông đệ nhất tên Đại Hóa, là hiển thị Thành sở tác trí của Đức Như Lai, khởi tất cả loại biến hóa của thân ngữ ý nên gọi là thần thông. Đây là chỉ cho ba trí. Ở phía sau Đại viên kính trí nên gọi là đệ, từ Đại viên kính trí sanh ra nên gọi là tử. Ma vương tên Vô Thắng, là hiển thị công đức đại bi của Đức Như Lai. Phật dùng tâm đại bi thương xót chúng sanh, thường ở trong sanh tử, cứu độ hữu tình, ma ưa thích sanh tử, cho nên gọi là ma vương. Tâm đại bi này vượt quá tâm bi của hàng Nhị thừa cho nên gọi là Vô Thắng. Đề Bà Đạt Đa tên Tịch Ý, nghĩa là phiền não náo động não loạn người tu, ví như Đề Bà Đạt Đa. Đức Như Lai quán sát tất cả phiền não đều là Niết bàn, cho nên Đề Bà Đạt Đa (phiền não) tên là Tịch. Trên đây là dùng các công đức để thiết lập tên của cha mẹ, v.v..., chứ không phải trên cõi Tịnh Độ, Đức A Di Đà thật có cha mẹ, v.v...

(3) Như trong Kinh Bi Hoa, v.v..., nói chư Phật trong các cõi tịnh uế, thị hiện thành đạo có sự khác biệt; hoặc có Bồ tát ở cõi nước đó sanh, tu Bồ tát hạnh, rồi ở cõi nước đó thành Đẳng Chánh Giác, thế giới không biến đổi, danh hiệu và kiếp cũng không có sự thay đổi; hoặc có Bồ tát ở cõi nước đó sanh, rồi ở cõi nước đó thành Đẳng Chánh Giác, thế giới tuy không biến đổi, nhưng danh hiệu và kiếp biến đổi; hoặc có Bồ tát ở cõi nước đó sanh, tu Bồ tát hạnh, rồi ở cõi nước đó thành Đẳng Chánh Giác, đang lúc thành Phật, thế giới có sự biến đổi, thù thắng hơn thế giới trước, danh hiệu và kiếp cũng đều biến đổi, như trong Kinh Quán Thế Âm Thọ Ký có nói đầy đủ; hoặc có Bồ tát ở thế giới này sanh, đến thế giới khác thành Đẳng Chánh Giác, như trong Kinh Bi Hoa có nói. Đây là do Bồ tát trong lúc tu nhân, phát nguyện không đồng, cho nên có sự khác biệt như vậy. Lại như trong các kinh có nói, hoặc có Bồ tát xuất gia từ nhỏ thành Đẳng Chánh Giác, hoặc có Bồ tát lấy vợ sanh con, rồi sau đó lìa bỏ ngũ dục, xuất gia thành Đẳng Chánh Giác. Hoặc có Bồ tát ở thế giới này sanh, ở thế giới này thành đạo; hoặc có Bồ tát ở thế giới khác sanh, ở thế giới khác thành đạo. Như Kinh Pháp Hoa nói Long Nữ ở thế giới Ta Bà, thọ thân súc sanh (rồng), sau đó qua thế giới Vô Cấu ở phương nam, xả bỏ thân nữ, biến hiện thân nam, thành Đẳng Chánh Giác. Lại như Hoa Quang Như Lai sanh từ bào thai, sau đó ở cõi Tịnh độ thành Đẳng Chánh Giác. Cho nên kinh nói: “Lúc Phật là vương tử, bỏ nước xả vinh hoa, ở nơi thân cuối cùng, xuất gia thành Chánh Giác.” Căn cứ lời kinh, Phật Hoa Quang ở thế giới kia, thọ thân thai sanh, sau đó trong cõi Tịnh độ thành Đẳng Chánh Giác. Nếu không phải thai sanh, làm gì có sự việc ngài là vương tử, bỏ nước xả vinh hoa? Hiện nay Đức Phật A Di Đà cũng vậy, ở nước Thanh Thái thọ thai sanh, sau đó ở cõi Cực Lạc thành Đẳng Chánh Giác.

22. Ngũ thông siêu thắng.

Hỏi: Các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đắc được ngũ thông nhưng sự thấy nghe cũng không vượt quá cõi Ta Bà, vì sao các phạm phu vãng sanh Cực Lạc dù thần thông tối thiểu cũng thấy nghe vượt quá trăm ngàn vạn ức cõi Phật. Dùng đây suy ngẫm có thể biết rằng những người vãng sanh Cực Lạc đều là bậc đại căn đại hạnh Bồ tát, chứ không phải là kẻ phàm mà có thể vãng sanh được. (91)

Đáp: Ý nghĩa này không nhất định. Không thể cho rằng các thánh nhân ở cõi uế đắc được ngũ thông thù thắng hơn những phạm phu ở cõi Tịnh độ. Ví như chúng sanh cõi Uất Đan Việt thọ mạng đúng một ngàn năm, trong khi chúng sanh cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng tuy thọ mạng tám vạn kiếp nhưng lại có kẻ chết yểu. Đâu có thể cho rằng loài trời thọ mạng dài lâu, nhất định không có sự chết yểu. Cõi Tịnh độ cũng thế, chúng sanh cõi đó, tuy vẫn còn là phạm phu, nhưng vì nghiệp thọ sanh thù thắng, hoặc quả báo Tịnh độ ưu việt, nương bốn nguyện Phật, hoặc nhờ uy linh của các bậc Thánh, hoặc tư lương tốt đẹp, hoặc đắc được Diệu định Đại thừa, nương vào những nhân duyên này mà đắc được thần thông thù thắng hơn các bậc Thánh nơi cõi uế, đây cũng đâu có gì lạ? Lại như, các thân trung ấm đang tìm cõi thọ sanh, do nghiệp mà có thần thông, đôi khi vượt quá các bậc Nhị thừa. Nếu vậy, đâu có gì lạ khi các chúng sanh ở cõi Tịnh độ có thần thông vượt hơn các bậc thánh Nhị thừa ở cõi Ta bà. Cho nên kinh có nói: “Thiện căn vô lậu của các bậc Thanh văn Duyên giác không bằng thiện căn hữu lậu của các vị Bồ tát sơ phát tâm.”

23. Phần đoạn biến dịch.

Hỏi: Không biết những chúng sanh vãng sanh Cực Lạc thọ thân phần đoạn sanh tử hay biến dịch sanh tử? (92)

Đáp: Ở cõi Cực Lạc, các vị Bồ tát Bát địa trở lên nhất luật thọ thân biến dịch sanh tử, còn Bồ tát Thất địa trở xuống

cho đến Sơ địa, hoặc thọ thân biến dịch, hoặc thọ thân phần đoạn sanh tử. Còn từ các bậc Tam hiền trở xuống đến Sơ tín, đều là thọ thân phần đoạn sanh tử. Thế nhưng, tất cả đều được thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, ba mươi hai tướng tốt, thân sắc vàng ròng, thân lượng vô biên, ngũ thông tự tại, vi diệu bất khả tư nghì.

24. Cực Lạc không có sự khổ.

Hỏi: Cõi Cực Lạc không có những sự khổ. Không biết trong ba khổ, tám khổ, cõi Cực Lạc không có những khổ nào? (93)

Đáp: Theo các bộ phái Tiểu thừa, như Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, v.v..., thân Phật vẫn còn đầy đủ ba khổ, trong tám khổ vẫn còn năm khổ (sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ và ngũ ấm xí thanh khổ), chỉ có ba điều không khổ là ái biệt ly, oán tăng hội và cầu bất đắc, bởi vì thân Như Lai, mười lăm giới là hữu lậu (năm căn, năm trần và năm thức), còn ba giới kia thông cả hữu lậu và vô lậu (ý giới, pháp giới và ý thức giới). Vì là thân hữu lậu nên có năm khổ, nhưng đã đoạn tham sân si, nên không có ba khổ còn lại, bởi vì ái biệt ly khổ là phiền não ái (si), oán tăng hội khổ là phiền não sân, cầu bất đắc khổ là phiền não tham. Đức Phật tuy thương xót dòng họ Thích bị thái tử Lưu Ly tru diệt, nhưng ngài không có ái biệt ly khổ; tuy bị Đề Bà Đạt Đa làm cho chảy máu, bị con gái Bà la môn vu khống, bị đặt bẫy hầm lửa, bị bỏ thuốc độc vào cơm, bị nhiều kẻ oán địch cấu kết mưu hại, nhưng ngài không có oán tăng hội khổ; tuy đi khát thực ôm bát trống về, gặp lúc đói khát, không người bố thí, gặp những trường hợp như vậy, ngài không có cầu bất đắc khổ. Phật pháp Đại thừa cho rằng thân Phật, năm uẩn, mười hai xứ (nhập), mười tám giới đều là vô lậu. Kinh Niết Bàn nói: “Chư Phật tôn pháp làm thầy, vì pháp thường trụ, chư Phật cũng thường trụ.” Lại nói: “Xả sắc vô thường, được sắc thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.” Kinh Duy Ma Cát

nói: “Thân Phật vô lậu, các lậu đã diệt tận.” Tương tự, các kinh điển Đại thừa đều cho rằng thân Phật là vô lậu. Ba khổ, tám khổ đều là pháp hữu lậu, cho nên thân Phật không còn thọ các khổ. Từ Bồ tát thập địa trở xuống đến giai vị phàm phu, có hai cách giải thích. (1) Trong ba khổ có hành khổ, hoại khổ. Trong tám khổ có một khổ, nghĩa là ngũ ấm xí thanh khổ. Vì các Bồ tát thập địa trở xuống vẫn còn thọ thân hữu lậu biến dịch hoặc phần đoạn. Lại nữa, sự biến hóa thay đổi là hành khổ; các sự vui hữu lậu, lúc sanh thì lạc, lúc trụ là lạc, còn lúc hoại là khổ, cho nên có hoại khổ. Những vị ấy không có sự bức bách ưu khổ của thân tâm nên không có khổ khổ. Lúc mới thọ thân, tuy gọi là sanh, nhưng không có các khổ nương vào, vả lại không có sự bức bách của bào thai, nên không có sanh khổ; thọ mạng dài lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, dù là phàm phu cũng nhập vào biến dịch sanh tử, rốt ráo thành Phật, nên không có tử khổ, sau đó xả thân (chết) ở cõi Tịnh, nguyện sanh vào cõi uế, cứu độ chúng sanh, tuy cũng là chết, nhưng không có khổ, đây là vì đem tâm ưa thích, nguyện xả báo thân, tu hạnh từ bi. Còn thân năm uẩn là do phiền não sanh ra, thể chất là hữu lậu, tức là năm ấm xí thanh khổ. Ở cõi Tịnh độ, bốn đại an ổn, không có bệnh khổ, hình hài không suy tôn, không có lão khổ, cùng chư vị thiện tri thức tập hợp, không có oán tăng hội khổ, các duyên đều đầy đủ, không có cầu bất đắc khổ. (2) Ở cõi Cực Lạc, tám khổ cũng giống như vừa nêu trên. Còn trong ba khổ, chỉ có hành khổ, bởi vì vẫn còn thọ thân phần đoạn, biến dịch. Chúng sanh chỉ thọ sự vui sướng thanh tịnh, thường hằng không gián đoạn, rốt ráo chứng đắc sự vui tịch diệt, tuy sự vui sướng đôi lúc tạm ngừng, nhưng không lấy làm khổ, nên không có hoại khổ. Cho nên nói cõi Cực Lạc không có sự khổ là nói không có khổ khổ và hoại khổ.

Hỏi: Cõi Cực Lạc tuy không có khổ khổ, hoại khổ, v.v..., nhưng vẫn còn hành khổ, nếu vậy, tại sao gọi là Cực Lạc? (94)

Đáp: Trong ba khổ chỉ có một khổ, trong tám khổ cũng chỉ có một khổ; trong ba khổ thiếu hai khổ, trong tám khổ thiếu bảy khổ, tuy còn lại một (khổ), cũng không gọi là khổ. Kinh Niết Bàn nói: “Nhu sông còn lại một ít nước, cũng gọi là không có nước; như ăn một tí muối, cũng gọi là không có muối.” Lại như luận A tỳ đàm nói: “Một giọt nước biển, một hạt bụi núi Tu Di, không thể gọi là có biển, có núi.” Ở đây cũng vậy, giả sử có chút ít khổ, cũng không ngại gọi là Cực Lạc. Lại nữa, sự bức bách bất an đối với thân và tâm gọi là ưu và khổ, cõi Phật A Di Đà đều không có hai loại này nên gọi là Cực Lạc.

25. Cực Lạc độ khổ.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Phân thân của hóa Phật A Di Đà, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí tập hợp tại thế giới Cực Lạc cứu độ chúng sanh đau khổ.” Cõi Cực Lạc không có sự khổ, vì sao lại nói rằng tập hợp tại cõi Cực Lạc cứu độ chúng sanh đau khổ? Nay nói cứu độ chúng sanh đau khổ là độ chúng sanh cõi Cực Lạc, hay chúng sanh cõi khác? (95)

Đáp: Thông cả hai, độ chúng sanh ưu khổ ở cõi mình và cõi khác. Hỏi: Cõi Cực Lạc đã không có chúng sanh ưu khổ, làm sao mà độ chúng sanh ưu khổ ở đó, còn các cõi khác tuy có chúng sanh ưu khổ, phải nên đến đó để độ họ, lý do gì lại tập hợp tại cõi Cực Lạc để độ chúng sanh ở các cõi xa? Đáp: Chúng sanh cõi Cực Lạc tuy không có sự khổ (thông thường), nhưng vẫn còn sự khổ của hành khổ hữu vi của hai loại sanh tử phần đoạn và biến dịch. Chư Phật tập hợp thuyết giảng diệu pháp, khiến cho chúng sanh cõi Cực Lạc mau thoát khỏi hai loại sanh tử, thành tựu pháp thân, cho nên gọi là cứu độ. Đối với chúng sanh ở cõi khác, hoặc là các ngài phân thân đến đó làm việc cứu độ, chẳng hạn, các chúng sanh ở cõi Ta Bà thành tựu Tịnh nghiệp, lúc lâm chung sẽ có hoá Phật đến rước vắng sanh Cực Lạc; hoặc các ngài tập hợp ở cõi Cực Lạc, biến hiện chư vị hóa

Bồ tát, khiến họ sanh khởi tâm Đại bi, bỏ sự vui ở cõi Tịnh độ, hóa hiện đến cõi khác, hành Đại bi hạnh, giáo hóa mười phương chúng sanh hữu duyên, cho nên nói: “Tập hợp ở cõi Cực Lạc cứu độ chúng sanh ưu khổ.” Như kinh luận có nói đến trường hợp các vị Bồ tát Bát địa lúc chứng đắc chân như tịch diệt, phần lớn đều không muốn xuất định để đi cứu độ chúng sanh, chư Phật phải hiện thân đến xoa đầu, khuyến khích, khiến họ ra khỏi định, để hoàn thành công hạnh độ hóa hữu tình. Đây cũng là nghĩa vừa nêu trên. Kinh Duy Ma Cát nói: “Bồ tát ở cõi Ta Bà, tâm Đại bi đối với chúng sanh rất vững chắc.” Lại nói: “Những người như thế (tâm Đại bi kiên cố) mới có thể lìa sự vui Tịnh độ mà đến những nơi nhiều phiền não (Ta Bà) để làm Phật sự.”

26. Tám thức ba thọ.

Hỏi: Kinh A Di Đà nói: “Chúng sanh cõi Cực Lạc không bị các sự khổ, chỉ hưởng thọ pháp lạc.” Không biết trong tám thức, có mấy thức tương ứng với lạc thọ? (96)

Đáp: Trong tám thức, hai thức thứ bảy (Mạt na) và thứ tám (A lại da) luôn luôn liên tục, duyên vào cảnh giới vi tế, khó nhận biết được. Dù đọa ngục A tỳ vô cùng thống khổ, hoặc sanh vào cõi Tam thiên vô cùng hỷ lạc, thì hai thức này lúc nào cũng ở trong trạng thái xả thọ, ngay đến đạt đến quả vị Phật, tịnh thức tương ứng với đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, hai thức này cũng vẫn tương ứng với trạng thái xả thọ. Căn cứ vào đây biết rằng ở thế giới Cực Lạc, thức thứ bảy và thức thứ tám thường ở trong trạng thái xả thọ. Sáu thức kia thì tương ứng với ba thọ hỷ, lạc và xả. Ý thức tương ứng với hai thọ hỷ lạc, năm thức còn lại tương ứng với lạc thọ. Còn xả thọ thì tương ứng với cả sáu thức. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Không có tất cả sự ưu khổ của thân tâm, mà chỉ có vô lượng sự hỷ lạc thanh tịnh, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.” Căn cứ vào đây, biết rằng trong cõi Tịnh độ, sáu thức không có sự ưu khổ, nhưng không ngại có xả thọ, bởi vì sau sự hỷ lạc, trạng thái [hỷ lạc] giảm dần đến giai

đoạn “ngừng bắt”, phần lớn tương ứng với xả thọ. Hơn nữa, thể tánh của xả thọ không có sự bức bách, do thiện nghiệp chiêu cảm, cho nên chúng sanh cõi đó cũng tương ứng với xả thọ. Lại nữa, chúng sanh cõi đó sanh khởi vị đạo định và trung gian thiên của các định từ cõi Tứ thiên trở lên, làm sao không cho phép tương ứng với xả thọ. Cho nên biết rằng, cõi đó tuy gọi là Cực Lạc, nhưng cũng tương ứng với xả thọ. Nếu không, cõi đó cũng không thể tương ứng với hỷ thọ.

27. Thân không có trùng.

Hỏi: Bàn về phần đoạn sanh tử, các bộ luận như Luận Đại Trí Độ, v.v..., đều cho rằng thân của các chúng sanh phần đoạn sanh tử đều là thân chứa đựng ký sinh trùng. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “Trong thân của các Bồ tát a bệ bạt trí không có tám vạn ký sinh trùng.” Chúng sanh cõi Cực Lạc có thân phần đoạn sanh tử ắt trong thân phải có ký sinh trùng. Nếu vậy, Kinh A Di Đà nói cõi đó không có ba đường ác thì đây là điều mâu thuẫn. Làm thế nào để giải thích? (97)

Đáp: Chúng sanh cõi Tịnh độ, tuy thọ thân phần đoạn sanh tử nhưng trong thân không có tám vạn ký sinh trùng. Luận Đại Trí Độ và Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói thân có ký sinh trùng là căn cứ vào cõi uế mà nói. Và lại, ngay trong cõi uế, các vị trời cõi Sắc, tuy là phàm phu, nhưng trong thân cũng không có tám vạn ký sinh trùng, hoặc bị nạn tam tai. Vào thời cuối của kiếp hoại, trước tiên, ba nẻo ác bị diệt tận, lúc đó thọ thân cõi người còn không có tám vạn ký sinh trùng, bởi vì đã không còn ba nẻo ác, huống chi chúng sanh cõi Tịnh độ thọ sắc thân thanh tịnh vi diệu! Tuy họ thọ thân phần đoạn sanh tử nhưng trong thân không có ký sinh trùng.

28. Cách đây không xa.

Hỏi: Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói cõi Cực Lạc cách thế giới Ta Bà vượt quá trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật, nhưng trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ lại nói cõi Phật A Di Đà cách đây không xa. Lời dạy của hai kinh có sự mâu thuẫn, xin giải thích rõ ý nghĩa này. (98)

Đáp: Thế giới Cực Lạc cách cõi Ta Bà trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật quả đúng là xa xăm. Hiện nay nói Cực Lạc cách Ta Bà không xa là có ý nghĩa khác. Ở đây chỉ trình bày sơ lược mười điều để giải thích nghĩa này: do Phật lực nên không xa, do phương tiện nên không xa, do ứng hiện nên không xa, do tự tâm nên không xa, do thủ hộ nên không xa, do hữu duyên nên không xa, do bản nguyện nên không xa, do đến tiếp dẫn nên không xa, do vắng sanh nên không xa, do không phóng dật nên không xa. (1) Phật lực: Kinh nói: “Do Phật lực nên thấy được cõi đó.” (2) Phương tiện: Kinh nói: “Có phương tiện khác khiến bà [Vi Đề Hy] được thấy.” (3) Ứng hiện: Kinh nói: “Phật A Di Đà đứng trên không trung.” (4) Tự tâm: Kinh nói: “Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật.” (5) Thủ hộ: Kinh nói: “Chư Phật, Bồ tát thường đến nơi hành giả.” (6) Hữu duyên: Kinh nói: “Chúng sanh hữu duyên đều thấy được Phật và cõi giới Cực Lạc.” (7) Bản nguyện: Kinh nói: “Do bản nguyện lực khiến cho hành giả tu quán tưởng thường được thấy.” (8) Đến tiếp dẫn: Kinh nói: “Cùng các Hóa Phật đến nghinh tiếp hành giả.” (9) Vắng sanh: Kinh nói: “Trong khoảng khảy ngón tay, liền được sanh về thế giới Cực Lạc.” (10) Không phóng dật: Kinh Niết Bàn, quyển thứ ba mươi, nói: “Nếu phóng dật, tuy ở gần Phật và các đệ tử cũng vẫn gọi là xa cách.” Hiện nay chỉ cần chuyên tâm niệm Phật, không làm việc phóng dật, tức là gần gũi Đức Phật, không gọi là xa cách. Do đầy đủ mười nghĩa này nên gọi là không xa.

29. Tâm đó làm Phật.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Tâm đó sanh ra biển chánh biến tri của chư Phật.” Thế nào tâm có thể làm Phật? (99)

Đáp: Theo Duy thức học, ngoài tâm không có pháp, vạn pháp vạn tướng đều do tự tâm biến hiện. Luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tâm sanh chư pháp sanh, tâm diệt chư pháp diệt.” Kinh Duy Ma Cát nói: “Nếu tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.” Lại nói: “Do tâm cấu ô nên chúng sanh cấu ô, do tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.” Cho nên biết rằng vạn pháp đều do tâm biến hiện. Đang lúc dùng tâm này quán tưởng Phật A Di Đà thì Phật A Di Đà là bản tánh tướng, tâm đang quán tưởng biến hiện ảnh tượng tướng, ảnh tượng tướng đó gọi là tướng phần, tâm quán tưởng tức là kiến phần. Hai phần này không thể tách rời tự chúng phần. Lực lượng của kiến phần có thể hiển hiện tướng phần nên gọi là “tâm đó làm Phật.” Tướng phần này tức là tâm tự chứng phần, không có thể tánh nào khác, nên gọi là “tâm đó là Phật.” Muốn quán tưởng tất cả biến công đức của Như Lai, đều phải dùng ảnh tượng biến hiện bởi tự tâm, cho nên gọi là “tâm đó sanh ra biển chánh biến tri của chư Phật.” Hoặc là do tâm tưởng tu tập các công hạnh làm nhân cho sự thành Phật, nên gọi là “tâm đó sanh ra biển chánh biến tri của chư Phật.” Kinh Hiền Hộ, phần thứ hai, nói: “Bồ tát cũng vậy. Chuyên tâm quán tưởng, thấy được chư Phật, sau khi thấy Phật bèn hỏi các ngài Phật pháp, nghe xong tâm ý hoan hỷ, liền suy tưởng rằng: ‘Hiện nay chư Phật từ đâu đến, mà thân ta cũng từ đâu đến.’ Quán tưởng chư Phật rốt ráo không từ đâu đến, mà cũng không đi về đâu. Thân ta cũng vậy, vốn không từ đâu đến, hướng là có chỗ để trở về. Hành giả đó nên quán tưởng như vậy.” Hiện nay, ba cõi do tâm hiện, tâm này có Phật. Vì sao? Tùy vào tâm niệm mà thấy được tự tâm. Hiện nay, ta từ tâm thấy Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta là Phật. Tâm ta là Như Lai. Tâm ta là thân ta. Tâm ta thấy Phật. Tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “Tâm như người thợ vẽ, vẽ đủ loại ngũ âm, trong tất cả thế gian, không

pháp nào không tạo, như tâm, Phật cũng thế, các chúng sanh cũng vậy, tâm, Phật và chúng sanh, cả ba đều không khác.” Tâm ý cấu ô gọi là chúng sanh, tâm ý thanh tịnh gọi là chư Phật. Đây là ý nghĩa mà chúng ta đang đề cập đến.

30. Có thể thấy Phật đánh hay không.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Nếu thấy được tướng bạch hào thì tám vạn bốn ngàn tướng khác sẽ hiển hiện.” Làm thế nào để thấy được tướng Vô kiến đánh? (100)

Đáp: (1) Có người giải thích rằng: “Tướng Vô kiến đánh này, đã gọi là vô kiến đánh, thật ra không thể thấy được. Nói thấy tám vạn bốn ngàn tướng, nhưng thật sự đã loại trừ tướng Vô kiến đánh, mà chỉ thấy tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín tướng khác. Vì số ít thuận số nhiều cho nên nói thấy, nhưng thật ra không thấy tướng này. Nếu không, danh và nghĩa sẽ mâu thuẫn. Ví như núi Tu Di bị thiêu rụi, chỉ còn một hạt bụi, hoặc biển lớn bị khô cạn, chỉ sót một hạt nước, thì không thể nói rằng núi biển vẫn còn tồn tại. Ở đây cũng tương tự, quán sát đầy đủ tất cả các tướng, chỉ có một tướng này không thể quán sát, nhưng không thể nói không quán sát đầy đủ tất cả các tướng.” (2) Có người giải thích rằng: “Tướng này tuy không giống các tướng khác, phần lớn không thấy, nên gọi là Vô kiến đánh tướng. Do uy thần lực của Phật gia bị khiến cho chúng sanh, trong lúc tu quán thấy được tướng đó. Hơn nữa, thân tha thọ dụng và thân biến hóa, từ đâu đến chân đều vì chúng sanh mà hiển hiện, khiến cho họ được lợi ích. Nếu tướng Vô kiến đánh không thể thấy được làm sao lợi ích chúng sanh, làm sao gọi là thân tha thọ dụng? Nếu chỉ một tướng này không phải tha thọ dụng, chúng tỏ tướng này là thù thắng bậc nhất, khiến cho chúng sanh tôn trọng, và vì phần lớn không thấy được, nên gọi là Vô kiến đánh tướng. Nhưng chư Phật cũng vì chúng sanh hiển hiện tướng này cho họ thọ dụng, tôn kính, thì người tu quán tưởng tại sao lại không thấy được? Chúng ta không thể y

vào mặt chữ mà chấp nghĩa. Nên biết chư Phật cho phép chúng sanh quán kiến tướng Vô kiến đánh.

31. Được thấy chư Phật.

Hỏi: Quán thứ chín trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ vốn chỉ là quán tướng thân tướng quang minh của Đức A Di Đà. Nếu pháp quán này thành tựu, lẽ ra chỉ thấy được thân tướng của Đức Phật A Di Đà, vì lý do gì lại có thể thấy được thân tướng của chư Phật mười phương? (101)

Đáp: Có ba nghĩa được thấy mười phương chư Phật. (1) Vì công đức của chư Phật đồng nhau, đều hóa độ bình đẳng lợi ích chúng sanh, cho nên quán tưởng thấy được một Phật, tức là thấy được mười phương chư Phật. Kinh Văn Thù Bát Nhã đề cập Nhất Hành Tam Muội nói: “Nếu có thể niệm niệm quán tưởng một Đức Phật, thì trong mỗi niệm có thể thấy được chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao? Quán niệm công đức của một vị Phật vô lượng vô biên, không khác với công đức của vô lượng chư Phật.” Phật pháp bất tư nghị không có sự khác biệt, đều nương vào Diệu pháp Nhất thừa mà thành Phật, đều đầy đủ vô lượng công đức biện tài. (2) Do thấy một vị Phật nên chứng được Niệm Phật Tam Muội, trừ chướng diệt tội, vì thế có thể thấy được mười phương chư Phật. (3) Quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu khắp mười phương, hành giả do quang minh này mà thấy được mười phương chư Phật. Trong Kinh Bát Chu Tam Muội, Bồ tát Bạt Đà Hòa bạch Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Chúng sanh đời vị lai, làm sao thấy được mười phương chư Phật.” Đức Phật dạy nên niệm Phật A Di Đà thì có thể thấy được mười phương chư Phật. Do vì Đức Phật A Di Đà đặc biệt có duyên với chúng sanh cõi Ta Bà, cho nên trước tiên chuyên tâm xưng niệm Đức A Di Đà thì sẽ dễ thành tựu tam muội, trừ diệt tội chướng, quang minh chiếu khắp, sẽ thấy được mười phương chư Phật.

32. Sanh trước chư Phật.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tu pháp quán này sẽ được vắng sanh đến trước chư Phật mười phương.” Tu pháp quán tướng Phật A Di Đà, nguyện vắng sanh Tây Phương, lẽ ra chỉ nên nói: “vắng sanh đến trước Phật A Di Đà”, vì sao lại nói: “vắng sanh đến trước chư Phật?” (102)

Đáp: Có bốn cách giải thích. (1) Lúc tu tập pháp quán thứ chín, quán Chân thân, không những thấy Phật A Di Đà mà cũng thấy mười phương chư Phật, do đây, không những có thể vắng sanh về cõi Cực Lạc, mà còn có thể tùy nguyện vắng sanh về các cõi Phật khác, cho nên gọi là “vắng sanh đến trước chư Phật.” (2) Tuy thấy mười phương chư Phật, nhưng ý nguyện ban đầu là muốn vắng sanh Tây Phương, làm sao có thể cùng lúc vắng sanh đến trước chư Phật? Ở đây nói vắng sanh đến trước chư Phật, ý nói do pháp quán (thứ chín) thù thắng, lúc hành giả vắng sanh Tây Phương, không chỉ nhìn thấy Đức A Di Đà, mà cũng thấy được mười phương chư Phật, cho nên gọi là vắng sanh đến trước chư Phật. (3) Đức A Di Đà tuy chỉ là một thân, nhưng trong cõi Cực Lạc có vô số Hóa Phật, lúc hành giả vừa vắng sanh về cõi ấy, các Hóa Phật hiện đến vây quanh, xoa đầu thuyết pháp, cho nên nói là “vắng sanh đến trước chư Phật.” (4) Đức Phật A Di Đà tuy hiện một thân, nhưng thân ấy là do chư Phật đồng thời biến hiện, hình tướng tuy là một, nhưng cá thể lại là nhiều, vì nhiều vị Phật có duyên với một chúng sanh, cho nên đều biến hiện đồng với Đức A Di Đà ở cùng một nơi. Ví như, có nhiều ngọn đèn ở cùng một nơi, ánh sáng của mỗi ngọn đèn tuy khác nhau, nhưng không chướng ngại nhau, ánh sáng chỉ là một. Thân Phật cũng như vậy, mỗi vị Phật biến hiện một thân, tuy giống như chỉ có một thân, nhưng thật sự là nhiều thân. Tuy vắng sanh trước một Đức Phật, vẫn gọi là vắng sanh đến trước chư Phật.

33. Tức thấy Phật tâm.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: “Giả sử khắp thế gian, đều như Xá Lợi Phất, nhất tâm cùng suy lường, cũng không biết tâm Phật.” Đây muốn nói hàng phàm phu và Nhị thừa đều không thể biết rõ tâm Phật. Lại có luận nói: “Địa độ, nhân độ, căn độ, không thể biết được tâm trí của kẻ khác.” Nếu vậy, tại sao Kinh Quán Vô Lượng Thọ lại nói: “Nếu thấy được thân Phật ắt thấy được tâm Phật. Tâm Phật tức là tâm từ bi.” Có kinh nói: “Con vượn dâng mật cho Phật cũng biết được tâm của ngài.” Lại có kinh nói: “Mục Kiền Liên dùng tha tâm thông quán sát biết rõ Phật muốn dùng A Nan làm thị giả.” Hai kinh nói khác nhau, phải giải thích thế nào cho thông? (103)

Đáp: Các học giả Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ giải thích ý nghĩa này nói: “Đức Phật có hai tâm, một là “tăng đặc tâm”, hai là “vị tăng đặc tâm.” Nếu Phật khởi vị tăng đặc tâm thì dù các ngài Xá Lợi Phất, v.v..., tận lực suy lường cũng không thể biết được, nếu Phật khởi tăng đặc tâm thì dù loài vượn cũng có thể biết được tâm Phật. Trong Kinh Giải Thâm Mật, Đức Phật tự giải thích: “**Kiến phần tâm** của Phật, ngay các Bồ tát Thập địa cũng không thể biết được, còn **tướng phần tâm** của Phật thì tất cả phàm phu đều có thể biết được.” Hiện nay nói thấy tâm Phật, tức là thấy tướng phần tâm. Kinh nói: “Tâm Phật tức là tâm từ bi”, nhưng Phật có ‘duyên lý nội chứng trí tâm’ và ‘duyên sự ngoại quán chúng sanh tâm.’ Duyên lý nội tự chứng trí tâm kiến phần tâm, chỉ có chư Phật biết lẫn nhau, các vị Bồ tát Thập địa trở xuống đều không thể suy lường. Duyên sự ngoại quán chúng sanh tâm kiến phần tâm cũng chỉ có chư Phật biết lẫn nhau, các vị Bồ tát Thập địa trở xuống cũng không thể suy lường. Duyên lý nội tự chứng trí tâm tướng phần tâm và duyên sự ngoại quán chúng sanh tâm tướng phần tâm, nếu được Đức Phật gia bị, thì ngay cả loài khỉ cũng có thể biết được tâm Phật.

Phần X: Biện biệt chín phẩm

1. Chín phẩm vãng sanh.

Hỏi: Những người được vãng sanh y vào giai vị nào để phân thành chín phẩm? (104)

Đáp: Phân biệt chín phẩm sơ lược có hai cách giải thích, phân biệt chín phẩm chi tiết có nhiều cách giải thích.

A. Phân biệt sơ lược: (1) Chín phẩm này đều là Bồ tát giai vị Thập tín. Căn cứ vào công hạnh, hoặc trụ hoặc thoái, làm thiện làm ác, lên xuống không đồng, phân thành chín phẩm. Ba phẩm trên là Bồ tát thập tín bất thoái, tùy theo giai vị, công hạnh sâu cạn mà phân thành ba phẩm. Ba phẩm giữa là những hành giả thoái tâm Đại thừa, phát tâm Tiểu thừa, thoái công hạnh Đại thừa, tu công hạnh Tiểu thừa, tùy công hạnh sâu cạn mà phân thành ba phẩm. Ba phẩm dưới là những hành giả thoái tâm Đại thừa, khởi tâm sanh tử, thoái công hạnh Đại thừa, tạo tội sanh tử, tùy tội nặng nhẹ, phân thành ba phẩm. (2) Phát tâm Vô thượng Bồ đề, tu hạnh Bồ tát, công hạnh sâu cạn, phân thành ba phẩm trên. Phát tâm Thanh văn Bồ đề, tu hạnh Thanh văn, công hạnh sâu cạn, phân thành ba phẩm giữa. Không phát tâm Đại Tiểu thừa, không tu công hạnh Đại Tiểu thừa, chỉ biết phát tâm sanh tử, chỉ biết tạo tội sanh tử, tạo tội nặng nhẹ, phân thành ba phẩm dưới. Đây là phân chín phẩm sơ lược.

B. Phân biệt chi tiết: (1) Đối với ba bậc thượng phẩm, có nhiều kiến giải khác biệt. (a) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa, vãng sanh thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát Tam hiền (Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng). (b) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Thập

hồi hướng, vãng sanh thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát Thập hạnh, vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát Thập trụ. (c) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Tam hiền (Thập hồi hướng, Thập hạnh, Thập trụ), vãng sanh thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát Thập tín hậu tâm, vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát Thập tín sơ tâm. (d) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Thập hạnh, Thập hồi hướng, vãng sanh thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát Thập trụ, vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát Thập tín. (e) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Thập trụ sơ tâm, vãng sanh thượng phẩm trung sanh là các Bồ tát Thập tín hậu tâm, vãng sanh thượng phẩm hạ sanh là các Bồ tát Thập tín sơ tâm. (f) Có người cho rằng vãng sanh thượng phẩm thượng sanh là các Bồ tát Thập tín và các phạm phu phát tâm Bồ đề, tu tập ba hạnh (giới định tuệ), vãng sanh hai phẩm thượng phẩm trung sanh và hạ sanh là các phạm phu phát tâm Bồ đề, tu tập pháp thiện thế gian, tùy công hạnh sâu cạn mà phân thành hai phẩm. Các nhà chú giải giải thích ba phẩm vãng sanh thượng trung hạ có sự khác biệt là vì các kinh luận có sự phán định khác nhau về giai bậc của Vô sanh pháp nhẫn. Kinh Nhân Vương Bát Nhã cho rằng chứng được Vô sanh pháp nhẫn là các Bồ tát Thất địa, Bát địa và Cửu địa. Các kinh luận khác cũng phán định khác nhau về sự chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn, hoặc tại Sơ địa, hoặc tại nhân vị. Kinh Bồ Tát Bốn Nghiệp Anh Lạc cho rằng Vô sanh pháp nhẫn tại giai vị Thập trụ, Kinh Hoa Nghiêm cho rằng Vô sanh pháp nhẫn tại giai vị Thập tín, Kinh Chiêm Sát cho rằng Vô sanh pháp nhẫn tại giai vị phạm phu. Do đây các nhà chú giải, mỗi người căn cứ vào một giai vị đắc Vô sanh pháp nhẫn mà phân biệt ba phẩm có sự cao thấp khác nhau. (2) Đối với ba bậc trung phẩm: (a) Có người cho rằng vãng sanh Trung phẩm thượng sanh là các bậc Tam quả, vãng sanh Trung phẩm trung sanh là các hành giả chứng đắc Bảy phương tiện, vãng sanh Trung phẩm hạ sanh là những người đã gieo trồng thiện căn giải thoát. (b) Có người cho rằng vãng sanh

trung phẩm thượng sanh là các bậc nhân vị, vãng sanh trung phẩm trung sanh là những người đã hoạch được thiện căn tam giải thoát²⁹, vãng sanh trung phẩm hạ sanh là những người đã từng trồng thiện căn giải thoát. (c) Có người cho rằng vãng sanh ba bậc trung phẩm đều là những người đã trồng thiện căn giải thoát, chỉ do tri giới sâu cạn, hoặc không tri giới, nhưng tu tập pháp thiện thế gian mà có sự phân chia ba phẩm khác biệt. (3) Đối với ba bậc hạ phẩm: chỉ do gặp nhân duyên tạo tội nặng nhẹ khác nhau, phân thành ba phẩm.

Vô sanh pháp nhân có sáu giai vị: (1) văn tuệ: dưới giai vị Thập tín, (2) sanh thắng giải: từ Thập tín trở lên, (3) tư tuệ: từ Thập trụ trở lên, (4) tu tuệ: từ Noãn vị trở lên, (5) chứng đắc: ở giai vị Sơ địa, (6) tương tục: ở giai vị Bát địa. Đây là ở giai vị tu nhân, đến quả vị Phật thì chứng đắc viên mãn.

2. Lục tín không thoái chuyển.

Hỏi: Các hành giả vãng sanh Cực Lạc đều được giai vị Bất thoái, tại sao Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói hành giả vãng sanh thượng phẩm trung sanh phải trải qua bảy ngày mới được bất thoái chuyển Vô thượng Bồ đề? (105)

Đáp: Trong các hành giả vãng sanh thượng phẩm trung sanh, các Bồ tát Thập tín từ giai vị ngũ tâm trở xuống đều có thể bị thoái chuyển, Bồ tát Thập tín lục tâm mới không còn bị thoái chuyển. Sau khi sanh bảy ngày mới lên được giai vị đệ lục bất thoái tâm, cho nên gọi là được tâm bất thoái nơi đạo Bồ đề. Lúc mới vãng sanh được gọi là bất thoái là căn cứ vào “ở cõi bất thoái chuyển” mà nói. Hai bộ kinh A Di Đà và Quán Vô Lượng Thọ căn cứ vào ý nghĩa khác nhau, nhưng thật sự không có mâu thuẫn.

²⁹ Tam giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện.

3. Phật có đến rước người vãng sanh Trung phẩm hạ sanh hay không.

Hỏi: Vì sao các phẩm vãng sanh đều được Đức A Di Đà nương vào bốn nguyện đến nghinh tiếp mà chỉ riêng trung phẩm hạ sanh là không đề cập đến việc Đức Phật A Di Đà đến nghinh tiếp. Đây là có ý gì? (106)

Đáp: Căn cứ vào Bốn mươi tám đại nguyện: “Nếu không đến tiếp dẫn, thề không thành Chánh giác”, và hơn nữa, ba bậc hạ phẩm còn được Thánh chúng đến nghinh tiếp, có thể suy luận rằng tất cả mọi phẩm vãng sanh đều có Thánh chúng đến tiếp dẫn. Trong kinh không đề cập đến là vì nhà phiên dịch sai sót, hoặc lược bớt. Có người giải thích rằng: “Ba bậc trung phẩm, Đức Phật vì lòng đại từ bi nên đến tiếp dẫn chứ không phải do bốn nguyện, do đó hành giả vãng sanh trung phẩm hạ sanh, lúc lâm chung Đức Phật quả thật không đến rước, chứ không phải kinh văn thiếu sót, bởi vì trong Bốn mươi tám đại nguyện có nói rõ: “Nếu tôi chứng ngộ Chánh Giác, mười phương chúng sanh, phát tâm Bồ đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi không cùng đại chúng hiện đến trước người đó, tôi nguyện không thành Chánh Giác.” Trong nguyện này đã nói rõ “phát tâm Bồ đề, tu các công đức, nếu không cùng đại chúng hiện đến trước người đó, nguyện không thành Chánh Giác”, câu “phát tâm Bồ đề” này, tức là phát tâm Vô thượng đại Bồ đề. Những hành giả trong ba bậc trung phẩm này vì chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề, mà chỉ tu các công đức, cầu nguyện vãng sanh, tuy được vãng sanh, Đức Phật không đến rước, điều này không đi ngược bốn nguyện. Do vì những người này không phát tâm Vô thượng Bồ đề, không xứng đáng với lời đại thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà. Kinh Dược Sư nói: “Tám vị Bồ tát hướng dẫn vãng sanh Tây Phương”, đây tức là Đức Phật không đến rước. Nếu Đức Phật A Di Đà đến rước, ắt sẽ vãng sanh Tây Phương, việc gì cần đến Đức Dược Sư Lưu Ly Quang phải sai

khiến tám vị Bồ tát dẫn đường chỉ lối? Cho nên biết là không có Phật đến rước. Lý do Phật không đến rước là vì người ấy tuy trước đó có tu đạo, nhưng không chuyên tâm quyết định, không phải là người chí tâm phát nguyện muốn về Cực Lạc, nên Kinh Dược Sư nói: “nhưng chưa quyết định”, nếu đã chí tâm phát nguyện, ắt không phải là người “bất định.” Và lại, Kinh Dược Sư nói về công hạnh của hành giả, cũng chỉ là công hạnh của hành giả ba bậc trung phẩm, cho nên không thích đáng với bốn nguyện của Phật A Di Đà. Lại nữa, Kinh Bồ Tát Xứ Thai nói: “Chúng sanh tu tập nghiệp Tây Phương, phần lớn đều không được vãng sanh về Cực Lạc, mà sanh về xứ Giải Mạn.” Đây không phải là người chí tâm phát nguyện, chuyên tu hành nghiệp Tây Phương. Do vì hành nghiệp không chuyên cần, phát nguyện không chí thiết, không thích đáng với bốn nguyện, cho nên Đức Phật A Di Đà không đến nghinh tiếp. Nếu Phật A Di Đà đến nghinh tiếp, tức là công hạnh Tây Phương đã thành tựu, chả lẽ Phật đến tiếp dẫn mà vẫn còn sanh về xứ Giải Mạn hay sao? Kinh Vô Lượng Thọ nói hành giả ba phẩm vãng sanh đều phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều được Đức Phật đến nghinh tiếp. Giả như lúc thức không thấy Phật đến, trong giấc ngủ cũng được thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh.

4. Diệt tội nhiều ít.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói hành giả vãng sanh hạ phẩm thượng sanh chí tâm niệm Phật, diệt trừ năm mươi ức kiếp tội ác sanh tử, hành giả vãng sanh hạ phẩm trung sanh nghe được công đức của Phật, và hành giả hạ phẩm hạ sanh xưng danh hiệu Phật đều được diệt trừ tám mươi ức kiếp tội ác sanh tử. Vì sao cùng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, công đức không khác, mà công năng diệt tội lại có sự khác biệt? (107)

Đáp: Có hai cách giải thích. (1) Công đức niệm Phật bằng nhau, đáng lý diệt trừ tội chướng cũng phải giống nhau,

nhưng vì tội chướng của những người vãng sanh ba phẩm có sự nặng nhẹ khác biệt. Người vãng sanh hạ phẩm thượng sanh tội chướng ít, chỉ có năm mươi ức kiếp tội làm chướng ngại vãng sanh, còn hai bậc dưới thì tội nhiều hơn, cho nên có tám mươi ức kiếp tội làm chướng ngại việc vãng sanh, vì tội chướng có nặng nhẹ khác nhau, cho nên kinh nói sự diệt tội nhiều ít không đồng, chứ không phải công đức niệm Phật khác nhau, mà khiến cho sự diệt tội có sự khác biệt. Ví như tráng sĩ có sức vác được một trăm ký lô, một người có kiện hàng năm mươi ký lô bảo tráng sĩ vác đi, không phải tráng sĩ không có sức vác nhiều hơn, nhưng kiện hàng chỉ nặng có năm mươi ký. Ý nghĩa ở đây cũng vậy, người hạ phẩm thượng sanh chỉ có năm mươi ức kiếp tội chướng, Đức Phật tùy theo tội chướng của họ mà nói diệt năm mươi ức kiếp tội chướng. Người hạ phẩm trung sanh tội nặng hơn người trước ba mươi ức kiếp, Đức Phật cũng tùy theo tội của họ mà nói diệt tám mươi ức kiếp tội chướng. Còn người hạ phẩm hạ sanh tội chướng quá nặng, cho nên Đức Phật dạy họ niệm đầy đủ mười danh hiệu Phật A Di Đà, mỗi niệm diệt trừ tám mươi ức kiếp tội chướng sanh tử. Nói ba bậc diệt tội khác nhau, không có nghĩa là công đức niệm Phật có sự khác biệt. (2) Niệm danh hiệu Phật tuy không khác nhau, do tâm niệm Phật có sự thành khẩn khác biệt, khiến cho sự diệt tội cũng có sự nhiều ít khác biệt. Người hạ phẩm thượng sanh, tội tương đối nhẹ, lâm chung không có ác tướng, không có tâm quá sợ hãi, tuy chí thành niệm Phật, nhưng chỉ có thể trừ diệt năm mươi ức kiếp tội chướng sanh tử. Người hạ phẩm trung sanh, lúc lâm chung, lửa dữ địa ngục nhất thời hiện đến, người đó hoảng sợ, niệm Phật chí thành, do vì tâm ý tha thiết, cho nên diệt trừ được tám mươi ức kiếp tội chướng sanh tử. Hỏi: Nếu vậy, người hạ phẩm hạ sanh, sự sợ hãi lớn nhất, khi niệm Phật phải được diệt tội nhiều kiếp hơn, tại sao sự diệt tội cũng giống người hạ phẩm trung sanh, chỉ có tám mươi ức kiếp? Đáp: Người hạ phẩm hạ sanh, lúc lâm chung, khí lực kiệt quệ, tận lực chí thành, cũng chỉ đến mức đó. Tâm lực có giới hạn, lẽ nào diệt được nhiều tội? Và lại, người hạ phẩm hạ sanh, tội chướng nặng nề, Đức Phật dạy niệm

đủ mười danh hiệu, mới được vãng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Ví như kiếm thần có thể chặt đứt cây lớn. Nếu dùng sức mạnh, kiếm sẽ chém sâu, nếu dùng sức không mạnh, kiếm sẽ chém cạn, không phải tại kiếm bén hay lụt, mà tại sức người mạnh yếu khác nhau. Ở đây cũng tương tự, công đức của Phật như nhau, nhưng vì tâm thành khẩn của hành giả có sự khác biệt, cho nên sự diệt tội cũng có khác nhau nhiều ít.

5. Nghe kinh niệm danh hiệu Phật.

Hỏi: Vì sao nghe đề kinh của Mười hai bộ kinh chỉ diệt trừ được ngàn kiếp tội ác sanh tử, còn niệm Phật một câu lại diệt trừ năm mươi ức kiếp tội ác sanh tử? Kinh Bát Nhã nói: “Nghe kinh mà không phỉ báng, công đức vượt hơn cúng dường tám trăm bốn ngàn vạn ức na do tha Đức Phật.” (108)

Đáp: Kinh Bát Nhã nói cúng dường Phật là vào thời thanh pháp, nhưng nếu dùng tâm trước tướng³⁰ mà cúng dường, công đức vẫn là ít, còn nói nghe kinh là vào thời mạt pháp, nhưng nếu dùng tâm vô tướng mà thọ trì, thì lại được nhiều công đức. Hiện nay nói “nghe kinh, niệm Phật trong thời mạt pháp”, đây đều là trước tướng tu hành. Thế nhưng, có nhân duyên quá khứ với Đức Phật A Di Đà được chín muôi, trong thời ác trược có thể niệm Phật, sanh lòng tin tưởng, đây là điều cực kỳ hiếm có. Và lại, chư Phật có năng lực hoằng dương kinh điển, do đó công đức niệm Phật có công năng diệt tội nhiều hơn công đức nghe kinh!

6. Đầy đủ mười niệm.

Hỏi: Hành giả vãng sanh hạ phẩm hạ sanh tuy tội nặng hơn người vãng sanh hạ phẩm trung sanh ở phần ngũ

³⁰ Trước tướng: chấp vào hình tướng bề ngoài.

ngịch báng pháp, không rõ nguyên nhân gì mà hành giả vãng sanh hạ phẩm trung sanh chỉ nghe công đức của Phật liền được vãng sanh, còn hành giả vãng sanh hạ phẩm hạ sanh phải niệm đầy đủ mười niệm A Di Đà Phật mới được vãng sanh? (109)

Đáp: Có hai cách giải thích. (1) Nếu theo sự tính toán thông thường, tạo tội ngũ nghịch lẽ ra chỉ thọ sáu kiếp tội nghiệp sanh tử, thế nhưng, người phạm tội này bị thọ chín lần tám mươi ức³¹ (9 x 8.000.000.000) kiếp tội chướng sanh tử là vì khi người này tạo tội ngũ nghịch đã trường dưỡng những tội chướng khác, khiến cho chúng tăng trưởng thế lực, có thể chiêu cảm quả báo chín lần tám mươi ức kiếp tội chướng sanh tử. Ví như một niệm sân hiện tiền có thể thiêu rụi tất cả pháp lành, chướng ngại trăm ngàn pháp môn. Ở đây cũng tương tự như vậy, tạo tội ngũ nghịch có thể khiến cho những nghiệp ác quá khứ tăng trưởng thế lực, có thể chướng ngại việc vãng sanh Tịnh độ. (2) Tội ngũ nghịch này chỉ chiêu cảm quả báo năm kiếp thọ khổ, nhưng tội hủy báng Chánh pháp, theo như kinh nói, sẽ thọ khổ dài lâu vô lượng a tăng kỳ kiếp. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã và Kinh Phật Tạng nói: “Người hủy báng Chánh pháp bị đọa vào địa ngục A tỳ. Ở cõi này đến kiếp hoại, người tội sẽ sanh về địa ngục A tỳ ở cõi khác, như vậy lần lượt trải qua vô số kiếp.” Cho nên cần phải niệm đủ mười danh hiệu Phật, (mỗi niệm) diệt trừ tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử, mới được vãng sanh Tịnh độ.

7. Bảy sự thù thắng của Niệm Phật.

Hỏi: Có nhiều pháp môn tu tập vãng sanh, vì sao lúc lâm chung chỉ dạy pháp niệm Phật mà không dạy các pháp môn vãng sanh khác. Điều này có ý gì? (110)

³¹ Úc: theo cách đến của người Hoa, có hai loại: một trăm ngàn, hoặc một trăm triệu. Ở đây dùng cách đếm thứ hai.

Đáp: Có bảy lý do thù thắng để dạy chúng sanh lúc lâm chung niệm Phật mà không dạy pháp môn khác: tội thắng, đon giản, dễ dàng, diệt tội, nhân duyên, nghinh tiếp, vãng sanh. (1) Tội thắng: tất cả phàm thánh, hoặc người hoặc pháp, không ai vượt quá Đức Phật là bậc tối tôn tối thắng, đoạn tận hai chướng (phiền não chướng, sở tri chướng), vạn đức tròn đầy, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn, thương xót chúng sanh quá hơn con một, là nơi đại quy y, là bến là bờ, là nơi cứu vớt, độ thoát của tất cả hữu tình, cho nên cần phải chí thành xưng niệm danh hiệu của ngài. (2) Đon giản: trong tất cả pháp tu thiện, chỉ có niệm danh hiệu Phật là đon giản, tất cả các pháp môn khác đều rườm rà phiền toái, vả lại lúc lâm chung, chỉ cần niệm danh hiệu Phật, cần gì phải tu pháp môn khác. (3) Dễ dàng: trong tất cả các pháp môn tu hành, chỉ có niệm Phật là dễ tu nhất. Trong lúc lâm chung, trăm khổ vây quanh, khí lực suy nhược, mọi sự đều phải xả bỏ, khuyên tu niệm Phật còn e không thành tựu. Những pháp môn khác, tu tập khó khăn, thành thử chọn pháp môn giản dị này dạy cho họ tu tập. (4) Diệt tội: Pháp môn niệm Phật, công ít dễ tu, một niệm chí thành, có thể diệt trừ tám mươi ức kiếp sanh tử tội nặng, vĩnh viễn xả ly ba đường ác của cõi Ta Bà. (5) Nhân duyên: Đức Phật A Di Đà từ vô lượng kiếp đến nay đã gieo duyên thâm thiết với chúng sanh, những ai đã từng cúng dường, thấy nghe, tùy hỷ, hoặc cùng ngài tu tập, nếu như nhất tâm xưng niệm danh hiệu ngài, ắt ngài sẽ nghe thấy mà đến cứu độ ra khỏi cảnh trầm luân sanh tử. (6) Nghinh tiếp: Do công đức niệm Phật, tội cấu được trừ diệt, Phật A Di Đà và chư thánh chúng tự thân đến tiếp dẫn, nếu tu các pháp môn khác thì không được như vậy, cho nên hành giả cần phải niệm Phật. (7) Vãng sanh: Như bốn nguyện của Phật A Di Đà nói: “Niệm danh hiệu A Di Đà nhẫn đến mười niệm, nếu không vãng sanh, thế không thành Chánh Giác.” Do bảy lý do thù thắng này, cho nên khuyên tất cả chúng sanh lúc lâm chung nên niệm Phật.

8. Vô thượng công đức.

Hỏi: Niệm danh hiệu Phật A Di Đà một câu, mười câu đều được vãng sanh, đây là chỉ nương vào niệm Phật mà vãng sanh, hay còn nương vào pháp môn khác mà được vãng sanh. Tôi chưa hiểu về pháp niệm này. Tuy kinh nói một niệm mười niệm đều đầy đủ công đức vô thượng, nhưng một niệm A Di Đà làm sao liền có thể trở thành công đức vô thượng? (111)

Đáp: Công đức đâu cần phải tu tập lâu dài hoặc tu tập thật nhiều mới trở thành vô lượng. Có trường hợp tu tập thật lâu, thật nhiều, nhưng vẫn được rất ít phước đức, có trường hợp tu tập ngắn ngủi, ít ỏi, nhưng lại được nhiều phước đức. Nghĩa này là thế nào? Như Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Nếu có người, trong mỗi ngày, sáng, trưa, tối, đều đem số thân mạng như hằng hà sa số, như vậy trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp đem thân bố thí. Lại có người nghe được kinh này, khởi lòng tin tưởng tùy thuận, phước đức của người nghe kinh nhiều hơn người bố thí thân mạng.” “Vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp” là tu tập thời gian lâu dài, “xả bỏ số thân mạng như hằng hà sa” là tu tập rất nhiều, và mỗi khi “xả bỏ thân mạng” là chịu khổ rất nhiều. Tuy có ba sự nhiều như vậy, nhưng tích tập phước đức lại không nhiều. “Lại có một người”, đây là số thân ít. “Nghe kinh điển này”, đây là thời gian ngắn. “Tin tưởng tùy thuận”, đây là công hạnh ít. Nhưng lại được công đức nhiều hơn người cúng dường thân mạng. Điều này là do Đức Phật nói ra, không phải tâm phàm phu có thể đo lường, lẽ nào không tin? Hiện nay, một niệm Niệm Phật đầy đủ vô thượng công đức, điều này cũng chính do Đại Sư (Phật) tự nói ra, tại sao lại hoài nghi? Lại nữa, một niệm Niệm Phật vượt quá trăm ngàn vạn ức kiếp tu tập (các pháp môn khác) do đó công đức rất nhiều. Như Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ tát, lại trọn đời cúng dường thức ăn, quần áo, tọa cụ, thuốc men, v.v..., theo ý ông thế nào, người thiện nam thiện nữ đó có nhiều công đức không? Bồ tát Vô Tận

Ý nói: ‘Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều.’ Phật nói: ‘Lại nếu có người thọ trì danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, nhẫn đến một lần lễ bái cúng dường, phước của hai người đó bằng nhau không khác.’” Một người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ tát, lại cúng dường thức ăn, quần áo, tọa cụ, thuốc men, v.v..., tính theo thời gian đã trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp, còn một người chỉ tạm thời xưng niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, lại chỉ cúng dường một lần, vậy mà công đức lâu dài của người trước cũng chỉ bằng công đức trong khoảng thời gian ngắn của người thứ hai. Kinh Thập Luân nói: “Nếu có người trong trăm đại kiếp chí tâm niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, v.v..., không bằng trong khoảng bữa ăn niệm danh hiệu Bồ tát Địa Tạng.” Nếu trong trăm đại kiếp niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, so sánh với phần trên, tức là công đức này vượt hơn niệm danh hiệu và cúng dường trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết hằng hà sa Bồ tát khác. Công đức nhiều kiếp niệm danh hiệu Bồ tát Địa Tạng, không bằng chí tâm niệm một danh hiệu Đức Phật A Di Đà công đức vô lượng vô biên. Như vậy, đem Phật A Di Đà so với Bồ tát Địa Tạng, đem Bồ tát Địa Tạng so với Bồ tát Quán Thế Âm, đem Bồ tát Quán Thế Âm so với sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ tát khác, tức có thể biết rằng công đức niệm một danh hiệu Phật A Di Đà vượt quá niệm danh hiệu và cúng dường vô lượng a tăng kỳ hằng hà sa các Bồ tát khác. Công đức của một niệm Niệm Phật vượt quá công đức của Bồ tát tu đạo trải qua một a tăng kỳ kiếp, hai a tăng kỳ kiếp. Làm sao lại có thể cho rằng công đức niệm Phật ít? Hành giả nên dùng sự so sánh vừa nêu trên để biết công đức niệm Phật là vô lượng vô biên.

9. Một niệm được sanh.

Hỏi: Sự so sánh vừa nêu trên hiển rõ công đức vô lượng, thật đáng ngưỡng mộ niệm Phật ắt được vãng sanh, nhưng Kinh Pháp Hoa lại nói: “Nếu dùng tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu, niệm câu Nam Mô Phật, đều đã thành

Phật đạo.” Nếu một câu niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương, và cũng một câu niệm Phật được thành Phật đạo, đã thành Phật đạo thì mười phương giới không còn phạm phũ, bởi vì tất cả chúng sanh có thể niệm Phật đều đã thành Phật. Nếu xưng một danh hiệu Phật chưa thể thành Phật, mà chỉ là nhân duyên xa để thành Phật, hành giả cần phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp, dần dần tích tụ công đức, đầy đủ tâm đại bi, tròn đầy tất cả công hạnh mới được thành Phật, thì mười niệm lúc lâm chung làm sao có thể bảo đảm vãng sanh, ắt cũng phải dần dần tu tập, đầy đủ các Ba la mật, mới có thể được vãng sanh Tịnh độ. (112)

Đáp: Ở đây không thể so sánh được. Phật quả không có chín phẩm sai biệt, mà cần phải vạn đức tròn đầy, trải qua thời gian lâu dài, nhiều đời nhiều kiếp mới có thể thành tựu quả vị Chánh Giác. Kinh Pháp Hoa vì muốn giáo hóa hàng Thanh văn nên mới nêu lên những lời dạy như vậy, tức là chỉ cần có thể phát tâm Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến dùng tâm tán loạn niệm Phật, tất cả đều là hạt giống cho sự thành Phật. Sau đó nếu có thể rộng tu sáu Ba la mật, thì mới có thể thành bậc Đẳng Chánh Giác. Hàng Thanh văn dù có tu nhiều, cũng không thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề, vì hạnh Thanh văn không phải là nhân cho sự thành tựu quả Phật. Kinh Pháp Hoa vì muốn đưa hai thừa Thanh văn, Duyên Giác về Nhất thừa, cho nên mới dạy như vậy, không thể so sánh với Kinh Quán Vô Lượng Thọ bàn về sự vãng sanh. Hành giả niệm một danh hiệu, hoặc mười danh hiệu Phật A Di Đà, tuy được vãng sanh Tịnh độ, nhưng vẫn là chúng sanh phạm phũ. Vãng sanh chín phẩm khác nhau là do công hạnh tu tập khác nhau, những vẫn thuộc vào giai vị phạm phũ. Như vậy, đâu có ngại gì một niệm liền được vãng sanh Tịnh độ. Nếu không có chín phẩm khác nhau, tu nhân chỉ cần một loại, tức là cần phải tu tập đầy đủ vạn hạnh, mới có thể thành Phật, cho nên hai kinh không thể so sánh với nhau được.

10. Riêng khuyên vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

Hỏi: Niệm Phật A Di Đà được vô lượng vô biên công đức, đây là điều mà bốn luận đã dẫn chứng kinh luận giải thích rõ ràng và tôi đã tin tưởng phụng hành, còn như niệm danh hiệu các Đức Phật khác có được vô lượng vô biên công đức hay không? (113)

Đáp: Có hai ý nghĩa. (1) Niệm tất cả Phật đều được vô lượng công đức, không có sai biệt, bởi vì chư Như Lai đều đầy đủ vô biên công đức, đều đã trừ sạch tất cả ngã chấp, pháp chấp, công đức viên mãn, cho nên không có sự niệm danh hiệu đưa đến công đức khác nhau. Hỏi: Nếu vậy, tại sao trong nhiều kinh điển, Đức Như Lai chỉ tán thán niệm Phật A Di Đà công đức vô lượng? Đáp: Thật ra công đức chỉ là một loại, nhưng vì hàng phàm phu trí tuệ nông cạn không thể niệm tất cả chư Phật, cho nên Đức Như Lai chỉ riêng tán thán công đức của một vị Phật, khiến cho hành giả nhất tâm chuyên niệm, bởi vì công đức của sự chí tâm xưng niệm rất lớn, và đây là phương tiện mật ý của Đức Như Lai. Ví như thợ giới tỳ kheo, tất cả vị tăng truyền giới đều thanh tịnh, đều có thể làm giới sư, không có sự hơn kém, nhưng tùy vào tâm người thợ giới, chuyên tâm vào một vị sư, tôn đó làm Hòa thượng, duyên vào đó để phát giới thể, điều này thù thắng hơn là trong cùng một lúc duyên vào tất cả các vị sư. Ở đây cũng giống như vậy, chuyên tâm vào một Phật, công đức rất nhiều, đây là do sự chuyên tâm nhất ý. (2) Chư Phật Như Lai tuy công đức đều bình đẳng, không có sự cao thấp, nhưng chúng sanh trong đời quá khứ gieo duyên với chư Phật có sự khác biệt. Các bộ luận trong Duy Thức Học, như Luận Nhiếp Đại Thừa, v.v..., đều cho rằng: “Chúng sanh do pháp lực tự nhiên, gieo duyên với chư Phật không giống nhau, hoặc nhiều chúng sanh gieo duyên với một vị Phật, hoặc một chúng sanh gieo duyên với nhiều vị Phật. Nếu có duyên với vị Phật này, vị Phật này có thể cứu độ, nếu không gieo duyên với các vị Phật khác, các vị Phật đó không thể cứu độ. Nếu có duyên với vị Phật này, chí tâm xưng niệm danh hiệu ngài, công đức sẽ rất

nhiều, còn nếu không có duyên, công phu niệm Phật sẽ không nhiều, vị Phật đó ắt sẽ không đến cứu độ.”

11. Niệm Phật nhiều thiện.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Bồ tát bậc thấp và những hành giả ít phước đức đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc”, nhưng Kinh A Di Đà lại nói: “Không thể do chút ít nhân duyên thiện căn phước được mà được vãng sanh cõi Cực Lạc.” Ý nghĩa của hai kinh trái nghịch nhau, làm sao giải thích ổn thỏa? (114)

Đáp: Vì chỗ căn cứ khác nhau, mỗi bên đều có ý nghĩa riêng biệt, nhưng không có sự mâu thuẫn. Kinh Vô Lượng Thọ nói “ít”, nghĩa là “số lượng ít”, Kinh A Di Đà nói “nhiều”, nghĩa là “công dụng nhiều.” Kinh A Di Đà chỉ dạy niệm Phật A Di Đà chứ không dạy các đạo phẩm khác như sáu Ba la mật, v.v..., phải mất nhiều thời gian, nhiều đời nhiều kiếp, hơn nữa, vì chỉ nói công đức niệm Phật chứ không nói đến phước đức của sự tu tập khác, cho nên nói là “ít.” Thế nhưng, niệm một hay nhiều danh hiệu Phật A Di Đà sẽ được vô lượng vô biên công đức thù thắng, cho nên nói là “nhiều.” Kinh Vô Lượng Thọ, quyển Hạ, nói: “Mười phương hằng hà sa chư Phật Như Lai đều khen ngợi uy thần công đức bất khả tư nghì của Phật Vô Lượng Thọ. Các chúng sanh nghe được danh hiệu của ngài, vui mừng tin tưởng, nhần đến xưng niệm một danh hiệu, ắt được vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, trụ bậc bất thoái chuyển.” Lại nói: “Nếu có chúng sanh nghe được danh hiệu, hoan hỷ vui mừng, nhần đến niệm một danh hiệu, người đó sẽ được lợi lớn, tức là đầy đủ công đức vô thượng.” Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Nghe được danh hiệu công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.” Dùng những kinh văn này làm chứng cứ, biết được công đức niệm Phật vô lượng vô biên. Ước số lượng, công dụng, nói nhiều nói ít đều không mâu thuẫn. Ví như một viên ngọc ma ni (như ý), có thể

gọi là ít, có thể gọi là nhiều. Nói ít là vì ngọc chỉ có một viên, số lượng không nhiều, người ngu không biết, chê ít cho nên không lấy. Nói nhiều là vì viên ngọc ma ni có giá trị hơn cả tam thiên đại thiên thế giới, người trí quý trọng nên gọi là nhiều. Niệm Phật cũng tương tự như vậy. Nói ít nói nhiều là căn cứ vào ý nghĩa khác nhau.

12. Sự lý của Niệm Phật.

Hỏi: Tôi hoàn toàn kính tin sự giải thích vừa rồi về niệm Phật A Di Đà được vô lượng vô biên công đức, nay xin hỏi thêm rằng công đức niệm Phật do tâm vô sở đắc dùng “vô tướng niệm” niệm chân thực pháp thân của Phật A Di Đà mà được vô lượng vô biên, hay do tâm có sở đắc dùng “hữu tướng niệm” niệm báo thân hóa thân của Phật A Di Đà mà được vô lượng vô biên? (115)

Đáp: Cả hai đều được vô lượng vô biên công đức. Pháp thân ly tướng, chân thể đầy đủ vạn đức. Có thể dùng tâm vô sở đắc để thể hội vô tướng niệm Phật mà được vô lượng vô biên công đức. Thế nhưng, những người căn cơ nông cạn, chưa đủ trình độ tu tập pháp vô tướng niệm Phật, dùng tâm có sở đắc, quán tưởng sắc thân thanh tịnh của Đức Như Lai, tướng hảo thù thắng, hằng sa vạn đức, chí thành xưng niệm danh hiệu, cũng được vô biên công đức thù thắng. Ví như hàng hạ phẩm hạ sanh, xưa nay vốn tạo ác, đến lúc lâm chung mới xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, bọn họ lẽ nào có thể tu pháp niệm Phật vô tướng? Phải nên tin rằng niệm Phật hữu tướng cũng có thể được vô lượng vô biên công đức thù thắng. Và lại, muốn đoạn trừ hai chướng (phiền não chướng, sở tri chướng) thì phải tu niệm Phật vô tướng, nhưng hiện nay muốn trông nhân duyên cho pháp tu này, thì cũng phải trước tiên tu tập pháp niệm Phật hữu tướng. Hơn nữa, chân Phật (pháp thân) quyền Phật (báo hóa thân), sự lý không đồng, niệm Phật vô tướng hữu tướng, tu nhân cũng khác biệt. Trên nguyên tắc không có sự mâu thuẫn.

13. Nghiệp thành được sanh hay không.

Hỏi: Nếu pháp quán thực tướng có thể diệt trừ các tội chướng vi tế, thù thắng hơn pháp niệm Phật chỉ diệt trừ các nghiệp thô, tại sao không dạy cho người đang lâm chung pháp quán thực tướng mà lại khuyên họ niệm danh hiệu Phật? (116)

Đáp: Lời ông vừa nói quả thật chí lý, nhưng có bốn ý nghĩa khiến không thể dạy họ quán thực tướng: người ác, pháp quán thâm sâu, bị khổ bức bách, thời gian gấp rút. (1) Người ác: người này chưa từng tu thiện, chỉ dạy niệm Phật, chưa chắc họ đã làm được, huống bàn đến việc dạy cho họ hiểu rõ pháp quán thực tướng. (2) Pháp quán thâm sâu: Nhị không (ngã không, pháp không) chân như, pháp tánh bình đẳng, nghĩa lý thâm sâu, tu tập vội vã e khó thành tựu, không thể dạy cho họ được. (3) Bị khổ bức bách: Bình thường, những người tu pháp quán này, giả như bị sự khổ bức bách còn không thể quán tưởng thành tựu, huống chi người này từ trước đến nay chưa từng tu tập, đang lúc bị sự khổ vây quanh mới dạy họ tu, trên nguyên tắc, đây là điều bất khả. (4) Thời gian gấp rút: Trong lúc bình thường, dạy họ tỉ mỉ về các pháp quán thực tướng, qua nhiều năm suy ngẫm còn chưa chắc hiểu được, huống chi hiện nay đang trong lúc thời gian gấp rút mới dạy cho họ pháp tu, chắc chắn là không thành tựu, uổng phí công lao, phải biết rõ thời cơ mới gọi là Đại pháp sư (vị thầy khéo léo). Đức Phật biết rõ bọn họ học ắt không thành, cho nên không dạy pháp quán thực tướng. Điều này chứng tỏ Đức Phật là bậc khéo biết căn cơ chúng sanh. Do bốn ý nghĩa vừa nêu trên, cho nên không dạy pháp quán thực tướng.

14. Lâm chung niệm Phật.

Hỏi: Nếu có người cả đời tu hành ba phước và mười sáu pháp quán, khi lâm chung gặp thiện tri thức dạy niệm

Phật một câu mười câu, tội căn đều được tiêu trừ, khiến được vãng sanh. Giả sử, người này mạng căn chưa dứt, được sống thêm nhiều ngày nữa, trong trường hợp này, người đó có cần tiếp tục niệm Phật mới được vãng sanh, hay không cần tiếp tục niệm Phật mà vẫn được vãng sanh? (117)

Đáp: Đều được vãng sanh. Do vì người này hành nghiệp đã hoàn mãn, tội cấu tiêu diệt, giả như có sống thêm nhiều ngày nữa cũng vẫn được vãng sanh. Nhưng có hai điều cần nhớ: (1) Sau khi tu phước, sống thêm nhiều ngày, người đó không tạo thêm tội nặng, thường khởi tâm vô ký, tâm này không thể chiêu cảm quả báo thiện ác, cho nên có thể nương vào công đức niệm Phật trước kia mà được vãng sanh. (2) Người này sau khi niệm Phật, hoặc khi sống thêm nhiều ngày bèn khởi ác niệm, tạo tác nghiệp ác. Những người như vậy, phần lớn e sẽ không được vãng sanh Tịnh độ. Kinh nói: “Một niệm tâm sân chướng ngại trăm nghìn pháp môn.” Lại nói: “Sân hận phá hoại các pháp thiện. Kẻ tặc cướp công đức không gì hơn sân hận.” Người đó tuy trước kia tu các pháp thiện như quán tưởng niệm Phật, v.v..., đều bị sân hận phá hại, không được vãng sanh, huống chi các nghiệp ác khác chướng ngại thiện hạnh. Như kinh nói: “Lúc lâm chung tạo nghiệp, tâm nghiêng về nghiệp nào, thì thọ quả báo của nghiệp đó trước, nếu nặng nhẹ bằng nhau, thì nghiệp nào tạo trước, sẽ thọ báo trước.” Người ấy, nếu tạo nhiều nghiệp, lúc lâm chung e sẽ không được vãng sanh.

15. Lửa và hoa sen khác biệt.

Hỏi: Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Nếu có người giết hại cha mẹ, nhục mạ họ hàng, gây tạo những tội như vậy, đến lúc mạng chung, chó đồng hả miệng hóa ra mười tám xe vàng, giăng phủ màn báu, tất cả ngọn lửa biến thành ngọc nữ, người đó thấy vậy sanh lòng vui mừng, muốn lên ngồi trên xe. Lúc đó có một luồng gió lạnh thấu xương thổi qua, người đó lạnh quá la hoảng lên, muốn ngồi

lên xe, đốt lửa sưởi ấm, vừa thoáng lên ý nghĩa đó thì tức khắc mạng chung. Trong khoảng sát na, người đó thấy mình đang ngồi trên xe vàng, vừa vươn mắt nhìn, thì thấy các ngọc nữ đều cầm rìu sắt đâm chặt thân thể mình.” Kinh lại nói: “Nếu có chúng sanh phạm bốn giới trọng, tiêu dùng của cúng dường một cách hoang phí, tà kiến phi báng Chánh pháp, không biết nhân quả, phá hoại căn tánh Đại thừa, hủy báng mười phương chư Phật, trộm tài vật của thường trụ, dâm dật vô đạo, bức hãm tịnh hạnh tỳ kheo ni, chị em thân thích, không biết hổ thẹn, tạo các nghiệp ác. Người đó lúc lâm chung, do ác nghiệp lực, tứ đại phân tán, nằm ngồi không an như bị đánh đập, tâm ý hoang mang, loạn tưởng si cuồng, thấy tất cả mọi vật, nhà cửa, nam nữ già trẻ đều biến thành những vật bất tịnh, phần dãi hôi thối bài tiết ra ngoài. Khi ấy, người đó bèn thốt lên: ‘Tại sao chỗ này không có thành quách trang nghiêm, núi rừng xanh tốt để ta dạo chơi mà lại phải ở nơi ô uế như vậy?’ Vừa nói xong lời này, ngục tốt la sát dùng chìa ba lớn mở ngục A tỳ, các rừng đao kiếm biến thành rừng cây báu và những ao nước mát mẽ, những ngọn lửa dữ biến thành hoa sen cánh vàng, những con trùng mỗ sắt biến thành chim phù nhật, âm thanh thống khổ ở địa ngục biến thành giọng hát êm dịu, người đó nghe âm thanh êm dịu bèn nghĩ: ‘Nơi đó tuyệt diệu, ta phải đến đó dạo chơi.’ Ý nghĩ vừa dứt thì đã thấy mình ngồi trên hoa sen lửa.” Nếu vậy, biết đâu hôm nay hoa sen đến tiếp dẫn chẳng phải là hoa sen lửa? (118)

Đáp: Do bốn nghĩa mà biết rằng không phải xe (hoa sen) lửa: hành, tướng, ngữ, và Phật. (1) Hành: Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Hành giả tạo tội, phạm bốn giới trọng, cho đến hủy nhục người thân, không biết hối cải, không gặp bạn lành dạy cho pháp niệm Phật, cho nên thấy tướng hoa sen chính là tướng địa ngục. Hiện nay, hành giả của ba bậc hạ phẩm, tuy từ trước đến nay tạo tội, nhưng lúc lâm chung gặp thiện tri thức dạy pháp niệm Phật, vì chí tâm niệm Phật, nên diệt được nhiều kiếp

tội, thành tựu công đức thù thắng, chiêu cảm hoa sen từ ao báu cõi Cực Lạc đến nghinh tiếp, lẽ nào giống như hoa lửa? (2) Tướng: Kinh trên nói gió đao cắt thân, nghiêng ngửa không định, như bị đánh đập, tâm ý hoang mang, phát si cuồng tưởng, thấy tất cả người vật trong nhà đều là bất tịnh, đầy dẫy phân dãi, máu huyết tanh hôi lan tràn khắp nơi. Hiện nay, người niệm Phật thân tâm an ổn, tướng ác đều bị trừ diệt, mắt thấy thánh chúng, mũi ngửi diệu hương. Cho nên không thể so sánh. (3) Ngữ: Kinh trên nói âm thanh thông khổ địa ngục nghe như tiếng ca ngâm, người tội nghe xong, thâm nghĩ chỗ tốt đẹp đó, ta phải tìm đến. Còn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Đức Phật khen ngợi: “Này thiện nam tử, ông xưng niệm danh hiệu Phật, tội chướng tiêu diệt, nên ta đến nghinh đón.” Một bên là tiếng ca ngâm, một bên nói lời diệt tội. Hai âm thanh khác nhau, cho nên không đồng. (4) Phật: Kinh trên nói tất cả ngọn lửa dữ biến thành ngọc nữ, tội nhân nhìn thấy, tâm sanh vui mừng, thâm nghĩ ta muốn đến đó, sau khi ngồi lên xe vàng, ngoái cổ nhìn các ngọc nữ, thấy tất cả đều cầm búa rìu, chặt cắt thân thể mình. Còn Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Lúc ấy, Đức Phật A Di Đà sai khiến Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí, đến trước hành giả, v.v...” Dùng bốn nghĩa này biết rằng hoa sen đến nghinh tiếp hành giả niệm Phật không giống như cảnh tượng trình bày trong Kinh Quán Phật Tam Muội Hải.

16. Hạ hạ sen vàng.

Hỏi: Những hành giả vãng sanh chín phẩm, hành trì có ưu có liệt, thánh chúng tiếp dẫn có nhiều có ít, hoa nở có nhanh có chậm, trân đài hoa báu đều sai khác, vì lý do gì mà thượng phẩm hạ sanh và hạ phẩm hạ sanh có cùng một loại hoa sen vàng, không có sự sai khác? (119)

Đáp: Có ba ý nghĩa: (1) Đây không phải là hoa sen dành cho người vãng sanh. Có thể là tòa sen của Phật đang ngự đến tiếp dẫn. Người vãng sanh vì nghiệp nặng, không thể thấy Đức

Phật, chỉ thấy tòa sen, nhưng không được rõ ràng, tựa như vành mặt trời chói lòa. (2) Người vãng sanh vì nghiệp nặng, Đức Phật không đến rước, chỉ đưa hoa sen vàng tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ, cho nên Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Hoa sen ở trước mặt hành giả.” Nếu như người đó ngồi lên tòa sen, tại sao kinh lại không đề cập đến? (3) Đây tuy là tòa sen vàng, nhưng cũng có sự lớn nhỏ, đẹp xấu khác nhau. Nếu đã phân hoa sen làm hai loại, thì đâu ngại gì khi hai hành giả vãng sanh phẩm vị khác nhau ngồi lên hai loại tòa sen khác nhau.

17. Thời kiếp của cõi Cực Lạc.

Hỏi: Hạ phẩm trung sanh sáu kiếp hoa mới nở, hạ phẩm hạ sanh mười hai kiếp hoa mới nở là dùng thời gian cõi Ta Bà mà tính, hay dùng thời gian cõi Cực Lạc mà tính? (120)

Đáp: Nhiều học giả Tịnh độ cho rằng thời gian nêu ra trong kinh là lấy thời gian của cõi Ta Bà làm chuẩn. Vì sao biết được? Đức Phật Thích Ca thành đạo ở cõi này, giảng kinh cho chúng sanh cõi này hiểu rõ thời gian hoa nở ở cõi Cực Lạc, cho nên chỉ dùng thời gian kiếp số của cõi Ta Bà để nêu rõ thời gian hoa nở ở cõi kia. Hiện nay chúng tôi sẽ không giải thích như vậy, mà chủ trương rằng trong kinh dùng thời gian của cõi Cực Lạc làm chuẩn để nêu rõ thời gian hoa nở. Vì sao biết được? Có ba ý nghĩa để giải thích: so sánh, lời dạy của Phật, và nghĩa lý. (1) So sánh: Lấy cõi trời Tứ Thiên Vương làm chuẩn. Thọ mạng dài ngắn của các cõi trời khác trong cõi Dục đều lấy ngày đêm của cõi Tứ Thiên Vương làm chuẩn. Một ngày cõi trời Tứ Thiên Vương dài bằng năm mươi (50) năm cõi người. Như vậy, lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, cõi trời đó thọ mạng năm trăm năm, tính ra bằng $50 \times 30 \times 12 \times 500 = 9.000.000$ năm tuổi thọ loài người. Từ cõi trời Tứ Thiên Vương trở lên, thọ mạng càng lúc càng tăng gấp bội, chẳng hạn, một ngày cõi trời Đạo Lợi dài gấp đôi một ngày cõi Tứ Thiên

Vương (một ngày cõi Đào Lợi dài một trăm năm cõi người), v.v... Cho nên biết rằng thọ mạng của mỗi cõi trời đều tính bằng ngày tháng của cõi trời đó. Tương tự, dùng ngày tính tháng, dùng tháng tính năm, dùng năm tính kiếp, ngày tháng ở cõi Tịnh độ quyết không dùng thời gian cõi người ở thế giới Ta Bà để làm tiêu chuẩn. (2) Lời dạy của Phật: Trong phần Thượng phẩm thượng sanh nói: “Từ kim đài này như hoa báu lớn, qua một đêm liền nở.” Cho nên biết rằng “sau một đêm hoa nở” là tính bằng ngày đêm ở cõi Cực Lạc. Ban đêm hoa khép, ban ngày hoa nở. Một đêm cõi Cực Lạc, dài bằng nửa đại kiếp ở cõi Ta Bà, là lúc hoa khép; một ngày cõi Cực Lạc, dài bằng nửa đại kiếp ở cõi Ta Bà, là lúc hoa nở. Cho nên biết rằng kinh nói đến thời gian hoa nở của hàng thượng phẩm trung sanh là lấy thời gian của hoa sen báu ở cõi Cực Lạc (chứ không dùng thời gian cõi Ta Bà). Tương tự, hàng thượng phẩm hạ sanh, trải qua một ngày đêm hoa sen mới nở, cũng là dùng thời gian ở cõi Cực Lạc làm chuẩn. Nếu không, chả lẽ dùng thời gian cõi này làm chuẩn cho thời gian hoa sen báu khép nở nơi cõi Cực Lạc? Nếu cho rằng đối với hàng thượng phẩm trung sanh, hoa báu lớn nở là dùng thời gian cõi Cực Lạc, còn hàng thượng phẩm hạ sanh, hoa báu trải qua một ngày đêm mới nở là dùng thời gian cõi Ta Bà, lẽ nào hàng thượng phẩm trung sanh hoa sen lại nở chậm hơn hàng thượng phẩm hạ sanh? Đây là một sự mâu thuẫn không thể chấp nhận được, cho nên biết rằng kinh nói đến ngày tháng là lấy thời gian cõi Cực Lạc làm tiêu chuẩn. (3) Căn cứ vào lý: Nếu cho rằng khi kinh nói thời gian một ngày đêm là lấy thời gian Cực Lạc làm tiêu chuẩn, còn khi nói đến kiếp là lấy thời gian Ta Bà làm tiêu chuẩn, thì hàng trung phẩm trung sanh, hoa sen trải qua thời gian bảy ngày (cõi Cực Lạc) hoa nở, tính ra là thời gian bảy đại kiếp ở cõi Ta Bà, còn hàng hạ phẩm trung sanh, hoa sen trải qua thời gian sáu kiếp (cõi Ta Bà) hoa nở, tính ra thời gian ở cõi Cực Lạc thì chỉ mới có sáu ngày, chả lẽ hoa sen của hàng trung phẩm trung sanh lại nở chậm hơn hoa sen của hàng hạ phẩm trung sanh? Hơn nữa, chả lẽ hàng hạ phẩm thượng sanh, hoa sen trải qua thời gian bốn mươi chín

ngày (thời gian Cực Lạc) mới nở, lại còn chậm hơn hành hạ phẩm trung sanh đến bốn mươi ba đại kiếp hay sao³²? Dùng lý luận này trung dẫn thì biết rằng thời gian trong kinh đề cập đến là thời gian cõi Cực Lạc, chứ không phải thời gian cõi Ta Bà.

18. Nhân duyên hoa khép.

Những người ngồi trong hoa sen nhiều kiếp hoa sen mới nở là do tội chướng mà hoa sen nở chậm, hay là do công đức thù thắng mà được ở trong hoa sen nhiều kiếp? (121)

Đáp: Căn cứ vào bậc hạ phẩm hạ sanh phải trụ trong hoa sen mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, lúc ấy Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi vì người đó nói rộng về các pháp thực tướng, cùng phương pháp trừ diệt các tội chướng, chúng ta biết rằng những hành giả vắng sanh đó vẫn còn tội chướng, vì bị nghiệp chướng ràng buộc cho nên phải trải qua nhiều kiếp hoa sen mới nở. Nếu không tại sao lại có chín phẩm vắng sanh, hoa nở nhanh chậm, trang nghiêm sai khác?

19. Tịnh độ diệt tội.

Hỏi: Nếu do nghiệp chướng mà hoa sen nở chậm, tại sao nghiệp chướng này không chiêu cảm tội báo? (122)

Đáp: Hành giả vắng sanh tuy còn tội căn, nhưng vì đời trước đã phát tâm Bồ đề, chí tâm niệm Phật A Di Đà, tội chướng đã được tiêu trừ, dù còn những tội căn tiềm tàng, chúng không thể làm nhân cho quả báo đọa lạc ác đạo, mà trở thành những chủng tử nghiệp vô cùng yếu ớt, cho nên biết rằng công đức Niệm Phật đã phá trừ thế lực của chúng. Lại nữa, thế lực

³² Hàng hạ phẩm thượng sanh, hoa sen trải qua bốn mươi chín ngày cõi Cực Lạc, dài bằng bốn mươi chín đại kiếp cõi Ta Bà. Trong khi hàng hạ phẩm trung sanh, hoa sen trải qua sáu đại kiếp (thời gian cõi Ta Bà), tính ra chỉ là thời gian sáu ngày ở cõi Cực Lạc.

của công đức Niệm Phật chiêu cảm thân thù thắng ở cõi Tịnh độ, quả báo khổ không còn hiện khởi. Và lại, tuy nhờ công lực bốn nguyện của Phật, quả báo khổ không hiện hành, nhưng vẫn còn những dư chướng, làm cho hoa sen không thể nở nhanh. Vì thế, Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Do vì nghi ngờ trí tuệ bất khả tư nghì của Phật A Di Đà mà bị sanh vào Thai cung, tuy không thọ sự khổ, nhưng trong năm trăm năm bị Thai cung ngăn che (cho nên không được thấy Phật, không được nghe pháp).” Trường hợp ở đây cũng tương tự, ngăn không cho hoa nở sớm. Tuy chướng ngại không cho hoa nở sớm, nhưng không có sự khổ. Tội căn của hành giả vãng sanh chỉ chướng ngại không cho hoa nở sớm, chứ không có năng lực chiêu cảm khổ quả. Giống như đấng lưu quả của nghiệp sát sanh có thể làm giảm tuổi thọ ở cõi trời, người.

Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Người Hạ phẩm hạ sanh niệm mười danh hiệu Phật, mỗi niệm trừ diệt tám mươi ức kiếp tội chướng sanh tử.” Tội chướng đã trừ diệt, vì lý do gì sau khi hoa nở, đức Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người đó nói pháp thực tướng để trừ diệt tội chướng? Nếu còn tội để trừ diệt, vì sao những tội đó không làm chướng ngại sự vãng sanh Tịnh độ? (123)

Đáp: Tuy kinh nói trừ diệt, nhưng hành giả vãng sanh vẫn còn những tội chướng vi tế chưa được thanh tịnh. Nhân vì thế lực của nghiệp đã trở nên yếu ớt, hơn nữa, hành giả nương vào thế lực mạnh mẽ của sự niệm Phật và uy thần của Phật, cho nên nghiệp lực đã không chướng ngại được sự vãng sanh Tịnh độ. Hơn nữa, tuy hành giả đó đã tạo nghiệp nặng, có thể chiêu cảm quả báo ở ba đường ác, chịu khổ vô cùng, nay nhờ công đức niệm Phật tiêu trừ thế lực chiêu cảm quả báo của nghiệp ác đó, khiến cho hành giả không bị đọa ác đạo, thế nhưng, tội chướng vi tế vẫn còn tồn tại, cho nên sau khi hoa nở, hành giả vãng sanh gặp được hai Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí nói cho nghe pháp thực tướng thậm thâm mâu nhiệm. Khi ấy

hành giả mới có thể quán tưởng pháp thân Phật, trí tuệ và cảnh giới vi tế, và nương vào đây, có thể trừ diệt công năng của những tội chướng nhỏ nhiệm, do đó mới nói: “Nói các pháp thực tướng, trừ diệt tội chướng.”

20. Một niệm mười niệm.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ, quyển Thượng, phần Bốn mươi tám nguyện nói: “Niệm Phật cho đến mười niệm đều được vãng sanh, chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch”, còn quyển Hạ nói: “Nhẫn đến niệm Phật một niệm đều được vãng sanh”, tại sao trong cùng một bộ kinh mà lời dạy khác nhau, có lúc nói mười niệm, có lúc lại nói một niệm? (124)

Đáp: Không có sự khác nhau. Lời văn tuy khác, nhưng ý nghĩa vốn đồng. Trong phần trên nói “cho đến mười niệm” tức là nói từ ít đến nhiều, còn trong phần dưới nói: “cho đến một niệm” tức là nói từ nhiều đến ít. Kinh nêu cả hai, vốn không có điều gì mâu thuẫn. Ngài tỳ kheo Pháp Tạng dùng ít đến nhiều mà phát nguyện: “Hành giả lúc lâm chung, bỗng gặp nhân duyên thù thắng, gặp được người khuyên niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ, hành giả vừa xưng được một danh hiệu thì mạng chung, hoặc xưng được hai danh hiệu thì mạng chung, hoặc xưng được ba, bốn, năm, sáu, hoặc cho đến bảy, tám, chín, mười danh hiệu thì mạng chung, dù nhiều dù ít, đều được vãng sanh Tịnh độ.” Hơn nữa, hành giả này xưa nay chưa hề tạo tội ngũ nghịch, phỉ báng Chánh pháp, tùy niệm được bao nhiêu, đều được vãng sanh. Nếu như hành giả đã từng tạo tội ngũ nghịch, hủy báng Chánh pháp, bỗng nhiên gặp được thiện tri thức dạy cho niệm Phật, hành giả cần phải niệm đủ mười niệm mới được vãng sanh. Nếu chỉ niệm một niệm cho đến chín niệm, e cũng chưa được vãng sanh, cho nên kinh mới nói: “Nhẫn đến mười niệm, ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng Chánh pháp.” Đây chỉ là căn cứ vào số lần niệm mà nói “ngoại trừ”, chứ không phải những người như vậy tuyệt đối

không được vãng sanh. Người học Tịnh độ lâu năm, đọc hiểu lời nguyện này, còn những kẻ mới vào Tịnh độ, nếu đọc lời nguyện lần đầu, ắt thường hiểu lầm ý chỉ, mà giải thích quàng xiêng, không hợp với tông chỉ Tịnh độ. Đức Bốn Sư Thích Ca vốn biết rằng người học Phật đời sau sẽ hiểu lầm ý chỉ, khởi ý loạn cầu, cho nên mới nói “cho đến mười niệm”, với chủ ý rằng hành giả dù đã từng tạo tội nặng, nếu có thể niệm Phật nhiều thì cũng sẽ được vãng sanh. Còn nói “cho đến một niệm cũng được vãng sanh” tức là đã loại ra những người ngu nghịch báng pháp. Hai phần thượng hạ trong Kinh Vô Lượng Thọ bổ túc cho nhau, hiển bày ý nghĩa mà Đức Phật muốn nói, với mục đích mong muốn người tu hiểu rõ những lời Phật dạy.

21. Tôn lực ích năng.

Hỏi: Không biết niệm Phật diệt trừ tám mươi ức kiếp trọng tội, được vãng sanh Tây Phương, là diệt chủng tử, hay diệt thượng tâm? Nếu diệt chủng tử, thì cần phải đắc thánh quả, thấy được nhân pháp đều không, thì mới diệt được chủng tử phiền não. Công đức niệm Phật tuy vô lượng vô biên, nhưng đây chỉ là thiện tâm của văn tu và tư tu, làm sao đồng với sự chứng đắc thánh quả (tu tu) có thể diệt trừ nghiệp chướng. Nếu diệt thượng tâm, hai nghiệp tội và phước không thể đồng thời hiện khởi, lúc khởi tội nghiệp thì không thể niệm Phật, lúc đang niệm Phật thì không thể tạo tội, thiện ác không thể hiện khởi đồng thời. Nếu hai tâm (thiện ác) không đồng thời hiện khởi, thì làm sao có thể cho rằng niệm Phật diệt trừ thượng tâm? (125)

Đáp: Niệm Phật diệt trừ chủng tử chứ không phải diệt trừ thượng tâm. Tội của thượng tâm trong khoảng sát na sẽ tự tiêu diệt, không cần phải đợi đến lúc niệm Phật mới được diệt trừ. Và lại, thiện ác không hiện khởi đồng thời. Lúc đang niệm Phật, tội đã bị diệt trước đó, hoặc chưa kịp hiện khởi, còn lúc đang tạo tội, thì việc niệm Phật đã qua, hoặc chưa niệm Phật,

cho nên không thể diệt thượng tâm, mà chỉ diệt chủng tử tạo tội. Nếu sự niệm Phật liên tục không ngừng thì sẽ có công năng diệt trừ quả báo đọa lạc tam đồ ác đạo. Còn nếu không niệm Phật, chủng tử tội chướng sẽ dần dần tăng gia thế lực, có thể chiêu cảm quả báo ba đường ác trong tương lai. Do sức mạnh của sự niệm Phật, khiến cho công năng chiêu cảm quả báo của chủng tử tội chướng càng lúc càng yếu dần, không còn có thể chiêu cảm quả báo, giống như người đang bị bệnh, tuy thân thể đang nằm trên giường, nhưng không còn công năng để làm bất cứ động tác nào, tội chướng cũng giống như vậy, không còn công năng để chiêu cảm quả báo ác đạo trong tương lai, cho nên gọi là diệt. Đây là diệt thế lực của chủng tử, chứ không phải là tiêu diệt hoàn toàn. Trong sáu loại chuyển y, đây gọi là chuyển “tôn lực ích năng.”

22. Nghiệp cũ được sanh.

Hỏi: Công đức niệm Phật có thể trừ khử công năng chiêu cảm quả báo của chủng tử, không biết công năng của chủng tử đã bị trừ diệt, sau này gặp ác duyên, chủng tử có còn thế lực để chiêu cảm quả báo ác nữa hay không? (126)

Đáp: Vẫn có thể chiêu cảm. Như chư Bồ tát tu tập các pháp thiện để đối trị phiền não, nhân đây, thế lực của phiền não chủng tử yếu dần, không thể hiện khởi. Nhưng sau đó nếu phiền não có lực lượng trở lại, vẫn có thể khởi hiện hành. Hiện hành chủng tử tích tập thế lực, khiến cho phiền não chủng tử gia tăng thế lực. Như hai loại vô tâm định (Vô tướng định và Diệt tận định), kèm hãm ý thức không cho hiện hành, nhưng sau khi xuất định, thức thứ sáu vẫn tiếp tục hiện khởi, ác nghiệp vẫn y nhiên. Niệm Phật cũng tương tự như vậy, công đức lực khiến cho chủng tử ác nghiệp trở nên yếu ớt, không thể chiêu cảm quả báo, nhưng nếu sau đó không tiếp tục tu thiện mà lại tạo ác nghiệp, thì những nghiệp cũ đã tạo sẽ hồi phục công năng chiêu cảm ác quả. Nếu hành giả gặp thiện duyên lâu dài, các pháp ác

trở nên suy yếu, thì sẽ nhập vào thánh đạo, chủng tử ác sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt.

23. Thiện ác diệt nhau.

Hỏi: Chủng tử ác nghiệp đã bị công đức niệm Phật trừ diệt công năng chiêu cảm quả báo trong ba đường ác, không biết chủng tử thiện nghiệp của những công hạnh niệm Phật, bố thí, v.v..., có do vì tạo tác trọng tội mà bị trừ diệt công năng chiêu cảm quả báo vãng sanh Tịnh độ hay không? (127)

Đáp: Thay đổi hai vị trí thiện ác, trên nguyên tắc, tạo tác trọng tội cũng sẽ trừ diệt công năng vãng sanh Tịnh độ của các chủng tử thiện nghiệp. Như một niệm sân hận có thể chướng ngại trăm ngàn pháp môn. Kinh Di Giáo nói: “Sự tai hại của sân hận là phá hoại các pháp lành.” Lại nói: “Trong các kẻ tặc cướp đoạt công đức không gì hơn sự sân hận.” Nên biết rằng việc ác có thể diệt pháp lành. Nói diệt không có nghĩa là diệt trừ chủng tử thiện, mà chỉ là diệt trừ công năng chiêu cảm quả báo thiện. Thiện ác là hai pháp đối nghịch, tiêu diệt lẫn nhau. Ví như một đời làm thiện, có thể chiêu cảm quả báo cõi lành, thế nhưng lúc lâm chung vì mất chánh niệm, khởi lên các nghiệp ác, phá hoại các công hạnh lành đã tu từ trước, khiến cho hành giả đọa lạc ba đường ác. Còn những hành giả, xưa nay đã tạo nhiều nghiệp ác, ngũ nghịch thập ác, không tội nào mà không tạo, lúc lâm chung niệm Phật, đầy đủ mười danh hiệu, diệt trừ các tội nặng, được vãng sanh Cực Lạc. Căn cứ vào điều này, khuyên hành giả từ nay cho đến lúc mạng chung, cần phải chuyên tâm chú ý, không khởi niệm ác khiến tiêu tán công đức tu thiện, mà phải chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Điều này trong kinh có nêu rõ, lẽ nào không tin?

Phần XI: Biện biệt hành tướng Niệm Phật Tam Muội

1. Chứng cứ của pháp Niệm Phật Tam Muội.

Hỏi: Hiện nay có nhiều hành giả Tịnh độ tu tập pháp Niệm Phật Tam Muội, không biết pháp này có giáo lý nhất định nào không. Vả lại, các hàng tăng tục phần lớn đều sanh nghi, cho rằng “pháp này không căn cứ vào giáo lý mà chỉ là sự tu tập Phật pháp quàng xiêng, hầu dụ dẫn các hạng người ngu ngơ, và đây là sự báng pháp nghiêm trọng.” Xin hãy trình bày giáo lý chân chính để mọi người giải tỏa nỗi nghi. (128)

Đáp: Rất nhiều kinh điển Đại thừa nói về Niệm Phật Tam Muội, như trong Kinh Hoa Nghiêm có rất nhiều chỗ nói về Niệm Phật Tam Muội. Các kinh Niết Bàn, Quán Phật Tam Muội Hải, Hiền Hộ, Bát Chu Tam Muội, Quán Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Thanh Vương, Đại Tập Nguyệt Tạng, Địa Tạng Thập Luân, Chiêm Sát, Văn Thù Bát Nhã, Hoa Thủ, v.v..., và các luận Đại Trí Độ, v.v..., cũng đều đề cập đến. Kinh Hoa Thủ gọi tam muội này là Nhất Tướng Tam Muội, Kinh Văn Thù Bát Nhã gọi là Nhất Hành Tam Muội, Kinh Quán Phật Tam Muội Hải gọi là Quán Phật Tam Muội, Kinh Hiền Hộ gọi là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội. Kinh Hoa Thủ nói: “Vị Bồ tát đó, đối với Như Lai tướng, pháp giới tướng, thường nên quán sát như vậy, hành trì như vậy, liên tục không ngừng, thì sẽ thấy được tượng Phật hiện đến trước mặt thuyết pháp.” Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Tùy phương hướng của cõi Phật đó, ngòai thẳng quay mặt về phương ấy, không chấp vào tướng mạo, chú tâm vào một vị Phật, chuyên xưng niệm danh hiệu ngài, không được gián đoạn, tức trong một niệm có thể thấy được chư Phật ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì sao? Công đức niệm một

vị Phật vô lượng vô biên, đồng với công đức niệm vô lượng vô biên chư Phật. Đây gọi là Nhất Hành Tam Muội.” Kinh Niết Bàn nói: “Nếu có người thường chí tâm tu tập Niệm Phật Tam Muội, mười phương chư Phật thường nhìn thấy người ấy, như ở ngay trước mặt.” Kinh Quán Phật Tam Muội Hải và Kinh Hiền Hộ nói rất rõ về pháp tu Niệm Phật Tam Muội này, ở đây không thể trình bày chi tiết. Khuyến các hành giả nên tìm đọc kinh điển để biết rõ thêm.

2. Thứ lớp tu đạo.

Hỏi: Tu học pháp môn Niệm Phật Tam Muội là tu tập Bồ tát hạnh theo thứ tự, hay không theo thứ tự? (129)

Đáp: Đây chính là thứ tự tu học của Bồ tát. Vì sao biết được? Như Kinh Hoa Nghiêm, phẩm thứ Bốn mươi lăm nói: “Lúc ấy, ngài Văn Thù Sư Lợi giống như voi chúa quày đầu, quán sát đồng tử Thiện Tài, rồi nói như sau: ‘Lành thay, lành thay! Thiện nam tử. Con có thể phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, tìm cầu thiện tri thức...’ Ngài cất lên những lời tán thán như vậy, sau đó giảng pháp sơ lược, và khuyến Thiện Tài đi tìm thầy khéo Công Đức Vân cầu học Bồ tát hạnh. Ngài Công Đức Vân bèn dạy Thiện Tài pháp Niệm Phật Tam Muội.” Cho nên biết rằng vị thiện tri thức thứ nhất là ngài Văn Thù Sư Lợi khuyến phát Bồ đề tâm, vị thiện tri thức thứ hai là ngài Công Đức Vân liền dạy pháp Niệm Phật Tam Muội. Như thế, Thiện Tài đã đi qua một trăm mười nơi để tìm cầu thiện tri thức, mỗi một vị thiện tri thức đều dạy cho Thiện Tài một pháp môn. Nương vào một pháp môn này để học pháp môn kế tiếp, đây đều là thứ tự tu học của Bồ tát. Cho nên biết rằng phát Bồ đề tâm là công hạnh đầu tiên của tất cả công hạnh, mà Niệm Phật Tam Muội là công hạnh thứ hai của tất cả công hạnh. Điều này chứng tỏ rằng Niệm Phật Tam Muội chính là quá trình kế tiếp của hành giả mới phát tâm Bồ đề.

3. Phàm thánh đều học.

Hỏi: Tu pháp Niệm Phật Tam Muội này, không biết trong các người phàm, bậc thánh, người giữ giới, kẻ phá giới, ai đắc được tam muội? (130)

Đáp: Môn Tam Muội này, bậc thánh người phàm, trì giới phá giới đều có thể tu học. Như tỳ kheo Công Đức Vân trong Kinh Hoa Nghiêm là bậc thánh phát Đại Bồ đề tâm tu chứng Niệm Phật Tam Muội. Kinh Hiền Hộ nói: “Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di trì giới thanh tịnh, đầy đủ các hạnh.” Căn cứ vào đây biết rằng những người trì giới là những người thích hợp với pháp tu Niệm Phật Tam Muội. Đây tức là giới căn thanh tịnh tam muội hiện tiền. Còn người phá giới dù tu pháp Niệm Phật Tam Muội cũng khó thành tựu. Nhưng Kinh Quán Tam Muội Hải nói: “Pháp Quán Phật Tam Muội này là thuốc trị bệnh cho tất cả chúng sanh phạm tội, là vật bảo hộ cho người phá giới.” Nếu chúng sanh phá giới không chứng đắc tam muội này thì làm sao gọi là vật bảo hộ? Hơn nữa, phần dưới của Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Hôm nay, Đức Như Lai vì các chúng sanh thọ năm khổ trong đời vị lai, các tỳ kheo phạm giới, các người ác bất thiện, các chúng sanh tạo tội ngũ nghịch, báng pháp, vì những người như vậy giảng nói pháp trừ diệt tội chướng. A Nan bạch Phật: ‘Sau khi Phật diệt độ, những kẻ ngu si này không có nơi nương tựa quy y.’ Đức Phật bảo A Nan: ‘Sau khi Đức Phật diệt độ, trong đời trước ác về sau, các chúng sanh muốn trừ diệt tội chướng, nên tu tập pháp Quán Phật Tam Muội.’” Căn cứ vào đây mà biết rằng các chúng sanh ác, phá giới, phạm tội ngũ nghịch, v.v..., đều có thể tu học, và chứng đắc Niệm Phật Tam Muội.

4. Thông niệm ba thân.

Hỏi: Tu pháp Niệm Phật Tam Muội thấy được thân Phật là thấy thân nào trong ba thân? (131)

Đáp: Một cách tổng quát, niệm Phật là niệm cả ba thân. Nếu riêng niệm Pháp thân Phật sẽ đắc Vô tướng Niệm Phật Tam Muội, nếu niệm Báo thân và Hóa thân Phật sẽ đắc Hữu tướng Niệm Phật Tam Muội. Hơn nữa, các kinh Hoa Nghiêm, Hiền Hộ, Bát Chu, Quán Phật Tam Muội Hải, Quán Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Thanh Vương, Văn Thủ Bát Nhã, v.v..., đều cho rằng quán (niệm) sắc thân³³ của Phật gọi là Niệm Phật Tam Muội. Kinh Hiền Hộ, quyển thứ nhất, nói: “Hành giả niệm Phật A Di Đà, sau khi thấy được Phật, được nghe ngài giảng rộng các pháp thực tướng, nghĩa là các pháp xưa nay vốn không có cái bị hoại diệt (sở), cũng không có cái hoại diệt (năng), sắc không hoại diệt, cho đến thức không hoại diệt, ..., cho đến không niệm Đức Phật A Di Đà. Như vậy, hành giả quán sát theo thứ tự, bền vững được Không Tam Muội. Thiện nam tử, đây gọi là Chánh Niệm Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội.” Căn cứ vào đây biết rằng trước tiên thấy được Đức Phật A Di tức là quán Báo thân và Hóa thân Phật mà chứng được Hữu tướng Niệm Phật Tam Muội, sau đó chứng được Không Tam Muội, tức là quán Pháp thân Phật mà chứng được Vô tướng Niệm Phật Tam Muội. Do ý nghĩa này biết rằng pháp Niệm Phật là từ thô thiển đến vi tế, trước tiên tu pháp quán Sắc thân, sau đó tu pháp quán Pháp thân. Đây là sự tu học theo thứ tự.

5. Trong định thấy sự khác biệt.

Hỏi: Vì lý do nào mà các hành giả chứng đắc Niệm Phật Tam Muội nhìn thấy cảnh giới khác biệt, hoặc có người thấy cõi Tịnh độ, nhưng không thấy Phật, hoặc có người thấy Phật, nhưng lại không thấy cõi Tịnh độ, hoặc thấy cõi Tịnh độ rồi được thấy Phật, hoặc có người đồng thời thấy cõi Tịnh độ và Phật, cùng thấy đủ loại hành tướng nghiệp báo của chúng sanh. Trong Niệm Phật Tam Muội

³³ Quán (niệm) sắc thân, tức là quán (niệm) Báo thân và Hóa thân của Phật.

cũng thấy được tất cả nghiệp thiện ác mà mình đã tạo trong hiện đời. Những cảnh giới thấy được là chân hay giả, mà làm sao thấy được? Xin trình bày giáo lý cho mọi người được rõ. (132)

Đáp: Tất cả những người tu đạo, bất luận tại gia xuất gia, nếu không y vào thánh giáo tu tập thì không phải là đệ tử Phật, mà là quyến thuộc của ma, không những là kẻ lừa dối thiên hạ, mà còn là tội nhân của nước nhà. Người ấy, trong hiện đời, vì cầu danh lợi, giả dạng tu hành, dụ dỗ mê hoặc những kẻ mê tín, trong đời vị lai sẽ bị đọa vào địa ngục Vô gián ở khắp mười phương, hại mình hại người, hủy diệt Phật pháp. Còn nếu y vào lời dạy của Phật mà tu học, đây tức là lợi mình lợi người, công đức thù thắng, đời này đời sau vĩnh viễn sẽ được giải thoát. Trong Kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài ở trước ngài Văn Thù Sư Lợi phát tâm Bồ đề, ngài Văn Thù Sư Lợi bảo: “Này thiện nam tử, ở phương Nam có nước Nhật Khả Lạc, có một ngọn núi tên là Hòa Hợp, trên núi có một tỷ kheo tên Công Đức Vân, con hãy đến đó hỏi cách nào tu Bồ tát hạnh, v.v...” Đồng tử Thiện Tài đi đến núi Hòa Hợp ở nước Nhật Khả Lạc, bái kiến tỷ kheo Công Đức Vân hỏi pháp tu Bồ tát hạnh. Tỷ kheo Công Đức Vân bèn dạy cho Thiện Tài pháp môn Niệm Phật Tam Muội, sơ lược có hai mươi một loại như sau: (1) Chứng được môn Tịnh Tâm Niệm Phật Tam Muội, tự tâm sáng suốt, thấy được tất cả chư Phật; (2) chứng được môn Nghiêm Tịnh Phật Sát Niệm Phật Tam Muội, khởi tất cả cõi Phật, không ai có thể phá hoại; (3) chứng được môn Tịnh Nghiệp Niệm Phật Tam Muội, thấy tất cả các nghiệp như ảnh trong gương; (4) chứng được môn Viên Mãn Phổ Chiếu Niệm Phật Tam Muội, thấy được tất cả chư Phật cùng hàng quyến thuộc trang nghiêm cõi nước, v.v... Hiện nay, chúng sanh tuy chứng đắc Niệm Phật Tam Muội, do căn cơ, hành trì nông cạn cho nên chưa chứng được đầy đủ tất cả môn Niệm Phật Tam Muội, có người chỉ chứng một môn, có người chứng hai môn, ba môn, v.v..., cho nên cảnh giới mà họ thấy được có rộng có hẹp khác nhau. Lại

cũng có người thấy được nhiều loại nghiệp tướng hiện tiền. Đây đều là cảnh giới của Niệm Phật Tam Muội. Đã có thánh giáo làm chứng cứ, y vào đó tu hành quyết chắc không phải là hư ngụy. Còn nếu hủy báng thì đó là kẻ báng pháp. Xin hãy tìm đọc kinh điển để giải trừ sự nghi hoặc.

6. Hạ căn đắc định.

Hỏi: Niệm Phật Tam Muội đắc được cảnh giới, hoặc thấy chư Phật Bồ tát, vô biên thánh chúng, hoặc thấy các cõi Tịnh độ của chư Phật vô lượng trang nghiêm. Những điều này đã có kinh điển giảng giải rõ ràng, không dám khởi tâm nghi hoặc. Hiện nay, các người tu pháp Niệm Phật, hoặc tăng hoặc tục, hoặc nam hoặc nữ, từ nhỏ đến giờ, chưa từng nghe pháp, hoặc tu tập, đối với kinh điển, một câu cũng chưa biết, lại có những người, hoặc đồng nam, đồng nữ tu tập chưa lâu, chưa hiểu rõ Phật pháp, tạm thời vào đạo trường, chí tâm niệm Phật, nếu nói với họ về việc được thấy chư Phật Bồ tát, hoặc thấy cảnh giới Tịnh độ trang nghiêm, thì cũng giống như nói đùa. Pháp Niệm Phật Tam Muội, các bậc cao tăng thạc học siêng cần tu tập còn chưa chắc chứng được, lẽ nào bọn trẻ con, hoặc những người tại gia ít học mà có thể chứng được hay sao? Chả lẽ pháp Niệm Phật Tam Muội này chỉ là hư ngụy (bày đặt)? (133)

Đáp: Hiện nay các hàng tăng tục đối với việc này đều sanh nghi ngờ. Nếu căn cứ vào lời dạy của Phật về thời vận và căn cơ chúng sanh, chúng ta cũng không lấy làm kinh ngạc. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, cũng như sau khi diệt độ, các đệ tử của ngài chứng đắc đạo quả số nhiều vô lượng trăm ngàn ức, hoặc có người chỉ nghe giảng kinh một lần mà được Pháp nhãn tịnh (sơ quả), hoặc đang lúc xuống tóc mà thánh đạo hiện tiền, hoặc đang quét dọn mà chứng quả A la hán, hoặc sa di mới bảy tuổi mà được Câu giải thoát, hoặc lấy tay vỗ đầu mà được chứng Tứ quả, v.v..., sự việc đồng như hý kịch. Các vị đó siêu

xuất tam giới, đoạn trừ hai hoặc khó đoạn là kiến hoặc, tư hoặc, chúng đắc quả vị khó chứng là Tứ sa môn quả. Trong kinh luận đều có dẫn chứng, chẳng lẽ chúng ta không tin vào những điều này. Đây đều là do trong đời quá khứ họ đã trồng thiện căn giải thoát, và cũng đã từng tu tập qua pháp này, cho nên đời này chỉ cần tạm thời nghe pháp, suy tư, hoặc gặp ít duyên cũng có thể đắc đạo. Căn cứ vào lời dạy trong Kinh Hiền Hộ: “Sau thời diệt pháp, trong khoảng một trăm năm, nhờ uy thần của Phật gia bị, kinh điển dạy về pháp Niệm Phật Tam Muội (Kinh A Di Đà) lưu hành rộng rãi, người nào như pháp đọc tụng, tu tập sẽ đắc được Vương Tam Muội (Niệm Phật Tam Muội).” Và lại, những người tu học Phật pháp có nhiều loại căn cơ, ví như những người có thể tư duy giáo nghĩa, đối chất biện luận, hiểu rõ tông thú tiệm đốn thâm sâu, giảng diễn giáo nghĩa bán tự mãn tự³⁴, trí tuệ ngôn từ biện bác tung hoành, nếu không phải là những người thượng đẳng như vậy, e khó hoằng dương diệu chỉ của pháp môn Niệm Phật Tam Muội. Lại có những người tinh thần chuyên nhất, tâm ngay hạnh trực, không ưa suy ngẫm, chỉ biết nhất tâm niệm Phật, ắt có thể thấy được Thế Tôn, không còn luyến tiếc thân mạng. Những hàng tại gia nam nữ, hoặc bọn trẻ con, nghe thiện tri thức dạy pháp Niệm Phật, tức khắc tin tưởng thọ trì, y theo lời dạy chuyên tâm quán niệm, không suy nghĩ mông lung, tâm dễ đắc định, nếu như suy tư nghĩ ngợi, tam muội khó thành. Cho nên vào đạo trường niệm Phật, các bậc danh tăng đại đức, học nhiều hiểu rộng, tu tam muội không thành, còn những người chỉ hiểu chút ít kinh điển lại mau đắc định. Từ xưa nay, các bậc đại đức tu tập thiền định, thường không cho phép nghe nhiều đọc nhiều, bởi những người ưa suy tư nghĩa lý, tâm thường tán loạn. Vì thế ở đây cũng chẳng lấy làm lạ, không màng thắc mắc. Tuy thế, những cảnh giới thấy được có thật có giả, hành giả phải nên nghiệm xét xem có phù hợp với lời Phật dạy hay không.

³⁴ Bán tự mãn tự: Pháp thế gian là bán tự, pháp xuất thế là mãn tự. Trong pháp xuất thế gian, Tiểu thừa là bán tự, Đại thừa là mãn tự.

7. Trong định thấy cảnh giới khó lường.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Môn Tịnh Nghiệp Niệm Phật Tam Muội thấy nghiệp của tất cả chúng sanh như ảnh hiện trong gương.” Không biết những nghiệp tương thấy được, có phải là đối tượng đó đã chết, đầu thai vào các nẻo, mà trong gương Tam muội vẫn còn thấy được? Điều này thật hay giả, khó mà giải thích. Nghiệp tương đó là bản chất hiện ra trong gương, hay do tự tâm giả biến hiện? Nghiệp thuộc về tư [tâm sở], làm sao thấy được? Ý nghĩa quả thật thâm sâu, kính xin giải bày ý chỉ. (134)

Đáp: Cảnh tượng của tam muội thật khó mà giải thích, không riêng đối với ý nghĩa này, mà đối với tất cả pháp khác cũng đều như vậy. Ví như người trụ tùy niệm thông (túc mạng thông), duyên vào cảnh quá khứ, cảnh giới của ngũ uẩn trong quá khứ sẽ hiện trước mắt. Cảnh tượng hiện tiền đó là cảnh tương nào? Nên biết cảnh tượng của ngũ uẩn quá khứ là bản tánh tướng, tùy vào uy lực của túc mạng thông duyên vào cảnh tương quá khứ, biến hiện ra tướng phần của ngũ uẩn quá khứ, bỗng nhiên, cảnh tượng giống như những gì đã xảy ra ở quá khứ hiện ra trước mắt. Đây gọi là sở duyên duyên. Pháp Niệm Phật Tam Muội cũng tương tự như vậy, hoặc là uy lực của tử sanh thông (tương tự như thiên nhãn thông) duyên cảnh tương vị lai của sự chết đây sanh kia. Tự tâm tướng phần của ngũ uẩn, nương vào sự tạo nghiệp sanh khởi quả báo của chúng sanh, theo thứ tự tương tục mà hiện ra trước mắt, hoàn toàn không sai lạc. Những nghiệp chướng được gây tạo là bản tánh tướng, là tăng thượng duyên, là sở duyên duyên, khiến cho sanh tử trí thông thấy được ảnh tượng của chúng. Ở đây cũng tương tự như vậy, tùy những tư nghiệp (ý nghiệp) phát động thân nghiệp và khẩu nghiệp, tích tập những công năng, khiến cho hành giả trụ trong tam muội thấy được ảnh tượng của những phước nghiệp hoặc ác nghiệp đã gây tạo, hoặc do tâm đại bi của Đức Như Lai

gia trì, ảnh hiện hình tướng, khiến cho hành giả trụ trong tam muội được thấy, để họ tinh tiến tu tập đoạn trừ phiền não. Các người tu học phải nên phát khởi lòng tin tưởng kính trọng sâu xa, chớ nên nghi ngờ. Cảnh giới của tam muội, cũng như cảnh giới của chư Phật, không phải là chỗ mà những phàm phu ngu tối có thể suy lường được.

8. Định cảnh chân thật.

Hỏi: Có người chứng đắc Niệm Phật Tam Muội, thấy được cảnh tướng thù thắng của cõi Tịnh độ Tây Phương, tuy thân chưa đến đó, nhưng đã thấy mình đang ở cõi Tịnh độ, hoặc thấy hoa sen đến tiếp dẫn vãng sanh. Không biết những cảnh giới hiển hiện đó là thật hay giả? (135)

Đáp: Cảnh giới này không phải giả. Như pháp quán thứ mười hai (Quán tự thân vãng sanh) trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, hành giả quán tưởng tự thân vãng sanh Tây Phương, quán tưởng mình ngồi kiết già trên tòa sen, quán tưởng hoa sen khép, hoa sen nở, v.v... Quán tưởng như vậy, lẽ nào có sự sai lầm? Trong Niệm Phật Tam Muội thấy tự thân vãng sanh cũng tương tự như vậy. Lại như trường giả Cấp Cô Độc đem vàng ròng lót đất mua vườn Kỳ Đà để lập tinh xá cúng dường Phật. Lúc ông và ngài Xá Lợi Phất đang đo kích thước để kiến trúc ngôi giả lam, thì trên không đồng thời hiện ra cảnh tướng của sáu cõi trời Dục giới. Ngài Xá Lợi Phất chỉ cho Cấp Cô Độc thấy, nhưng ông không hiểu ý nghĩa bèn hỏi. Ngài Xá Lợi Phất trả lời: “Đây là do công đức bố thí tinh xá chiêu cảm quả báo sanh về cõi trời. Ông muốn sanh về cõi trời nào, thì khi mạng chung cảnh tướng của cõi trời ấy sẽ hiện ra trước.” Trường giả nói: “Tôi chỉ có một thân, sau khi chết chỉ thọ một quả báo, nếu như sáu cõi trời hiện một lúc thì tôi phải sanh về cõi trời nào?” Ngài Xá Lợi Phất nói: “Ba cõi trời dưới phước báo kém cõi, hai cõi trời trên vô cùng phóng dật, chỉ có cõi trời Đâu Suất, tuy phước báo lớn, nhưng tâm thường biết đủ, lại có ngài Bồ tát Bồ xứ Di Lặc hiện

đang cư ngụ, ông có thể nguyện sanh về cõi đó.” Ông Cấp Cô Độc nghe xong bèn phát nguyện sanh về cõi Đâu Suất. Lúc ấy, năm cõi trời còn lại tự nhiên ảm đạm, chỉ riêng cõi trời Đâu Suất vẫn hiển hiện trên không. Cho nên tùy theo nghiệp thiện ác đã tạo tác mà quả báo sẽ hiện tiền, lúc lâm chung phần lớn các cảnh giới mà mình đầu thai sẽ hiện ra trước. Phải nên tin rằng gây nhân ắt gặt quả. Cảnh tướng hiện tiền, các hoa đài tùy theo phẩm loại sẽ hiện ra trước. Đây là điều đương nhiên, có gì phải nghi hoặc. Cần phải tin tưởng sâu xa vào đạo lý “nhân nào quả đó.”

9. Biết thật tam muội.

Hỏi: Những hàng giả chứng được Niệm Phật Tam Muội làm sao biết mình đã chứng đắc, có kinh điển nào để chứng minh không? (136)

Đáp: Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ có văn dẫn chứng. Kinh nói: “Phải nên quán tưởng, khiến cho tâm nhãn thấy được, thấy được cảnh giới này, tức là thấy được mười phương tất cả chư Phật. Do vì thấy được chư Phật, cho nên gọi là Niệm Phật Tam Muội.” Đây là chứng cứ. Bình thường, hành giả tuy tu tập các loại pháp môn, hiện nay vào đạo trường tu học tam muội này, bèn thấy được chư Phật. Nếu không chứng đắc tam muội, làm thế nào mà thấy được Phật. Hiện nay thấy được Phật, ắt là đã chứng được tam muội, cho nên kinh mới nói: “Vì thấy được chư Phật, nên gọi là Niệm Phật Tam Muội.” Ví như người bị bệnh mắt, được một vị y sĩ tài ba dùng kim vàng giải phẫu võng mô, sau đó vị y sĩ đưa ngón tay hỏi người bệnh thấy hay không thấy, nếu người bệnh nói không thấy, phải biết bệnh mắt của người đó chưa được trị lành. Giả sử, vị y sĩ đó tiếp tục giải phẫu, sau đó lại đưa ngón tay hỏi thấy hay không thấy, nếu người bệnh nói rằng thấy được ngón tay, phải biết là bệnh mắt của người đó đã được trị lành. Nếu như người bệnh không có mắt, thì làm sao thấy được ngón tay. Dùng việc thấy ngón tay

để suy nghiệm về những người mù được trị lành bệnh, thanh tịnh nhãn căn. Ở đây cũng tương tự, nếu không đắc được Niệm Phật Tam Muội (ví như mắt chưa được trị lành), làm sao thấy được các cõi Tịnh Độ của chư Phật, cùng thấy được những tướng hảo của thân Phật trang nghiêm. Dùng đây chứng nghiệm rằng hành giả (thấy Phật) chứng được Niệm Phật Tam Muội. Hành giả đó thường tu tập pháp này cho nên tam muội không mất, thường được thấy chư Phật và các thánh chúng. Nếu như bỏ phước không tiếp tục tu tập trong một thời gian dài, chạy theo ngũ trần, thì sẽ mất tam muội và sẽ không còn thấy được Phật và chư Bồ tát thánh chúng. Do đây biết rằng sự chứng đắc Niệm Phật Tam Muội ở trên phần lớn tương ứng với văn tuệ và tư tuệ, và không bắt buộc phải tương ứng với tu tuệ.

10. Tu tam muội được lợi ích.

Hỏi: Tu pháp Niệm Phật Tam Muội có được lợi ích gì, đắc được quả vị thù thắng nào? Kính thỉnh nêu ra kinh điển chứng minh để khuyến khích người tu, khiến họ mau được thành tựu kết quả thù thắng. (137)

Đáp: Sự lợi ích của pháp tu Niệm Phật Tam Muội nhiều vô lượng vô biên, được tường thuật trong các kinh Hoa Nghiêm, Hiền Hộ, v.v... Ở đây tuy không thể trình bày chi tiết, nhưng cũng sẽ nêu lên vài trường hợp để hành giả tăng trưởng lòng tin: thấy thánh chúng, nghe Chánh pháp, diệt tội nặng, sanh Tịnh độ, căn bản của các định, sẽ thành Phật. (1) Thấy chư thánh chúng: Kinh Hiền Hộ, quyển thứ nhất, nói: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngồi ngay hệ niệm, chuyên tâm quán tưởng Phật A Di Đà, tướng hảo như vậy, uy nghi như vậy, đại chúng như vậy, thuyết pháp như vậy. Ý như điều thấy nghe mà quán tưởng, nhất tâm miên mật, thứ tự không loạn, hoặc trải qua một ngày một đêm, như vậy cho đến bảy ngày bảy đêm, nhất định sẽ thấy Đức A Di Đà Như Lai. Nếu lúc thức không thấy, lúc ngủ sẽ thấy ngài trong giấc mộng. (2) Nghe Chánh pháp: Thấy Phật A

Di Đà, sẽ được nghe ngài giảng diệu pháp sâu xa, chẳng hạn, tất cả pháp xưa nay vốn không bị hoại diệt, ví như ngũ âm, sắc không bị hoại diệt, cho đến thức không bị hoại diệt. Nghe được những pháp Đại thừa sâu xa như vậy. (3) Diệt tội nặng: Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Tam muội này là thuốc trị lành cho tất cả hành giả phạm giới, là sự bảo hộ cho những người phá giới, là sự chỉ đạo cho những kẻ lạc đường, là mắt sáng cho người mù, là trí tuệ cho người ngu, là đèn sáng trong bóng tối, là vị mãnh tướng diệt trừ giặc phiền não.” Phần dưới của kinh nói: “Hôm nay, Đức Như Lai vì những chúng sanh trong đời trước ác vị lai, vì những tỳ kheo phạm giới, vì những người ác bất thiện, vì những người phạm ngũ nghịch, báng pháp, vì những kẻ hành mười sáu nghề ác luật nghi, v.v..., nói lên pháp trừ diệt tội chướng (khiến cho họ được lợi ích).” (4) Sanh tịnh độ: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Niệm Phật Tam Muội ắt sẽ thấy Phật, sau khi mạng chung sẽ sanh về cõi Phật... Thấy người sắp mất, khuyên họ niệm Phật... Đem tượng Phật đến trước mặt để họ (người sắp mất) chiêm ngưỡng, khởi lòng tôn kính.” Lại như, Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tu tập tam muội này, trong hiện đời sẽ thấy Phật Vô Lượng Thọ và được hai vị Đại sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm bạn thù thắng, sẽ ngồi đạo trường, sanh vào nhà chư Phật.” (5) Căn bản của các định: Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Niệm Phật Tam Muội là nơi xuất sinh của các tam muội khác.” (6) Sẽ thành Phật: Kinh Hiền Hộ nói: “Người đó trong đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Thiện Giác Như Lai... Lại nữa, Bồ tát Hiền Hộ hỏi Đức Phật một trăm hai mươi câu hỏi, như: ‘Bồ tát thành tựu đầy đủ tam muội nào để được đại công đức, v.v...’, nhận đến hỏi: ‘Làm thế nào chỉ cần tu hành trong khoảng một sát na mà có thể đến trước chư Phật mười phương, làm thế nào để trụ trong một cõi Phật mà có thể thấy được tất cả chư Phật mười phương, nghe được Chánh pháp, cúng dường chúng tăng,...’ Hành giả này chẳng những chưa chứng được lục thông xuất thế gian, mà ngay cả ngũ thông của phàm phu cũng chưa chứng được, cũng chưa xả bỏ thân phàm của thế giới này, cũng chưa được vắng sanh Tịnh độ của

chư Phật, mà chỉ ở thế giới này, thấy được chư Phật ở các thế giới khác, nghe được chư Phật tuyên thuyết Chánh pháp, thọ trì tất cả, y theo lời dạy mà tu hành. Ví như hiện nay, tôn giả A Nan ở trước Đức Phật, sau khi nghe lời giảng dạy, tất cả đều có thể thọ trì. Nay Hiền Hộ, có tam muội tên là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội, nếu Bồ tát tu tập đầy đủ tam muội này, sẽ được thành tựu tất cả công đức vừa được nêu trên. Hiền Hộ nên biết, còn có vô lượng vô biên các công đức khác, không thể nói hết.” Cho nên biết rằng công đức thù thắng của sự tu tập Niệm Phật Tam Muội nói không thể cùng tận.

11. Định học sâu cạn.

Hỏi: Theo như những lời vừa nêu trên, đặc Niệm Phật Tam Muội được lợi ích vô cùng. Thời nay những người học đặc Tam Muội này chẳng lẽ cũng có được vô lượng vô biên lợi ích như vậy? (138)

Đáp: Tam muội tuy giống nhau, nhưng sự chứng đắc có sâu cạn khác biệt, chứng sâu thì có thể đạt đến quả vị Phật đà. Sự lợi ích của tam muội đã được trình bày trong Kinh Hiền Hộ, phần Một trăm hai mươi vấn đáp. Cho nên kinh có nói: “Lại nữa, Bồ tát tu tập Niệm Phật Tam Muội sẽ được sự lợi ích như trong phần vấn đáp đã nêu rõ.” Hiện nay, các hành giả tuy chưa chứng đắc đầy đủ tam muội này, nhưng cũng tùy phần thu hoạch được nhiều công đức thù thắng. Ví như các long vương có thể làm mưa, đại long vương thì làm cơn mưa lớn, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, tiểu long vương thì làm cơn mưa nhỏ, phạm vi khoảng chừng vài dặm. Những cơn mưa này khiến cho cây cỏ được sanh sôi nảy nở, phạm vi tuy có lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều thấm nhuần vạn vật. Các hành giả tu tập trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), tuy trình độ có cao thấp khác nhau, nhưng tất cả đều có thể thấy Phật, đều có thể sanh vào nhà Như Lai.

12. Tổn hoại của sự phỉ báng và lợi ích của lòng tin.

Hỏi: Những người chưa thể tu tập Niệm Phật Tam Muội, nếu thấy người khác tu tập khởi lòng tin tưởng, tùy hỷ thì được những công đức nào? Còn nếu không tin, mà lại hủy báng thì bị những tội báo nào? Kính xin nêu rõ sự tổn ích để mọi người hiểu rõ. (139)

Đáp: Ở đây sẽ dẫn chứng rộng rãi kinh điển, trình bày rõ ràng sự tổn hại của việc báng pháp và sự lợi ích của việc tin pháp. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức trong Kinh Hiền Hộ nói về công đức của người tùy hỷ pháp tu Niệm Phật Tam Muội như sau: “Ví như có người thọ mạng một trăm năm, thân thể nhẹ bồng, khí lực dồi dào, đi nhanh như gió, người đó vừa sanh ra liền có thể đi khắp thế giới, vòng khắp mười phương, như thế, đi hoài không nghỉ, đủ một trăm năm. Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, khởi tâm tín kính, ở các thế giới mà người đó đi qua, trải đầy trân bảo, dùng đó cúng dường mười phương chư Phật, thì được phước báo vô cùng to lớn. Nhưng phước đức đó cũng không bằng một phần nhỏ của công đức tu tập Niệm Phật Tam Muội. Vì sao? Nay Hiền Hộ, vị Bồ tát ma ha tát tu tập Niệm Phật Tam Muội này, đầy đủ bốn loại tùy hỷ nêu trên, hồi hướng A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, vì cầu đa văn, thành Đẳng Chánh Giác. Nay Hiền Hộ, do nhân duyên này, đem trân bảo bố thí, so với công đức của sự tùy hỷ, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn vạn phần không bằng một, ức trăm ngàn phần không bằng một, cho đến toán số thí dụ cũng không so sánh được.” Công đức của sự tùy hỷ đã vô lượng vô biên, thì việc không tin, phỉ báng, tội cũng nhiều như vậy, vô lượng vô biên. Trong các kinh Đại Phẩm Bát Nhã, Pháp Hoa, Phật Tạng, v.v..., đều có nói rõ về tội báng pháp.

13. Niệm Phật trong phòng tối:

Hỏi: Không biết có phải là những hành giả tu Niệm Phật Tam Muội cần phải trang nghiêm đạo trường, an trí tượng Phật, tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới, ngày ăn một bữa, không tiếc thân mạng, chuyên tâm niệm Phật? Vì sao những vị đó ở trong phòng tối, đóng kín các cửa, lớn tiếng niệm Phật? Kinh điển có dạy điều này không? Việc này làm cho nhiều người sanh tâm nghi ngờ kinh quá. Kính xin giải bày phương pháp tu tập này cho mọi người được biết. (140)

Đáp: Tra cứu kinh điển, không thấy nói tường tận về các điều này, thế nhưng, hành giả tu tập, vào trong phòng tối (kín), dứt bỏ thấy nghe (việc thị phi), tâm lìa các trần duyên, các hành giả sơ cơ, nếu có thể chú tâm quán tưởng, dễ chứng đắc tam muội, nếu không thì tam muội khó bề thành tựu. Thông thường nghĩ tưởng đến việc khó khăn ngoài đời, nếu chưa giải quyết được, thường hay loạn tưởng phân vân, khó định tâm tu tập, cho nên phải một mình đóng cửa bế quan, hoặc nhắm mắt không nhìn, nhờ đây mà trở nên điềm tĩnh, dễ thành tựu những điều đã suy tư. Ở đây cũng giống như vậy. Nếu tâm tưởng loạn động, không thể nào thành tựu Niệm Phật Tam Muội, cho nên hành giả đóng cửa bế quan tu tập tam muội này, những người không tu tập nhân đây sanh nghi, còn những người đã tu tập qua thì biết đây là điều cần thiết. Ví như một người đang ở trong phòng, nhất tâm niệm Phật, bỗng nhiên từ một lỗ hồng trên tường, ánh sáng rọi vào, tâm người ấy liền duyên vào tia ánh sáng này, khởi lên ý tưởng lao xao. Nếu như bít kín lỗ hồng, không cho ánh sáng rọi vào, thì sẽ được nhất tâm bất loạn. Đây là điều mà những người tu tập biết đến, không phải là hành động quàng xiêng... Những kẻ sơ học, tâm chạy theo ngũ dục, bám víu lục trần, nếu như không trụ trong phòng tối, thì không cách nào tu tập tam muội thành công. Sau khi tu tập thành tựu, thì lúc đó muốn tu tập nơi nào tùy ý, không còn chọn lựa sáng tối, mà vẫn thường có thể thấy Phật, lúc đó đâu còn cần phải vào phòng tối mà tu niệm Phật nữa. Cho nên Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Người đó bị khổ bức, không còn rảnh để quán

(niệm) Đức Phật A Di Đà, thiện tri thức dạy xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, như vậy chí tâm, âm thanh không dứt.” Phải chăng là do sự khổ não bức bách, quán tưởng khó thành, chí tâm niệm danh hiệu Phật, âm thanh liên tục, thì được vãng sanh. Hiện nay lớn tiếng niệm danh hiệu Phật cũng giống như vậy. Niệm danh hiệu Phật, âm thanh liên tục, chứng đắc Niệm Phật Tam Muội, thấy được Đức Phật và thánh chúng rõ ràng hiện ra trước mắt. Kinh Đại Tập Nhật Tang nói: “Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.” Niệm lớn tức là niệm Phật lớn tiếng, niệm nhỏ tức là niệm Phật nhỏ tiếng. Đây gọi là thanh giáo, đâu có gì đáng nghi ngờ? Hiện thấy các người tu học, chỉ có cách niệm Phật lớn tiếng mới dễ thành tam muội, còn như niệm Phật nhỏ tiếng, tâm thường tán loạn. Đây là những điều mà những người tu học Phật pháp mới biết, còn những người ngoài đạo không thể hiểu được. Nếu ông không tin, hãy tu cho biết. Chớ nên không chịu tu tập mà chỉ biết khởi tâm nghi ngờ.

Phần XII: Biện biệt pháp sám hối bằng cách giập đầu đấm ngực

1. Biện biệt pháp sám hối bằng cách giập đầu đấm ngực.

Hỏi: Kinh nói: “Năm vóc sát đất (ngũ thể đầu địa), khẩn thiết sám hối.” Hiện nay, những người sám hối phần lớn đều dùng tay đấm ngực, không biết có kinh điển nào đề cập đến việc (đấm ngực) này không? Nếu cho rằng năm vóc sát đất tức là dùng tay đấm ngực, e rằng cách giải thích này lý lẽ không thông. Và lại, nói năm vóc sát đất đâu phải chỉ câu nệ vào việc năm vóc sát đất, giập đầu lạy Phật? (141)

Đáp: Kinh Quán Phật Tam Muôi Hải, phẩm thứ ba, nói: “Phật từ pháp tòa đứng dậy, bảo mọi người quán sát sắc thân của ngài. Trong nhóm dòng họ Thích, có năm trăm người thấy sắc thân của Phật giống như màu tro, trong nhóm tỳ kheo, có một ngàn người thấy sắc thân của Phật giống như màu đất nung, trong nhóm ưu bà tắc, có mười sáu người thấy sắc thân Phật giống như chân voi đen, trong nhóm ưu bà di, có hai mươi bốn người thấy sắc thân Phật giống như mực đen, trong nhóm tỳ kheo ni có một người thấy sắc thân Phật giống như bạc trắng, trong nhóm ưu bà di lại có một người thấy sắc thân Phật giống màu xanh lam. Như vậy, bốn chúng thấy sắc thân Phật không đồng, đều không thể thấy được sắc thân chân kim (vàng ròng) của Phật. Mọi người đều phát lộ sám hối, năm vóc sát đất, giống như núi đổ, tự bức râu tóc, lăn lộn trên đất, dùng tay đấm ngực, máu mũi chảy ròng, sám hối khiến tội tiêu diệt, mở được tâm nhãn, thấy sắc thân Phật đoan nghiêm vi diệu, như núi Tu Di, ánh sáng chói lòa, bao la như biển lớn.” Đây không phải là lời kinh chỉ bảo về cách sám hối (dùng tay đấm ngực) hay sao? Pháp sám hối bằng cách đấm ngực đâu phải là mọi người làm cần mà không có kinh văn dẫn chứng. Những điều ông vừa quở trách, đã có kinh văn làm chứng cứ, lẽ nào vẫn còn nghi ngờ?

Phuong Danh An Tong

Thich Nu Chuc Phuc
Thich Nu Nhu Nhu (Florida)
Thich Nu Nhu Hy
Bac Nam
Buu Ngoc
Chau Siu Duc, Chau Siu Huy
Chon An & Chanh Dat
Chung Hai (Ha Chau)
Chuong va Yen
Co Hai
Dang Thi Hiiep
Dan-Thanh Le Pham
Diệu Bằng
Diệu Bảo (cô Liên)
Diệu Đăng
Diệu Đáp
Diệu Hạnh
Diệu Hậu
Diệu Hiền (Đoàn Thị Hợi)
Diệu Hiệp
Diệu Hòa
Diệu Hòa (bà Nguyễn Cao Bình)
Diệu Hồng
Diệu Hương
Diệu Lan Chi
Diệu Liên
Diệu Nguyệt
Diệu Nguyệt
Diệu Quả
Diệu Quang Tôn
Diệu Thái
Diệu Thanh
Diệu Thiện
Diệu Thuận
Diệu Tĩnh
Diệu Từ

Diệu Tường
Đức Ngọc (cô Nghinh)
GD Điện Mỹ Lệ
GD Diệu Minh (Hạnh Bích)
GD Dương Ngọc Hoa
GD Huỳnh Tiêu Chân
GD Nguyễn Hải Hoàn và Đoàn Việt Thu
GD Phan Ngọc Bích và Đoàn Thúy Nga
GD Phan Nguyễn (Diệu Nga)
GD Quang Linh
GD Tào Thị Hương
GD Tâm Hòa
GD Tiêu Trương Tâm Hạnh
Hạnh Biển
Hạnh Châu
Hạnh Hiền (Diệu Hiền)
Hạnh Lâm & Brianna Đinh
Hạnh Liễu
Hạnh Minh (Tâm Diệu Lạc)
Hạnh Như (Ru Hwa)
Hạnh Thệ
Hạnh Triệt
Hạnh Vân
Hoa Ngọc
Hoàng Châu
Hoàng Chi & Hoàng Phi
Hoàng Duyên (Tư Kim Hoa)
Hoàng Dũng & Diệu Phượng
Hoàng Đăng
Hoàng Lạc
Hoàng Phúc & Hoàng Như
Hoàng Tâm & Diệu Nhân
Hoàng Tạng
Hoàng Truyền
Hùng Huỳnh
Huỳnh Thanh Phương
Jennyfer Ng
Không Hương

Lê Kim Chi
Liên Nguyễn
Lý Kiều
Minh Hạnh
Nguyễn Lộc
Nguyễn Niệm
Nguyễn Trúc
Nguyễn Thị Lan
Nguyễn Thị Tặng
Nhiệt Hạnh
Nhuận Đào
Nhuận Đạo
Nhuận Độ, Nhuận Hồng
Nhuận Hảo
Nhuận Mỹ
Nhuận Quán
Nhuận Tâm
Nhuận Thức
Nhuận Từ
Nicole Lê (Quán Nghiêm)
Nina Nguyễn
Pháp Hiền
Phi Phạm
Phổ Vân
Quán Diệu
Quảng Đàm
Quảng Huyền (Cầm Trần)
Robert Hồ
Siêu Phan
Tắc Tánh
Tâm Diệu
Tâm Tuệ
Tất Muội
Thái Khuê Thanh
Thanh Lạc
Thanh Tịnh (Lâm Hương)
Thân Liên
Thân Nghin Mại

Thiện Thủy
Thủy Ngọc
Tịnh Ngọc & Nguyễn Thái Bình
Trần Đệ Nguyên Tú, Trần Đệ Tú Mai, Trần Đệ Thương Mai
Trần Thị Dung
Trương Thị Bạch Lan, Trương Thị Bạch Loan, Trương Thị Bạch Phụng
Tuệ Hương (Trần Thị Ái Chi)
Tuệ Nhân
Viên Thu

Quý vị thí chủ trên đây cùng với gia đình quyền thuộc đóng góp tịnh tài để ân tổng kinh điển. Xin hồi hướng công đức cầu nguyện Phật pháp hưng long, Pháp luân thường chuyển, mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, chúng sanh an lạc.

Nguyện đem công đức này.
Hương về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sanh.
Đều trọn thành Phật đạo

- GD Điện Mỹ Lệ hồi hướng cho Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Cha Mẹ.
- GD Hoàng Chi & Hoàng Phi hồi hướng cho: Bà Phạm Kim Liễu (PD Liễu Tịnh), Justin Phạm (PD Hoàng Nhơn), Ryan Phạm (PD Hoàng Hải), cùng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Cha Mẹ.
- GD Hoàng Duyên (Tù Kim Hoa) hồi hướng cho mẹ là bà quả phụ Từ Tinh Tường, nữ danh Lý Kiều, PD Quán Hạnh
- GD Nina P. Nguyễn hồi hướng cầu nguyện hương linh phật tử Nguyễn Cao Mỹ, pháp danh Minh Nguyễn, được siêu sanh Tịnh độ.
- Pt. Diệu Đáp hồi hướng cho em Diệu Sáng.
- Pt. Hoàng Tặng hồi hướng cho Cha Mẹ, Thiện Huy và Ngọc Cơ, và Mẹ Chồng Lê Thị Hường.

Cẩn bạch: Nếu phương danh ân tổng thiếu sót hoặc nhầm lẫn, xin quý vị thí chủ niệm tình tha thứ.